làng văn

145
Tháng 9.96

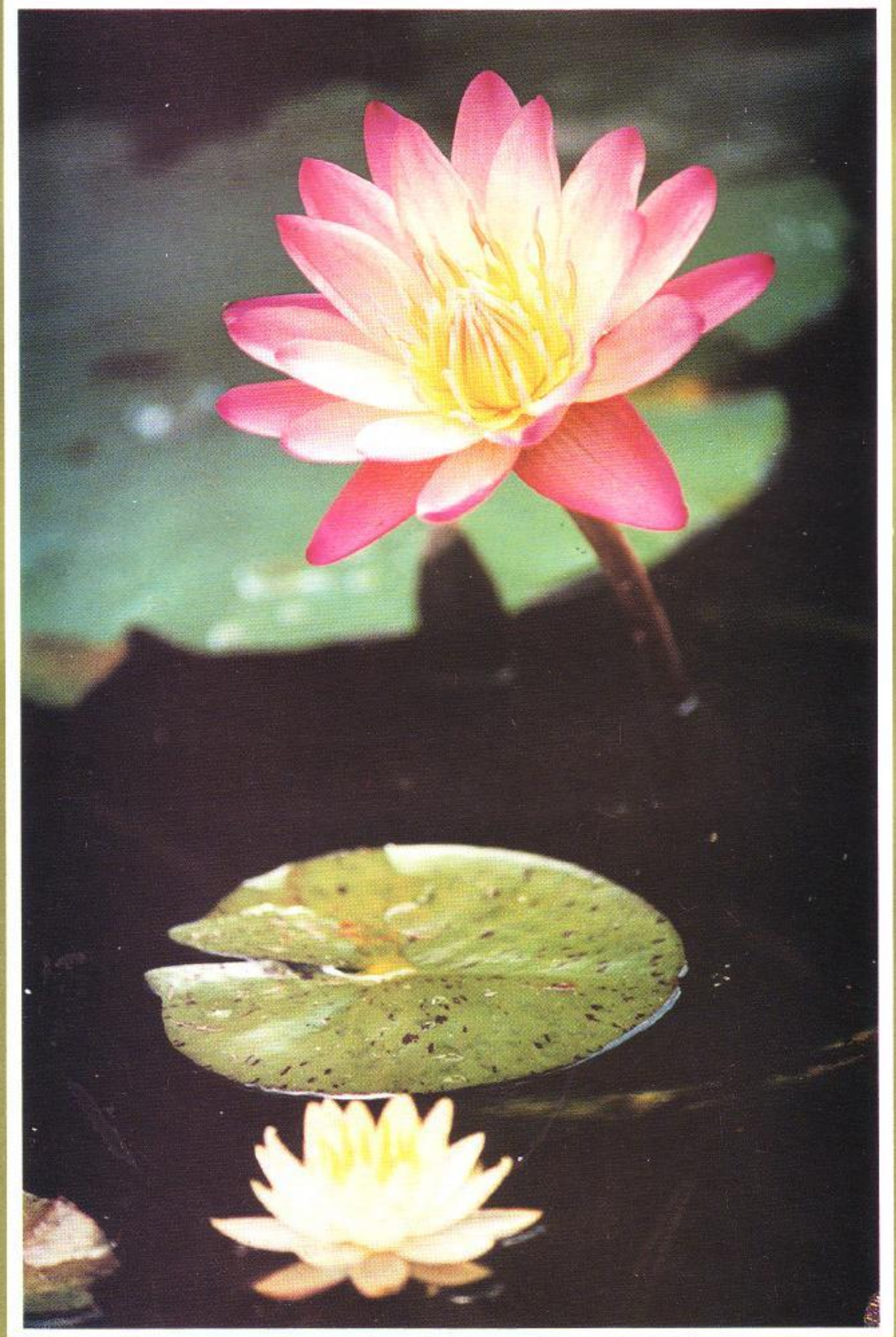

Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
Tel: (514) 849-1038

BROSSARD
Dr. **HOA T. NGO**, D.M.D.
Chirurgienne Dentiste
7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(Đối-diện Réno Dépôt)
Tel: (514) 926-8000

Tuyển-tập truyện ngắn
VÒNG TAY MẸ
của **PHƯƠNG HOÀI NAM**
nội-dung độc-đáo
trình-bày trang-nhã
US$10.00 - CA$ 14.00
Chi-phiếu: **Anh Huỳnh**
187 Frontenac,
Longueuil, PQ J4J 2E3
Canada

Hiệu Hoa **NGỌC NỞ**
Florist JARDIN ROYAL
Đầy đủ các loại HOA TƯƠI, VẢI
Spécialité
FTD
* Hoa Hồng, Lan, hoa Exotique
* ĐÁM CƯỚI: Thiệp cưới, Hoa cưới, vật dụng cưới hỏi.
* ĐÁM TANG: Hoa tang, Thiệp cảm tạ.
* Giỏ trái cây cho Noel, Cúng giỗ...
* Bong Bóng: cho Đám Cưới, Party...
- Hải của 7 ngày trong tuần -
(514) 735-3720
6255 Victoria ave.
Montréal, Québec Can

ALCO
INFORMATIQUE INC.
67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: **(514) 482-9153**

Chưởng khế / Notaire
NGUYỄN LAN HƯƠNG
1021 Clark, Montréal, H2Z 1K1
ĐT: **(514) 398-0855**

CÔNG TY ĐỊA ỐC ASIEBEC REALTIES
MUA NHÀ & BÁN NHÀ, CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI
ĐINH VŨ
(VICTOR)
(514) 862-2683
(514) 253-4694

Garage VINA Inc.
et
Les carosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Électricité - Remorquage
Débosselege - Peinture - Voitures de courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYỀN *kính mời*

Garage L.B.T. Inc.

6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713
Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-trì các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiểm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường
B.SC., A.V.C.
279 Place de la Poudière
Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tél: **(514) 767-2874**

Nhà hàng **GIÒNG SÔNG SÀI GÒN**
910 Boul. Décarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400
Đặc-biệt: Bánh cuốn tráng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Restaurant **Thùy Dương**
418 Bélanger (coin St-Denis), Montréal
ĐT: (514) 495-4872
Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

Quán **HƯƠNG QUÊ**
7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092

Đầy đủ các món ăn thuần-tuý Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Thi-tập đầu tay của Trương Chi,
trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt đẹp

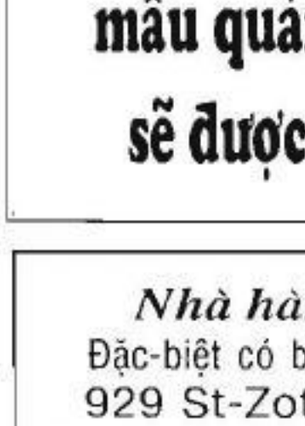

Liên lạc:
TRƯƠNG CHI
1750 Cr. Rousseau
Brossard, PQ J4X 1S7
Canada
Ấn-bản 1995
Canada: 10$
Nơi khác: 10$US

Đăng trên tạp-chí
làng văn
mẫu quảng-cáo của quí vị
sẽ được lưu giữ đời đời

Nhà hàng **Hạ Long**
Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

GIÁ BIỂU QUẢNG-CAO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô $120 TRỌN NĂM (12 KỲ); 2 Ô: $200 TRỌN NĂM (12 KỲ)
Muốn đăng, xin gọi: Nguyễn Bá Dĩnh (514) 482-9153 hoặc Nguyên Hương (905) 607-8010

làng văn

E-Mail: langvan@ilap.com
HOMEPAGE:
http://www.saigonnet.com/langvan/

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011

Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Published 12 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIII – No 145 – September 1996
Bộ 13 - số 145 - tháng 9, 1996

TRONG SỐ NÀY:

Đến lượt Nguyễn Hộ vỗ mặt, *Nguyễn Hữu Nghĩa*.....2
Tin vắn.....3
Trong làng.....10
Ngoài ngõ.....12
Tin tị-nạn.....13
Tin Việt-nam.....16
Tuyết thư, *Nguyên Hương*.....19
Tin văn xứ người, *Nguyễn Nhạn Sơn*.....21
Hiện-tượng khủng-hoảng bản-thể của các nhà văn Nga, *Sơn Tùng*...30
Những viên toàn-quyền Đông-dương, *Đào Đức Chương*.....32

VU LAN NGÀY MẸ:

Chiếc áo dài cuối cùng của mẹ, *truyện ngắn Cỏ Xưa*.....41
Vu Lan thắng hội, *thơ TT Mây Trên Ngàn*.....42
Thư gửi mẹ, *thơ Trần Ngân Tiêu*.....42
Lệ ngâu nàng Chúc, *thơ Vân Nương*.....45
Ngôi nhà của mẹ, *truyện ngắn Ngọc Duy*.....46
Từ mẫu, *thơ Lãm Thúy*.....48
Chiều hư-không, *thơ Tuệ Nga*.....50
Sinh-nhật của mẹ, *truyện ngắn Hoàng Hiền Thục*.....51
Kiếp đoạn trường, *thơ Phan Long Yên*.....52
Mẹ và con, *truyện ngắn Nguyên Khanh*.....53
Ngày con hai tuổi, *truyện ngắn Hoàng Du Thụy*.....55
Chân bố đau không, *thơ Nguyễn thị Lộc Quy*.....56
Ngũ ngôn, *thơ Phan Thịnh*.....56

BÀI THƯỜNG XUYÊN:

Bướm trắng tơ vàng, *truyện ngắn Hoàng Nga*.....57
Mưa, Hạ, Nhớ, *thơ E.P*.....58
Mùa hạ em về Huế, *thơ Nguyễn Văn Ngọc*.....61
Dấu cỏ trên đồi, *truyện ngắn Nguyễn Bá Dĩnh*.....62
Niệm, *thơ Vạn Lam;* Hóa kiếp, *thơ Vạn Giả*.....65
Gõ, *thơ Nguyễn Minh Nữu*.....65
Xóm cũ: Trong đầm gì đẹp bằng sen, *Nguyễn Văn Ba*.....66
Diễn-đàn, *Nguyễn Gia Tiến*.....70
Thơ chua: Lại hoà-hợp, phản-chiến , *Nam Chi Thượng Nhân*.....71
Đùa với lửa, *truyện dài Tống Minh Long Quân*.....72
Nghĩ chuyện ngàn sau, *thơ Phạm Quang Ngọc*.....75
Tháng bảy mưa ngâu, *thơ Trần Vấn Lệ*.....77
Mang xuống tuyền-đài, *truyện dài Hoàng Hải Thủy*.....78
Ru ta, *thơ Thiên Di*.....82
Độc-giả thắc mắc, *Bút Chì* 86
Đọc sách: Đọc thơ, *Tiểu Đăng*.....89
Khoa-học: Trốt xoáy, *Phạm Phong Dinh*.....96
Khảo-cổ: Văn-minh Olmec, *Nguyễn Nhạn Sơn*.....100
Tháng tám qua làng hành-quân cũ, *thơ Phan Trường Ân*.....102
Chém đá, *Sắc Không*.....103
Nhận được, giới-thiệu.....109
Thư đi tin lại, *Nguyên Hương*.....112

Ảnh bìa: *Mẹ và con* của Cung Vũ

Chủ-nhiệm: Nguyên Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyên Hương

Ban biên-tập:
Bút Chì - Cao Tiêu - Cung Vũ - Diên Khánh
Đào Trường Phúc - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Hải Thủy - Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiểm
Kiên Trung - Kha Huyền - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Mõ (Làng Văn)
Ngô Nguyên Dũng- Nguyên Nghĩa - Nguyên Phong
Nguyễn Bá Dĩnh - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Phong Dinh - Phạm Quang Ngọc
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Nguyễn Minh Minh
Sắc Không - Sơn Tùng - Tự Tỉnh
Tống Minh Long Quân - Tuệ Nga - Trần Văn Tích
Trần Vấn Lệ - Vạn Giả - Vân Nương - Việt Chi
Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:
Bạch Thái Hà - Bùi Hữu Trí - Cao Hoàng Nhân
Cao Xuân Lý - Diệu Tần - Dương Kim - Đan Hà
Đặng Thị Quế Phượng - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - E. Phương
Hoàng Du Thụy - Huỳnh Liễu Ngạn - Hứa Hoành
Lãm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Nam Chi Thượng Nhân - Ngô Du Trung
Nguyên Hưng - Nguyên Hương (Dallas)
Nguyên Khanh - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Văn Cường
Nguyễn Việt - Người Cali - Ông Thế Hùng
Phạm Tâm Phố - Phạm Thăng - Phan Long Yên
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Quỳ Hương
Thanh Hữu Huyền - Thanh An - Thảo Nguyên
Thủy Trang - Thúy Sơn - Trần Ngân Tiêu
Trần Mộng Lâm - Trần Thiện Hiệp - Trịnh Gia Mỹ
Trường Sơn Lê Xuân Nhị - TT Mây Trên Ngàn
Vạn Giả - Vi Vi - Việt Phong - Việt Phương
Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Vũ Tiến Dũng - Xuân Tước

Minh-hoạ: *Nguyễn Nhật Tân*

Góp tranh: *Babui - Hiếu Đệ - Minh*
Nguyên Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: *Lê Quang Xuân - Cung Vũ*

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà
Đức: Ngô Việt Dũng
Na-uy: Dương Kim
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương
Linh Phương (FL)
Phan Xuân Sinh (MA)
Québec: Nguyễn Bá Dĩnh
Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Úc: Phạm Quang Ngọc
Võ Thắng Tiết (CA)
Nguyễn Huy Phước (NJ)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố: *Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên, Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh.*

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim;
Pháp: 50 quan; Úc: 10$; Bắc Âu: 50 krone;
Nhật: 1000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim

Thể-lệ mua báo: trang 111 / Giá quảng-cáo: trang 120

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Sau Dương Thu Hương, Đến Lượt Nguyễn Hộ Vỗ Vào Mặt Những Đồng-Minh Khờ-Khạo

Nguyễn Hữu Nghĩa

Hơn một năm sau khi phổ-biến tập tài-liệu chỉ-trích chính-phủ Hà-nội, bốn tháng sau ngày tung ra hải-ngoại "lá thư xuân" kêu-gọi thành-lập Mặt Trận Dân Chủ, đúng vào lúc tiền Đại-hội 8 của đảng CSVN đạt được thỏa-hiệp, Nguyễn Hộ đã trở mặt.

Trong bức thư gửi Nguyễn Bá Long, người suy-tôn Nguyễn Hộ làm "chủ-tịch" Mặt Trận Dân Chủ, Nguyễn Hộ phủ-nhận *"từ đầu năm 1996 đến nay tôi không hề viết bức thư ngỏ nào gửi cho cộng-đồng người Việt ở hải-ngoại cả"* và nói thêm rằng *"chắc có ai đó ở hải-ngoại với động-cơ và ý-đồ gì tôi không rõ, đã mạo danh-tánh tôi, viết ra bức thư ngỏ ấy."*

Sau khi Nguyễn Hộ lên tiếng, "ai đó" cũng đã lên tiếng theo.

Đó là Nguyễn Gia Kiểng, một chính-khách nổi tiếng thay cờ như đào cải-lương thay áo, hôm 19.7.96 đã thay mặt nhóm Thông Luận, tuyên-bố: *"Chính chúng tôi đã phổ-biến thư ngỏ đó và không hề có vấn-đề mạo danh ông Nguyễn Hộ!"*

Theo các nguồn tin thân-cận của hai nhóm Thông Luận và Câu-lạc-bộ những người kháng-chiến cũ, Nguyễn Gia Kiểng và Nguyễn Hộ đã liên lạc với nhau trong việc chuẩn-bị bản tuyên ngôn dân chủ. Bản nháp do nhóm Thông Luận soạn. Nguyễn Hộ sửa chữa các đoạn nhằm bào chữa cho quan-điểm hòa hợp hòa giải dân-tộc, và đoạn kêu-gọi đấu-tranh bất-bạo-động. Nguyễn Hộ đã đồng ý với bản đúc-kết, nhưng không ký vào.

Chuyện này xảy ra trong giai-đoạn Nguyễn Hộ còn găng với Võ Văn Kiệt. Mặt Trận Dân Chủ, với Nguyễn Hộ, chỉ là kế *vô trung sinh hữu*, một con tẩy giả dùng để loè Võ Văn Kiệt trong việc mặc cả chính-trị. Tại Việt Nam, qua những cuộc tranh-luận gay-gắt và sau khi máu đã đổ trong hàng ngũ lãnh-đạo, các phe trong đảng CSVN đã đi tới một giải-pháp đồng thuận để sống còn. Võ Văn Kiệt quay lại "đồng thuận" với Câu-lạc-bộ kháng chiến và các nhóm Mặt Trận Giải-phóng Miền Nam cũ với mục-đích tập-trung thêm sức mạnh hầu tranh nhau với cánh quân phiệt Lê Đức Anh ở miền Bắc.

Được Võ Văn Kiệt nhìn lại, Nguyễn Hộ buông ngay nhóm Thông Luận, mà ông ta cũng hiểu là chỉ có cái vỏ, ngoài ra chẳng có chút thực-lực nào. Ngay từ cuối tháng 6.96, Nguyễn Hộ đã trở giọng ca-tụng Võ Văn Kiệt.

Nhờ tập-trung được sức mạnh miền Nam, họ Võ đã giữ được ghế thủ-tướng và cái đầu nằm nguyên trên cổ. Phần Nguyễn Hộ, chia chác được gì chưa biết, nhưng ông ta vội vàng vất ngay múi chanh Thông Luận xuống đất và nhổ bọt vào cái gọi là "Mặt Trận Dân Chủ" mà người ta đã công-kênh ông lên, đặt vào ghế chủ-tịch.

Sau vụ tự bạch Dương Thu Hương và phong-trào phản-kháng có giật dây, Nguyễn Hộ lại dạy thêm cho những người Việt quốc gia một bài học vỡ lòng về việc liên-kết với cộng-sản.

Bản-chất của người cộng-sản là lật-lọng. Trong hoàn-cảnh khó-khăn, họ có thể cùng đi với chúng ta một đoạn đường, chung lưng với chúng ta trong một thời-gian ngắn để chống lại kẻ thù quá mạnh. Cái khoảnh-khắc "hoà hợp" ngắn ngủi ấy vừa qua, họ sẵn-sàng thọc sâu mũi dao nhọn hoắt vào lưng kẻ đồng-minh giai-đoạn để độc chiếm quyền-lực.

Người cộng-sản vừa đấu-tranh vừa thỏa-hiệp, muốn thoả-hiệp phải đấu-tranh, muốn đấu-tranh phải thỏa-hiệp. Thỏa-hiệp để tiêu-diệt kẻ thù mạnh nhất; đạt được mục-tiêu cứu cánh xong phải thanh-toán ngay mục-tiêu phương tiện: tiêu-diệt những người họ vừa thỏa-hiệp.

Liên-kết với kẻ thù của địch để đánh địch, khai-thác sự mâu-thuẫn trong nội-bộ địch để phá địch, là một chiến-pháp thông-minh; nhưng tô vẽ kẻ tạm thời thỏa-hiệp như Nguyễn Hộ thành anh-hùng dân-tộc, chẳng những tự lừa mình mà còn phỉnh gạt quần-chúng, làm suy giảm niềm tin chính-nghĩa và gây thiệt-hại khôn lường cho hàng ngũ quốc-gia. Mong rằng bài học Nguyễn Hộ là bài học chót cho những chính khách tối dạ. ●

tin vắn

Kiên Trung phụ-trách

Nga tính chuyện hậu Yeltsin

Lễ nhậm chức tổng thống Nga của ông Boris Yeltsin đã được tổ chức giản dị, ngắn gọn ngày 9 tháng 8 tại Mạc tư khoa. Thế nhưng ngay trong buổi lễ, khi quan sát thần sắc của Yeltsin, người Nga đã phải nghĩ ngay đến việc tìm người kế tục vai trò của ông. Boris Yeltsin đã không hề xuất hiện trước công chúng suốt trong hai tháng trước lễ nhậm chức và sẽ phải đi an dưỡng tối thiểu thêm hai tháng nữa.

Lợi dụng cơ hội này, thủ lãnh phe cộng sản Gennady Zyuganov đã kêu gọi dân Nga chuẩn bị phản đối chính quyền (hay cướp chính quyền?) vào cuối năm vì Boris Yeltsin rõ ràng đã không còn khả năng cầm quyền. Cuộc tranh chấp quyền lực chắc chắn sẽ đem lại nhiều khó khăn cho công cuộc xây dựng kinh tế và dân chủ tại nước Nga vốn đang gặp trở ngại. Quốc Hội Nga vừa xác định rằng đương kim thủ tướng Viktor Chernomyrdin sẽ tạm thay quyền trong ba tháng nếu Tổng thống Yeltisn bị chết hay mất khả năng làm việc.

Hưu chiến tại Chechnya

Cuộc chiến tại Chechnya, tái diễn từ ngày 6 tháng 8 khi quân kháng chiến tiến công chiếm lại thủ đô Grozny, đã tạm thời lắng dịu ngày 17 tháng 8 khi hai phe Nga-kháng chiến quân Chechnya thoả thuận ngưng chiến 10 ngày.

Trước đó, sáng 6.8 các cuộc giao tranh dữ dội nhất tại Chechnya trong vòng 5 tháng nay đã bùng nổ với hàng trăm du kích Chechnya ly khai tấn công vào các lực lượng Nga tại Grozny và 2 thành phố Argun, Gudermes nằm trên trục lộ nối liền Grozny với Cộng hòa Dagestan tự trị.

Tại trung tâm thủ đô Grozny, những vụ đụng độ ác liệt đã diễn ra gần các công ốc của chính phủ Chechnya thân Nga. Những tiếng nổ của bích kích pháo và đại liên vang dội khắp thành phố. Cuộc chiến ác liệt nhất xảy ra gần nhà ga xe lửa. Phi cơ chiến đấu và trực thăng võ trang của Nga đã mở các phi vụ oanh kích các vị trí của du kích. Phe Chechnya ly khai tuyên bố là đã bắn hạ 5 trực thăng Nga và chiếm được vài đồn của cảnh sát. Đài truyền hình Nga loan tin các viên chức quân sự Nga cho biết là chưa có một công ốc nào lọt vào tay du kích quân ly khai. Theo ước lượng của Nga, có ít nhất 400 tay súng Chechnya với hàng chục xe thiết giáp yểm trợ cuộc tấn công. Phía quân Chechnya ly khai thì tuyên bố là cuộc tấn công được thực hiện bởi hàng ngàn quân du kích.

Đây là những cuộc giao tranh dữ dội và quy mô nhất của phe Chechnya ly khai tính từ tháng 3 đến nay. Hồi tháng 5 phe này đã ký thỏa ước đình chiến với Moscow, nhưng sau khi ông Boris Yeltsin tái đắc cử Tổng Thống Nga thì chiến tranh đã bùng nổ trở lại. Theo Moscow, Nga sẽ không gửi viện binh đến Grozny vì quân lực Nga trú đóng tại chỗ đã đủ để áp đảo phe ly khai. Còn phe Chechnya đòi độc lập thì cho biết vẫn sẵn sàng hòa đàm với Nga.

Tư lệnh quân kháng chiến Aslan Maskhadov và quyền chỉ huy trưởng lực lượng Nga tại Chechnya Konstantin Pulikovsky đã chính thức ban lệnh ngưng bắn cho các binh sĩ hai bên.

Ngay sau khi đưa tin này, các hãng thông tấn quốc tế lại loan tin hai phe tố cáo nhau vi phạm lệnh ngưng chiến. Tuy nhiên hai viên chỉ huy sau đó đã cam kết chỉ phòng thủ khu vực mình đóng quân chứ không phản công và đã đồng ý tổ chức một ban xem xét các vấn đề, bao gồm cả giải pháp chia quyền kiểm soát thủ đô Grozny (phần lớn đã nằm trong tay quân kháng chiến Chechnya).

Chỉ huy trưởng An ninh quốc gia, cựu tướng Alexander Lebed (người bỏ cuộc đua vào chức vụ tổng thống Nga giúp Yeltsin thắng cử), người được chỉ định trách nhiệm giải quyết vụ Chechnya, sẽ xem xét các đề nghị của ủy ban vừa kể.

Vừa thân hành đến quan sát chiến cuộc, A. Lebed đã đề nghị Tổng thống Yeltsin cách chức Bộ trưởng Nội vụ Anatoly Kulikov.

Theo Lebed, Kulikov đã phạm nhiều sai lầm trong việc giải quyết vấn đề Chechnya và có khả năng đưa khu vực này (gồm cộng hoà Ingushetia và Dagestan) vào một cuộc chiến tranh rộng lớn liên hệ đến cả vùng Caucase.

Pháp trục xuất, di dân tuyệt thực

Chính phủ Pháp trong những tháng gần đây đã thi hành nhiều biện pháp mạnh chống di dân nhập cảnh bất hợp pháp.

Đầu tháng 8, bộ trưởng Nội vụ Jean-Luois Debré đã cho thành lập một đội cảnh sát đặc biệt chuyên trách công tác tảo thanh người nhập cảnh lậu và các hãng xưởng thuê mướn nhân công không có giấy tờ cư trú hợp lệ.

Cuộc bố ráp của cảnh sát ngày 6 tháng 8 tại thủ đô Paris và vùng phụ cận đã bắt giữ hơn 200 người (phần lớn là người Hoa) làm việc trong các

xưởng may.

Tuyên bố về cuộc biểu tình phản đối của hơn ba trăm người gốc Phi châu (đang cư trú bất hợp lệ tại Pháp và đã có lệnh trục xuất), bộ trưởng Lebré nói nếu Pháp khuất phục trước áp lực này là làm nhục Quốc hội và tạo hy vọng hão huyền cho những người ở thế giới thứ ba muốn di cư lậu vào đất Pháp. Mười người trong số 300 người vừa kể đã tuyệt thực tại một nhà thờ ở Paris.

Tuy thế, ông Lebré đã cấp giấy phép cư trú cho 48 người có con cái sinh đẻ tại Pháp và ra lệnh cho nhân viên hữu trách tại các địa phương chỉ giải quyết cho những trường hợp thực sự có tính cách nhân đạo.

Bộ trưởng Quốc phòng Do thái sẽ gặp Arafat

Thành phố Hebron trong vùng West Bank, nơi có 400 dân Do thái và 100 ngàn dân Palestine, là một khu vực nóng bỏng từ khi quân đội Do thái rút bớt theo thoả ước với Palestine.

Để đối phó với các vụ bạo động tại đây, bộ trưởng Quốc Phòng Do thái Yitzhak Mordechai đã trình kế hoạch tái bố trí quân đội tại Hebron với tân Thủ tướng Netanyahu.

Diều hâu Do thái, Thủ-tướng Netanyahu, sẽ dẫn Trung Đông đi về đâu?

Phe Palestine phản đối quyết liệt dự định này của Do thái, Tổng thống Palestine Arafat đã gửi thư cho Tổng thống Clinton đề nghị Hoa kỳ làm áp lực buộc Do thái tôn trọng những gì đã cam kết trong thoả hiệp hoà bình ký dưới thời Rabin. Palestine tố cáo rằng Thủ tướng Do thái Netanayhu - người phản đối chủ trương "trả đất đổi lấy hoà bình" - đang phá hoại tiến trình hoà bình vùng Trưng Đông bằng cách tiếp tục cho dân Do thái vào định cư trong vùng West Bank và Gaza.

Tuần lễ giữa tháng 8, Do thái loan báo sẽ cử bộ trưởng Quốc phòng đi gặp Yasser Arafat. Đây là nhân vật quan trọng thứ hai của Do thái gặp gỡ phe Palestine kể từ ngày thủ tướng Netanyahu lên cầm quyền, người duy nhất trước đó là Ngoại trưởng David Levy.

Trước đây, Syria đã lên tiếng bác bỏ đề nghị của Thủ tướng Benjamin Netanyahu của Do Thái về việc mở lại hòa đàm và tuyên bố là đề nghị này không thực hiện được điều gì cho hòa bình cả.

Một nhật báo chính thức tại Syria ngày 6.8 loan tin rằng ông Netanyahu muốn thảo luận về vấn đề an ninh của Do-thái tại miền Nam Lebanon nhưng lại không muốn bàn về vấn đề rút quân Israel ra khỏi cao nguyên Golan. Theo báo này thì vấn đề hiện nay không phải là chuyện mở lại hòa đàm mà là những điều sẽ được đề cập tới trong các cuộc thương thảo.

Hòa đàm Do-thái và Syria đã bị bế tắc trước yêu sách của Syria đòi Do-thái phải trả lại cao nguyên Golan mà Do-thái đã chiếm giữ từ năm 1967.

Hôm thứ Hai 5.8, Thủ tướng Netanyahu nói rằng ông sẵn sàng mở các cuộc thảo luận với Syria về mọi vấn đề và đã nhờ Hoa Kỳ chuyển đề nghị của ông tới Syria. Ông Netanyahu đưa ra tuyên bố trên đây tại thủ đô Amman sau khi thảo luận với Quốc vương Hussein của nước Jordan.

Đình công lớn tại Úc

Các xưởng lọc dầu, sản xuất xe hơi và chai lọ ở bang Victoria của Úc đã phải đóng cửa vì cuộc đình công của thợ thuyền tại đây.

Công nhân các hãng xưởng đã đình công để phản đối những dự định thay đổi trong chính sách lao động. Chính phủ mới của Úc, gồm các đảng viên bảo thủ, lên cầm quyền từ tháng 3, đang đề xướng những thay đổi lớn lao trong luật lao động nhằm giảm bớt quyền lực của nghiệp đoàn.

Ở nhà máy sản xuất chai lọ của công ty BTR PLC, đình công đã trở thành bạo loạn, cần tới sự can thiệp của cảnh sát. Xưởng lọc dầu của công ty Shell Australia thiệt hại hàng triệu úc kim vì đình công; xưởng xe hơi Toyota cũng phải đóng cửa từ ngày 12.8, thiệt hại mỗi ngày 8 triệu Úc kim.

Các nghiệp đoàn lớn đã hô hào công nhân tổ chức cuộc phản đối lớn nhất nước từ trước đến nay trước trụ sở Quốc hội tại thủ đô Canberra.

Cảnh sát Đại hàn dẹp sinh-viên biểu tình

Chính phủ Đại hàn đã phải huy động đến 5.000 cảnh sát chống biểu tình để dẹp cuộc biểu tình bạo động của 3.500 sinh viên viện đại học Sonsei (Hán thành).

Tình huống gần giống như trường-hợp bạo-loạn của sinh-viên Sài-gòn bị cộng-sản giật giây vào những năm 60 trước đây.

Các sinh viên phát động cuộc xuống đường này từ đầu tuần lễ thứ ba của tháng 8, đòi... thống nhất với Bắc Hàn. Phe sinh viên trước đó đã đề nghị họ sẽ chấm dứt biểu tình nếu chính phủ cam kết không bắt giữ ai. Bộ trưởng Nội vụ Kim Woo-sok tuyên bố sẽ bắt không sót các phần tử bạo động và "xoá sạch" các tay chủ chốt trong lúc phát ngôn viên cảnh sát khẳng định sinh viên phạm luật, không thể bỏ qua và tất cả những ai tham dự đều sẽ bị điều tra.

Cuộc xuống đường nằm trong thông lệ tuần hành hàng năm của sinh viên Nam Hàn đòi thống nhất. Tại biên giới Bắc - Nam Hàn, cộng sản Bắc Hàn đã cho công nhân đứng hô hào khẩu hiệu "ủng hộ công cuộc tranh đấu của sinh viên miền Nam".

Chỉ sau năm ngày quần thảo, đã có hơn 1000 sinh viên và cảnh sát bị thương. Đến ngày 15 tháng 8 cảnh sát đã bắt giữ 1200 sinh viên.

Cũng tại liên quan đến Nam Hàn, biện lý toà án Hán Thành đã đề nghị án tử hình cho cựu Tổng thống Toàn Đầu Hoán và án chung thân cho cựu Tổng thống Lỗ Tài Vũ về tội tham-nhũng và lạm quyền trong thời-gian làm tổng-thống.

Lính Bắc Hàn chết đói

Một trung sĩ quân đội Bắc Hàn, 23 tuổi, đã trốn thoát sang Nam Hàn ngày 16 tháng 8. Trong cuộc họp báo tổ chức sau đó, người đào thoát tên Chang Chol-bong mô tả tình trạng đói kém của miền Bắc. Theo trung sĩ Chang, mỗi sư đoàn Bắc quân hàng năm có đến 10 quân nhân chết đói, số còn lại sống đói khát với khẩu phần hàng ngày chỉ có bánh mì và cháo bắp.

Toàn miền bắc Triều tiên hiện đang gặp khó khăn về lương thực trầm trọng. 8 tỉnh và 117 thị trấn quận huyện đã bị tàn phá vì các trận lũ lụt trong tháng 7. Mặc dầu kêu gọi quốc tế viện trợ nhân đạo khẩn cấp, Bắc Hàn vẫn lên án quốc tế là phỉ báng họ khi bị nhận xét rằng thiên tai chỉ làm nặng thêm các hậu quả của chính sách nông nghiệp tập thể.

Dân đảo ở Nhật kỷ-niệm ngày bị ném bom nguyên tử

Tại Nhật Bản hôm 6.8, các buổi lễ tưởng niệm nạn nhân bom nguyên tử Hiroshima đã được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 51 năm ngày Hoa Kỳ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống nước Nhật.

Tại Hiroshima, hơn 50.000 dân và những nạn nhân sống sót đã cử hành buổi lễ vào đúng 8 giờ 15 sáng, giờ địa phương, thời khắc quả bom nguyên tử nổ cách đây hơn nửa thế kỷ.

Đúng 51 năm trước đây, 30kg Uranium dội xuống Hiroshima có hình dạng một quả cầu lửa với đường kính 280 mét lao thẳng vào lòng đất cuốn đi nhà cửa và sự sống làm 80.000 người thiệt mạng tại chỗ, 4 tháng sau đó số nạn nhân đã vọt lên 200.000 người. Đó là chưa kể hàng chục ngàn nạn nhân vô danh của Little Boy.

51 năm sau, hơn 50.000 dân Hiroshima và những nạn nhân sống sót của Little Boy họp nhau lại để tưởng niệm những người đã ra đi. Hiroshima đã sống lại với thời gian của quá khứ. Hiroshima đã sống lại trong tiếng chuông hòa bình, trong lời nguyện cầu cho những người xấu số. Khi màn đêm đổ xuống, hơn 10.000 ngọn nến thắp sáng trong những chiếc thuyền giấy được thả trôi lênh đênh trên mặt nước. Mỗi ngọn nến tượng trưng cho một linh hồn đã bị cướp đi cách đây đúng 51 năm.

Thủ tướng Nhật kiện Thống đốc đảo Okinawa

Mâu thuẫn giữa chính phủ Nhật và chính quyền địa phương đảo Okinawa đã tăng thêm một mức khi Thủ tướng Nhật Ryutario Hashimoto yêu cầu toà án ra lệnh cho thống đốc đảo Okinawa phải tái gia hạn hợp đồng cho các căn cứ quân sự Hoa Kỳ tại đây.

Thực ra đây là lần thứ ba chính quyền trung ương Nhật phải làm việc này, lần thứ nhất hồi tháng 12.95, lần thứ hai hồi tháng 7.96. Thống đốc Masahide Ota đã nhân vụ lính Mỹ hiếp dâm học sinh Nhật trên đảo, biến thành một phong trào bài Mỹ. Ông tuyên bố thoả thuận giữa Mỹ và Nhật hồi tháng 4 về việc giảm bớt 1/5 diện tích của các căn cứ quân sự Mỹ trên đảo Okinawa chưa được dân đảo vừa lòng vì Okinawa vẫn phải chứa tới 75% tổng số các căn cứ quân sự Hoa Kỳ trên nước Nhật.

Dân Okinawa sẽ tham dự cuộc trưng cầu dân ý về số phận của các căn cứ quân sự Hoa kỳ trên đảo vào ngày 9 tháng 9 tới (sau ngày kỷ niệm một năm vụ tai tiếng của lính Mỹ ở đây).

Nam dương bị tố cáo đàn áp đối lập

Trong diễn văn đọc trước lễ kỷ niệm độc lập của Nam Dương, Thủ tướng Suharto nhận xét rằng cuộc xuống đường bạo động chống chánh phủ ngày 27 tháng 7 do thủ lãnh phe đối lập Megawati Sukarnoputri cầm đầu có nhuốm màu sắc cộng sản.

Đây là cáo buộc nặng nhất với phong trào đối lập. Người ta còn nhớ rằng đương kim Tổng thống Suharto lên cầm quyền từ năm 1965 sau khi dẹp tan âm mưu của cộng sản (đảng PKI) nhằm lật đổ tổng thống lúc đó là Sukarno (cũng thiên tả). Sau khi lên cầm quyền, Suharto đã phát động một chiến dịch rộng lớn truy quét cộng sản. Theo báo chí ngoại quốc, có đến nửa triệu người đã bị giết trong chiến dịch càn quét này.

Chính phủ Suharto, từ sau cuộc xuống đường bạo động, bị lên án là đàn áp đối lập, vi phạm nhân quyền. Chính phủ đã bắt hơn 150 người, gồm cả thủ lãnh Budiman Sudjatmitko của đảng tả phái bất hợp pháp và Muchtar Pakpahan, thủ lãnh một ngiệp đoàn.

Bà Megawati, con gái của cựu Tổng thống Sukarno, đã bị thẩm vấn nhiều lần tuy không bị truy tố. Ngày 27 tháng 7, những ủng hộ viên của Megawati (đảng Dân chủ Nam dương) xuống đường gây bạo loạn sau khi bị cảnh sát lùa ra khỏi trụ sở đảng ở thủ đô Jakarta.

Phe đối lập cho rằng cuộc bạo động là phản ứng của quần chúng trước nạn nghèo đói, tham nhũng, độc tài và thiếu tự do dân chủ.

Hôm 5.8 Hoa Kỳ đã yêu cầu Jakarta ngưng đàn áp phe đối lập bằng không thì Washington sẽ có biện pháp trừng phạt.

Liên Hiệp Âu Châu cũng chính thức phản đối vụ chính quyền Jakarta

bắt giữ gần 200 người thuộc phe đối lập, yêu cầu Nam Dương tôn trọng dân chủ và nhân quyền. Châu Âu đã đòi Jakarta phải cung cấp thông tin về số phận những người bị bắt và làm sáng tỏ vụ tống giam một lãnh tụ công đoàn độc lập bị buộc tội phản loạn.

Jakarta chưa có phản ứng chính thức trước những yêu cầu của Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu. Nhưng sáng 6.8, một viên chỉ huy cao cấp quân đội Nam-dương tuyên bố là từ nay binh lính sẽ dùng đạn cao su khi đàn áp các đoàn biểu tình.

Trong bài diễn văn nói trên, Suharto cũng ca ngợi quá trình 30 năm lãnh đạo Nam dương của mình. Ông chứng minh rằng dưới sự lãnh đạo của ông, Nam dương đã biến đổi từ một nước chậm tiến thành một quốc gia kỹ nghệ của châu Á, nơi thu nhập trung bình mỗi người dân hàng năm trên 1000 mỹ kim.

Trung Cộng tìm người cai trị Hương cảng

Sau cuộc họp với Ủy ban Chuyển Quyền của Hương Cảng tại Bắc Kinh, Ngoại trưởng Trung cộng Tiền Kỳ Sâm tuyên bố hai bên đã thoả thuận được thành phần nhóm có nhiệm vụ bầu lên người lãnh đạo tương lai cho Hương Cảng sau ngày 1.7.1997.

Ngoại-trưởng Trung Cộng Tiền Kỳ Sâm, Chủ-tịch Ủy-quan tiếp-quản Hương-cảng

Thông báo của Tân Hoa Xã cho biết tiến trình thực hiện và những giải pháp cụ thể sẽ được công bố tại Hương Cảng.

Sau ngày 1.7.97, Hương cảng sẽ trở thành một đặc khu hành chánh của Trung Quốc. Trước nay, chính phủ Trung cộng vẫn nhất quyết là họ sẽ giải tán Viện Lập pháp của Hương Cảng, thay vào đó bằng môt hội đồng lập pháp lâm thời. Tuy nhiên gần đây Tiền Kỳ Sâm, cũng là chủ tịch Ủy ban Tiếp quản Hương Cảng, đã hòa dịu hơn khi cho biết đảng Dân chủ Hương Cảng (nắm nhiều ghế trong viện Lập pháp) sẽ được phép tham gia Hội đồng Lập Pháp Lâm thời. Danh sách các thành viên Hội đồng Lập pháp Lâm thời sẽ được công bố trong tháng 12 tới.

Tại Hương Cảng, thủ lãnh đảng Dân chủ, ông Martin Lee, cho biết ông đã đề nghị thương thuyết chính thức với Bắc Kinh về tương lai Hương Cảng, gồm cả những bảo đảm pháp lý cho dân chúng và việc có duy trì Tối cao Pháp Viện của đảo quốc hay không. Đây cũng là một dấu hiệu mới. Trước nay, ông Martin Lee luôn luôn khẳng định các nghị viên của đảng ông trong Viện Lập pháp là do dân bầu để chống lại Hội đồng Lập pháp Lâm thời, bất cứ hình thức tham gia nào vào cơ cấu bất hợp pháp và bất hợp hiến này cũng là phản bội sứ mạng dân chúng Hương Cảng giao phó.

Miên: Ieng Sary đổ tội cho Pol Pot

Giữa tháng 8, Ieng Sary, nhân vật thứ hai của tổ chức Khmer Đỏ, đã gửi điện thư đến các cơ quan thông tấn quốc tế thông báo việc ông ta tách rời khỏi Pol Pot. Ieng Sary cũng cho biết, những "sư đoàn" du kích ly khai khỏi Khmer Đỏ đã chọn ông ta làm thủ lãnh để thực hiện sứ mệnh "hoà hợp dân tộc", xa lánh "ý thức hệ sai lầm" của Pol Pot, Ta Mok và Son Sen là những kẻ "chỉ biết nghĩ đến máu". Ieng Sary cũng đổ trách nhiệm chính trong tội ác diệt chủng của phe Khmer Đỏ trong những năm 75-79 cho Pol Pot: "Trong ba năm cầm quyền, Pol Pot ra lệnh giết người không suy nghĩ, chỉ tập trung vào việc củng cố quyền lực."

Tuần trước đó, đài phát thanh Khmer Đỏ đã thông báo việc tổ chức này lên án tử hình Ieng Sary về tội biển thủ 16 triệu Mỹ kim. Ieng Sary là em rể của Pol Pot, nhân vật trọng yếu thứ hai trong hàng ngũ Khmer Đỏ, giữ chức vụ ngoại trưởng trong chính quyền Kampuchia. Tên Ieng Sary nằm trong danh sách những kẻ bị tầm nã về tội ác diệt chủng ở Cam bốt, thế nhưng với màn hồi chánh này, đệ nhị Thủ tướng Cam bốt Hun Sen đang tỏ ý muốn cho y hưởng ân xá.

Điện thư của Ieng Sary xác nhận những nghi vấn của báo chí quốc tế từ hai tuần nay sau khi hai viên chỉ huy quân sự quan trọng của Khmer Đỏ dẫn khoảng 1000 lính ra đầu thú chính quyền Nam Vang. Cả hai đều được Hun Sen phong tướng. Lúc đó, người ta đã nghi ngờ là có cả Ieng Sary ra hồi chánh.

Lực lượng Khmer Đỏ hiện được đánh giá là còn khoảng từ ba đến bốn ngàn quân.

Hoa kỳ: Bob Dole và Kemp bám sát Clinton-Gore

Ứng-cử-viên tổng-thống Mỹ Bob Dole

Cuộc thăm dò ngày 17.8, một tuần lễ sau đại hội của đảng Cộng-hòa tại San Diego, ghi-nhận ứng cử viên tổng thống Mỹ Bob Dole đã thu ngắn khoảng cách giữa ông và đương kim tổng thống Bill Clinton.

Số liệu của cuộc thăm dò, do báo Newsweek thực hiện và đưa ra, cho thấy Bill Clinton được 44% ủng hộ trong lúc Bob Dole ở mức 42%.

Ông Dole lên điểm, nhờ hai yếu-tố, một là kế-hoạch giảm 15% tiền thuế, hai là chọn được một ứng cử viên phó tổng-thống hợp ý dân Mỹ: ông Kemp, một chính-khách vốn là ngôi sao sáng trên sân bóng bầu dục *(foot-ball)*.

Riêng ông Dole, được coi là người có thành-tích anh-hùng của Mỹ thời đệ nhị thế-chiến. Ông đã chiến-đấu và bị thương-tích suýt chết ở Ý. Dân Ý vẫn nhớ ơn ông. Một làng ở Ý, nơi ông Dole từng đóng quân đã mở hội mừng ông ra ứng-cử tổng-thống Mỹ.

Mặc dù hân hoan trước số liệu mới, chứng tỏ cuộc vận động đang tiến hành thuận chiều, các chuyên viên vận động tranh cử của đảng Cộng Hoà vẫn e ngại vì đại hội đảng Dân Chủ sắp diễn ra, cộng thêm các màn biểu diễn của ứng cử viên tỷ phú Ross Perot thuộc đảng Cải cách (Reform).

Với gia tài khổng lồ, Ross Perot có không ít quyền lực để bôi nhạt hình ảnh Bob Dole. Ông nhà giàu này đã lập đảng Cải-cách (Reform) và đã làm xong thủ-tục ứng-cử nội-bộ để được đảng đưa ra tranh chức tổng-thống.

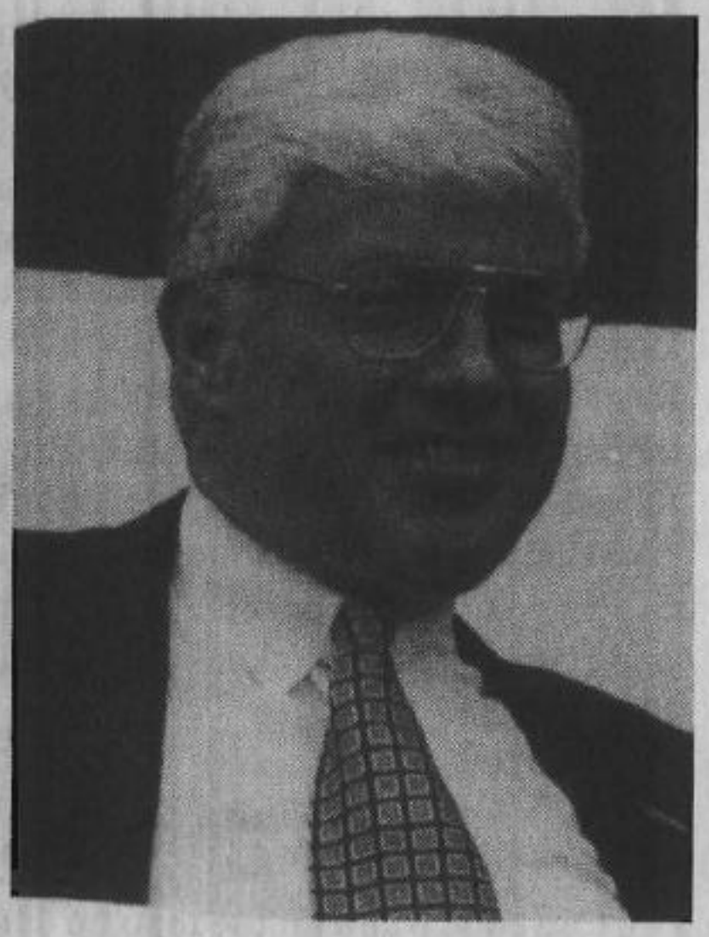

Ứng-cử-viên phó TT Mỹ: ông Kemp

Mễ tây cơ cách chức hàng loạt viên chức cảnh sát

Trung tuần tháng 7, chính-phủ Mễ tây cơ đã công bố lệnh cách chức và sa thải 737 cảnh sát viên và nhân viên cao cấp, chiếm 17% tổng số viên chức trong ngành này.

Trong cuộc họp báo công bố quyết định, bộ trưởng Tư pháp Mễ Antonio Lozano Gracia nói rằng cuộc thanh lọc này nhằm củng cố niềm tin của dân chúng đối với lực lượng cảnh sát quốc gia. 737 người, gồm nhân viên thường và chỉ huy các cấp, bị cách chức và sa thải vì không có tư cách đạo đức mà xã hội và lực lượng cảnh sát đòi hỏi. Quyết định này được Tổng thống Ernesto Zedillo ủng hộ.

Nhật hòa với Đài-loan

Bộ Ngoại giao Đài Loan cho biết hai nước Nhật Bản và Đài Loan đã đạt đến một thỏa thuận cho phép tàu đánh cá Đài Loan được quyền khai thác cá trong khu vực vùng biển quanh nhóm đảo nhỏ Ngư Đảo (theo Trung Hoa) hoặc Senkaku (theo Nhật Bản).

Nhóm đảo nhỏ này được lực lượng Hoa Kỳ chuyển lại cho phía Nhật Bản cùng với quần đảo Okinawa hồi năm 1972, nằm cách Okinawa 120 dặm về phía nam cũng như cách Đài Loan về phía bắc từng ấy dặm. Ngư phủ Đài Loan đã tỏ ra bất bình về thỏa thuận trên đây vì nó ngăn cản họ không được lên đảo để lấy nước ngọt.

Cách đây ít lâu một nhóm người Nhật hữu khuynh đã thiết lập một hải đăng trên Ngư Đảo, và căng thẳng càng gia tăng khi chính phủ Nhật Bản mở rộng vùng lãnh hải đặc quyền kinh tế 200 dặm chung quanh nhóm đảo Senkaku hồi tháng rồi. Trung Quốc và Đài Loan đều lên tiếng đòi chủ quyền đối với nhóm đảo nhỏ này.

Ba-tư, Libya và đồng-minh của Mỹ lên án Mỹ

Ba-tư và Libya đã cực lực tố giác một đạo luật mới của Hoa Kỳ cho phép trừng phạt những công ty nào đầu tư khai thác dầu khí tại hai nước này. Đại Sứ Ba-tư tại Liên Hiệp Quốc nói rằng đạo luật mới này sẽ chỉ ngăn chận không cho các công ty của Hoa Kỳ được tham gia vào các dự án mang lại nhiều lợi lộc. Thông tấn xã chính thức của Libya nói rằng đạo luật D'Amato này rồi sẽ thất bại vì đi ngược lại luật lệ mậu dịch tự do của thế giới.

Nhật Bản và các đồng minh của Mỹ tại Châu Âu đều phản đối đạo luật D'Amato được Tổng thống Bill Clinton ký ban hành ngày thứ Hai 5.8. Pháp, Anh, Đức, Ý đã chính thức lên án Washington, và đe dọa sẽ có biện pháp trả đũa. Liên Hiệp Âu Châu bắt đầu soạn thảo nghị quyết trong chiều hướng này. Ngay cả Thụy Sĩ cũng lên án Hoa Kỳ là không tôn trọng chủ nghĩa tự do kinh tế. Nhật Bản tuyên bố là Washington ban hành một đạo luật đáng tiếc, rất có thể đi ngược lại luật lệ của Tổ chức Mậu Dịch Thế Giới.

Hoa Kỳ muốn làm nản lòng những ai định đầu tư vào Ba-tư và Libya, vì hai nước này là những quốc gia bảo trợ hàng đầu cho nạn khủng bố quốc tế. Đạo luật D'Amato nhắm trừng phạt những công ty ngoại quốc nào đầu tư mỗi năm vượt quá 40 triệu đô-la vào các dự án khai thác dầu khí tại Iran hoặc Libya. Có hai biện pháp trừng phạt: một là Hoa Kỳ sẽ ngăn cấm toàn bộ mọi hàng hóa xuất cảng của công ty này vào Hoa Kỳ. Hai là ngăn cấm Chính phủ Liên bang mua hàng hóa hoặc dịch vụ của công ty bị trừng phạt. Các cơ quan tài chính của Hoa Kỳ không được cung cấp cho công ty này khoản tín dụng nào vượt quá 10 triệu đô la. Ngân Hàng Exim Bank, cơ quan tài trợ các ngành xuất cảng Hoa Kỳ, sẽ không trợ giúp tài chính cho công ty bị trừng phạt. Cuối

cùng là cấm không được chuyển giao công nghệ học của Hoa Kỳ cho công ty bị trừng phạt. Tuy nhiên đạo luật d' Amato cũng cho phép Tổng Thống Hoa Kỳ quyết định trì hoãn thi hành đạo luật trong vòng 3 tháng.

Lính Mỹ tại Saudi Á-rập

Các giới chức Mỹ tin rằng mục đích của quân khủng bố ở Saudi Arabia là nhằm đẩy quân đội Hoa Kỳ ra khỏi vùng Vịnh Ba Tư. Để chống lại ý đồ này, Hoa Kỳ và các đồng minh Ả Rập bắt đầu thực hiện một chương trình bảo vệ tốn kém hàng trăm triệu đô la, chủ yếu tập trung tại Saudi Arabia, nơi mà quân khủng bố đã tấn công các cơ sở của quân đội Hoa Kỳ hồi tháng 11.1995 và tháng 6.1996 làm 24 lính Mỹ thiệt mạng.

Trong vụ đặt bom ở Dhahran, quân khủng bố đã sử dụng đến 1 tấn chất nổ. Số lượng này đã làm sửng sốt các viên chức Mỹ và Saudi Arabia, khiến họ phải duyệt xét lại vấn đề an ninh tại nơi mà trước đó được coi là yên ổn đối với người Mỹ.

Theo thỏa hiệp ký kết giữa hai Bộ trưởng Quốc phòng của hai nước, hầu hết 5.000 quân nhân Mỹ tại Saudi Arabia được dời tới hai doanh trại kiên cố hơn. Khoảng 4.000 quân nhân thuộc Không lực Hoa Kỳ sẽ chuyển từ Dhahran và Riyadh về một căn cứ tại Al Kharj nơi vùng sa mạc xa xôi hơn. Khoảng 1000 quân nhân Mỹ khác, kể cả các cố vấn cho quân lực Saudi Arabia, sẽ được bảo vệ an ninh hơn tại ngay Riyadh, trong khi thân nhân của họ phải trở về Hoa Kỳ.

Ngoài Saudi Arabia, Hoa Kỳ có 1 tiểu đoàn trú đóng tại Kuwait, đặt các thiết bị quân sự tại những nước khác trong vùng Vịnh, một hạm đội khoảng 20 chiến hạm kể cả 1 hàng không mẫu hạm. Tổng số nhân viên quân sự Mỹ trong khu vực lên tới 23.000 người.

Hiệp ước chống thử bom nguyên-tử

Các cuộc thương thuyết kéo dài gần 3 năm qua về hiệp ước cấm thử nghiệm vũ khí nguyên tử đang đi đến giai đoạn quyết liệt tại Geneva, Thụy Sĩ. Giới chức kiểm soát vũ khí của 61 nước đang tìm cách hoàn tất hiệp ước để kịp thời đưa ra ký kết vào tháng 9 tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên, nhiều vấn đề vẫn chưa được giải quyết.

Vị Chủ tịch của hội nghị tìm cách giải quyết những điểm bất đồng nhưng ông chưa cho thấy dấu hiệu nào chứng tỏ những mâu thuẫn đã được san bằng. Đa số đại biểu sẵn sàng chấp thuận bản dự thảo hiệp ước, và nhiều nước cảnh cáo rằng mở lại các cuộc thương thuyết về bất cứ điểm nào cũng có thể đe dọa đến toàn thể hiệp ước. Trong mấy ngày qua, những cuộc thương thảo tập trung vào những đòi hỏi của Trung Quốc và Pakistan về phương cách kiểm chứng, tức thủ tục thanh sát tại chỗ trong trường hợp một chính phủ bị nghi ngờ vi phạm hiệp ước.

Theo bản dự thảo hiệp ước thì những vụ thanh sát tại chỗ sẽ diễn ra sau khi có sự chấp thuận của một đa số quá bán các thành viên trong Ủy Ban Chấp Hành đặc trách theo dõi việc tuân thủ hiệp ước. Trung Quốc và Pakistan thì muốn phải có sự đồng ý của 2/3 thành viên trong ủy ban này. Các nước khác chống đối mạnh mẽ đề nghị của Trung Quốc và Pakistan, nhưng vì nguyên tắc nhất trí được áp dụng cho cuộc thương thuyết tại hội nghị Geneva cho nên chỉ cần một phiếu chống cũng có thể ngăn chận việc thông qua dự thảo hiệp ước.

Các nguồn tin ngoại giao từ hội nghị Geneva cho biết các giới chức Hoa Kỳ và Trung Quốc đã tham khảo ý kiến nhau về vấn đề này, nhưng không bên nào đưa ra lời tuyên bố.

Một trở ngại lớn hơn nữa là việc Ấn Độ nhất quyết đòi thay đổi điều kiện để cho hiệp ước trở thành có hiệu lực. Bản dự thảo quy định rằng hiệp ước phải được tổng cộng 44 nước, kể cả Ấn Độ, phê chuẩn trước khi trở thành có tính cách bắt buộc. Ấn Độ coi đây là một âm mưu buộc nước này phải chấp thuận một hiệp ước mà Ấn Độ bác bỏ vì nó không bao gồm điều kiện do nước này đưa ra là phải ấn định thời điểm rõ ràng cho việc hủy bỏ tất cả các loại vũ khí nguyên tử trên toàn cầu.

Cho đến giờ phút này người ta nghi ngờ hội nghị Geneva về giải trừ vũ khí hạt nhân sẽ lâm vào bế tắc và mục đích của hội nghị sẽ không đạt được như ý muốn của các cường quốc nguyên tử Tây phương.

Nga đưa ra chiến-đấu-cơ mới

Thông tấn xã Nga Itar-Tass loan tin Liên bang Nga đã chế tạo thành công một loại phản lực cơ chiến đấu tân kỳ và hy vọng sẽ có thể sản xuất hàng loạt trong nay mai.

Theo hãng tin này thì các chuyên viên hàng không cho biết hiện nay chưa có loại máy bay nào trên thế giới có thể so sánh nổi chiếc SU-37. Phi cơ này có khả năng trang bị 14 hỏa tiễn không đối không và chở được khoáng 8 tấn thiết bị tác chiến. Phi cơ bay với tốc độ 2500 km/giờ ở tầm cao và bay liên tục 7000 km khi được tiếp tế nhiên liệu một lần. Bộ Quốc Phòng Nga đang xin tài trợ để sản xuất chiếc SU-37, nhưng không biết ngân sách eo hẹp của Nga có đủ khả năng tài trợ hay không.

Thế vận hội Atlanta bế-mạc

Các cuộc tranh tài thể thao tại Thế Vận Hội đệ bách chu niên Atlanta đã

kết thúc với một đêm nhạc hội khiêu vũ và truyền thống đầy màu sắc bao gồm các lực sĩ, khán giả, và các viên chức kể cả Phó Tổng thống Mỹ Al Gore. Trong liên hoan cuồng nhiệt của lễ bế mạc, đã có vài giây phút yên lặng trầm buồn để tưởng niệm những nạn nhân của vụ khủng bố tại công viên Olympic Đệ Bách Chu Niên. Sau đó ca sĩ Steve Wonder trình bày bài hát *Imagine* của John Lennon (một ca nhạc sĩ quá cố trong ban hợp ca nổi danh The Beatles), một ca khúc mang đầy tính lý tưởng mô tả một thế giới trong đó mọi người chung sống hòa hợp.

Tuy lễ bế mạc ngắn ngủi và kém vĩ đại hơn lễ khai mạc, nhưng cũng tưng bừng với những màn pháo bông đầy màu sắc, những màn trình diễn huy hoàng và với buổi trao tặng huy chương truyền thống cho những người chiến thắng cuộc chạy marathon. 85.000 khán giả và lực sĩ có mặt tại vận động trường chính để chứng kiến những giây phút cuối cùng của một Thế vận hội được coi là vĩ đại và đáng ghi nhớ với sự tham dự của gần 11.000 lực sĩ thuộc 197 nước hội viên.

Chủ tịch Ủy Hội Olympic Quốc Tế Juan Antonio Samaranch tuyên bố trong diễn văn bế mạc rằng Atlanta đã hoàn thành nhiệm vụ một cách mỹ mãn. Ông cũng nhắc tới những nạn nhân của vụ khủng bố tại Atlanta năm nay và tại Munich (Đức) năm 1972. Khi nói rằng không một hành động khủng bố nào từ trước tới nay và sau này có thể phá hoại phong trào Olympic, ông đã được mọi người quanh vận động trường hoan nghênh nhiệt liệt.

Ngọn đuốc Olympic tại vận động trường đã được tắt đi và cờ Olympic được từ từ hạ xuống để Thị trưởng Bill Canpbell của Atlanta chuyển giao cho Thị trưởng Frank Sartor của thành phố Sydney, Australia, nơi tổ chức Thế vận hội mùa hè năm 2000.

Tổng kết thành tích tranh tài:

1) Hoa Kỳ: 101 huy-chương gồm: gồm 44 Vàng, 32 Bạc, 25 Đồng.

2) Đức: 65 huy chương gồm 20 Vàng, 18 Bạc, 27 Đồng.

3) Nga: 63 huy chương gồm 26 Vàng, 21 Bạc, 16 Đồng.

4) Trung Cộng: 50 huy chương gồm16 Vàng, 22 Bạc, 12 Đồng.

5) Úc: 40 huy chương gồm 9 Vàng, 9 Bạc, 22 Đồng.

6) Pháp: 37 huy chương, gồm 15 Vàng, 7 Bạc, 15 Đồng.

7) Ý: 35 huy chương, gồm 13 Vàng, 10 Bạc, 12 Đồng.

8) Nam Hàn: 27 huy chương, gồm 7 Vàng, 15 Bạc, 5 Đồng.

9) Cuba: 25 huy-chương, gồm 9 Vàng, 8 Bạc, 8 Đồng.

10) Ukraine: 23 huy-chương, gồm 9 Vàng, 2 Bạc, 12 Đồng.

- Gia-nã-đại kém Ukraine 1 huy chương, lọt khỏi danh sách " mười nước dẫn đầu, được xếp hạng thứ 11 với 22 huy chương gồm 3 Vàng, 11 Bạc, 8 Đồng.

- Hòa-lan hạng 14, với 19 huy-chương: 4 Vàng, 5 Bạc, 10 Đồng.

- Anh-quốc hạng 19, với 15 huy-chương gồm 1 Vàng, 8 Bạc, 6 Đồng.

- Nhật hạng 21, với 14 huy-chương gồm 3 Vàng, 6 Bạc, 5 Đồng.

Có tất cả 79 nước đoạt được huy chương tại Olympic Atlanta 1996 (so với tại Barcelona 1992 chỉ có 64 nước) trong đó 9 nước đoạt mỗi nước 1 huy chương Đồng: Ấn Độ, Do-thái, Lithuania, Mễ-tây-cơ, Mông Cổ, Mozambique, Puerto Rico, Tusinia và Uganda.

Có 5 nước, mỗi nước chiếm được 1 huy chương Bạc là Azerbaijan, Bahamas, Latvia, Phi-luật-tân, Đài Loan.

Có 5 nước, mỗi nước chiếm 1 huy chương Vàng, là Burundi, Costa Rica, Ecuador, Hương-cảng, Syria.

Các nước Đông Nam Á chiếm huy chương gồm có:

-Nam dương: 1 Vàng, 1 Bạc, 2 Đồng.

- Thái-lan: 1 Vàng, 1 Đồng.

- Mã-lai: 1 Bạc, 1 Đồng.

Có tất cả 118 nước không đạt được một huy chương nào.

Nước CHXHCN Việt-nam 73 triệu dân, nằm trong danh sách "không được gì cả"; trong khi đó cộng-đồng người Việt hải ngoại chỉ 2 triệu người, có ít nhất 6 thể-tháo-gia đã mang lại một số thành quả rỡ ràng cho đất nước nơi họ tạm dung.

Cô Catherine Fox, 19 tuổi, con lai, hai lần đoạt huy-chương vàng bơi lội toàn đội. Cô Phương Trinh vào được vòng hai Nhu đạo. Nguyễn Thành, lực sĩ cử tạ. Lê Lan Nhi, lực-sĩ đấu nhuyễn kiếm. Tất cả 4 người này đại diện cho Mỹ. Ngoài ra, có Nguyễn Jimmy, lực sĩ cử tạ, đại diện cho Úc●

trong làng

Hai thi-sĩ Phan Xuân Sinh và Dư Mỹ ra mắt sách

Hai thi-sĩ Phan Xuân Sinh và Dư Mỹ đã ra mắt thi-phẩm chung *Chén rượu mời người* tại thành-phố Boston, tiểu-bang Massachusetts, Hoa-kỳ hôm thứ Bảy 10.8 vừa qua. Buổi sinh-hoạt diễn ra trong không-khí ấm-cúng và thân-mật; nhà thơ Trần Trung Đạo giới-thiệu chương-trình.

Ngoài các bằng-hữu văn-nghệ địa-phương, còn có sự hiện-diện đặc-biệt của một số văn-hữu từ xa đến, như các thi-sĩ Trung Nhân (Philadelphia), Lê Mai Lĩnh (Connecticut), Thủy Trang (Montréal, Gia-nã-đại); các nhà văn Trần Hoài Thư (New Jersey), Trần Mộng Lâm, Đông Nghi, Nguyễn Bá Dĩnh (Montréal, Gia-nã-đại); các nhà báo Trần Minh Trí, Nguyễn Văn Tánh, Nguyễn Thanh Huy (New York).

Bạn văn tại Boston, có các nhà thơ Trần Trung Đạo, Hạ Uyên, Đỗ Vĩnh Khanh, Tuệ Chương, Quang Nguyên, Lý Đồng Giao, Trần Thế Kỷ, Hoàng Huy Khánh, Phạm Thành Tính, Văn Bia; các nhà văn Lâm Chương, Lương Thư Trung; các nhà báo Việt Hùng, Nguyễn Mạnh Cường *(Thăng Long)*, Hà Nam *(Thế Hệ)*, nhạc sĩ Nguyễn Văn Thanh và cụ Mỹ Tín, giáo sư kịch nghệ trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Sài-gòn, cùng nhiều thân-hữu và thân-nhân khác.

Phan Xuân Sinh và Dư Mỹ là hai người con xứ Quảng. Hơi thơ thấm đượm tình tự dân tộc và hào khí muôn đời của đất "Ngũ Phụng Tề Phi". Boston, thành-phố vùng Đông Bắc Hoa-kỳ, qui-tụ nhiều văn-nghệ-sĩ có tài-năng, lập-trường và khí-tiết. Một miền đất văn-nghệ đang đâm chồi nẩy lộc. *(NBD)*

Họa-sĩ Nguyễn Tăng triển-lãm tại Toronto

Họa-sĩ Nguyễn Tăng, người đã có bốn họa-phẩm sơn dầu in trên bìa *Làng Văn* trước đây, triển-lãm tranh của ông từ 31.8 đến 2.9 tại số 1490 Dundas St. W. Toronto, Gia-nã-đại.

Cuộc triển-lãm mang chủ-đề *Việt-nam quê-hương mến yêu*, gồm tranh Nguyễn Tăng và tượng của Phạm-New Khang, do Hội Người Việt Toronto bảo-trợ, vào cửa tự-do.

Văn Bút Nam Cali có tiểu thư-viện

Sau 6 năm đình-trệ sinh-hoạt vì Viên Linh giành chức chủ-tịch Trung-tâm địa phương rồi chẳng làm gì cả, Văn Bút Nam Cali trong nhiệm-kỳ của nhà văn Cao Xuân Huy đã không ngừng phát-triển, với sự đóng góp công sức của các nhà văn Cao Mỵ Nhân, Ngọc Anh, nhà thơ Ngô Tịnh Yên, v.v.

Cuối tháng 8.96 vừa qua, Trung-tâm Văn Bút Nam Cali đã cho mở cửa tiểu thư-viện của Trung-tâm, tại phòng 219, số 15355 Brookhurst St. tại thành-phố Westminster. Đây cũng là trụ-sở thường-trực của Văn Bút Nam Cali.

Mục-đích của thư-viện là giúp văn-nghệ-sĩ có thêm tài-liệu tham-khảo khi cần, tạo điều-kiện dễ-dàng trong việc sáng-tác, viết khảo-cứu.

Với những điều-kiện eo-hẹp buổi đầu, thư-viện đã tập-trung 500 mặt sách đủ loại, phần lớn là tạo mãi bằng tiền lời xuất-bản cuốn *Tuyển-tập truyện ngắn 20 năm văn-học hải-ngoại*.

Văn Bút Nam Cali đã phổ-biến một văn-thư kêu gọi các trung-tâm bạn, các nhà xuất-bản và văn-nghệ-sĩ bốn phương tặng sách cho thư-viện. Địa-chỉ nhận sách là:

TT Văn Bút Nam California
#219 15355 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683 (USA)

Ngoài sinh hoạt thư-viện, Văn Bút Nam Cali sẽ tổ-chức mỗi năm bốn lần hội chợ sách theo lối *book fairs* thường thấy tại các nước Tây-phương.

Hội chợ sách Mùa thu 1996 sẽ mở cửa ngày 29.9 (chỉ một ngày) tại địa-điểm trên. Văn-nghệ-sĩ trong vùng có sách muốn gửi bán, xin vui lòng mang đến trụ-sở Văn Bút Nam Cali vài ngày trước đó (điện-thoại: 714-775-6772).

Văn Bút Nam Cali kính mời quí độc giả, thân hữu và hội viên đến mua sách, vừa được giá nới hơn giá tại tiệm sách, vừa giúp văn Bút có thêm ngân sách hoạt-động.

Văn Bút Nam Hoa Kỳ Ra Mắt Ban Chấp-Hành mới

Trung-tâm Văn Bút Nam Hoa-kỳ, thuộc Văn Bút VNHN, đã ra mắt tân ban chấp-hành nhiệm-kỳ 1996-1998 hôm Thứ Bảy 17.8 vừa qua, trong một buổi sinh-hoạt trang-trọng tại hội-trường Ngọc Hồi, cơ-sở Fukim, Houston (Texas, Hoa-kỳ).

Tham dự buổi lễ gồm có:

- ÔB Trần Văn Tính, Chủ tịch Cộng-đồng người Việt Quốc-gia thành phố Houston và vùng Phụ cận;
- ÔB Nguyễn Cao Mỹ, Tổ Chức Hiệp Lực, Houston và vùng Phụ Cận;
- Các ông Lê Phát Minh và Võ Huệ cùng một số thành viên Liên Minh Dân Chủ VN và nhóm Kiên-định Lập-trường.
- Nhạc sĩ đấu-tranh Huỳnh Công Ánh, thay mặt Tổng Hội Cựu tù-nhân

chính-trị.

- Cựu đại-tá Nhảy dù Liêu Quang Nghĩa (TĐV-đoàn thể chánh trị)
- Cựu Hải quân trung tá Nguyễn Văn Nghĩa (TĐV-đoàn thể chánh trị)
- Ông Lê Đại Hiền, Hội Ái Hữu Metro Houston, Texas.
- Đại diện Mặt Trận QGTNGPVN.
- Ông Phạm Văn Ê, Hội Hải Quân.
- BS Trần Văn Thuần, Hội Văn Hóa Khoa Học.
- Nhà văn Trần Đại Sỹ từ Paris, Pháp đến và một số nhà văn ở xa về như Phạm Ngũ Yên, Tam Thanh, Phượng Khánh, Việt Phương,..
- Một số thân hào nhân sĩ thuộc các hội đoàn và thân hữu của anh chị em văn, thi hữu trong vùng.

Giới truyền thông có: thi sĩ Nguyễn Thế Giác, Chủ bút nguyệt san *Tự Do Dân Bản*; nhà báo Phan Huy Thanh, Chủ nhiệm tạp chí *Việt Báo*; nhà báo Đào Kinh Doanh, Chủ nhiệm tạp chí *Chàng Kinh Doanh*, Nhà văn Việt Phương, Chủ bút tuần báo *Người Việt Dallas*, v.v.

Trong dịp trình diện tân Ban Chấp Hành trước quan khách, văn hữu Trương Sĩ Lương (chủ-tịch Trung-tâm) đã thổ-lộ: "Nhận lãnh công tác văn bút trong giai đoạn hiện tại chắc chắn sẽ gặp khó khăn từ nhiều phía đưa tới. Tuy nhiên, với tinh thần làm việc bất vụ lợi, tập thể chỉ huy, cá nhân phụ trách, bằng ý chí cương quyết và sự ngay thẳng của những người cầm bút... chúng tôi tin tưởng rằng anh em trong ban chấp hành, hợp sức với thành viên của Văn Bút VNHN, sẽ cố gắng san bằng những khó khăn đó bằng công tác hữu ích trước công cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân quyền."

Nói đến công tác Văn Bút trong giai-đoạn trước mắt, ông xoáy vào hai điểm chính:

- Liên lạc chặt chẽ với các đoàn thể trong vùng Nam Hoa Kỳ để đẩy mạnh công tác đấu tranh cho nhân quyền tại Việt Nam.
- Mở rộng công tác văn bút, để kiện toàn và phát triển tổ chức.

Cũng trong dịp sinh-hoạt này, văn-hữu Bách Việt (Văn Bút Bắc Cali) đã trình làng bộ sách *Nguyễn Du toàn tập* của bà. Sách chia làm 2 tập, mỗi tập dày trên 600 trang, đã được quan khách ủng hộ nồng nhiệt.

Sách mới Làng Văn

Trong tháng qua, *Làng Văn* đã hoàn-tất việc ấn-loát và phát-hành 4 cuốn sách mới.

Đầu-tiên là cuốn *Trần Lục*, gồm nhiều tác-giả cùng viết về vị linh-mục ngoại hạng của Công giáo Việt-nam: cụ Sáu Trần Lục, người đã có công Việt-hóa đạo Gia-tô và xây-dựng nhà thờ Phát Diệm, một công-trình kiến-trúc độc đáo, với những đặc-tính kiến-trúc Á-đông.

Bài vở do LM Nguyễn Gia Đệ, các nhà văn Lê Hữu Mục, Bằng Phong, Phạm Xuân Thu và Trà Lũ biên-tập; ngoài ra còn có sự góp bài của nhiều cây bút Công giáo khác.

Ngoài phần nhận-định và khảo-cứu, sách còn kèm nhiều ảnh màu về toàn thể khu vực nhà thờ cùng phụ lục các tác-phẩm *Hiếu-tự ca, Nữ tắc thường lễ* và *Nịch ái vong ân* của LM Trần Lục.

Sách dày 640 trang, giá 25 mỹ-kim (37,50 gia-kim).

Tác-phẩm thứ hai là *Tại ngục vịnh Kiều* của Hoàng Hải Thủy. Tác-giả đã thai-nghén loạt bài này trong thời-gian bị CSVN giam-giữ tại khám Chí-hòa.

Bằng lối văn phúng-thích và tinh-thần hài hước, Hoàng Hải Thủy đưa ra một cái nhìn mới của ông về các nhân-vật trong Truyện Kiều, với những đặc-tính thái quá và bất cập.

Đây là cuốn sách đầu tiên của Hoàng Hải Thủy tại hải-ngoại, dày 212 trang giá 12 mỹ-kim (16 gia-kim).

Cuốn thứ ba là *Hoa trôi trên sóng nước*, sách thiền của Nguyên Phong, phóng dịch từ cuốn *Michi (Journey in Search of the Way)* của ni-sư Satomi Myodo (Nhật-bản), nói về hành-trình tầm đạo đầy gian-khổ kéo dài 40 năm trong đời tác-giả. Lòng nhiệt-thành và quyết-tâm tầm đạo của ni sư Myodo là tấm gương sáng cho bất cứ những ai muốn mở thiền tâm.

Sách dày 232 trang, giá 13 mỹ-kim (19,50 gia-kim).

Cuốn thứ tư, là tập sách giáo-khoa *Em học chữ Việt* do Bút Chì biên-soạn, Nguyễn Nhật Tân minh-họa. Sách nhằm đáp-ứng nhu-cầu học và dạy chữ Việt, tiếng Việt cho trẻ em lớn lên (đã giỏi ngoại-văn) tại hải-ngoại và cho người ngoại-quốc.

Bút Chì đưa ra phương-pháp nhận mặt chữ và đọc thẳng, không qua giai-đoạn ráp vần.

Sách dày 156 trang khổ lớn, bìa 4 màu, in đẹp với phần minh-họa mỹ-thuật, giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim).

Quí độc-giả muốn mua các tập sách trên, có thể hỏi tại các nhà sách gần nhất hoặc gửi chi-phiếu về tòa-soạn. Độc giả dài hạn *Làng Văn* được bớt như thường-lệ.

Trong các tháng tới, *Làng Văn* sẽ in:

- *Tiếng kêu của máu*, truyện dài trinh-thám xã-hội, Hoàng Hải Thủy phóng-tác.
- *Cuộc đời vô-định*, tiểu-thuyết xã-hội, Tống Minh Long Quân phóng-tác.
- *Việt-nam gấm hoa*, bút-khảo của Thái Văn Kiểm.
- *Đầu làng cuối xóm*, biếm-văn của Mõ (Làng Văn).
- *Kiến-văn thường-thức: Ca-dao, thành-ngữ, tục-ngữ Việt-nam* của Bút Chì.
- *Những vấn-đề hôm nay*, nhận-định thời-sự của Nguyễn Hữu Nghĩa.
- *Sự tích Tết Trung thu*, sách thiếu-nhi của Cung Vũ, Vi-Vi minh-họa.
- *Con nghé vàng*, sách thiếu nhi của Cung Vũ, Nguyễn Nhật Tân minh-họa.
- *Anh Khó và con quỷ*, sách thiếu-nhi của Cung Vũ, Vi-Vi minh-họa.
- *Cười mặn*, truyện cười của Cả Cười.

Ngoài ra, còn có một số sách của Diên Khánh, Nguyễn Nhạn Sơn, Hoàng Nga, Đào Trường Phúc, Nguyễn Văn Thông, Hồng Huy, v.v.

ngoài ngõ

Gia nã đại: tị nạn cám ơn cộng đồng

Nhóm người Việt dự hội chợ triển lãm *Discovery Vietnam* tại Calgary (xem tin LV 144) xin tị nạn chính trị đã gửi thư ngỏ đến cộng đồng Việt Gia nã đại.

Sau khi bày tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ của Cộng đồng VN Calgary, người Việt tại Calgary và Edmonton cũng như ở khắp Gia nã đại, bức thư có đoạn: *"Cũng trong thời gian tiếp xúc với Cộng đồng người Việt, chúng tôi hiểu được rằng họ là những người luôn hướng về tổ quốc, hướng về nhân dân, mong muốn làm sao cho nhân dân VN được hưởng những quyền Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền ngay trên tổ quốc Việt Nam."*

Bức thư ký tên Vũ Hùng Nam, người đại diện cho cả nhóm.

Hồi trung tuần tháng 7.96, 20 người trong phái đoàn từ Việt Nam sang Calgary làm việc trong các gian hàng *Discovery Vietnam* của hội chợ Klondike đã đào thoát, xin tị nạn chính trị. Hội Người Việt Edmonton và cộng đồng Việt tại chỗ đã tận tình giúp đỡ mọi mặt cho những người tìm tự do này. Trong lúc chờ đợi hồ sơ xin tị nạn của họ được chính phủ Gia nã đại cứu xét, Liên Hội Người Việt Gia nã đại đứng ra tổ chức gây quỹ bảo trợ về mặt pháp lý cho những người này. Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với:

Ông Vũ Xuân An
Vietnamese Canadian Federation
249 Rochester St.,
Ottawa, ON K1R 7M9
Canada
hay
Ông Trần Thanh Đức,
Edmonton Viets Association
#102-10534-109 Street
Edmonton, AB T5H 3B2
Canada.

Hoa kỳ: nhà thơ Cung Trầm Tưởng và Tổng hội Cựu tù nhân chính trị VN

Ban chấp hành Tổng hội CTNCT VN thông báo nhà thơ Cung Trầm Tưởng đã nhận lời làm cố vấn cho Tổng hội.

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng là sĩ quan Không quân QLVNCH, bị tù cộng sản 10 năm. Tập thơ *Lời Viết Hai Tay* (do nxb Tủ sách Thi Ca Hiện Đại tại Đức ấn hành) gồm những bài thơ ông làm trong thời gian bị giam cầm.

Từ ngày định cư tại Hoa Kỳ, nhà thơ Cung Trầm Tưởng - hiện cư ngụ tại tiểu bang Minesota - đã mạnh mẽ hoạt động chống âm mưu giao lưu văn hoá một chiều của CSVN. Theo Tổng hội CTNCT, nhà thơ đã là linh hồn điều động các tổ chức người Việt phản đối các buổi trình diễn của Đoàn Trống Đá Phù Đổng do phản chiến HK tổ chức trong tháng 3.96. Đồng thời ông cũng vận động thành lập Phong trào Đấu Tranh Chống Cộng Sản Xâm Nhập Vào Hải Ngoại Bằng Văn Hoá.

Thành lập Hội ái hữu Cựu tù-nhân chính-trị VN tại Massachusetts

Tháng 7.96, Hội Ái Hữu Cựu TNCT/VN tại Massachusetts đã chính thức có giấy phép hoạt động. Đây là khu hội thứ 23 của Tổng hội Cựu TNCT/VN tại Hoa Kỳ. Thành phần ban chấp hành:
Ông Phan Bảng Nhãn, chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Tài, PCT Nội Vụ
Ông Phan Cảnh, PCT Ngoại vụ kiêm Thủ quỹ
Ông Lương Xuân Thắng, Tổng Thư ký.
Địa chỉ liên lạc:
Hội Ái Hữu Cựu TNCT/VN tại MA
1446 Dorchester Ave. Suite 671
Dorchester, MA 02122 - USA
ĐT: (617) 288-3230 (Ext. 608)
Điện thư: (617) 288-7297

Ngày Dân quyền tại Philadelphia

Ngày 20.7, hội thảo "Dân Quyền cho Việt nam" đã được tổ chức tại khách sạn Radisson (thành phố Philadelphia, Pennsylvania, HK).

Buổi hội thảo do Khu hội Cựu TNCT/VN tại địa phương tổ chức. Tham dự có thành viên 6 khu hội Cựu TNCT tại Hoa Kỳ, các hội đoàn VN tại New Jersey, New York, Philadelphia, ông Al Santoli, ông đại diện của dân biểu HK Robert Dornan, nhiều văn nghệ sĩ Việt Nam. Người điều khiển chương trình là nhà thơ Trần Trung Đạo.

"Chiều thơ nhạc thân hữu" tại Monterey Park

Trong tháng 7.96, *"Chiều Thơ Nhạc Thân Hữu"*, một sinh hoạt văn nghệ nhiều ý nghĩa, đã được tổ chức thành công tại chùa Diệu Pháp, Monterey Park (San Gabriel Valley, Cali).

Khoảng 200 đồng hương đã đến dự buổi sinh hoạt bên cạnh các vị lãnh đạo Phật giáo, các văn nghệ sĩ, các đại diện hội Cựu Tù Nhân Chính Trị. Người ta ghi nhận có các thượng tọa Quảng Thanh, Thích Viên Lý, đại đức Thích Minh Dung, các nhà văn Duy Lam, Tâm Huy, Hoàng Hà Thanh, Đặng Trần Huân, các nhà thơ Thái Tú Hạp, Đào Mộng Nam, Cao Mỵ Nhân, Trần Văn Nam, Kiêm Thêm, Phạm Văn Hiến, các nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo, Mộng Lan-Trọng Nghĩa ...

Trọng tâm của buổi sinh hoạt là

giới thiệu tuyển tập truyện ngắn *Em Phải Sống* của Duy Lam, tập truyện *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa* của Hồ Minh Dũng cùng với đĩa CD và băng nhạc *Hoa Lan Giữa Tóc Thề* của Trọng Nghĩa và Mộng Lan.

Ngoài ra, các tác phẩm của Tạ Tỵ (tập thơ *Mây Bay*), và những tiểu thuyết của Quỳnh Dao do Ái Cầm chuyển ngữ cũng được giới thiệu.

Nhà văn Ái Cầm đã tặng hết số tiền thu được từ việc bán các tác phẩm trong buổi sinh hoạt (1.100 mỹ kim) cho Giáo Hội Công Giáo Phi Luật Tân để giúp đỡ thuyền nhân ở Palawan.

tin tị-nạn

. *Kiên Trung* phụ-trách

Tin thêm về vụ thuyền-nhân mổ bụng tập-thể tại Thái

Về vụ thuyền-nhân tị-nạn tự sát tập-thể tại Thái-lan hồi tháng 6 vừa qua (đã loan tin trên số trước) con số chính-thức mới nhất là 94 người, gồm 27 người có tên trong danh-sách cưỡng-bách về Việt-nam và 67 người không (hoặc *chưa*) có tên trong danh-sách cưỡng-bách hồi-hương.

Những người có tên trong danh-sách hồi-hương, dù vết thương nặng nhẹ thế nào, cảnh-sát và quân-đội Thái không cần biết, không cả băng-bó, khiêng hết 27 thân-thể máu-me lên máy bay C-130 chờ sẵn, giao về cho VC.

Riêng 67 người không có tên trong danh-sách cưỡng-bách hồi-hương (gồm 17 nữ, 5 trẻ em, 45 nam), cảnh-sát Thái đưa vào bệnh-viện cứu-cấp. Sau khi băng-bó xong, bất kể vết thương nặng nhẹ, tất cả đều bị giải thẳng vào trại tù SDC ở Bangkhen. Khi vào tù, tất cả chỉ có một bộ quần áo đẫm máu còn mặc trên người, không một vật tùy thân hay một đồng trong túi.

Điều cần nói thêm, tại trại tù SDC Bangkhen còn có 6 thuyền-nhân Việt-nam bị giam cầm không bản án, không xét xử đã gần 3 năm nay, gồm:

1) Thạch Quích, PST#10400 (vợ và 4 con ở trại Sikiew).

2) Kim Cân, PST# 10017 (1 con ở trại tị-nạn).

3) Nguyễn Văn Húng, PST#8762 (vợ ở trại tị-nạn).

4) Nguyễn Văn Kiều, PST#560 (vợ và 2 con ở trại tị-nạn).

5) Trần Ngô Chi, PST# 5053 (vợ ở trại tị-nạn).

6) Nguyễn Văn Thành, PST#6018 (vợ và 3 con ở trại tị-nạn).

Làng Văn đã chuyển hồ-sơ 6 đồng-bào xấu số này đến các cơ-quan giúp-đỡ người tị-nạn và Hội Ân-xá Quốc-tế để yêu-cầu can-thiệp.

Được biết, trước đây có tất cả 9 người Việt bị Thái-lan giam giữ trái phép tại Bangkhen; và 3 người trong số này đã ghi tên "tự nguyện hồi hương." Trong lúc lên máy bay, anh Doãn Thanh Hùng, cộng-tác-viên lâu năm của *Làng Văn* đã trốn thoát.

Hương cảng: chống hồi-hương, một thuyền nhân thiệt mạng

Đầu tháng 8.96, một thuyền nhân đã thiệt mạng trong một cuộc bố ráp cưỡng bức hồi hương tại trại Whitehead.

Ngày 7.8, 2.000 nhân viên Trừng-giáo và cảnh-sát Hương Cảng đã xông vào trại Whitehead lùng bắt 660 thuyền nhân chuyển sang nhà tù Victoria để chuẩn bị cưỡng bức hồi hương. Các thuyền nhân đã tự khóa cửa phòng, bôi sơn lên mặt để tránh nhận diện nhưng tất cả đều đã bị bắt.

Một thuyền nhân tên Tuấn, 31 tuổi có tên trong danh sách cưỡng bức hồi hương đã nhảy từ một bồn nước cao 8 mét xuống đất để thực-hiện khẩu-hiệu *"Dead better than Red."* Anh bị trọng thương, và chết trên đường đến bệnh-viện.

Để chuẩn bị cho cuộc chuyển trại, hai ngày trước đó cảnh sát và nhân viên Cải huấn cục đã lục soát trại Whitehead nhằm tìm kiếm vũ khí, ngăn ngừa phản ứng tuyệt vọng của thuyền nhân tại đây.

Chính quyền Hương cảng đã hoàn tất công việc chuyển trại, phân loại các thuyền nhân. Thuyền nhân gốc miền Nam VN bị chuyển từ trại High Island sang trại Whitehead, gốc Bắc bị chuyển sang trại High Island. Khoảng hơn năm ngàn thuyền nhân ở Tai A Châu cũng sẽ bị chuyển từ đây sang Whitehead vào tháng 9.

Tin các báo ở Hương cảng cho biết đến cuối tuần lễ thứ hai của tháng 8, Hương cảng đã đẩy được 50 ngàn thuyền nhân về VN. Đại diện Cao Ủy Tị-nạn tại VN cũng hân hoan khoe con số này và tuyên bố người thứ 50 ngàn sẽ được hưởng một "sự tiếp đón đặc biệt."

Màn chào mừng đặc biệt đó đã diễn ra tại phi trường Nội Bài (Hà nội) ngày 9 tháng 8, "người được vinh dự" là ông Nguyễn Xuân Dũng, 37 tuổi, gốc Hải Phòng. Ông Dũng được giới chức VC chọn lọc trong chuyến bay từ HC đến, ông và gia đình được tặng ...một lọ kẹo và một bó hoa. Ông Dũng đến Hương-cảng năm 1989, vợ ông sinh đứa con thứ 4 tại Whitehead. Tuy nhiên, có một chuyện mà báo chí nói đến nhưng cả Hương cảng lẫn VC đều không khoe là trước khi chuyến bay hồi hương cất cánh từ Hương cảng đã có một người tị nạn trốn khỏi phi trường Kai Tak.

Con số thuyền nhân VN tại Hương cảng hiện còn trên 14 ngàn người. Theo kế hoạch của Hương Cảng tất cả đều sẽ bị đưa về VN trước ngày Trung cộng tiếp thu.

Phi-luật-tân sau ngày có "giải pháp lâu dài"

Theo tin của Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển, đến ngày 15 tháng 7, số thuyền nhân VN ở Phi gồm khoảng 500 người có mặt tại trại Palawan, độ 900 người bỏ trại đi làm ăn nơi khác. Tại Palawan còn phải kể thêm 327 người thuộc diện con lai và gia đình, số người này trên nguyên tắc là đi dân sang Hoa Kỳ, được Mỹ gửi tạm trú tại Phi, thuộc trách nhiệm của Mỹ.

Trong số thuyền nhân còn ở trại (ngoài số con lai và gia đình) có khoảng 50 gia đình đủ tiêu chuẩn định cư ở các nước đệ tam. Ngày 3 tháng 8, hồ sơ của hai gia đình được chuyển từ trại về Manila để làm thủ tục định cư ở Úc. Đây là hai trường hợp đầu tiên được đi định cư tại Úc (đoàn tụ gia đình), do kết quả vận động của cộng đồng người Việt tại Úc với nghị viện xứ này.

Theo tài liệu của Cao ủy thì trong tháng 7 và tháng 8 có khoảng 200 thuyền nhân hồi hương (ba chuyến).

Nam dương: cuối năm 96 mới có thể giải quyết xong vấn đề thuyền nhân

Cao ủy Tị Nạn đã phải gia hạn thời gian đóng cửa trại tị nạn tại Nam Dương đến cuối tháng 9.96. Chính phủ Nam dương bi quan hơn, cho rằng phải đến cuối năm họ mới có thể giải quyết xong vấn đề người tị nạn VN.

Kế hoạch cưỡng bức hồi hương bằng bạo lực của Nam Dương đã bị chậm lại do phản ứng của thuyền nhân và của cộng đồng Việt ở khắp nơi trên thế giới.

Hồi cuối tháng 6, sau những trò hành hạ man rợ người tị nạn để đẩy họ đến mức phải tình nguyện hồi hương, Nam dương đã dùng tàu quân sự đưa 200 thuyền nhân về VN. Chuyến thứ hai được thực hiện trong tháng 7 nhắm vào người tị nạn Cam bốt. Trong chuyến này, nhiều tị nạn Cam bốt đã từ chối không xuống tàu khi cập bến Cam bốt.

Ở hải ngoại, trong những tháng vừa qua, người Việt đã liên tiếp tổ chức các cuộc biểu tình trước cửa các toà đại sứ và lãnh sự Nam dương, nhất là ở Hoa-kỳ (Hoa thịnh đốn, Los Angeles, Houston) để phản đối việc cưỡng bức hồi hương, đề nghị Nam Dương áp dụng một giải pháp nhân đạo như kiểu Phi luật tân.

Mới đây, toà đại sứ Nam Dương tại Hoạ thịnh đốn đã chuyển cho Cao ủy và bộ Ngoại giao Hoa kỳ danh sách các trường hợp đoàn tụ gia đình còn kẹt ở Galang, yêu cầu giải quyết. Theo Ủy Ban CNVB, hiện ở Galang, Nam dương, còn hơn 2000 thuyền nhân VN và trên 100 tị nạn Cam bốt.

Vận động cho thuyền nhân

Cuối tháng 7, từ 22 đến 24, một phái đoàn người Việt đã tiếp xúc với Quốc hội, bộ Ngoại giao và Hội đồng Cố vấn An ninh Hoa Kỳ để vận động một giải pháp công bằng và nhân đạo cho thuyền nhân. Phái đoàn cũng đã tiếp xúc với toà đại sứ Phi luật tân và Thái lan.

Trong cuộc tiếp xúc với ông Eric Swchartz, Phụ tá đặc biệt của Tổng thống Hoa kỳ về Nhân quyền, Tị nạn và Công tác Nhân đạo, phái đoàn đã kêu gọi Hoa kỳ phỏng vấn thuyền nhân tại chỗ và nhận định cư những người đủ tiêu chuẩn thay vì buộc họ về VN trước. Nhất là cần đặc biệt quan tâm đến những người chắc chắn sẽ bị bắt khi về VN vì họ vốn là những người trốn thoát cải tạo hay nhà tù trước khi vượt biên cùng những trường hợp đoàn tụ gia đình. Ông Schwartz không bảo đảm sẽ thuyết phục được bộ Ngoại giao thay đổi chính sách nhưng hứa sẽ can thiệp cho các hồ sơ cá nhân do cộng đồng Việt đệ nạp.

Tại bộ Ngoại giao, phái đoàn đã yêu cầu bộ trả lời những trường hợp đã được hứa giải quyết từ năm 94 đến nay vẫn còn bị kẹt hay đã bị buộc hồi hương. Bộ Ngoại giao Hoa kỳ yêu cầu UBCNVB cung cấp hồ sơ và hứa sẽ cứu xét. Trước đó, phái đoàn đã trưng dẫn bằng chứng về nhiều trường hợp thuyền nhân hồi hương bị bắt, giam cầm hay làm khó dễ vì lý do chính trị hay tôn giáo khi về đến VN.

Tại toà đại sứ Phi luật tân, phái đoàn đã nhờ ông đại sứ chuyển lời tri ân tổng thống, chính quyền và nhân dân Phi về sự đối xử nhân đạo với thuyền nhân VN. Trong cuộc tiếp xúc, đại sứ Phi cũng cho biết chính phủ ông sẵn sàng để thuyền nhân đi định cư nếu có quốc gia tiếp nhận.

Tại toà đại sứ Thái lan, khi phái đoàn phản đối Thái lan cưỡng bức hồi hương, các bí thư của toà đại sứ quả quyết cuộc hồi hương ngày 29 tháng 6 đã diễn ra ôn hoà. Chỉ đến khi phái đoàn trưng dẫn hình ảnh anh Nguyễn Ngọc Châu bị cảnh sát Thái đánh đến chết, phía Thái lan mới không còn chối cãi, chuyển sang biện bạch rằng Cao ủy Tị nạn có mặt tại chỗ và bảo trợ cho cuộc hồi hương. Phái đoàn VN đã đề nghị Thái gia hạn tạm dung cho tị nạn và cho phép những người hội đủ tiêu chuẩn đi định cư.

Những thành viên trong đoàn đã chia nhau tiếp xúc với các dân biểu Mỹ. Dân biểu Zoe Lofgren (Dân chủ, Bắc Cali) đã cùng với 44 dân biểu cùng ký môt bức thư kêu gọi Tổng thống Clinton giải quyết các trường hợp đoàn tụ gia đình. (Cần nói thêm ông Zoe Lofgren đã vận động các đồng viện chống lại điều khoản 803(a) trong dự luật di dân H.R. 2202 có tính cách kỳ thị với người Mỹ gốc Việt). Các dân biểu Howard Berman (Dân chủ, Nam Cali), Christopher Smith (Cộng hoà, New Jersey) vận động Hạ viện đưa điều khoản này vào dự luật di trú, dân biểu Robert Dornan (Cộng hoà, Nam Cali) đưa ra nghị quyết 493 kêu gọi chính phủ Mỹ tái phỏng vấn thuyền nhân ở các trại. Riêng Dân biểu Tom Davis (Cộng hoà, Virginia) kêu gọi đồng viện ủng

hộ cho tu chính án trong dự luật chuẩn chi Ngân sách bộ Ngoại giao quy định Bộ phải giải quyết định cư cho con cái trên 21 tuổi của các gia đình HO và đặt điều kiện với Hà nội trước khi viện trợ.

Quốc hội Âu châu lên án việc cưỡng bức hồi hương

Quốc Hội Âu châu đã ra quyết nghị lên án nặng nề vấn đề cưỡng bức hồi hương, kêu gọi Cao ủy phải bảo đảm những người tị nạn, không để họ bị hồi hương lầm. Nghị quyết còn kêu gọi Hương Cảng đối xử nhân đạo với thuyền nhân, đồng thời các nước hãy hợp tác với nhau để tìm môt giải pháp thoả đáng cho tị nạn VN. Tác giả nghị quyết này là dân biểu Richard Howitt của Anh quốc. Ông kêu gọi Quốc hội Âu châu (năn nay góp hơn 5 triệu Mỹ kim cho Cao ủy Tị nạn để lo cho thuyền nhân VN) phải đặt điều kiện rằng tiền này không được dùng vào việc cưỡng bức hồi hương.

Cộng đồng việt ở Úc thắng bộ Di trú

Tối Cao Pháp Viện Úc ngày 2 tháng 8 đã phán quyết bộ Di trú Úc phải tôn trọng quyền kháng cáo của thuyền nhân VN.

Năm 94, khi hàng trăm thuyền nhân VN vượt biên đến Úc, chính phủ Úc đã sửa luật di trú, cho phép họ dẫn độ thuyền nhân về lại Nam dương. Luật mới này không áp dụng cho chuyến tàu đầu tiên gồm 17 thuyền nhân. Thế nhưng sau khi thanh lọc với 6 người của tàu này được công nhận quyền tị nạn, Bộ trưởng Di trú và Đa văn hoá Úc lúc đó, ông Nick Bolkus, đã ra quyết định cấm không cho 11 người còn lại kháng cáo.

Cộng đồng Việt tại Melbourne và Sydney đã góp tiền đưa ông Bolkus ra toà, kết quả sau hai năm kiện cáo, toà Tối cao của Úc đã quyết định như trên.

Cần nói thêm đa số thuyền nhân bị dẫn độ từ Úc về Nam dương đều đã bị đánh đập tàn nhẫn và giam cầm cho đến lúc buộc hồi hương.

Alexander Casella bị về hưu non

Chỉ sau hơn một năm tại chức, tiến sĩ Alexander Casella, Giám đốc Văn phòng Á châu và Thái Bình Dương Vụ của Cao ủy Tị nạn LHQ đã phải về hưu non. Nhân vật nổi tiếng thực dân và thân Hà nội này của Cao ủy đã làm khổ thuyền nhân Việt Nam và bị các hội đoàn quốc tế than phiền về tư cách từ năm 89 đến nay.

Sau thời gian làm việc với tư cách nhân viên Cao ủy Tị nạn tại VN, ông Casella đã ca ngợi chính sách trại cải tạo và kinh tế mới của CS. Nắm giữ những chức vụ cao cấp trong Phủ Cao ủy Tị nạn, tổ chức quốc tế bảo vệ người tị nạn, ông ta đã liên tiếp đưa ra những lời tuyên bố xấc xược, vô lương tâm, khiến người Việt bất bình. Hồi năm 1990, ông nói trước cử tọa người Việt tại Hoa Thịnh Đốn rằng các nạn nhân hải tặc phải gánh chịu hậu quả của sự vượt biên trái phép; bố mẹ cho con cái vị thành niên vượt biên cần bị đưa ra toà về tội bạc đãi trẻ em và khẳng định rằng văn phòng của ông không bảo đảm an toàn cho người hồi hương. Năm 1991, trong chức vụ cố vấn đặc biệt cho Cao ủy, ông Casella cho phổ biến tin tức thất thiệt về tiêu chuẩn tị nạn trong các trại, bị phản đối đến mức văn phòng Cao ủy phải ra thông báo thừa nhận ông ta nói sai. Hồi năm 95, ông mô tả các trại cấm ở Hương cảng là "trại thượng lưu" trong lúc chính ông ta, hồi năm 91, đã mô tả những chốn này là "không khác chi những nhà tù".

A. Casella được giao trọng trách huấn luyện luật sư thanh lọc, thu thập tài liệu về tình trạng nhân quyền tại VN để dùng trong thanh lọc cũng như chịu trách nhiệm về chương trình hồi hương thuyền nhân VN ngay từ khi có chương trình hành động toàn diện (CPA). Ông được bổ nhiệm Giám đốc văn phòng AC và TBD Vụ tháng 6 năm 95 và ...về hưu non năm nay. Các nhân vật ở chức vụ này trước ông như Weber Baltter và Jamshid Anvar đều bị cách chức.

Ngay sau khi về hưu, ông Casella đã viết một bài báo dài trên tờ *Asia Times* để tự ca ngợi thành tích của mình, trong đó ông ta khen Mã lai á đã dẹp trại Sungei Besi một cách nhanh gọn. Với các hội đoàn người Việt, ông Casella đặc biệt nặng lời với Ủy ban Cứu Người Vượt Biển và LAVAS, gọi các tổ chức này là các thành phần "xuẩn động bên ngoài xã hội" tìm cách chống phá CPA.

Trong bài trả lời tờ *Asia Times*, Ủy ban Cứu Người Vượt Biển đã nhận xét về ông Casella bằng nhận định của luật sư Gerassimos Fourlanos, một cựu đồng nghiệp của ông Casella. Trong bản điều trần trước Quốc hội Hoa kỳ tháng 6 năm 1995, ông Fourlanos nói: *"Trong những năm gần đây, một kiểu suy nghĩ mới đã chiếm cứ cơ cấu Cao ủy Tị nạn, đó là trường phái cẩu trệ (cynical). Ai mà càng khó khăn, càng cẩu trệ thì càng được ngưỡng mộ và ghi công, và dĩ nhiên được tưởng thưởng. Mẫu người nhân bản theo kiểu xưa không còn thịnh hành nữa và không được ai để ý đến."*

UBCNVB viết *"Như thế chẳng lạ gì khi mà CPA thất bại: thanh lọc đầy tham nhũng, người tị nạn bị loại bỏ một cách bất công, sự vi phạm nhân quyền lan rộng khắp các trại và nhiều người hồi hương đã bị bắt giam vì lý do chính trị hay tôn giáo. Thảo nào mà TS Casella đã thăng quan tiến chức vùn vụt trong hệ thống thư lại của Cao ủy Tị nạn, trên xương máu của người tị nạn và trên mồ hôi của người dân nai lưng đóng thuế để trả lương cho ông ta."*

Địa-chỉ cần biết
khi cần gửi thư can-thiệp
giúp đồng-bào tị-nạn

Ủy ban Cứu người vượt biển
(Boat People S.O.S.)
P.O. Box 2652
Merrifield, VA 22116
USA
Phone & Fax: (703) 204-2662

tin việt-nam

. *Dương Thượng Ngã* phụ-trách

Nguyễn Hộ chối bỏ Mặt Trận Dân-Chủ

Nguyễn Hộ, một đảng viên kỳ cựu của CSVN, trong một bức thư công-khai gửi Nguyễn Bá Long (đăng trên nhiều báo tại Hoa-kỳ giữa tháng 9.96) đã phủ-nhận toàn bộ mọi việc từ "Mặt Trận Dân Chủ" đến bức thư kêu-gọi thành-lập Mặt Trận trước đây.

Nhân dịp tết Ất Hợi vừa qua, nhóm Thông Luận ở Pháp cho phổ-biến một lá thư đề tên Nguyễn Hộ, kêu gọi lập Mặt Trận Dân Chủ để đấu tranh bất bạo động với CSVN.

Nguyễn Hộ, đảng viên lão thành

Sau đó, Nguyễn Bá Long, một người xưng là "giáo-sư tiến-sĩ" ở Toronto, Gia-nã-đại đã tuyên-bố lập Mặt Trận Dân-Chủ, suy-tôn Nguyễn Hộ làm chủ-tịch và tự phong chức "tổng thư-ký". Nội-vụ khá ồn-ào tại Mỹ, nhưng không mấy ai ở Toronto, Gia nã đại quan-tâm. Ở vùng này, nhiều người biết Nguyễn Bá Long, không ai ghét ông, nhưng cũng không ai đánh giá cao những việc ông ta làm.

Nguyên-văn bức thư của Nguyễn Hộ như sau:

"(không đề ngày)

Kính gởi giáo-sư Nguyễn Bá Long,

Thưa ông,

Vừa qua, ông có hỏi tôi về một bức thư ngỏ gởi cho Cộng-đồng người Việt hải-ngoại bên dưới có ghi tên tôi - Nguyễn Hộ, có phải là của tôi không! Vì tôi chưa có và chưa được đọc bức thư ấy nên tôi chưa kịp trả lời ngay cho ông. Nay thì sau khi được đọc nó rồi, tôi xin khẳng-định với ông là từ đầu năm 1996 đến nay (gần 4 tháng), tôi không hề viết bức thư ngỏ nào gởi cho Cộng-đồng người Việt hải-ngoại cả (chỉ trừ bức thơ của tôi viết cho ông vào cuối năm 1995 để trả lời các câu hỏi ông đặt ra sau khi ông đọc thơ ngỏ của tôi về giải-pháp hòa-giải hoà-hợp dân-tộc ở Việt-nam), chắc có ai đó ở hải-ngoại với động-cơ và ý-đồ gì thì tôi không rõ, đã mạo danh-tánh tôi, viết ra bức thơ ngỏ ấy. Đó là điều sai trái. Vậy xin thông-báo ông rõ để tránh làm-lẫn. Cái gì của tôi viết thì tôi khẳng-định nó là của tôi, như "Quan-điểm và cuộc sống", "Chỉ có con đường duy nhứt: lột xác", "Bức thư ngỏ về giải-pháp hòa-giải hoà-hợp dân-tộc". Ngoài ra cái gì không phải của tôi (dù có ghi rõ tên tôi) thì tôi cũng phải khẳng-định nó không phải là của mình.

Sự đời thật phức-tạp. Mong ông hiểu cho. Chúc ông luôn luôn vui khoẻ và hạnh-phúc.

Thân ái,

Nguyễn Hộ

(có chữ ký)"

Ngay sau khi bức thư Nguyễn Hộ gửi Nguyễn Bá Long lên mặt báo Cali; Nguyễn Gia Kiểng khẳng định rằng chính nhóm Thông Luận của ông ta đã tung ra thư ngỏ 19.2.96 ấy và "không có vấn-đề mạo danh ông Nguyễn Hộ."

Chống-chế về thư lên tiếng của Nguyễn Hộ, Nguyễn Gia Kiểng cho rằng đó là *"một sự kiện bất thường đã xảy ra trong khi ông Nguyễn Hộ bị phong-tỏa và bị đặt vào tình-trạng hiểm-nghèo."*

Nguyễn Gia Kiểng không đề-cập đến vụ Nguyễn Hộ ra mặt ủng-hộ Thủ-tướng VC Võ Văn Kiệt vào những ngày Đại-hội đảng CSVN kỳ 8 sắp khai-mạc hồi cuối tháng 6 vừa qua.

Mỹ - VC nối đường bay

Cơ quan Hàng Không Liên Bang Hoa Kỳ (FAA) đã gửi phái đoàn sang VN để tiếp tục thảo luận về việc mở đường bay trực tiếp từ Hoa Kỳ đến Việt Nam. Cuộc thương thảo bao gồm vấn đề an-ninh phi hành và trợ giúp kỹ thuật để các phi trường Việt Nam có thể đón tiếp phi cơ vận tải của Mỹ. FAA cũng hứa cấp học bổng cho một số nhân viên Hàng Không Việt Nam sang tu-nghiệp tại trường Hàng Không Oklahoma, và tổ chức các khóa đào tạo dưới những hình thức khác cho nhân viên Hàng Không

CS Việt Nam.

Sau hơn 21 năm, Hoa Kỳ lại bước lại con đường mà họ đã đi qua: viện trợ, đào tạo chuyên viên về đủ mọi ngành nghề; cho du học sinh nhập vào Mỹ để học hỏi kỹ thuật tân tiến. Tất cả những cố-gắng này tất-nhiên nhắm vào quyền-lợi thiết-thực của nước Mỹ hơn là giúp Việt-nam "dân-chủ-hóa."

Cao-su Quảng trị lâm bệnh

Từ đầu năm 1996 đến nay bệnh meo đen (black fungus) đã lan truyền khắp các đồn-điền cao su tỉnh Quảng Trị. Loại meo này mọc ngoài vỏ cây, ban đầu màu trắng, sau chuyển sang đen. Các cây cao-su từ một đến hai tuổi bị meo đen bám vào sẽ èo-uột và chết dần. Số cây chết lên đến hàng mẫu tây và lan rất nhanh.

Lại nạn "cửa quyền" sông biển

Theo tin báo VC *Lao Động*, ngành du lịch tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng không phát-triển nổi vì nạn quan-liêu thư-lại (cửa quyền) trong guồng máy hành chánh của VC.

Ngành này cho thành-lập và hoạt-động du-thuyền chạy buồm đầu tiên có tên "Plan C". Vào giữa tháng 6.96 thêm con tàu Hoài Giang chạy đoạn Hội An và Cù lao Chàm. Con tàu dài 21 mét, rộng 4 mét, động cơ 52 mã lực, sức chở từ 45 đến 50 khách.

Tuy nhiên qua 2 chuyến đầu tiên, thuyền buồm Plan C đã gặp ngay rắc rối. Đầu tiên là thủ tục giấy tờ. Khách đi thuyền bị buộc phải ghi danh từ 1 đến 3 ngày trước khi xuống thuyền. Có tên trong danh sách xong, phải kèm chiếu-khán nhập-cảnh (hộ chiếu) mới được đội biên phòng tỉnh cấp giấy phép. Khi xuất phát ra cửa sông, cửa biển lại phải trình và phải đợi sự kiểm soát kỹ-lưỡng của các trạm. Mỗi lần "kiểm-soát" như vậy rất lâu lắc, và đi được hay không là do thủ-tục "đầu tiên / tiền đâu" đúng mức.

Khách mở hàng con tàu Hoài Giang đi đường nội địa cũng phải chờ chực 3 ngày. Khách phương Tây đi Cù lao Chàm... còn khổ sở hơn vượt Đại tây dương.

Ngày 17.5.1996 đoàn khách du lịch Hòa Lan gồm 19 người đi Cù lao Chàm. Gặp gió lớn, thuyền không đến được đảo cát tên là bãi Bìm, phải tấp vào một đảo cát khác để khỏi bị sóng gió nhận chìm. Ban chỉ-huy thuyền phải năn nỉ gần gãy lưỡi mới được vào bãi Làng để tránh gió. Cả đoàn du-khách lẫn ban chỉ-huy bị giam trong một quán cà phê, vừa ngớt gió đã được lệnh quay ngay trở về đất liền. Chuyến du lịch hỏng ngang. Ngành du lịch sông biển tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng mới mở ra đã có nhiều khách tìm đến, nhưng thủ tục giấy tờ đã làm nản lòng du khách từ các nước tự-do tới.

Trường Quốc học Huế bị sập

Trường Quốc Học Huế đã sụp đổ hai tháng trước ngày khai trường niên học 1996-1997.

Quốc học là ngôi trường truyền thống, được xây dựng cách nay đúng 100 năm. Trường đã đào tạo biết bao nhân tài trong và ngoài nước. Tin Tường Quốc Học sụp đổ đã gây xôn xao dư luận. Hà-nội vẫn khoe là những công trình kiến-trúc thuộc cách ngành văn hoá giáo dục luôn luôn được trùng tu. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo CSVN đã bỏ ra 17 tỷ đồng tiền Hồ để củng cố trường Quốc Học, một ngôi trường đã đi vào lịch sử và văn hoá Việt Nam nói chung, cố đô Huế nói riêng. Bước cuối cùng là hoàn tất phần mái và tháo dỡ các phụ kiện giàn giá, nhưng chỉ còn cách ngày tựu trường hai tháng thì sụp.

Nguyên nhân sụp đổ vì cách làm việc thiếu khoa học, vô trách nhiệm và do nạn ăn cắp nguyên liệu. Mức xi-măng trộn vữa thay vì 1 xi-măng 2 cát, nay chỉ còn 1 xi măng 20 cát, không sụp mới là phép lạ.

Câu hỏi chính: Hãng thầu là những ai? đã ăn chia với Ủy ban Nhân dân Huế như thế nào để ra nông nỗi? May là trường sụp sớm, nếu nó cầm cự được, 2 tháng sau mới sụp thì bao nhiêu sinh mạng học sinh và giáo chức sẽ bị chôn vùi trong đống gạch vụn?

Hà-nội không cho cựu chiến-binh Úc sang thăm chiến-trường cũ

Gần đến ngày kỷ niệm trận Long Tân (Bà Rịa), là trận đánh ác liệt nhất của quân Úc trong thời gian tham chiến tại Việt Nam trước đây, phái đoàn Cựu Chiến Binh Úc do ông Tim Fisher, Phó Thủ Tướng kiêm Bộ trưởng Cựu Chiến-binh, là người từng tham chiến ở Việt Nam, cầm đầu, dự định sang VN thăm núi Đất, nơi họ đóng quân trước đây.

Ban đầu Hà-nội đồng ý, nhưng chờ đến sát ngày lên đường của phái-đoàn Úc mới thông-báo "hủy bỏ" lời hứa. Hà Nội giải-thích rằng họ không có ý định khơi lại vết thương cũ, và không thể bảo-đảm an-ninh cho phái đoàn Úc trong lễ kỷ-niệm (chiến-thắng) trước sự tức giận của "dân chúng địa phương".

Đối với các cựu chiến binh Úc từng tham chiến tại Việt Nam, địa danh Long Tân, nơi xảy ra trận đánh lớn nhất của quân Úc, tượng trưng cho lòng quả cảm và tinh thần chiến-đấu của họ.

Kết quả trận Long Tân ngày 18.8.1966, phía Úc có 17 binh sĩ tử thương, phía VC để lại 245 xác. Nay một phái đoàn 30 cựu chiến binh Úc dự định sang Việt Nam để cử hành lễ kỷ niệm tại căn cứ cũ của Úc và thăm lại Long Tân.

Bộ Ngoại-giao VC đã không xét kỹ yêu-cầu của Úc, để nay phái-đoàn Úc đã sẵn-sàng lên đường mới rút lại lời hứa, hủy bỏ toàn bộ các chiếu-khán nhập-cảnh, đã tạo khủng-hoảng ngoại-giao trầm-trọng giữa hai nước. Úc đã phản-ứng mạnh, và Nguyễn Mạnh Cầm, Ngoại-trưởng VC lại tuyên-bố "sẽ tái-tái-xét" quyết-định trên.

Tình-hình đầu-tư tại VN sắp trở về khởi điểm

Trong khi Hà Nội tiếp tục công bố

các con số rất lớn về những dự án đầu tư nước ngoài đã được chấp thuận tại Việt Nam: gần 18 tỉ mỹ-kim từ 1988 tới nay. Trên thực-tế, chỉ vào khoảng 1/4 con số này.

Tạp chí *Kinh Tế Viễn Đông* trong số ra đầu tháng 8.96 có một bài dài điểm các cuốn sách chỉ dẫn về làm ăn tại Việt Nam.

Cuốn sách được nhà phê bình Frederick Balford khen nhất là *A Guide to Doing Business in Vietnam* của Stica Spencer và Kita High. Cuốn sách này có thể đọc một mạch từ đầu đến cuối một cách dễ dàng. Hai tác giả đã liệt kê 4 loại kinh doanh được phép theo luật đầu tư nước ngoài mà theo nhà phê bình vốn là một trong những đạo luật minh bạch hiếm có của Việt Nam. Sách cũng cung cấp một tóm tắt đầy đủ tiến trình nhiều giai đoạn để một dự án có thể được chấp thuận. Đoạn hay nhất, sách thảo luận về chi phí đầu tư ở Việt Nam kể cả chi phí phải "thông qua" một hệ thống hành chánh rườm rà. Về điểm này, nhà điểm sách xác-định: sách viết rất đúng và còn có giá trị lâu dài (nghĩa là còn lâu lắm CSVN mới hết tham nhũng, và các nhà đầu tư ngoại-quốc mới thoát cảnh dốc túi ra lót đường kinh doanh).

Cuốn sách cũng nêu lên vấn đề thâm thủng mậu dịch tới 2,3 tỉ mỹ-kim trong năm ngoái, trong khi tổng sản lượng quốc-gia của CSVN chỉ có 17 tỉ.

Nhận-định về vấn-đề "cải tổ", sách xác-định rằng: có thể bị khựng lại bất cứ lúc nào.

Cuốn sách thứ hai mang tên là *Vietnam, The Non-Business Guide* của Thomas Kemberman. Cuốn này viết xong trước khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận CSVN. Sách không được khen. Nhà phê bình nhận-xét, sách có quá nhiều lỗi cũng như những chi tiết không cần thiết.

Cuốn thứ ba là *Vietnam Business Opportunity and Risk* của Joseph Quinland. Theo Balford, đây là một cuốn sách có giá trị. Khuyết điểm duy nhất của cuốn sách là chứa đầy những thống kê chỉ đúng cho đến năm 1993 mà thôi. Ưu điểm của cuốn sách là một tóm lược đầy đủ về những thất bại trong các thí nghiệm kinh tế của Việt Nam trong các thập niên 70 và 80.

Cuốn thứ tư, *Vietnam, a Business Handbook* của Niel Ashwood đã duy trì được thăng bằng với những lời khuyên làm ăn và bối cảnh thị trường.

Nói chung, không một cuốn nào khuyến-khích các nhà đầu-tư đổ của vào VN. Thị-trường VN với 70 triệu dân, trông có vẻ hấp dẫn, nhưng đừng ai quên rằng túi tiền của 70 triệu người kia hầu hết rỗng không; chỉ có 2 triệu túi cán bộ trung và cao cấp và giới phe phẩy là lưng lưng giấy bạc, nhưng đây là một bọn tráo-trở, vô pháp vô thiên, không thể giao-dịch được.

Làm nhục công-nhân: 3 tháng tù, 5 đô án-phí

Phóng viên Andy Salomon của báo *Asia Times* tại Sài Gòn tường thuật về phiên tòa xử nữ đốc công người Nam Hàn về tội lăng nhục công nhân Việt Nam như sau:

Đây là phiên tòa đầu tiên xử một vụ như vậy ở Việt Nam. Nữ bị cáo tên là Tang Mi Baek, 30 tuổi, giữ chức Quản Lý Kỹ Thuật cho xí nghiệp đóng Giày dép Sam Yang do Nam Hàn đầu tư 100% ở Việt Nam.
Bà này bị kết án tù 3 tháng, bị ngưng chức trong 1 năm về tội nhục mạ 15 nữ giám-thị người Việt. Bị cáo còn phải trả án phí là 50.000 đồng Việt Nam mà theo hối suất hiện hành thì tương đương khoảng gần 5 mỹ-kim.

Đại diện chính-phủ Nam Hàn tại phiên toà, là một nhà ngoại giao thuộc Lãnh Sự Quán Nam Hàn tại Sài Gòn. Trước khi tòa xử, ông này tuyên bố rằng bản án sẽ dẫn tới một số hậu quả. Ông nói, chính phủ Nam Hàn rất quan tâm đến vụ này. Nó có thể đưa đến các vấn đề trong quan hệ song phương, và có thể khiến cho cộng đồng kinh doanh Nam Hàn mất tin tưởng vào việc đầu-tư vào VN.

Về diễn biến phiên tòa, bị cáo Tang khóc, thú nhận đã dùng một chiếc giày đánh vào đầu, vai và các bộ phận thân thể khác của những người thuộc quyền. Sự việc xảy ra sau khi cấp trên của bà khiển trách bà về một số vật-liệu bị ném vào thùng rác và 9 đôi giày may hỏng.

Hai trong số 15 công-nhân bị đánh đã phải vào bệnh viện điều trị. Ngoài 15 nữ giám-thị người Việt bị đánh còn có 2 người Nam Hàn cũng bị bà Tang hành-hung.

Ngay sau khi xảy ra vụ hành hung giám-thị, toàn thể , 4.100 công nhân của xí nghiệp Sam Yang đã đình công khiến nhà máy bị đình trệ công việc một tháng. Đến khi Ban Quản Lý xí nghiệp ra lệnh cho bà Tang công khai xin lỗi, công nhân mới trở lại làm việc. Mức lương tháng của công-nhân ở hãng giày Sam Yang trung bình khoảng 40 mỹ-kim.

Tòa tuyên phạt bà Tang về tội xúc-phạm nhân-phẩm và thể chất người khác.

Vụ bà Tang đã khơi dậy phong-trào phản-kháng chủ và đốc công Nam Hàn. Công-nhân VN tại các hãng xưởng khác phẫn nộ và công khai chỉ trích người Nam Hàn về việc ngược-đãi công nhân. Nam Hàn là một trong số 5 nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam. Các nhật báo Việt Nam còn chậm biếm rằng hành hạ thể xác công-nhân nằm trong phạm-vi "tay nghề" của các chuyên gia Nam Hàn, không riêng gì tại VN mà ở nước họ cũng thế.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quí độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Viettronimex
181 Hàm-nghi
Q. 1, TP/HCM
Vietnam

Viettronimex Đống-đa
122 Hàng Trống
Hà-nội
Vietnam

Viettronimex
70 Hồ Tùng Mậu
Q. 1, TP/HCM
Vietnam

Viettronimex
190 Lò Đúc
Hà-nội
Vietnam

tuyết thư

Nguyên Hương

Chính trị và đạo đức

Đoạn này *Tuyết thư* bàn chuyện Hoa kỳ. Cái nồi tạp chủng *melting pot* này đang sôi sùng sục chuyện bầu cử tổng thống, và lôi kéo sự chú ý của đủ mọi hạng người, kẻ thù xa cũng như láng diềng gần.

Chuyện bầu bán bao giờ cũng lôi thôi. Có điều, người văn minh chơi trò dân chủ theo cách văn minh: muốn ngồi lì thì lo mị dân kiếm phiếu, không đi lập thêm các... tiểu bang mới để dồn phiếu cho mình.

Cuộc tranh hùng năm nay diễn ra giữa ba phe. Ông Bill Clinton đảng Dân chủ cố thủ tòa bạch ốc, có ông phó Gore phụ tá giữ thành. Ông Bob Dole đảng Cộng hòa động binh tiến chiếm, có ông phó Kemp hậu thuẫn. Phe thứ ba, do ông Ross Perrot thuộc đảng tân lập Cải cách (Reform) cầm đầu. Hai cặp Clinton-Gore và Dole-Kemp hiện bám nhau dẫn trước trong vòng đua, riêng ông tỉ phú Perrot chỉ ứng cử lấy tiếng như lần trước, không hi vọng gì.

Hơn ba tháng trước ngày bầu cử, kết quả thăm dò dư luận cho thấy ứng cử viên Dole thua đương kim tổng thống Clinton tới 20 điểm.

Dân Mỹ thật khó hiểu. Một bên, là một người trẻ tuổi, từng hút cần sa (dù *...not inhale)*, từng trốn lính (nhưng hiện làm tổng tư-lệnh tối cao quân-lực Hoa-kỳ), từng trăng hoa bay bướm với đủ loại các bà các cô, đang bị kiện về tội sách nhiễu tình dục (nhưng xin khất xử cho qua mùa bầu cử), đang bị điều-tra về tội mua bán bất động sản lem nhem, trốn thuế, v.v.

Một bên, là một người anh hùng, từng thương tích thập tử nhất sinh trên chiến trường, phục vụ nhân loại (một làng ở nước Ý đã mở hội lớn ủng-hộ cựu chiến binh Dole, người từng chiến đấu trên đất nước họ thời đệ nhị Thế chiến). Về đạo đức cá nhân, người hùng sau khi giải ngũ đã làm việc mấy chục năm liên tiếp trên chính trường không mang một tai tiếng lớn nhỏ về bất cứ loại nào.

Người nào đáng mặt nguyên thủ quốc gia hơn? Người nào đáng làm cho nước Mỹ hãnh diện hơn? Người nào sẽ chèo chống con thuyền quốc gia một cách vững chãi hơn? Nếu ông Bob Dole ứng cử ở một nước nào khác, nơi mà dân chúng lấy đạo đức làm trọng, ông sẽ đè bẹp đối thủ. Nhưng đây là Mỹ quốc, nơi mà dân chúng coi chiến binh của họ như đồ bỏ, nơi mà "anh hùng" của họ là những ngôi sao sáng trên sân cù trượt băng, trên sân bóng bầu dục, trên võ đài, trên sân khấu... thì khác. Ở đây, giá trị tương đối của bất cứ thứ gì cũng nên kỳ quái một chút, "*cool*" một chút, nổi loạn một chút thì mới hợp tạng phủ của cử tri, nhất là lớp cử tri đại chúng bình dân vốn đòi hỏi, bất mãn, thích của lạ và ưa mị.

Phải chăng đó là những giá trị mới của cuộc đời, khi mà luân lý, đạo đức, nhân cách chỉ được nhắc đến trong truyện cổ tích dành cho nhi đồng? Trông người rồi gẫm đến ta. Buồn thay!...

Những tờ thư cũ...

Chuyện Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sắp tới hồi chung cuộc. Để tìm hiểu vấn đề, Văn Bút quốc tế lập một "ủy ban đặc cử", nhờ ông Trần Thanh Hiệp và các cựu chủ tịch Văn Bút (trừ Viên Linh) cùng ngồi lại, nghiên cứu hồ sơ và đưa ra một phúc trình cụ thể. Ông Trần Thanh Hiệp là một luật gia nên các nhà văn trong và ngoài hội có phần tin tưởng rằng ông sẽ đưa ra một đề nghị thỏa đáng, thượng tôn luật pháp (ở đây là Điều lệ), phù hợp truyền thống dân chủ đại nghị của Văn Bút quốc tế. Dù sao cũng phải chờ xem...

Trong khi đó, Viên Linh mở hẳn một chiến dịch để khuấy phá *Làng Văn*, trả "thù" LV đã tích cực hỗ trợ 6 Trung tâm Văn Bút chống trả sự phá hoại của Viên Linh.

Cuộc tấn công LV tốn rất nhiều tiền và bằng đủ mọi cách, từ việc in và dán tem gửi đi hàng chục ngàn tờ báo hồ sơ mạo danh "Cộng đồng người Việt quốc gia Gia Nã Đại" để bôi lọ Nguyễn Hữu Nghĩa, gửi truyền đơn hăm dọa tới từng nhà hội viên Trung tâm Ontario, đến việc dùng điện thoại viễn liên thuyết phục, lung lạc, mua chuộc từng cộng sự viên của tờ báo.

Sau nửa năm dốc hết tâm lực, Viên Linh lay chuyển được một người: Hồ Trường An, bằng cách phong anh ta làm "đệ tam phó chủ tịch", một chức

không hề được ghi trong Điều lệ Văn Bút VNHN từ ngày thành lập đến nay!

Tên tuổi Hồ Trường An đứng cạnh Viên Linh làm nhiều người sửng sốt. Bạn bè của anh, độc giả của anh gửi thư tới tấp về tòa soạn, phần lớn bày tỏ sự ngạc nhiên, số khác thất vọng và giận dữ. Có những dòng thư thật buồn như chính họ vừa mất một người thân. Có những dòng phẫn nộ như chính họ bị bội bạc. Và tất cả đều có chung một thắc mắc: tại sao?

Tại sao?...

*

* *

Mùa hè ở Canada sắp hết. Sen năm nay được mùa. Cụm sen to nhất nảy một lúc mười mầm hoa bụ bẫm, nở ra những đóa kim liên tinh khiết.

Tuy trời vẫn nắng, sen súng, cỏ hoa vẫn rộ nở nhưng ngày đã bớt dài, thỉnh thoảng những cơn gió từ phương bắc thổi về, gây gây lạnh, báo trước mùa đông giá băng sắp đến.

Một ngày tháng tám, dọn kho sách vở, xếp gọn giấy má, tình cờ đọc lại một số thư xưa, của những người đã từng đi chung một đoạn đường. Buồn, nhưng càng thấm thía hơn, về lòng người, về những giá trị luân lý, đạo đức mà có lẽ đối với một vài người đã trở thành một thứ xa xí phẩm lỗi thời, vô bổ.

Mười bốn năm giao thiệp, mười hai năm Hồ Trường An cộng tác với Làng Văn, thư anh viết gửi về đến hàng trăm bức, tâm sự kể lể đủ điều, phê bình người này, nhận xét người nọ, tiếp tay ai đó phao một tin đồn, chép lại một bài thơ rơi chửi bới một nhân vật địa phương nơi anh ở... Đọc thư anh lần nào cũng phải phì cười. Quả không có biệt danh nào hợp với tính tình ẻo lả, phong cách nhễu nhão của anh bằng "Bà Già Trầu". Lần đầu tiên ba chữ này xuất hiện trên mục *Thư đi tin lại*, Hồ Trường An vui vẻ nhận ngay, lâu ngày đã thành một thứ biệt hiệu của anh trong văn giới.

Trong hàng trăm cái thư được sắp xếp ngay ngắn theo ngày tháng lưu trữ ở tòa soạn, Bà Già Trầu chanh chua bình phẩm không sót một người nào, bằng đủ loại tĩnh từ mà người nghe phải đỏ mặt. Anh khen ai (trong *Thông điệp hồng, Chân trời lam ngọc)* nhiều chừng nào, trong thư chửi hung chừng nấy. Làm như để lấy lại quân-bình trong tâm hồn khi anh vì cơm áo lôi cuốn, phải uốn cong ngòi bút "xạo sự" về những điều không thực sự xuất phát từ lòng anh.

Chỉ trong thư, Hồ Trường An mới thực sự biểu lộ những gì anh nghĩ, về tất cả mọi người, kể cả *"sư tử cái"* Nguyên Hương và *"cu Vũng"* Nguyễn Hữu Nghĩa trong những ngày còn chung đường.

Càng đọc lại, đọc kỹ thư Hồ Trường An, càng hiểu rõ và tội nghiệp anh. Lòng hiếu danh và sự khờ khạo đã khiến anh mờ mắt, chìm đắm vào nhược điểm mà anh hằng tâm sự: *"Con người tôi tu không ra tu, trụy lạc không ra trụy lạc nên trở thành mê muội, điên khùng"* (thư ngày 12.10.90). Và rõ hơn nữa: *"Trời ơi, tôi đã gần lục tuần, phải dẹp bớt nhục dục, nhứt là thói ham mê danh vọng mới được, bởi vì cố dẹp hoài mà có hết ham mê đâu! Hồi còn thanh xuân thì tôi mê chim chuột gió trăng, tới tuổi già xấu lại ham mê danh vọng, vậy mà tu nỗi gì!"* (thư ngày 28.4.94)

Khi xé lẻ đi đêm với Nguyễn Quang Sáng (Tổng Thư ký Hội Nhà Văn VC), sợ bị hỏi tội, anh cầu cứu thảm thiết với Nguyễn Hữu Nghĩa: *"Bồ cứu tôi kỳ nầy, kẻo tôi chết... Vậy bồ làm sao cứu Bà Già Trầu khờ khạo, già đầu mà còn ngu si này... Lo quá, N. ơi đầu tôi bạc trắng rồi đây!"* (thư ngày 14.6.89)

Bị Nghĩa trách móc, Hồ Trường An thề thốt: *"Tôi xin thề là không bao giờ phụ rẫy ông. Lúc này ông đương đầu với bao bọn cẩu trệ, tôi tự nghĩ mình dốt nát chính trị, lại tài hèn đức bạc không đứng cùng giới tuyến với ông thì thôi chớ tôi chống ông làm gì?... Thề có trời đất chứng giám, tôi mà nói điêu thì bao nhiêu tai nạn khủng khiếp sẽ đến tôi."* Hay: *"N. đừng nói thế tôi đau lòng lắm... Nói thế làm tôi khóc đây nè.."* (thư ngày 16.3.92). Anh còn gạch rất nhiều gạch dưới chữ "khóc" để nhấn mạnh.

Cứ thế, trong mười mấy năm trời, chuyện gì anh cũng kể, từ dự định đi đóng phim X mà không thành công đến chuyện con cái anh đã nên người,.. Hồ Trường An khai vanh vách. Đối với một người như thế, làm sao mà giận lâu được!

Vậy mà ngờ đâu mối giao tình đó, lời thề *"không bao giờ phụ rẫy"* đó không nặng bằng miệng lưỡi đường mật và bộ mã của Viên Linh, người mà trước kia anh viết: *"...ghét thằng côn đồ Viên Linh, cái thời của nó đã hết mà còn lớn lối"*. (thư ngày 27.10.87).

Gần đây, khi Viên Linh sang Pháp đánh đu với đám Việt kiều đoàn kết, Hồ Trường An cũng cho biết ý anh: *"Bà Già Trầu vốn ưa văn thơ Viên Linh, ai dè ảnh là thứ sớm đầu tối đánh, mai Huế xế Quảng, rõ ràng là tên trật búa không sai. Đã vậy khi về Cali, ảnh còn nhẫn nhe tôi viết cho ảnh bài phóng sự về hôm tiếp tân ấy. Bộ ảnh là ông nội, là cha tôi chắc? Viết bài đăng chùa cho Hồn Việt để ca tụng Cộng rặt, Cộng lai căng, Cộng mới hường hường chưa tới đỏ thén là không có Bà Già Trầu thơ mộng này rồi."* (thư ngày 21.7.92)

Gần đây nhất, sau khi đã xảy ra vụ Viên Linh và Văn Bút, Hồ Trường An còn viết: *"Tôi không phủ nhận các bạn có chính nghĩa. Tôi cũng vẫn thấy các bạn nhìn rõ vào việc Viên Linh."* (thư ngày 15.2.96)

*

* *

Nguyên Hương xếp lại mấy trăm trang thư, như lau vội những giọt nước mắt của một người bạn cũ. Những dòng thư còn đó, giọng nói ồn thót của anh còn vang đâu đây, chảy dài như những giọt nước cốt trầu còn ngấn vết. Cuộc viễn trình hãy còn xa xăm, hành trang còn nặng nề. Dù sao cũng cảm ơn anh, Hồ Trường An, người bạn đồng hành năm cũ, về những hệ lụy và những kinh nghiệm về cuộc đời.

Tôi xin được đặt dấu chấm cuối cùng của bài này ở đây, và mong đó là câu trả lời chung cho hai tiếng "tại sao?" ●

tin văn xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn

Biết số vợ thì biết số tiền

Từ sau ngày George Horace Gallup (Mỹ, 1901-1984) thành lập viện thăm dò dư luận quần chúng, và cơ sở này tỏ ra hữu hiệu, thì gần như xứ tự do nào cũng có một tổ chức tương tự. Ngoài những thăm dò về chính trị, các cơ sở này cũng kiêm nhiệm luôn những lãnh vực văn hóa, xã hội, và kinh tế. Các công ty sản xuất, hoặc thương mại lớn, thường ủy phần vụ tiếp thị cho những cơ sở thăm dò dư luận này.

Riêng tại thành phố Montreal của Gia Nã Đại, có viện *Léger & Léger* cũng đang hoạt động rất mạnh.

Gần đây, cơ sở này công bố một số kết quả điều tra, cùng cách làm việc của họ, khiến chẳng những dân sở tại, mà cả mọi người đều chú ý. Người ta bảo nhau: À, té ra họ làm việc như vậy?

Tóm lại, đến đâu để "thăm dò", thì cũng phải "nhập gia tùy tục". Nhân viên thăm dò phải tự mình thích nghi với văn hóa địa phương. Jean-Marc Léger, tổng giám đốc viện Léger & Léger nói về cách mà nhân viên của ông đã áp dụng tại một số nước thuộc Phi Châu: "Chúng tôi phải đem theo những món quà nhỏ như viết máy, áo thun, để tặng cho những người được phỏng vấn. Nếu không thì họ không cho biết sự thật trong những chuyện hơi đặc biệt. Nhưng trong những cuộc thăm dò chính trị, thì chúng tôi không mời họ uống bia như trước kia nữa. Chúng tôi chỉ cần giơ ra hình ảnh các ứng cử viên và dấu hiệu các đảng. Tuy nhiên, kết quả những cuộc gặp gỡ như thế cũng không lấy gì làm khích lệ".

Về mánh lới điều tra, Léger kể một mẩu chuyện vui: "Ở xứ Gabon (Phi Châu), viện chúng tôi cũng có một chi nhánh. Ban đầu, chúng tôi thất bại trong việc điều tra về mức sống của người Gabon. Lý do là vì họ không chịu nói gì về vấn đề ấy hết cả. Về sau, chúng tôi tìm ra được cách để biết ai giàu ai nghèo. Kết quả chắc chắn mà lại dễ nữa: Trong xã hội Gabon, người đàn ông nghèo chỉ có một vợ; nhưng người trung lưu thì có từ 2 đến 5 vợ; còn người giàu có thì phải nhiều hơn. Thế cho nên, chúng tôi chỉ cần biết số vợ, là biết họ giàu hay nghèo. Mà được hỏi về số vợ, thì họ vui vẻ trả lời ngay, không chút giấu giếm".

Trong khi đó, trong khoảng thời gian 5 năm trở lại đây, viện thăm dò "CROP" lại chịu chi tiền cho những cuộc điều tra tốn kém. Những bản vấn đề lục in bằng 8 thứ tiếng, và những phỏng vấn viên nói thành thạo nhiều thứ tiếng như Ả-rập, Quan thoại, Quảng Đông, Tây Ban Nha, v.v... Nhưng người phỏng vấn không phải chỉ cần thông thạo ngôn ngữ, mà còn phải biết rõ phong tục tập quán của cộng đồng dân tộc đang là đối tượng cuộc thăm dò.

Viện "Léger & Léger" không bao giờ phỏng vấn người gốc Trung Quốc bằng điện thoại. Nhân viên thăm dò phải tổ chức những cuộc tiếp xúc trực tiếp, và người trả lời phỏng vấn là đại diện cho cộng đồng để trả lời. Tóm lại, người gốc Trung Quốc sẽ nói: "Ý của người Trung Hoa chúng tôi là..." Ý nào cũng là của tập thể đồng hương của họ.

Nhân viên của "Léger & Léger" cũng có kinh nghiệm là không nên hỏi những người Ả-rập những câu liên hệ đến tình dục, là người đi phỏng vấn nên lớn tuổi hơn người được phỏng vấn, là người gốc Á Châu thường rất dè dặt trong những vấn đề tài chánh cá nhân và đời sống gia đình.

Mặt khác, viện nghiên cứu PDG của Toronto cũng trong 5 năm gần đây, đã trở thành chuyên môn trong lãnh vực thăm dò những cộng đồng người gốc châu Á. Các công ty của Gia Nã Đại càng ngày càng muốn

biết những động cơ di dân của người Trung Hoa, nhưng kết quả điều tra của các viện thăm dò không thỏa mãn được nhu cầu muốn biết. Trở ngại có lẽ nằm ở chỗ những câu hỏi viết không phải bằng chữ Tàu.

Theo tài liệu tổng kết, tỉnh Québec của Gia Nã Đại là nơi lý tưởng cho những cuộc thăm dò: Những bản câu hỏi phát ra, thường được trả lời từ 60 đến 70 phần trăm. Trong khi đó, ở những thành phố như New York, Toronto, hay Paris, tỷ lệ ấy chỉ đạt được chừng 25 phần trăm.

Rất ít, hoặc không có nhà xã hội học nào dám công khai nhìn nhận rằng nhận định của mình đã dựa vào kết quả thăm dò của phần hành tiếp thị của một công ty thương mại. Nhưng trong thực tế, hiện tượng này có khá nhiều. Điều tra phong tục tập quán, điều tra văn hóa, điều tra dân tộc tính, điều tra gì cũng không đổi dào phương tiện và chu đáo bằng điều tra về mãi lực. Một công đôi ba việc. Một nhân viên phụ trách tiếp thị biết vị chính khách nào sẽ thắng cử, là một chuyện rất thường. Một bà nội trợ có thể không mua hàng, nhưng sẵn lòng trả lời sẽ bỏ phiếu cho ai.

Chung thân bất mãn

Chắc các bạn có để ý chuyện này: Gần đây, có nhiều cuốn phim có phần cuối trình bày cho khán giả thấy cách làm phim, nhất là những đoạn phim quay hư. Coi phần này, khán giả thích thú nhìn thấy được "hậu trường", tất nhiên là chỉ một phần. Đọc tiểu sử, hoặc tự truyện của các nhà văn, độc giả cũng có cái thích thú tương tự. Tác phẩm của một nhà văn là những mảnh đời dàn dựng "của người mà cũng của ta", thật ít mà giả nhiều; cuộc đời của chính nhà văn mới là của họ, thật là của họ. Cuộc đời này là cái họ có, còn tác phẩm chỉ là cái họ muốn có. Hai cái ít khi giống nhau. Đọc chuyện đời của một nhà văn chính là để biết sự khác nhau này.

Gabrielle Roy là một nhà văn lớn của Gia Nã Đại. Bà sinh năm 1909 tại Manitoba, và mất năm 1983 tại Québec. Bà viết bằng tiếng Pháp, và chuyên viết tiểu thuyết. Nghề sinh kế của bà là dạy học, nhưng bà cũng viết được khá nhiều, trong số đó, có đến 5 cuốn được các nhà phê bình cho là hay.

Một đặc điểm trong tiểu thuyết của bà là các nhân vật đều là những người tầm thường trong xã hội, nhưng lại có những ước vọng không bao giờ thực hiện được, nên đã phải đau khổ suốt đời.

Nhưng ở đây, tôi sẽ kkông trình bày văn nghiệp của Gabrielle Roy, mà chỉ chiếu cho các bạn xem "phần cuối" cuộn phim đời của bà. Các bạn sẽ "nhìn thấy" cách làm việc trong hơn 10 năm nay của Francois Ricard, người viết tiểu sử cho Gabrielle Roy.

Ricard nhỏ hơn Roy 38 tuổi, nhưng hai người là bạn vong niên rất thân. Không nghe nói Ricard có được nhà văn tiền bối hướng dẫn viết văn, nhưng ông ta rất được bà tin cậy. Khi biết mình không còn sống được bao lâu nữa, bà đem tất cả những chứng liệu liên hệ đến đời mình giao cho Ricard và nói: "Hãy viết chuyện đời tôi. Nhưng đợi sau khi tôi chết, thì mới cho xuất bản". Ricard nhận, và giữ đúng lời hứa. Sau 13 năm tìm hiểu Gabrielle Roy bằng đủ mọi cách, ông hoàn tất cuốn tiểu sử của bà.

Để bắt đầu, Francois Ricard có trong tay một đống tác phẩm của Gabrielle Roy cùng những bài phê bình hồi mới được xuất bản, và khoảng 4.500 lá thơ mà bà đã viết cho chồng và các bạn lúc còn sống. Thật ra trước kia, nếu Ricard biết rằng mình sẽ phải viết tiểu sử cho người bạn vong niên, thì ông đã có rất nhiều dịp hỏi trực tiếp về những điều cần biết. Ông nói: "Hồi ấy, chúng tôi rất thường gặp nhau. Lần nói chuyện nào cũng nhắm chủ đề văn học và xã hội. Và lần nào cũng kết thúc bằng một cuộc tranh luận thường là rất sôi nổi và căng thẳng. Để làm dịu không khí, tôi hay lái câu chuyện sang cuộc sống tâm tình của bà. Bà sẵn sàng kể,nhưng rồi tôi lại ngại, không muốn lợi dụng cơ hội để đi sâu. Thế cho nên bây giờ tôi phải lặn lội đi tìm hiểu".

Ricard không nói quá khi dùng chữ "lặn lội". Ông đã thân hành về tận đảo Petite-Poule-d'eau (thuộc Manitoba) là nơi Roy đã sống một thời gian để dạy học; đến ngôi nhà rất xưa ở đường Deschambault, khu Saint-Boniface của thành phố Winnipeg, nơi Roy đã sinh ra và sống thời niên thiếu; tiếp xúc với những người sinh từ đầu thế kỷ, có họ hàng hoặc chỉ là quen biết với Roy. Họ đã giúp cho ông hiểu được một phần cái nguyên nhân đã tạo nên một người đàn bà "chung thân bất mãn".

Gabrielle Roy, ảnh 1945

ảnh 1973

Tại Québec, Ricard đã phỏng vấn 150 người, trong đó có chồng của Roy là bác sĩ Marcel Carbotte, những người chị em của bà, và một số bà già ông già, thật già nhưng ký ức còn rất tốt. Ai nấy đều có một vài kỷ niệm thân thương đối với Roy. Những cuộc tiếp xúc đã cho Ricard cái nhận định chung về Roy: Một người đàn bà lúc nào cũng ưu tư, có một số phận thật thống thiết, sống được mãn đời là nhờ có một nghị lực phi thường.

Được hỏi vì sao là một nhà văn chuyên viết những bài luận thuyết sôi động về những "thế thệ mới" mà lại chịu bỏ công viết tiểu sử của một nhà văn nữ có cuộc sống xa lánh, Ricard nói: "Vì bà là một trường hợp đặc biệt. Tôi nghiệm thấy tác phẩm của bà chính là cuộc đời của bà, nhưng bà không hài lòng với những tác phẩm ấy, cũng như với cuộc sống".

Ricard kể lại những ngày đầu quen biết: "Tôi gặp bà lần đầu vào mùa hè năm 1973, để xin bà viết cho cuốn sách của tôi một lời giới thiệu. Khi đó, tôi chỉ mới 26, nhưng bà đã 64 tuổi. Trước khi gặp bà, tôi đã thấy ảnh của bà trên báo, những tờ báo khoảng thập niên 50. Khi gặp bà, tôi ngạc nhiên thấy bà già hơn là tôi hình dung trong trí. Da mặt bà nhăn nheo, nhưng đôi mắt màu xanh của bà có tia nhìn rất sắc, khiến khuôn mặt màu sậm có một vẻ đẹp cương nghị".

Còn cuộc sống nội tâm của Roy? Ricard kể: "Gabrielle yêu thương đất nước Canada, nhưng tại Québec, bà vẫn cứ bị mọi người coi là người xa lạ. Quan điểm chính trị của bà không dung hợp được với quan điểm của người ta. Mà lui về, thì bà không có chỗ. Cuộc sống chồng vợ của bà đầy dẫy những điều khó khăn, không sao thu xếp được. Chồng bà, bác sĩ Marcel Carbotte là một người đồng tính luyến ái. Hai người không có con với nhau. Carbotte lại sống trong một giới trí thức có tư tưởng hết sức tự do về nghĩa vụ hôn nhân. Cái đó khiến tình trạng giữa hai người càng thêm nặng nề".

Có một chi tiết đặc biệt, ít người viết tiểu sử gặp: Gabrielle có một người chị ruột, đã 102 tuổi, hiện còn sống, tên là Adèle. Bà này suốt đời cứ tìm cách làm khổ em gái, vì nghĩ rằng em gái đã tranh hết phần của mình: Sự cưng chiều của cha mẹ, nhan sắc, và tài năng. Adèle đã nuôi mộng làm văn sĩ, nhưng cho tới giờ, vẫn không có tác phẩm. Khi Gabrielle vừa qua đời, được biết Ricard đang thu thập tài liệu để viết tiểu sử cho em mình, Adèle đã điện thoại mời Ricard đến nhà trao cho một tập giấy viết tay, và nói: "Đây là tất cả sự thật về Gabrielle". Ricard đem về, đọc thấy toàn là những nhận xét bất công và độc ác, nên đem trả lại.

Trong những năm cuối đời, vì bị bệnh phong thấp hành, Gabrielle Roy phải ngưng viết. Tình trạng phải tự nhốt mình trong nhà từ ngày này sang ngày khác lại khiến bà bị thêm chứng rối loạn hô hấp. Đây là một chứng vừa sinh lý vừa tâm lý. Đến mùa hè 1983, bệnh nặng, bà phải vào bệnh viện. Rồi ngày 13-7, lúc 5 giờ sáng, bà tắt hơi. Chồng bà gọi điện thoại ngay cho người sẽ viết tiểu sử cho bà.

Người viết tiểu sử nhận định: Gabrielle Roy cảm thấy có tội. Suốt đời bà ôm ấp hai hoài bão: Trở thành một nhà văn lớn và làm một thánh nữ tận tâm phụng sự. Hai hoài bão này chống chọi nhau, nên bà chỉ làm được một.

Ảnh hưởng rộng hơn

Toni Morrison (1931) là nhà văn được giải Nobel Văn Học năm 1993. Mới đây, bà được tạp chí *Time* xếp trong danh sách 25 người đang có nhiều ảnh hưởng nhất ở Hoa Kỳ.

Toni Morrison là người Mỹ da đen, dạy văn chương tại các trường đại học Howard và Princeton. Bà chuyên viết tiểu thuyết, đã có nhiều cuốn được xuất bản và được các nhà phê bình rất khen ngợi. Cuốn *Beloved* của bà được giải "Pulitzer" năm 1987.

Nói chung về tác phẩm của Morisson, các nhà nghiên cứu văn học thế giới có cùng nhận định: Bà chú trọng đến đời sống của những người da đen mới đến lập nghiệp tại các thành phố, đang bị giằng co giữa cái quá khứ nô lệ của ông cha và cuộc sống phù hoa nơi thị tứ của xứ Mỹ. Họ muốn phá bỏ tất cả những gì gây trở ngại cho tự do, cho bản sắc da đen, cho những đòi hỏi của gia đình và cộng đồng chủng tộc của chính họ.

Thật ra, trước khi được giải Nobel, Morrison đã được người Mỹ đánh giá đúng tài năng. Trước đó vài chục năm, bà đã được coi là một nhà văn có chân tài. Lại thêm bà là người Mỹ gốc Phi Châu, nên ảnh hưởng của bà đã vượt ra ngoài lãnh vực văn học. Văn phong mạnh mẽ trong các tác phẩm, cộng với nhân cách uy nghiêm của con người, khiến cho bà có một tác động tinh thần rất mạnh trên cả một thế hệ văn nghệ sĩ da đen ở Mỹ, giúp họ thành công trong văn nghiệp: Có hứng khởi trong sáng tác, có triển vọng khi đưa tác phẩm ra chào đời. Nhất là đối với nữ giới.

Trong vài năm nay, số sách do những ngòi bút nữ da đen viết, được xuất bản tăng lên gấp bội. Một khi được phát hành, sách của họ cũng bán rất chạy. Chẳng hạn như tác phẩm của Bebe Moore Campbell và Terry McMillan thường được xếp hạng cao trong các bản kê sách bán chạy nhất của các hiệu sách trong khắp nước Mỹ, và cả bên ngoài nữa. Hiện tượng này chỉ mới có gần đây thôi, nghĩa là

Toni Morrison

sau khi Toni Morrison được giải Pulitzer, và nhất là giải Nobel.

Năm nay Toni Morrison đã 65 tuổi. Ngoài kinh nghiệm cầm bút để làm cái gương khích lệ các bạn gái đồng chủng, với trên 30 năm cộng tác với nhà xuất bản Random, bà đã có rất nhiều cơ hội và phương tiện cụ thể để giúp đỡ các nhà văn nữ da đen đàn em.

Ngoài phạm vi trước tác và điều hành xuất bản, với tư cách giáo sư đại học, ảnh hưởng của Toni Morrison cũng không nhỏ. Kể từ 1989, phụ trách mấy môn khoa học nhân văn tại đại học Princeton, tiếng nói từ bục giảng cũng như những giảng khóa của bà đã gây ảnh hưởng rất lớn cho những công cuộc nghiên cứu về người da đen trên khắp lãnh thổ Hoa Kỳ. Henry Louis Gates Jr., giáo sư Harvard, và cũng là bạn của bà, nói: "Hiển nhiên là Toni Morrison có ảnh hưởng rất lớn trong các giới trí thức chúng tôi".

Nhưng có những nhà phê bình văn học Mỹ nói khác đi một chút: "Vì Toni Morrison là nhà văn, tác phẩm của bà sẽ sống lâu hơn bà". Câu tán thưởng ý nhị này có lẽ cũng có phần xuất phát từ lời phát biểu của chính Morrison tại Stockholm trong buổi lễ phát giải Nobel năm 1993: "Chúng ta phải chết. Có lẽ đó là ý nghĩa của nhân sinh. Nhưng chúng ta đang làm nên ngôn ngữ. Có lẽ đây là kích thước của cuộc sống chúng ta".

Rượu và văn minh nhân loại

Có những nhà nghiên cứu văn minh nhân loại đã phát biểu dí dỏm rằng một chủng tộc nào đó chỉ được công nhận là văn minh khi họ đã biết làm ra rượu. Tất nhiên là họ chỉ nói cho vui, nhưng lời nói kia không phải là vô căn cứ: Giống người nào cũng biết làm rượu rất sớm, chỉ sau khi biết trồng trọt ít lâu. Trong lịch sử riêng của từng giống dân, chúng ta sẽ đọc thấy ở phần "phong hóa", hoặc "sinh hoạt", hoặc "cúng tế", những điều nói về rượu và cách làm rượu.

Riêng dân Việt ta, cũng đã có "văn hiến" rất sớm, nhưng không hiểu sao, rượu của ta lại không "nhập sử". Trong các tác phẩm xưa (được coi là "ngoại truyện", chớ không phải "chính sử"), cũng có đôi chút liên hệ đến rượu, nhưng trong sử thì chỉ nói đến tế lễ bằng rượu, mà không hề nhắc đến rượu và cách làm rượu. Trong khi đó, thì người Việt chúng ta cũng uống rượu, cũng ca tụng rượu, và cũng say sưa chẳng kém gì ai. Nếu không thì đã không có những câu "nam vô tửu như kỳ vô phong", "thà cất cổ, không thà đổ rượu", "tay cầm bầu rượu nắm nem, mải vui quên cả lời em dặn dò"...

Nói đùa cho vui vậy thôi, chớ nếu có tranh đua với thiên hạ, thì chúng ta chỉ có thể tranh đua về những gì sau khi đã uống nhiều rượu. Một khi đã say rồi, thì người Việt chưa chắc đã nhường ai. Còn những mặt khác, chúng ta hẳn là phải chịu thua. Rượu của người ta là "chất sống", là "lợi khí ngoại giao", là "một nền kỹ nghệ chế biến", là "một lịch sử lâu đời". Chúng ta chỉ có rượu đế và đám thân tộc nghèo nàn của nó, thì địch sao lại họ.

Nói rượu có một "lịch sử lâu đời" là nói đúng sự thật. Những tài liệu Tây Phương trước đây xác quyết rằng rượu nho có từ 3 ngàn hay 4 ngàn năm, bây giờ đều phải sửa lại. Rượu ra đời sớm hơn nhiều!

Năm 1968, người ta đào được tại Iran một cái bình bằng đất nung. Cái bình không còn nguyên vẹn, nhưng nhờ có tuổi rất cao, nên được đưa vào bày ở viện bảo tàng của trường đại học Pennsylvania. Nhưng rồi người ta cũng quên nó đi, cho đến khi nhà khảo cổ kiêm hóa học Peter McGovern để mắt tới nó, hơn 20 năm sau. Nhà khoa học này không để tâm nghiên cứu cái bình, mà đối tượng của ông là cái chất đã được chứa bên trong. Tất nhiên chỉ còn một ít cặn.

Không biết chắc McGovern bắt đầu công cuộc nghiên cứu từ bao giờ, nhưng ông chỉ mới cho công bố kết quả gần đây trên tạp chí *Nature* của Mỹ: Chiếc bình gốm được làm trong khoảng 5400-5000 năm trước CN, và chất lỏng chứa trong đó là thứ rượu nho xưa nhất được tìm thấy từ trước đến giờ.

Cách đây 3 năm (trong năm 1993) cũng chính nhóm khoa học gia do McGovern cầm đầu, đã tìm được một thứ rượu nho tuổi kém thứ rượu kia, nhưng cũng đã được chế trên 5.000 năm, đồng thời với một loại rượu bia.

Căn cứ vào vị trí địa lý của di tích, và dựa vào lịch sử của địa phương, các nhà khảo cổ (gọi cho sát thì là "khảo cổ tửu") nhận định: Rượu này là sản phẩm của xứ Sumer (phần đất phía nam của vùng Lưỡng Hà Châu, thuộc châu Á), do giống người Sumérien thời cổ sử, chế ra bằng trái nho, lúa mạch, và dùng dầu nhựa thông làm chất giữ. Khoảng 50 thế kỷ trước CN, giống dân này phát triển về nhân số, kéo đến định cư ở vùng biên giới Iran-Irak. Họ là những người rất khôn ngoan và khéo léo, lúc bấy giờ đã biết xây nhà bằng gạch, và trồng lúa mì, lúa mạch và cây nho. Họ cũng biết dùng lúa mạch và trái nho để làm ra rượu, đồng thời biết chế ra những chiếc bình bằng đất nung cổ thật hẹp, để tiện đựng rượu.

Nhật báo The New York Times

Mục "Tin Văn" này thỉnh thoảng cũng có lấy tài liệu trong phụ trang "phê bình sách" của nhật báo nói đây. Tờ báo này được thành lập từ năm 1851, nhưng mãi đến 45 năm sau, mới được người chủ mới chấn chỉnh, để phát triển thành một trong những tờ báo có uy tín nhất của Hoa Kỳ, và cả thế giới.

Những nhà nghiên cứu về lịch sử báo chí của Mỹ nhận định rằng thành công của tờ *The New York Times* chính là thành công trong quản lý doanh nghiệp của Adolph Simon Ochs (1858-1935).

Theo tôi, nhận định này chỉ đúng một phần. Khi sang tay chủ mới là Ochs, tờ báo đang có cơ phá sản, gượng lại được, rồi đứng vững để phát triển mạnh, không phải chỉ nhờ được khéo quản trị về mặt thương mại, mà chính là nhờ sự cải tiến về nội dung của nó.

Nhưng chúng ta hãy trở lại từ đầu.

Adolph S. Ochs là con một gia đình Do Thái có học thức, mới nhập cư đất Mỹ. Không được đi học nhiều, nhưng những hoạt động cả đời của ông đều liên hệ đến báo chí: Khi còn là học sinh, ông đi giao báo; lớn lên một tí, ông tập việc tại một nhà in, rồi làm thợ sắp chữ cho một nhật báo; năm 19 tuổi, ông đã có cổ phần trong một tờ báo nhỏ; năm 20 tuổi, ông đi vay tiền để cứu một tờ báo khác sắp sập tiệm, rồi làm cho nó sống mạnh lên; năm 30 tuổi, ông có trong tay nhiều tờ báo địa phương thuộc miền nam Hoa Kỳ, đứng ra thành lập Hiệp Hội Báo Chí Miền Nam, làm chủ tịch tổ chức này từ 1891 đến 1894; và trong suốt 35 năm, từ năm 1900 cho đến ngày qua đời, ông là một giám đốc của *Associated Press*.

Tóm lại, có thể nói mà không sợ quá lời, tiểu sử của Ochs gắn liền với lịch sử phát triển của báo chí và thông tấn Mỹ nói chung, và của tờ *The New York Times* nói riêng. Trong cuốn tiểu sử của Ochs xuất bản năm 1946, người viết là Gerald White Johnson đã không ngần ngại gọi ông là "con người phi thường khả kính".

Đọc tiểu sử của ông, cũng như đọc tài liệu do tờ *The New York Times* công bố gần đây, chúng ta dễ dàng nhận thấy Ochs "phi thường" và "khả kính" như thế nào.

Phương châm làm báo của Ochs là "tuyệt đối trung thực". Trong khi các báo khác chủ trương câu độc giả bằng những tin giật gân, ông nhất định chỉ cho đăng những bản tin có căn cứ, những bài phóng sự xác thực. Ông không chấp nhận những sự phóng đại để gợi tò mò. Trong khi phải vay 75 ngàn đồng để mua lại tờ *The New York Times*, ông cũng vẫn nhất định không đăng những quảng cáo mà ông cho là không đúng sự thật, hoặc nhắm gợi thị hiếu không lành mạnh. Đến năm 1898, hai năm sau kể từ khi tờ báo sang tay ông, chi phí ấn loát đột nhiên tăng vọt trong khi số phát hành lại phải giảm xuống. Cả tòa soạn và ty trị sự rúng động. Nhưng ông vẫn bình tĩnh đi vay thêm tiền để điều hành, trả lương đều đặn cho nhân viên, đồng thời ra lệnh hạ giá bán mỗi số báo từ 3 xu xuống 1 xu. Hiệu quả xảy đến tức thì như phép lạ: Những người trước kia mua đọc những tờ báo lá cải chuyên đăng tin giật gân, đặc biệt là hai tờ *World* và *Journal*, liền xoay sang mua báo của ông.

Từ đó, tờ *The New York Times* lần lần trở thành một trong những tờ báo mạnh nhất của nước Mỹ, và của thế giới. Hiện giờ, mỗi ngày số phát hành của tờ báo này đã lên đến số triệu. Trước kia, chỉ bán mạnh ở miền đông; nhưng ngày nay, đã có đông độc giả trên toàn quốc.

Kể từ ngày tờ báo được chấn chỉnh cho đến nay, đã tròn một thế kỷ. Mới đây, một người đã cộng tác với tờ báo trong một thời gian dài bằng nửa thế kỷ, viết một cuốn tiểu sử cho nó. Đây là nhà báo Richard F. Shepard, bắt đầu vào tập việc tại toà soạn năm 1946, và trước khi về hưu (1991), là phóng viên, là người giữ chuyên mục, là biên tập viên của tờ báo. Đọc cuốn *The paper's papers* của ông, chúng ta sẽ thấy sự thành công của một tờ báo tùy thuộc vào nhiều yếu tố: Nhân sự, tài chánh, nội dung và cả hình thức nữa. Chỉ cần lấy một thí dụ nhỏ, cũng thấy được điều khiển một tờ báo đòi hỏi những quyết định thật chính xác: Khoảng đầu thế kỷ, tờ *The New York Times (NYT)* đã là một tờ báo mạnh, nhưng vẫn không ngừng cải tiến. Lúc bấy giờ, có một tờ báo khác là tờ *The New York World (NYW)* có vẻ mạnh hơn. Qua điều tra, ban biên tập tờ *NYT* nghĩ rằng đó là do tờ kia có trang "ô chữ", mở từ năm 1913. Nhưng thành phần có thẩm quyền quyết định không tin, chờ đến 10 năm sau, mới cho nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh. Mãi đến năm 1942, gần 30 năm sau tờ *NYW*, ô chữ mới xuất hiện trên tờ *NYT*. Nhưng những ô chữ của tờ này liền trở thành những ô chữ hay nhất, thú vị nhất trong những tờ báo tiếng Anh. Xét theo đây, cũng nên thêm vào các duyên cớ thành công của tờ *NYT*, một yếu tố nữa là thận trọng.

Di sản Ukraine

Người Ukraine định cư tại Gia Nã Đại khá đông. Hằng ngày, người Việt ở đây vẫn gặp họ. Trong những lễ hội ca vũ dân gian, chúng ta vẫn thường thấy họ trình diễn. Nhưng trong thực tế, nếu có ai hỏi chúng ta có hiểu họ không, thì chắc chúng ta phải nói là không. Sách vở nói về họ thì không thiếu, nhưng phần nhiều chỉ nói về chính trị. Cũng có một ít nói về phong hóa, nhưng đều là do người ngoài nhận định. Sách vở của chính người Ukraine viết về mình, thật tình không nhiều.

Gần đây, nhà xuất bản Harper Collins cho ra cuốn *The Green Library* của Janice Kulyk Keefer, như là một sự bổ khuyết. Dù không đầy đủ, cuốn tiểu thuyết này cũng cho người đọc thấy người Ukraine nghĩ gì về quá khứ, về tổ tiên của họ. Câu chuyện kể trong sách có thể là câu chuyện đã có thật, nhưng người đọc phải hiểu tác giả không chỉ trình bày cuộc sống và tâm tình của các nhân vật, mà muốn nói về tâm lý của cả một giống dân, mà tác giả có cùng huyết thống.

Câu chuyện thế này: Eva Chown là một người đàn bà bỏ chồng ở tuổi hơn 40, đã có với người chồng này một đứa con trai 11 tuổi. Chị xuất thân khá giả, hồi nhỏ cũng được đi học, rồi có gia đình. Nhưng chị chưa bao giờ cảm thấy thích hợp với cuộc sống. Sau khi rời gia đình để sống bụi đời ít lâu, chị muốn ổn định, vào làm việc cho một nhà giữ trẻ. Rồi chị chung sống một người đàn ông Do Thái làm hãng du lịch, có một đứa con gái còn nhỏ. Lúc bấy giờ, chị chỉ muốn đừng có ai để ý đến mình.

Nhưng Eva không dễ được yên. Có một nhân vật nữ khác chỉ nhìn thấy ở chị một người đàn bà lòng dạ hẹp hòi, miệng mồm ba hoa nhưng đầu óc rỗng không, lúc nào cũng muốn dùng cái miệng để khiến cho người ta tưởng rành mình là dễ thương, là rộng lượng, là tuyệt vời... Nhân vật nữ này kết luận bạn đồng hương là một người vì muốn làm thân

với cuộc đời hơn, đã cố tình tránh né sự thật.

Rồi một hôm, một người nào đó bỏ vào cửa phòng Eva một phong bì trong có một tấm ảnh ghi rõ chụp từ thập niên 1930. Trong ảnh là một người đàn bà và một đứa con trai giống hệt như Ben, con trai của chị. Eva đột nhiên nghĩ rằng đứa con trai trong ảnh là ông ngoại con trai chị, tức là cha ruột của chị, nhưng không phải là người cha mà chị vẫn biết hồi giờ.

Cuốn truyện dừng lại, không chịu giải thích cho rõ nghi vấn. Người đọc tự hỏi: Nếu người con trai trong ảnh đúng là cha chị, thì mẹ chị đã có một "chuyện tình". Nhưng khổ cho độc giả, mẹ của Eva hiện đang ở trong một dưỡng trí viện, không thể giúp gì cho sự tìm hiểu. Tuy nhiên, nhờ những ngẫu nhiên thường vẫn gặp trong tiểu thuyết của Dickens, cuối cùng Eva cũng khám phá ra được cha ruột của chị đúng là một người Ukraine, đã tình cờ gặp mẹ chị sau chiến tranh, để tạo ra chị. Người đọc mơ hồ cảm thấy như Eva đi tìm người cha thật, là lần theo con đường số mạng mà tạo hóa đã dành cho giống người Tư Lạp Phu, một số mạng càng ngày càng đen tối, nặng nề.

Tác giả cũng có so sánh cuộc sống hiện nay của người Ukraine định cư tại Gia Nã Đại và của họ ở quê nhà. Nhưng đây không phải là chủ đề của cuốn sách. Nói một cách khác, cuốn sách không có một chủ đề hiển nhiên. Người đọc sẽ gặp rất nhiều sự kiện, rất nhiều biến cố, rất nhiều nhân vật mà phần nhiều hành động đều dữ dội, dữ dội đến mức tiêu biểu, ít khi gặp ở giống dân khác. Tình yêu trong tác phẩm là thứ tình yêu đói khát, đáng bị kết tội, cũng thường ít thấy trong những cuốn tiểu thuyết đời nay.

Rõ ràng là Keeler không có dụng ý nói tốt cho chủng tộc mình. Hãy nghe mẩu chuyện này: Mẹ Eva tìm cách giúp cho đứa con gái của người giúp việc cho bà cũng được theo học cùng trường với Eva. Đáp lại cái ơn ấy, sau này đứa con gái kia nói với Eva: Mẹ mày rất khinh mày. Bộ mày tưởng bà ấy không biết mày đã làm gì sao? Bà ấy biết hết cả, và cũng biết mày ghét bà. Bà ấy ước gì mày chết ngay từ lúc lọt lòng, ước gì đã bóp cổ mày khi mày còn trong nôi.

Và cũng rõ ràng là Keeler không viết về những con người tử tế, hoặc đang trở nên tử tế. Bà viết về những con người thật, và để nguyên họ như vậy. Bà đang nói về người Ukraine của bà, nhưng không ngoa ngôn rằng có ai đó mơ ước được trở thành người Ukraine sau một giấc ngủ dài.

Tương lai của người da đen

Các bạn nghĩ sao về nam danh ca Michael Jackson, khi biết anh ta đã đổi màu da từ đen ra trắng? Cũng xin hỏi các bạn nghĩ sao khi gặp một người Việt Nam mà chỉ nói tiếng Anh để thiên hạ không biết mình là người Việt Nam? Dù tán đồng hay phản đối các hành vi đó, các bạn cũng sẽ gặp trong bài sau đây những bạn đồng minh.

Trước đây gần cả thế kỷ, hay nói cho thật đúng là vào năm 1903, tại Hoa Kỳ có một cuốn sách ra đời làm cho những ai quan tâm đến vấn đề màu da, đến nạn kỳ thị chủng tộc, đều phải để ý. Đó là cuốn *The Talented Tenth* (Một phần mười có tài đó) của William Edward DuBois (1868-1963). Ông này là một giáo sư, lúc bấy giờ dạy sử tại đại học Harvard, đã sáng lập ra NAACP (National Association for the Advancement of Coloured People: Hiệp hội quốc gia hoạt động cho sự thăng tiến của những người da màu).

DuBois không chỉ đứng trên bục giảng và viết sách. Ông còn tham gia rất tích cực vào những hoạt động chính trị, xã hội. Năm 1961, ông gia nhập đảng cộng sản Mỹ, và trước khi qua đời 3 tháng, ông trở thành công dân của nước Ghana (châu Phi). DuBois đã làm đúng câu "lá rụng về cội". Ông là người Ghana lai Mỹ, sinh tại Massachusetts, nhưng trở về chết tại Accra, thủ đô của Ghana.

Gạt qua một bên những hành vi quá khích của DuBois, chỉ xét về giá trị của tác phẩm, thì cuốn *The Talented Tenth* quả có giá trị tiên đoán và gợi ý rất mạnh. Ý chính của tác giả là những người xuất sắc trong những cộng đồng da màu, đặc biệt là những người da đen gốc Phi Châu, phải có bổn phận đưa cộng đồng tiến lên. Cuốn sách cũng nêu câu châm ngôn thông dụng lúc bấy giờ trong xã hội Mỹ: "Người da đen, hay chủng tộc nào cũng vậy, sẽ được cứu bởi thành phần lỗi lạc của chính họ".

Năm nay, sau quyển luận thuyết về chủng tộc kia 93 năm, có hai học giả da đen thuần, khơi lại vấn đề trọng trách của những người có khả năng trong việc vươn lên của cộng đồng. Đây là hai giáo sư Harvard: Henry Gates Jr. dạy văn học, và Cornel West dạy nhân chủng. Cả hai đều đã có nhiều sách xuất bản, phần nhiều bàn về những vấn đề chủng tộc, xã hội và tôn giáo. Riêng Gates cộng tác thường xuyên với phụ trang điểm sách của tờ *The New York Times*.

Trong tháng 6-1996, tờ *The New Yorker* có đăng một bài của Gates kể lại chuyện một người đổi da đen ra da trắng. Đây là trường hợp của Anatole Broyard, cũng đã có một thời gian dài viết những bài phê bình sách cho tờ *The New York Times*. Nhiều người không biết Broyard là da đen. Đám con ông ta cũng không biết. Điều bí mật này chỉ được bà vợ tiết lộ cho các con biết, trong một đêm cả mấy mẹ con phải thức săn sóc và cầu nguyện cho ông khi ông đang hấp hối ở bệnh viện. Gates nhận xét: "Sở dĩ Broyard phải đổi màu da là vì ông ta muốn trở thành nhà văn, nhưng là một nhà văn da trắng, chớ không phải là một nhà văn mọi". Nhưng đau đớn cho Broyard hơn hết là câu này: "Broyard có tài, cuộc đời của ông có nhiều điều đáng kể lại. Nhưng chắc sẽ không có ai viết tiểu sử cho ông ta. Ông đã làm một điều dối trá quá lớn".

Sandy, người vợ góa của Broyard, nói nhẹ nhàng hơn: "Người đổi màu da gây ra cho gia đình không biết bao nhiêu phiền muộn. Nhưng chính người ấy cũng không tránh khỏi đau buồn. Chính chồng tôi cũng vậy".

Sandy là người da nâu, gốc Bắc Âu.

Quan điểm của West không khác Gates, nên hai người viết chung cuốn *The Future of the Race* (Tương lai của nòi giống). Bàng bạc trong khắp tác phẩm là niềm tự hào của hai tác giả. Họ tự hào về kiến thức và thành công của họ đã đành, nhưng còn tự hào về màu da của họ nữa. Nhưng điều quan trọng hơn cả là họ vững tin ở tương lai nòi giống: Người da đen đang tiến lên, và sẽ không thua kém bất cứ giống dân nào.

Họ nhìn vào thành quả thực tế trong cuộc sống: So mức lợi tức thu được giữa hai năm 1940 và 1970, người Mỹ da trắng tăng gấp đôi, nhưng người Mỹ da đen tăng gấp ba. Đó là nói chung, chớ không phải riêng cho hai tác giả: Điều kiện thăng tiến của họ có phần dễ dàng, vì Gates được đào tạo tại Harvard và West tại Yale, để rồi cùng được mời dạy tại những trường danh tiếng nhất của Hoa Kỳ.

Nhưng hai tác giả Gates và West có lạc quan cho tương lai nòi giống lắm không? Có nhiều đấy, các bạn. Tài liệu thống kê mới nhất của Mỹ cho biết có đến một phần ba người Mỹ da đen làm ăn sa sút hẳn, so với trước đây 30 năm.

Nhưng nếu cứ lấy sự thành công của riêng họ mà làm gương, và lấy sự bận tâm của họ đối với cộng đồng da đen mà làm điều phải suy nghĩ, thì quả Henry Gates và Cornel West là hai tay kiện tướng xứng đáng làm đầu tàu cho đồng chủng của họ.

Xin đừng lấy làm quan trọng

Đây là ý chính của Jean-Marie Rouart trong bài xã luận đăng trên tờ *Le Figaro Littéraire* số ra ngày 6-6-1996, bàn về những nhà văn nổi tiếng, mắc chứng đồng tính luyến ái.

Le Figaro Littéraire có thói quen viết từng kỳ theo chủ đề, thí dụ kỳ này viết về tiểu thuyết trinh thám của Mỹ, kỳ tiếp viết về Shakespeare, kỳ sau viết về triết học hiện sinh, v.v... Trong kỳ báo trích dẫn, phần lớn bài vở đều xoay quanh vấn đề "amour obscur", tức những chuyện tình cùng giống giữa những nhà văn nam với nhau, và những nhà văn nữ với nhau.

Trước khi trích dẫn một vài đoạn tiêu biểu trong những bài trình bày "hiện tượng", tôi xin tóm tắt ý của Jean-Marie Rouart: "Chuyện đồng tính luyến ái trong giới nhà văn là chuyện có thật đã từng xảy ra. Hiểu theo nghĩa nào, thì đó cũng là chuyện rất đặc thù. Các đương sự, ai cho là đáng tủi hổ thì tìm cách che đậy; ai cho là tự nhiên thì công bố. Nhưng lạ nhất là có người cho hiện tượng ấy có liên hệ đến thiên tài. Đây là cách nói thái quá. Mauriac đã rất đúng khi nói: "Chỉ có một thứ ái tình". Ái tình đồng tính cũng có những hạnh phúc và điều hay; ái tình dị tính cũng có những mờ ám và tuyệt vọng. Không có cái nào hoàn toàn là tốt hay xấu. Đối với sự nghiệp các nhà văn, chuyện tình dục chỉ là một phần, không thể lấy đó để giải thích mọi vấn đề của họ. Nhà văn nào cũng có những chuyện rất riêng tư, hoặc thuộc về tính dục, hoặc thuộc về tôn giáo, về xã hội, hoặc gia đình... Những chuyện ấy thật ra không có một tầm quan trọng như người ta hay phóng đại".

Ý của Rouart là: Những nhà văn kia viết hay là do họ có tài, chớ không phải vì họ là đồng tính luyến ái. Còn tài của họ có vì đồng tính mà cao lên hay không, chuyện đó không cần phải truy cứu.

Oscar Wilde

Những nhà văn nói đây là ai?

Trong thực tế, chắc có nhiều hơn. Nhưng ở đây, tờ báo chỉ kể mấy người nổi tiếng của Pháp và của Anh, phần lớn đã qua đời:

- Oscar Wilde (1854-1900), người Anh, viết tiểu thuyết và soạn kịch. Căn cứ vào số lượng và giá trị tác phẩm, gọi người này là văn hào, thì cũng không có gì là quá đáng. Nhưng ông là một nạn nhân đau đớn nhất của chuyện đồng tính, không phải do bản chất của sự kiện, mà do cách đối xử khắc nghiệt của xã hội Anh lúc bấy giờ, và một phần cũng do cung cách lập dị của chính ông khêu gợi xã hội chống lại. Ông chủ trương "nghệ thuật vị nghệ thuật", thì không sao. Nhưng trong khi giới quí tộc Luân Đôn coi chuyện "đồng tính" là đồi phong bại tục và phạm pháp, mà ông tiếp tục làm chuyện ấy mà không che giấu gì cả, thì sao được? Kết quả là ông đã phải bị 2 năm tù khổ sai (1895-1897). Ngoài ra, trong khi quan niệm "duy mỹ" của ông gây được ảnh hưởng trong giới văn nghệ sĩ lúc bấy giờ, thì cái lối để tóc dài, ăn mặc diêm dúa, cầm hoa ở tay mỗi khi nói chuyện với công chúng, đã khiến những kẻ không ưa, gọi ông bằng những cái tên nghe rất xúc phạm. Trong một bức biếm họa do Max Beerbohm vẽ, ông được trình bày để tóc dài uốn dợn, mặc áo vẽ hoa hòe, tay cầm can, những ngón tay có móng chuốt nhọn đeo nhẫn mặt đá.

Sau khi mãn tù, Wilde Oscar phải sang Paris, sống cô độc cho đến chết. Chuyện "đồng tính" của ông đúng là một thảm kịch.

- Marcel Proust (1871-1922) nhà văn Pháp, sáng tác rất mạnh, mặc dù cả đời đau ốm và có cuộc sống tình cảm phức tạp. Ông viết nhiều loại, cả tiểu thuyết lẫn nghị luận, trong đó có bộ *A la recherche du temps perdu* (Đi tìm thời gian đã mất) rất nổi tiếng, dày trên 4.000 trang, chia làm 7 tập có nhan đề riêng, xuất bản từ 1913 đến 1927. Tập thứ nhì có tên là *A l'ombre des jeunes filles en fleurs* được giải "Goncourt" năm 1919.

Chuyện đồng tính của Proust

Marcel Proust.

không bị đưa ra ánh sáng như Oscar, nhưng giới thân hữu của ông có nhiều người biết.

- André Gide (1869-1951) là nhà văn Pháp viết rất nhiều, và đi cũng rất nhiều. Đối với ông, hình như tác phẩm nào cũng đánh dấu một chặng đường tư tưởng, và chuyến đi nào cũng được ghi lại thành nhận xét. Riêng chuyến đi Liên Xô năm 1936, đã đem lại cho ông những nhận định chính xác về chế độ cộng sản: Trước đó, ông ca ngợi chủ thuyết Mác và những thành quả cải tạo xã hội ở Liên Xô (mà ông chỉ nghe nói). Nhưng sau khi đi Liên Xô trở về, ông viết cuốn *Retour de l'URSS*, kể lại những điều mắt thấy, và cho biết mình đã lầm. Sau đó ít lâu, ông viết báo kịch liệt đả kích chế độ công sản.

Về chuyện đồng tính, Gide không giấu giếm. Ông đã viết sách biện minh cho chuyện này rất kỹ, và cũng rất "gan dạ".

- Jean Genet (1910-1986), nhà văn Pháp viết rất nhiều và đủ loại: Tiểu thuyết, thơ, kịch, hồi ký, tự truyện... Cuộc đời của nhà văn này là một chuỗi thảm kịch thiên tạo, nhân tạo và tự tạo: Lúc còn rất nhỏ, bị mẹ đem bỏ vào nhà tế bần; 10 tuổi, bị nhốt vào trại thiếu nhi phạm pháp về tội ăn cắp; lớn lên, làm lính lê-dương, khi ra nước ngoài thấy khổ quá, đã đào ngũ và bị bắt lại nhiều lần. Thời trẻ, Genet sống lang thang, và gần như lúc nào cũng bị những người xung quanh bài xích. Tư pháp lý lịch của ông ghi khá nhiều tội: Trộm, vu cáo, đĩ điếm, đồng tính... Với cuộc sống như vậy, mà Genet viết được, kể cũng là lạ. Tác phẩm đầu tiên của ông là tập thơ *Le Condamné à mort* (Tử tội) được xuất bản năm ông 32 tuổi. Nhưng phải đợi đến năm sau, khi ông gặp văn hào Jean Cocteau (1889-1963, Hàn Lâm Viện Pháp quốc), thì ông mới quyết định từ bỏ cuộc đời gió bụi, để cầm bút. Ông viết khá nhanh và cũng rất thành công. Nhưng vẫn có một cái gì đó níu kéo ông trở lại với những chuyện tai tiếng.

Nhận định về tác phẩm của Jean Genet, văn giới Pháp luôn luôn bất nhất. Trong khi François Mauriac (1885-1970) nói: Genet viết những chuyện "cặn bã", thì Cocteau và Jean-Paul Sartre lại gọi Genet là một nhà đạo đức.

Người viết bài này nghĩ: Trình bày quan điểm, không ai tránh khỏi "nhấn mạnh". Chỉ có điều, quí vị luận công định tội kể trên, "nhấn quá mạnh".

- Michel Foucault (Pháp, 1926-1984). Gọi ông này là triết gia thì chính xác hơn. Sách ông viết hầu hết bàn về những vấn đề triết học. Ông còn là một giáo sư triết, đã từng dạy tại *Collège de France* và đại học *Berkeley* của tiểu bang Cali.

Tác phẩm triết luận của Foucault đã được xuất bản khá nhiều, nhưng có lẽ đối với ông, đắc ý nhất là tác phẩm cuối cùng, nói về tính dục, *Histoire de la sexualité* (Lịch sử của tính dục). Ban đầu tác giả loan báo sẽ trình bày toàn bộ vấn đề trong 6 tập, nhưng ông chỉ mới hoàn tất được 3, tập cuối ra đời năm tác giả qua đời: *La Volonté de savoir*; *L'Usage des plaisirs* và *Le Souci de soi*.

Hình như đối với Foucault, chuyện đồng tính vừa là "nhược điểm" vừa là "lợi điểm". Chỉ tiếc là ông chết hơi sớm. Nếu không, thiên hạ sẽ biết ông còn muốn nói gì thêm cho bộ sử đặc biệt của ông.

Tờ báo còn kể thêm một số nhà văn còn sống, nam lẫn nữ, có đời sống tính dục đồng giới. Nhưng văn nghiệp của họ chưa mấy đồ sộ. Nói tắt, chuyện họ "có tật" thì đã rõ (vì họ tự nhận trong tác phẩm), nhưng tài của họ thì chưa đạt đến đỉnh cao. Nói sớm, e có chỗ phụ lòng. Thôi hãy chờ đến lúc "cái quan".

Quí hồ tinh

Nhà văn Valerie Duponchelle vừa viết trên tờ *Le Figaro Littéraire* một bài giới thiệu sách rất có duyên. Cuốn sách được xuất bản tại Hoa Kỳ năm ngoái (1995), tác giả là một nhà văn nữ, khi viết đã 87 tuổi: Dorothy West. Năm nay, bản dịch ra tiếng Pháp của Arlette Stroumza ra đời (*Le mariage*), bán cũng chạy như nguyên tác. Nguyên nhân cũng có phần vì tác giả cao tuổi viết về thời thơ ấu, nhưng có lẽ chính là vì nội dung đề cập đến những vấn đề hợp chủng da đen da trắng. Đây là một vấn đề "muôn thuở" của người Mỹ, đã rất cũ, nhưng lúc nào cũng là mới.

Ở đây, tôi sẽ không đi vào nội dung tác phẩm, mà chỉ "giới thiệu" với các bạn lời "giới thiệu" mà tôi vừa khen là có duyên trên kia.

Bài giới thiệu có tựa: *Nước Mỹ da đen da trắng*. Tiêu ngữ in chữ to, đặt giữa bài: *Một cuốn sách của sự trầm tư, của tuổi thơ, của những giấc mơ, của những niềm hối tiếc, do một nữ tiểu thuyết gia 87 tuổi viết 47 năm sau tác phẩm đầu tay. Cuốn sách được coi là một biến cố tại Nữu Ước khi mới phát hành.*

Và bài ấy mở đầu thế này: *Vào đầu thế kỷ này, trong thành phố Boston sang trọng, một hôm, một cô bé 7 tuổi xin phép bà mẹ để được đóng kín cửa phòng riêng lại. Bà mẹ hỏi để làm gì, cô bé đáp là để suy nghĩ. Bốn năm sau, cũng cô bé này lại xin mẹ cho phép được khóa cửa phòng riêng lại. Bà mẹ hỏi để làm gì, cô bé đáp là*

để viết văn. Tám mươi năm sau, Dorothy West cũng đóng cửa để suy nghĩ và viết văn.

Nhưng trong thực tế, Dorothy West viết không được nhiều. Trước sau, chỉ có hai cuốn. Nhưng người đọc chỉ cần sách hay.

Anh em với "Cuốn Theo Chiều Gió"

Giống chuyện vừa kể, chuyện này cũng nói về một tác giả có rất ít tác phẩm: Margaret Mitchell của Mỹ.

Xưa nay, văn học thế giới vẫn gọi bà này là "nhà văn chỉ có một tác phẩm". Họ gọi thế để ca ngợi, chớ không hề có ý giễu cợt. Vì cuốn *Gone With The Wind* của bà đã được coi là danh tác quốc tế.

Trước đây ít lâu, cũng trên mục "Tin Văn" này, khi đề cập đến quyển tiểu thuyết *Scarlett* của Alexandra Ripley, tôi đã có dịp nói sơ về cuốn sách này và tác giả của nó.

Nay tôi nhắc lại, là vì văn học thế giới vừa khám phá ra rằng cuốn đó không phải là "đứa con một". Nó còn một người em nữa, hình hài đã thành đồng thời với nó, nhưng mãi đến nay, mới được người ta cho ra chào đời. Như thế, Margaret Mitchell sẽ mất danh vị "nhà văn chỉ một tác phẩm".

Đầu đuôi câu chuyện như sau:

Người nào viết chuyện tình hay, thì phải có những chuyện tình hay (không biết có ai đồng ý với tôi không). Margaret cũng vậy. Khi 16 tuổi, bà có một chuyện tình "rất hay", hay như tiểu thuyết, hay như chuyện tình của Scarlett O'Hara vậy. Bằng chứng của chuyện tình này là những lá thơ tình trao đổi, những tấm ảnh chụp chung, và những trang nhật ký của người trong cuộc. Và câu chuyện cũng đã được chính người trong cuộc viết thành "chuyện tình có thật" trong hai tập vở học sinh. Nhưng sở dĩ "chuyện tình" không trở thành sách, vì nhân vật trong chuyện là những nhân vật có thật, chớ không phải hư cấu như Scarlett O'Hara và Rhett Butler, và chồng của tác giả không phải là người trong mộng. Trên giường bệnh, trước khi tắt hơi, Margaret có tỏ ý muốn thân nhân đem đốt tất cả giấy tờ bà để lại.

Margaret sinh năm 1900, mất năm 1949. Cuốn *Gone With The Wind* được xuất bản năm 1936. Quê của bà là thành phố Atlanta, tiểu bang Georgia. Sau khi bà qua đời ít lâu, người ta lập tại đây một viện bảo tàng nhỏ, lấy tên là "Road to Tara" để kỷ niệm bà và cuốn sách.

Năm 1994, một người đàn ông đã ngoài 70 tuổi đem tặng cho viện bảo tàng những di vật của mối tình bất thành hôn nhân nói trên. Người đàn ông này tên là Henry Angel Jr., con của Henry Love Angel, vai nam trong câu chuyện tình (có thật), chết năm 1945. Ai là người đã trao những kỷ vật của Margaret cho Angel cha, rồi vì sao Angel con lại có được trong tay những kỷ vật ấy để đem tặng lại cho viện bảo tàng Road to Tara, thì vẫn còn là điều bí mật. Nhưng nội dung của những lá thơ tình, những tấm ảnh chụp chung Margaret và Henry (cha) đã được lên báo. Có lẽ những tấm ảnh này sẽ quảng cáo hữu hiệu cho cuốn sách sắp xuất bản. Trong ảnh, Margaret trông cũng ngổ ngáo không kém gì Scarlett.

Nhưng cũng phải đợi một thời gian nữa, mới biết được cuốn này có thành công được như *Cuốn Theo Chiều Gió* hay không. Câu "đầu xuôi đuôi lọt" không phải lúc nào cũng ứng nghiệm. Cho đến nay, *Cuốn Theo Chiều Gió* đã bán được 30 triệu bản, nhưng *Scarlett* nối theo nó, thì bán không mạnh lắm. Nhưng *Scarlett* cùng nhân vật, mà khác tác giả. Còn cuốn sắp phát hành là do chính Margaret Mitchell viết. Có lẽ sẽ khác.

Henry Love Angel và Margaret Mitchell

ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG

làng văn

tờ báo của chính bạn

Hiện-Tượng Khủng-Hoảng Bản-Thể của Các Nhà Văn Nga Thời Hậu Cộng-Sản

Sơn Tùng

Từ hơn một trăm năm qua, các nhà văn Nga đã giữ một địa vị quan trọng trong xã hội. Dưới thời Sa hoàng, văn chương là mũi nhọn ở tuyến đầu của lực lượng đối lập, cấp tiến, chống lại hoàng triều. Những Leon Tolstoi, Maxim Gorky, Destoievsky... không những là các nhà văn được dân Nga ngưỡng mộ, họ còn là những tên tuổi lớn trong văn học thế giới.

Họ đã góp phần thúc đẩy dân Nga làm cách mạng. Nhưng khi cuộc "Cách mạng tháng Mười" 1917 xảy ra, nó đã đi từ thái cực này sang thái cực khác, và tệ hại hơn. Độc tài quân chủ được thay thế bằng độc tài vô sản. Nhà văn bị buộc phải uốn cong ngòi bút để phục vụ chế độ Sô Viết. Các nhà văn tầm thường tuân phục bạo quyền được tưởng thưởng với những số lượng ấn hành lớn các tác phẩm của họ, được ở trong những "căn hộ" tốt, "tem phiếu" cao, và đặc quyền xuất ngoại. Những nhà văn không chịu uốn cong ngòi bút bị trừng phạt bằng phương cách đơn giản và thô bạo: tác phẩm không được xuất bản. Nếu cố tìm cách phổ biến tác phẩm bất hợp pháp thì bị ghép tội phản động, phản cách mạng, và lưu đày Tây Bá Lợi Á.

Nhưng, dưới xiềng xích và đàn áp của chế độ Sô-Viết, các nhà văn Nga bất khuất đã giữ được bản thể và mối dây liên lạc với xã hội. Họ sẵn sàng trả giá để nói lên lương tâm nước Nga và tâm hồn người Nga. Bảy mươi năm dưới chế độ Sô-Viết, dân tộc Nga không mất linh hồn là nhờ những Boris Pasternak, Alexandre Solzhenitsyn... Họ được dân Nga âm thầm lắng nghe và thế giới khâm phục. Chính các nhà văn này đã nối tiếp truyền thống văn học Nga liên đới chặt chẽ với xã hội và góp phần đưa đến sự cáo chung của chế độ độc tài Sô-viết.

Một truyền thống gần tan rã

Từ đầu thế kỷ 19, những tạp chí văn học đã xuất hiện tại Nga, tập trung thật phong phú các loại truyện, thơ, phê bình văn học, và biên khảo. In trên giấy báo, khổ nhỏ, thật nhiều trang, các tạp chí văn học tại Nga có đủ chỗ để đi trọn một truyện dài trong một kỳ và vẫn còn chỗ cho các bộ môn khác. Những tạp chí văn học này đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hoá Nga, và là nơi những nhà văn mới xuất hiện, một nơi thẩm định những gì đáng đọc. Chính trên tờ *Novy Mir*, tạp chí văn học uy tín nhất của Nga, truyện *Một ngày trong đời Ivan Denosovich* đã được in trọn kỳ. Tháng 11 năm 1961, toà soạn tạp chí *Novy Mir* nhận được bản thảo truyện này của một nhà văn vô danh ở tỉnh Ryanzan: Alexandre Solzhenitsyn. Tác phẩm này đã mau chóng đưa tác giả của nó lên đỉnh cao của một nhà văn, và giải văn chương Nobel.

Mặc dầu chịu ảnh hưởng nặng nề dưới chế độ kiểm duyệt và giáo điều cộng sản, các tạp chí văn học tại Nga thời Sô-viết vẫn mang một ý thức đấu tranh ở mức độ nào đó, khi những người cầm bút tìm cách lách tránh các cấm kỵ do bạo quyền đặt ra, nhất là thời kỳ được gọi là "tuyết tan" vào những năm cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960. Ngay cả sau thời kỳ tuyết tan, người đọc vẫn có thể tìm thấy một vài khác biệt giữa các tạp chí văn học. Tờ *Novy Mir* được những độc giả có tinh thần cấp tiến ưa chuộng; còn những đảng viên trung thành thì chọn tờ *Oktyabr* ít văn chương nhưng nhiều đảng tính.

Khi chính sách Perestroika của Gorbachev mở ra cái kho tàng văn học bị khoá kín, các tạp chí văn học đã bột phát lên tới đỉnh cao của chúng. Số phát hành lên đến hàng triệu ấn bản, và lần đầu tiên người Nga được đọc những tác phẩm quan trọng như *Bác sĩ Zhivago, Những đứa trẻ của Arbat, Vòng đầu*... Tất cả các tác phẩm văn chương bị cấm đoán được xuất bản trong vòng ba hoặc bốn năm. Gần như mỗi số báo đều có đăng một kiệt tác.

Nhưng, sự nở rộ về văn học Nga trong thời Perestroika đã chấm dứt cùng với chế độ Sô-viết. Tự do được phục hồi vào thời hậu cộng sản đã không làm văn học Nga phát triển. Trái lại, truyền thống của những tạp chí văn học Nga đang đi gần đến chỗ tan rã. Tờ *Novy Mir* từng bán 2,6 triệu số vào những năm Perestroika, đã chỉ còn phát hành 31.600 ấn bản vào cuối năm 1995. Tờ Znamya xuất bản một triệu số vào năm 1990, nay còn 34.000. Trên thực tế, những tạp chí này chỉ đang cầm cự để khỏi đình bản.

Khủng hoảng bản thể

Một phần nguyên nhân đưa đến

việc suy sụp nhanh chóng của các tạp chí văn học tại Nga là do nhát búa kinh tế: nhà nước chấm dứt trợ cấp, và giá giấy in tăng cao với tốc độ hỏa tiễn. Các toà soạn rộng rãi không còn nữa. Ban biên tập phải chen nhau trong những căn phòng nhỏ. Tờ *Znamya* trả nhuận bút khoảng 100 mỹ kim cho nhà văn có bài viết 24 trang đánh máy, và nhà thơ được trả 45 xu cho mỗi giòng thơ. Người làm văn học bị đòn nặng về kinh tế, người đọc cũng không tránh khỏi. Độc giả của các tạp chí văn học là giới có học, trí thức - những người kiếm được ít tiền nhất trong xã hội Nga ngày nay.

Trên đây chỉ là nguyên nhân trước mắt khiến nền văn học Nga tuột dốc. Nguyên nhân sâu xa và trầm trọng hơn nằm trong hiện tượng lỏng lẻo bất ngờ một cách huyền bí của mối liên hệ truyền thống giữa nhà văn và xã hội Nga. Hiện tượng này cũng giống như mọi khía cạnh của đời sống Nga đã bị ném vào một cuộc khủng hoảng bản thể sau khi chế độ Sô-viết sụp đổ.

Độc tài cộng sản chấm dứt đã mang lại cho các nhà văn Nga sự tự do quí nhất mà họ khao khát và tranh đấu qua bao nhiêu thế hệ, nhưng họ đã không tìm được hướng đi.

Alexandre Terekhov, một nhà văn trẻ nổi tiếng của Nga, mới đây đã viết một cuốn truyện miêu tả cuộc vật lộn của một tỉnh nhỏ tại Nga để tìm lấy bản thể mới trong thời đại hậu Sô-viết. Ông ta đã thất bại và nhận ra sự thật rằng: "Tôi cố viết cuốn sách đó, nhưng không ai cần đọc. Tôi sẽ không thành công. Không ai thành công cả. Đã có một sự sụp đổ hoàn toàn. Văn chương không còn là sự quan tâm dưới mắt quần chúng". Terekhov từng mơ ước trở thành nhà văn và có tác phẩm được in trong những tạp chí văn học như *Novy Mir* và *Znamya*. Ngược lại, nay Terekhov ngồi trong toà soạn một tờ báo lá cải, tờ *Tối mật*.

Nhà thơ Tatyana Beck, kiêm phê bình gia và chủ bút tờ Văn Học *Voprosy*, cho rằng ngày nay nhà văn Nga nếu không mất hoàn toàn vai trò truyền thống thì cũng đã bị mất phần lớn. Lý do là vì trong một thế kỷ rưỡi đã qua, Nga đã có một nền thi ca chính trị hoá nhất thế giới vì báo chí đã không nói sự thật. Còn lịch sử thì bị bóp méo và xuyên tạc. Thi ca đã nhận lãnh vai trò của khoa học báo chí và lịch sử.

Ngày nay, báo chí và lịch sử đã nhận lại vai trò đích thực của chúng trong một xã hội tự do. Văn chương không tìm được vai trò mới và mục tiêu mới trước một quần chúng đổ xô đi tìm những thú giải trí dễ dãi mới lạ trên truyền hình và các tờ báo lá cải về trinh thám, tình cảm và xác thịt. Rất nhiều nhà văn, vì cần sống, đã bắt buộc phải viết những truyện trinh thám hồi hộp hay khiêu dâm rẻ tiền theo kiểu "một người đàn ông bị chặt đầu ở trang 2 và người đàn bà cởi bỏ đồ lót ở trang 5", như nhận xét cay đắng của Terekhov.

Không như tại các nước Tây phương - nơi tác giả một cuốn sách được xuất bản, bán chạy và trở nên nổi tiếng - người Nga trông cậy vào các tạp chí văn học để đọc những tác phẩm đặc sắc. Nhiều cuốn tiểu thuyết chỉ xuất hiện trên tạp chí văn học mà không bao giờ được in thành sách. Vì vậy, những tạp chí văn học lớn tại Nga đang cố tồn tại bằng sự trợ giúp của một tổ chức do nhà kinh tài Mỹ George Soros hậu thuẫn. Với phí tổn khoảng 3 triệu mỹ kim mỗi năm, tổ chức này (Open Society Institute) mua gần phân nửa số phát hành của các tạp chí văn học để phân phối miễn phí cho các thư viện trên khắp nước Nga.

Nhưng, bao giờ thì các tờ báo văn học tại Nga tìm lại được hơi thở và linh hồn của chính nó?

Văn học ở thời đại nào cũng là tấm gương phản chiếu đời sống của thời đại ấy. Dân tộc Nga đã giành lại được tự do và đang ở trong giai đoạn "thay da đổi thịt" gay gắt để tìm cho ra hướng đi và tự xác định một bản thể mới. Các nhà văn Nga không thể đứng ngoài cái sân khấu lớn ấy. Họ cũng đang trong cơn vật vã tìm kiếm một bản thể thay cho cái bản thể đã bị tan biến cùng với chế độ độc tài Sô-viết. ●

Những Viên Toàn-Quyền Cai-Trị Liên-Bang Đông-Dương

Đào Đức Chương

Liên bang Đông Dương (Union Indochinoise) do Pháp đặt ra để gọi chung các nước Việt Nam, Cao Mên, Lào và Quảng Châu Loan mà họ đã chiếm làm thuộc địa hay đặt nền bảo hộ.

Ngày 17.10.1887, tổng thống Pháp ký sắc lệnh thành lập Liên bang Đông Dương và ấn định quyền hạn của viên toàn quyền Pháp cai trị Liên bang này.

Liên bang Đông Dương lúc mới thành lập chỉ gồm hai nước Việt Nam và Cao Mên, nhưng Pháp lại chia làm bốn xứ với chế độ cai trị khác nhau: Nam kỳ là xứ thuộc địa, do Thống đốc Nam kỳ (Gouverneur de la Cochinchine) cai trị. Bắc kỳ là xứ bảo hộ, do Thống sứ (Résident Supérieur du Tonkin) đứng đầu; về phía Nam triều, có quan Kinh lược Bắc kỳ thay mặt vua nước Nam hợp tác với phủ Thống sứ giải quyết mọi việc. Trung kỳ cũng gọi là xứ bảo hộ, Pháp đặt quan Khâm sứ (Résident Supérieur de l'Annam) cai trị bên cạnh vua nước Nam. Cao Mên cũng có viên Khâm sứ Pháp đứng đầu, cai trị bên cạnh vua Mên.

Mười hai năm sau, ngày 19.4.1899, nước Lào bị sát nhập vào Liên bang Đông Dương, có Khâm sứ Pháp đứng đầu. Ngày 5.1.1990, Quảng Châu Loan (Trung Hoa) cũng bị Pháp đưa vào Liên bang Đông Dương, giao quyền cai trị cho viên Thiếu tá Pháp tư lệnh lực lượng chiếm đóng xứ này và chịu sự chỉ đạo tối cao của Toàn quyền.

Trước khi có sắc lệnh thành lập Liên bang Đông Dương, Tổng trú sứ Trung-Bắc kỳ (27.1.1886) trực thuộc bộ Ngoại giao; còn Thống đốc Nam kỳ trực thuộc bộ Hải quân và Thuộc địa. Khi có sắc lệnh 17.10.1887, các xứ trong Liên bang Đông Dương được đặt dưới quyền điều khiển thống nhất của bộ Hải quân và Thuộc địa. Đến ngày 20.3.1884, Pháp thành lập bộ Thuộc địa, từ đó Liên bang Đông Dương chuyển sang trực thuộc hẳn vào bộ này.

Đứng đầu cai trị Liên bang Đông Dương là viên toàn quyền do Tổng thống Pháp bổ nhiệm và thông qua Hội đồng Bộ trưởng bằng sắc lệnh. Toàn quyền Đông Dương (Gouverneur Général de l'Indochine) thay mặt chính phủ Pháp cai trị toàn cõi Đông Dương. Thống đốc, Thống sứ, Khâm sứ ở mỗi xứ trong Liên bang đều trực thuộc phủ Toàn Quyền. Viên Toàn Quyền có đầy đủ thẩm quyền giải quyết mọi mặt về quân sự, dân sự, chính trị, hành chánh, ngoại giao, kinh tế, thương mại, giáo dục... Đương sự được quyền tổ chức các cơ cấu hành chánh và quân sự, được phân bố và thành lập các đạo quan binh, đề ra mục đích và ấn định tính chất của cuộc chiến. Nhưng vấn đề có tính cách chuyên môn như việc trực tiếp chỉ huy chiến dịch, phải để cho viên Tư lệnh quyết định và chịu trách nhiệm trước viên Toàn Quyền. Người đảm trách chức vụ này còn được quyền bãi miễn, nếu thấy cần thiết, các viên chức cao cấp do chính phủ Pháp bổ nhiệm sang Đông Dương. Viên toàn quyền đương nhiên giữ chức chủ tịch của Hội đồng Tối cao Đông Dương (lập năm 1887) và Hội đồng Phòng thủ Đông Dương (lập năm 1902).

Ngày 12.11.1887, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh lấy Sài gòn làm thủ phủ Đông Dương, phủ Toàn quyền được đặt tại đây. Về sau, phủ Toàn quyền đóng tại Hà Nội để tiện điều hành mọi việc trước tình hình kháng Pháp mạnh mẽ và liên tục ở Bắc kỳ và miền bắc Trung kỳ.

Căn cứ vào *Việt Nam, những sự kiện lịch sử* của Dương Kinh Quốc và tổng hợp từ nhiều tài liệu khác, từ năm 1887 đến 1945, Tổng thống Pháp đã bổ nhiệm các viên Toàn quyền và Quyền Toàn quyền kế tiếp nhau cai trị Liên bang Đông Dương, gồm 44 lượt viên chức Pháp nhưng kể theo danh tánh thì chỉ có 33 người. Lý do vì có những trường hợp một người được bổ nhiệm Toàn quyền hai lần như Sarraut; được giữ quyền Toàn quyền hai đợt như Graffeuil; ba đợt như Foures, Monguilot, Broni; được giữ quyền Toàn quyền, sau mới chính thức làm Toàn quyền như Pasquier,

Robin.

Kể theo thời gian và danh tánh, có:

1. **Constans**, Jean-Antoine Ernest, nguyên là dân biểu rồi Khâm sứ tại Trung quốc. Là viên Toàn quyền Đông dương đầu tiên, nhậm chức ngày 16.11.1887, từ chức ngày 4.9.1888.

2. **Richaud**, quyền Toàn quyền từ 22.4.1888. 8.9.1888 chính thức được bổ nhiệm. Đến 30.5.1889 bàn giao cho Piquet.

Năm 1888, Richaud viện dẫn điều 18 trong Hoà ước Giáp Thân (1884): "Sau này quan hai nước sẽ hội đồng định giới hạn các nơi mở cửa thông thương, cùng là nhượng đất để mở nơi thông thương, và tính liệu lập các đèn pha ở ven biển từ giáp Biên Hoà đến Ninh Bình và địa hạt Bắc kỳ..." để vận đồng Đồng Khánh ký đạo dụ nhượng hẳn các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cho Pháp. Ngày 2.10.1888, Richaud ra nghị định chuẩn y đạo dụ này, đặt ba thành phố trên thành khu nhượng địa của Pháp.

Richaud còn cấu kết với Đồng Khánh, ra nghị định ngày 23.2.1889 về việc sưu của dân nội đinh ở Bắc và Trung kỳ, qui định: mỗi năm, một dân đinh phải lao dịch không công 48 ngày gồm 44 ngày cho nước - có thể thay thế bằng tiền -, và 4 ngày cho làng - không được chuộc bằng tiền. Dân chúng thì nghèo, làm không đủ ăn mà sưu thuế thì quá nặng:

Từ ngày có mặt thằng Tây,

Phu phen tạp dịch hằng ngày khốn thân.(Vè đi phu Cửa Rào)

3. **Piquet**: Nguyên Thống đốc Nam kỳ. Đảm nhiệm chức vụ Toàn quyền từ 31.5.1889 đến 12.4.1891. Với lối cai trị vừa đánh vừa dỗ, ngày 30.6.1889, Piquet ra nghị định bớt lao dịch hằng năm cho dân đinh Bắc kỳ còn 30 ngày: 20 ngày cho nước, có thể chuộc bằng tiền mỗi ngày 1 hào; còn 10 ngày làm việc cho làng không được chuộc bằng tiền.

Mặt khác, ngày 25.11.1889, Piquet ra quyết lệnh tiêu diệt các phong trào kháng chiến của Đồng Phúc Thịnh, Đào Tiến Lộc và Nguyễn Quang Bích đang phối hợp bao vây Tú Lệ rồi Nghĩa Lộ.

Trong thời gian tại chức của Piquet, có nhiều tỉnh và công trình cơ sở được thành lập: Thiết lập đường xe điện Sài gòn - Gò Vấp (1889); vườn Bách Thảo Hà Nội (1889); lập các tỉnh Lục Nam (1889), Thái Bình (1890), Hà Nam (1890), Hoà Bình (1891).

4. **Bideau**: quyền Toàn quyền từ 12.4.1891 đến 26.6.1891. Không có thay đổi gì quan trọng.

5. **Lanessan, Jean de**: Nguyên là giáo sư thạc sĩ sinh vật học của trường Y khoa Paris, được bổ nhiệm Toàn quyền Đông Dương ngày 21.4.1891, mãn nhiệm ngày 29.12.1894.

Dưới thời Lanessan, Bắc kỳ có sự cải tổ lớn về quân sự, mục đích trả lại quyền hành cho các viên tư lệnh Pháp để việc đàn áp các phong trào kháng chiến được hữu hiệu. Lanessan liên tiếp ra các nghị định sau:

Ngày 6.8.1891, thành lập các Đạo Quan Binh. Viên sĩ quan tư lệnh là cấp đại tá hay trung tá có đủ quyền về quân sự và dân sự trong phạm vi đạo của mình. Về quân sự, chịu sự chỉ huy trực tiếp của Tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Về dân sự, ngang hàng với Thống sứ Bắc kỳ và chỉ chịu sự chỉ dạo trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương.

Ngày 20.8.1891, thành lập 4 Đạo Quan Binh tại Bắc kỳ. Đạo 1 lập thủ phủ ở Phả Lại. Đạo 2 ở Lạng Sơn. Đạo 3 ở Yên Bái, và Đạo 4 ở Sơn La.

Ngày 9.9.1891, thành lập các Tiểu Quân Khu trong các Đạo Quan Binh. Đạo 1 có 3 Tiểu Quân Khu là Phả Lại, Thái Nguyên, Móng Cái. Đạo 2 gồm Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang. Đạo 3 gồm Lào Kay, Yên Bái, Tuyên Quang. Đạo 4 gồm Vạn Bú và Lai Châu (nghị định ngày 27.2.1892).

Lanessan còn ra hai nghị định quan trọng: ngày 10.1.1892 qui định những án tù giam từ 2 năm trở lên đều bị đưa ra Côn đảo. Và cũng năm 1892, khởi xướng đánh thuế tiêu thụ muối. Một câu ca dao đã mô tả phản ứng của dân ta thời ấy:

Xa xa Côn đảo nhà tù

Biển sâu mấy khúc, lòng thù bấy nhiêu.

Tháng 2.1893, Nghị viện Pháp quyết định chiếm nước Lào bằng võ lực. Toàn quyền Lanessan ra lệnh cho quân đội Pháp tiến chiếm nước Lào bằng ba cánh quân: từ Quảng Trị vượt đèo Ai Lao, từ Vinh tiến qua đèo Qui Hợp; và từ Cao Mên tiến chiếm Stung-treng. Tiền thu thuế ở Đông Dương được dùng để chi phí cho cuộc tiến quân này.

6. **Chavassieux:** giữ quyền Toàn quyền trong thời gian Lanessan về Pháp công cán, từ 10.3.1894 đến 26.10.1894. Trong 7 tháng 16 ngày Chavassieux tại chức, đã có nhiều việc quan trọng xảy ra: Trong khoảng hai tháng 3 và 4.1894, dân phu các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây, Ninh Bình và 10 tỉnh khác của Bắc kỳ bị cưỡng bức đi làm công trình đường sắt phủ Lạng Thương nối liền Lạng Sơn, đã bỏ trốn tập thể nhiều đợt. Nhóm ít nhất 38 người, nhóm nhiều nhất 446 người, đã làm công trình bị đình trệ hẳn. Thời ấy có câu than:

Đêm nằm luống những sầu bi

Sưu cao thuế nặng lấy chi thanh nhàn.

Kẻ thời bỏ xứ đi hoang

Xa chồng, xa vợ ly tan gia đình.

Ngày 17.9.1894 lại xảy ra vụ nghĩa quân của Đề Thám do Bang Kinh chỉ huy, bắt cóc Chesnay, đại điền chủ kiêm chủ nhiệm báo *l'Avenir du Tonkin* (Tương lai xứ Bắc kỳ), và Logiou, thầu khoán công trường đường sắt Hà Nội-Lạng Sơn tại đoạn suối Ghềnh đến Bắc Lệ. Các vụ bắt cóc này làm giới tư bản Pháp náo động, khiến ngày 25.10.1894, Pháp phải xin đình chiến với nhiều nhượng bộ cho Đề Thám để chuộc mạng Chesnay và Logiou.

7. **Rodier:** Quyền Toàn quyền từ 29.12.1894 đến 15.3.1894, lúc Toàn quyền Rousseau chưa chính thức nhậm chức.

8. **Rousseau:** được bổ nhiệm ngày 29.12.1894, nhưng đến 15.3.1895 mới chính thức nhậm chức. Chết ngày

9.12.1896 trước khi mãn nhiệm.

Trong thời gian Rousseau tại chức, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh ngày 15.9.1896 cho phép Toàn quyền Đông dương thành lập Hội đồng Đề hình để xét xử những người Việt chống Pháp ở Bắc và Trung kỳ. Thành phần Hội đồng gồm 1 quan cai trị hạng nhất làm chủ tịch, 1 quan toà chuyên nghiệp trực thuộc Tổng biện lý, 1 sĩ quan trực thuộc Tổng tư lệnh lực lượng chiếm đóng. Ba vị này do Toàn quyền Đông dương chỉ định vào mỗi đầu năm. Ngoài ra, còn 1 đại diện của tỉnh hữu quan, là viên Công sứ Pháp đương nhiệm tỉnh đó. Bản án sẽ thi hành ngay sau 24 giờ. Chỉ được chống án lên Hội đồng Bảo hộ do Toàn quyền Đông dương làm chủ tịch. Nếu bị bác đơn thì án được thi hành ngay lập tức.

Dù bị đe dọa dưới nhiều hình thức, tinh thần chống Pháp của dân Việt vẫn không giảm sút. Công cuộc bình định của thực dân tốn kém và khó khăn hơn nhiều so với việc chinh phục. Pháp phải tăng thuế để bù vào sự hao hụt ngân sách:

Càng ngày xâu nặng thuế cao
Mất mùa nên phải lao đao nhọc nhằn.
Xóm làng nhẫn chịu cắn răng
Bán đìa nộp thuế cho bằng lòng quan.

Nhưng nào có được yên thân:

Nạp rồi lòng dạ chưa an
Lại nghe mõ đánh ngoài làng kêu xâu. (Ca dao)

Tình trạng thuế leo thang đến độ ở Bắc kỳ thuế đinh đang từ 14 xu tăng lên 4 hào, thuế điền thổ tăng gấp đôi.

9. **Fourès, Julien:** Quyền Toàn quyền lần thứ nhất từ 20.10.1895 đến 14.3.1896 khi Rosseau về công cán ở Pháp; lần thứ hai từ 10.2.1896 đến 13.2.1897 khi Rousseau chết trước khi mãn nhiệm; lần thứ ba từ 29.9.1898 đến 24.1.1899, tạm thời thay thế Toàn quyền Doumer về Pháp lần thứ nhất.

Trong các khoảng thời gian này, ngày 24.12.1895, Fourès ký nghị định thành lập Tiểu Quân Khu Yên Thế, trực thuộc Đạo Quan Binh 1, với mục đích chuyển giao vùng Yên Thế về tay chính quyền quân sự, nhằm tiêu diệt nghĩa quân Đề Thám.

Ngày 30.12.1898, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh về chế độ báo chí ở Đông dương, Fourès thừa lệnh ban bố ngày 30.1.1899, gồm các điểm chính như sau;

- Chủ nhiệm, chủ bút phải là người Pháp hoặc đã vào quốc tịch Pháp.
- Không có giấy phép thì tuyệt đối không được ra báo, dù là báo tiếng Pháp.
- Các loại sách báo, tranh ảnh có hại cho Pháp tuyệt đối không được viết, in, lưu hành, tàng trữ, mua bán, xuất nhập...
- Mọi sự vi phạm sắc lệnh này đều bị nghiêm trị. Toà án, cảnh sát chịu trách nhiệm theo dõi. Toàn quyền Đông dương có quyền đình chỉ bất cứ tờ báo nào xuất bản tại Đông dương và cấm nhập bất cứ loại báo nào ấn hành ở nước ngoài mà xét thấy có hại cho quyền lợi của nước Pháp.
- Sắc lệnh này áp dụng cho tất cả các loại báo, dù viết bằng bất cứ thứ ngôn ngữ nào.

10. **Doumer, Paul:** Nguyên là dân biểu, được bổ nhiệm Toàn Quyền ngày 27.12.1896, từ chức ngày 30.6.1902.

Mới chính thức nhậm chức 9 ngày, Doumer đã gửi cho Bộ Thuộc Địa Pháp dự án cai trị Đông dương. Chương trình hành động của ông gồm các điểm chính:

- Tổ chức một chính phủ chung cho Liên bang Đông dương và mỗi bộ máy cai trị riêng cho từng xứ trong Liên bang.
- Sửa đổi chế độ tài chánh của Liên bang, chỉnh đốn hệ thống thuế khoá cho phù hợp với nhu cầu của ngân sách, đồng thời cũng dựa trên thực tế xã hội ở Đông dương.
- Xây dựng đường giao thông để triệt để khai thác xứ Đông dương.
- Phát triển sản xuất và thương mại ở Đông dương, đặt căn bản trên nguồn lao động bản xứ.
- Đặt vấn đề phòng thủ Đông dương, cần phát triển Hải quân vững mạnh.
- Dập tắt các phong trào kháng chiến ở Bắc kỳ và bảo đản an ninh vùng biên giới Hoa Việt.
- Khuếch trương ảnh hưởng và mở rộng quyền lợi của Pháp ở các nước lân cận với Đông dương.

Để thực hiện chương trình trên, ngày 2.6.1897 Doumer ký một loạt các nghị định về thuế ruộng đất, thuế thân; về quyền lợi của người đi lính và định lại diện tích ruộng đất ở Bắc kỳ.

Pháp đánh Gò-công năm 1864

Nguyên khoảng năm 1872, vua Tự Đức thống nhất việc dùng đơn vị "quan điền xích" để đo ruộng đất, mỗi mẫu ta bằng 4970 mét vuông. Doumer ra nghị định kể từ ngày 1.1.1898, áp dụng trên toàn xứ Bắc kỳ, mỗi mẫu ta bằng 3600 mét vuông, tức ít hơn trước 1370 mét vuông, mục đích làm tăng giả tạo diện tích ruộng đất hầu thu thêm thuế.

Về sách lược tước đoạt dần quyền hành của triều đình Huế tại Bắc kỳ, lúc Paul Bert làm Tổng trú sứ Trung-Bắc kỳ, đã yêu cầu vua Đồng Khánh ký đạo dụ ngày 3.6.1886 lập chức Kinh lược sứ Bắc kỳ để đại diện nhà vua. Từ đó, xứ Bắc gần như tách hẳn khỏi quyền lực của triều đình. Nhưng Doumer còn muốn dứt khoát hơn nữa trong việc thực hiện chính sách trực trị tại Bắc kỳ. Ông ta ép vua Thành Thái ra đạo dụ ngày 26.7.1897, bãi bỏ chức Kinh lược Bắc kỳ, chuyển giao toàn bộ chức năng Kinh lược về tay Thống sứ Pháp. Thế là triều đình Huế không còn một chút quyền hành gì ở xứ Bắc. Ngay cả việc bổ nhiệm, điều động, thăng giáng cấp các quan để phục vụ cho chính sách bảo hộ cũng không được dự phần.

Mặt khác, để củng cố chế độ trực trị ở Bắc kỳ, Doumer đã yêu cầu Tổng thống Pháp ra sắc lệnh ngày 8.6.1897 bãi bỏ chức Tổng thư ký phủ Toàn quyền. Nguyên Pháp đặt chế độ Tổng trú sứ Bắc kỳ từ ngày 8.4.1886 đến ngày 9.5.1889 thì bãi bỏ. Toàn quyền Đông dương phải kiêm nhiệm chức vụ ấy nên cần đặt ra chức Tổng thư ký phủ Toàn quyền để phụ tá. Nay chức này cũng bị bãi bỏ để trả lại toàn vẹn chức năng trực tiếp cai trị xứ Bắc cho viên Thống sứ.

Việc bình định Bắc kỳ, Doumer ra chỉ thị phải dập tắt ngay phong trào khởi nghĩa. Ông hạ lệnh cho Trung tá Péroy bắt Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm vào đêm 22.7.1887 tại đồn điền chợ Kỳ thuộc Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, để cô lập Đề Thám. Cuối tháng 10.1897, Doumer đích thân kinh lý Yên Thế 3 ngày để đặt kế hoạch tiêu diệt Đề Thám, nhưng đến tháng 12.1897, ông ta phải chọn giải pháp đình chiến.

Để tăng cường quân sự, Doumer ban hành một số nghị định. Ngày 7.7.1900 có luật tổ chức Quân đội Thuộc địa; ngày 1.8.1900 thành lập Trung đoàn Pháo binh; ngày 15.11.1900 thiết lập ngân sách riêng cho mỗi Đạo Quan Binh; tháng 10.1901 thành lập ban Điện báo Quân sự trên toàn Đông dương.

Việc mở rộng lãnh thổ Liên bang Đông dương cũng thực hiện mỹ mãn dưới thời Doumer. Ngày 19.4.1899 có thêm nước Lào, ngày 5.1.1900 lại thêm Quảng Châu Loan.

Nói chung, Doumer đã đem lại nhiều quyền lợi cho nước Pháp về mọi mặt, nhất là về thương mại và kinh tế. Có thể nói, Doumer là viên Toàn quyền đã xây dựng ổn định và hoàn chỉnh guồng máy cai trị của Pháp ở Đông dương, khai thác triệt để các nguồn lợi của Liên bang này, tạo nền móng vững vàng cho ách thống trị của Pháp kéo dài đến năm 1945.

11. **Broni:** Quyền Toàn quyền Đông dương, hai lần thay Doumer về Pháp công cán (16.2.1901 - 20.8.1901) và (14.3.1902 - 15.10.1902).

Lần thứ hai, Broni đảm nhiệm quyền Toàn quyền cũng hai đợt khi Paul Beau về Pháp (1.7.1905 - 6.12.1905) và (28.7.1906 - 2.1.1907).

Trong thời gian này, để khai thác thị trường rượu bản xứ, ngày 1.5.1901, Pháp thành lập Công ty Nấu Cất Rượu Đông dương, trụ sở đặt tại Paris. Tại Đông dương, Công ty lập nhà máy sản xuất rượu ở Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Chợ Lớn, Nam Vang, độc quyền nấu, chế biến, buôn bán rượu trên toàn Liên bang.

12. **Beau, Paul:** Nhậm chức Toàn quyền từ 15.10.1902, đến 25.6.1908 thì mãn nhiệm.

Chính sách cai trị của Paul Beau cũng giống như Paul Bert (Tổng trú sứ Trung-Bắc kỳ đầu tiên, năm 1886) và Toàn quyền Lanessan (1891-1894) là cai trị theo đường lối "hợp tác". Ông ta muốn chinh phục giới trí thức và thượng lưu ở Đông dương để họ cộng tác hơn là dùng lối "đồng hoá" để xiết chặt ách thống trị. Paul Beau đã ký hàng loạt các nghị định có tính cách phúc lợi phần nào cho dân bản xứ như: Nghị định ngày 20.1.1904 cho thành lập Sở Y Tế toàn Đông dương; ngày 27.4.1904 thiết lập qui chế giáo dục hệ Pháp Việt ở Bắc kỳ với mục đích loại bỏ dần nền Hán học; ngày 25.10.1904 thành lập trường Cao đẳng Y khoa Đông dương và Nha Học chánh. Năm 1906, Paul Beau lập Đại học Đông dương để thu hút sinh viên Việt Nam khỏi sự lôi cuốn của Phong trào Đông du khởi xướng vào cuối tháng 7 năm 1905. Ngoài ra hằng năm, ông ta còn cho một số quan viên công chức qua Pháp du học.

Nhưng Paul Beau không hề chỉ lo "khai hoá" dân Đông dương mà quên đi quyền lợi của Pháp. Chỉ mới nhậm chức hai tháng, ông ta đã ký hai nghị định ngày 20 và 22.12.1902 về việc thiết lập chế độ độc quyền nấu, chế biến và bán rượu, chiếm trọn thị trường tiêu thụ trên toàn cõi Đông dương. Ngày 8.11.1904, Paul Beau còn ra nghị định cho phép chính quyền bảo hộ độc quyền quản lý và bán muối trực tiếp cho người tiêu thụ. Ai muốn khai thác muối, phải có giấy phép của Nha Thương chánh và Độc quyền cấp. Muối sản xuất được, phải bán hết cho Sở Thương Chánh trong vòng 3 ngày, không được nhín lại, dù chỉ để dùng trong gia đình. Ai vi phạm sẽ bị tịch thu, còn bị phạt tiền và án tù. Muốn có muối, phải đến Sở mua lại với giá cao cộng thêm tiền chuyên chở, bảo quản và tiền thuế. Thuế muối tăng đáng kể. Tháng 5.1892, Lanessan khởi xướng đánh thuế muối ở mức 1 xu cho 1 kg. Ngày 1.6.1897, Doumer tăng gấp 5 lần ở mức 5 xu cho 1 ký. Ngày 19.10.1899, 10 xu cho 1 ký muối. Đến 19.4.1906, Paul Beau tăng đến 22.5 lần ở mức 2.25 hào thuế cho 1 ký muối.

13. **Bonhoure, Louis:** Nguyên Thống đốc Nam kỳ, đảm nhiệm quyền Toàn quyền từ 28.2.1908 đến 23.9.1908. Chính Bonhoure đã trực tiếp liên hệ đến việc đàn áp phong trào kháng thuế miền Trung xảy ra từ

tháng 3 đến tháng 5.1908.

Ngày 10.4.1908, Bonhoure cùng Trung tướng Piel, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông dương, điều động lực lượng chính qui ở Bắc kỳ vào miền Trung tăng cường đàn áp. Lịch sử đã nhìn nhận, phong trào kháng thuế là hậu quả tất nhiên của chế độ thuế khoá quá nặng nề và hà khắc:

Từ ngày Tây chiếm kinh đô
Xâu cao thuế nặng biết chừng mô hỡi trời!
Còn lo một nỗi khổ đời
Quan trên ỷ thế nhiều lời hiếp dân.
(ca dao)

Chính Lanessan (Toàn quyền Đông dương 1891-1894) cũng phải thú nhận chính sách thực dân đã bóc lột dân thuộc địa ở Đông dương đến tận xương tủy. Trong báo *Người Đông Dương*, ông viết: "Nguyên nhân chủ yếu (của các cuộc biểu tình) là do thuế má quá nặng. Những cuộc biểu tình nổ ra trước tiên ở Trung kỳ vì tại đây, người ta tăng thuế nhanh nhất mà lại kém sáng suốt nhất. Thuế đã nặng, cách thu lại phiền phức, ngoài ra ta còn đặt thêm các việc độc quyền muối, rượu..." (Trích *Việt Nam Cách mạng Cận sử* của Phạm Văn Sơn).

14. **Klobukowski, Anthony:** Nhậm chức Toàn quyền ngày 24.9.1908, mãn nhiệm ngày 31.5.1911.

Khác với đường lối cai trị của tiền nhiệm Paul Beau, Klobukowski cai trị bằng cường quyền. Ông ta ra lệnh bãi bỏ Hội đồng Tư vấn Bắc kỳ, Hội đồng Tỉnh hạt vì cho rằng các Hội đồng này ngầm tán đồng Phong trào Kháng Thuế miền Trung. Klobukowski còn đóng cửa các trường đại học và Nha Học Chánh vì cho rằng nhiều sinh viên lợi dụng những nơi này để tuyên truyền chống Pháp.

Đối với phong trào kháng chiến Đề Thám, Klobukowski muốn giải quyết dứt khoát. Ngày 29.1.1909 tức mùng 8 Tết năm Kỷ Dậu, Toàn quyền họp với Thống sứ và Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc kỳ Geil, mở chiến dịch qui mô cấp trung ương, kéo dài nhiều tháng, chia làm ba đợt do ba sĩ quan cấp tá chỉ huy, tiếp nối tấn công, không để nghĩa quân được nghỉ ngơi giờ phút nào. Ngày 30.7.1909, Tổng đốc Hải Dương Lê Hoan làm Khâm sai, trực tiếp chỉ huy 400 lính Việt lãnh nhiệm vụ cô lập và bao vây nghĩa quân cho lực lượng chính qui Pháp tiến đánh, nhưng vẫn chưa tiêu diệt nổi.

Klobukowski còn chặn đứng Phong trào Đông du bằng đàn áp và ngoại giao. Tháng 2.1909, chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất các nhà cách mạng Phan Bội Châu, Kỳ ngoại hầu Cường Để và tất cả các sinh viên Việt Nam do Phong trào đưa sang du học.

Sau các vụ đàn áp, nhà tù Côn đảo đã chật ních người. Để có thêm nơi giam giữ an toàn, ngày 31.12.1909, Klobukowski ký nghị định lấy đảo Cái Bàn ở vịnh Hạ Long làm nơi giam giữ tù chính trị và cả những người ra đầu thú. Một số thường phạm bị xét thấy nguy hiểm cũng bị đưa ra đảo này.

15. **Picquié:** giữ quyền Toàn quyền từ 13.1.1910 đến 11.6.1910. Trong thời gian này, một nghị định tương đối quan trọng được ban hành là miễn thuế 6 năm cho đất trồng cây công nghiệp như bông vải, cà phê, cao su, đay gai...

16. **Luce:** xử lý Toàn quyền từ 17.2.1911 đến 15.11.1911. Suốt 6 tháng 29 ngày tại chức, Luce không ra một nghị định nào quan trọng.

17. **Sarraut, Albert:** Nguyên là dân biểu, nhậm chức Toàn quyền ngày 15.11.1911. Nhân ngày 4.1.1914 về Pháp công cán, ông nghỉ luôn cho đến ngày mãn nhiệm (4.8.1914).

Do tình hình thế giới căng thẳng, Nhật đe dọa Đông dương, Pháp đã tỏ ra khôn khéo mềm mỏng hơn trong việc cai trị vùng này. Sắc luật ngày 20.10.1991 cho phép Toàn quyền Đông dương có những quyền hành rộng rãi. Vì thế đường lối cai trị của Sarraut phản ảnh chế độ bảo hộ một cách tương đối trung thực.

Về xã hội, ngày 8.11.1912, Sarraut ra nghị định cho thành lập Nghiệp đoàn Điền chủ và Nghiệp đoàn Tá điền để bênh vực quyền lợi của đoàn thể mình. Ngày 19.3.1913, cho phép thành lập Hội đồng Hàng Tỉnh và lập Phòng Tư vấn Bắc kỳ để đại diện cho người Việt.

Về giáo dục, ngày 29.12.1913, Sarraut ra nghị định mở trường Y Dược Đông dương. Ông bác bỏ quan điểm của nhóm thực dân thiển cận cho rằng không nên mở mang học chính cho dân bản xứ. Sarraut lý luận: "Thật là nguy hiểm nếu để cho bọn trí thức bản xứ được ăn học ở ngoài quyền hạn của ta, ở xứ khác dưới

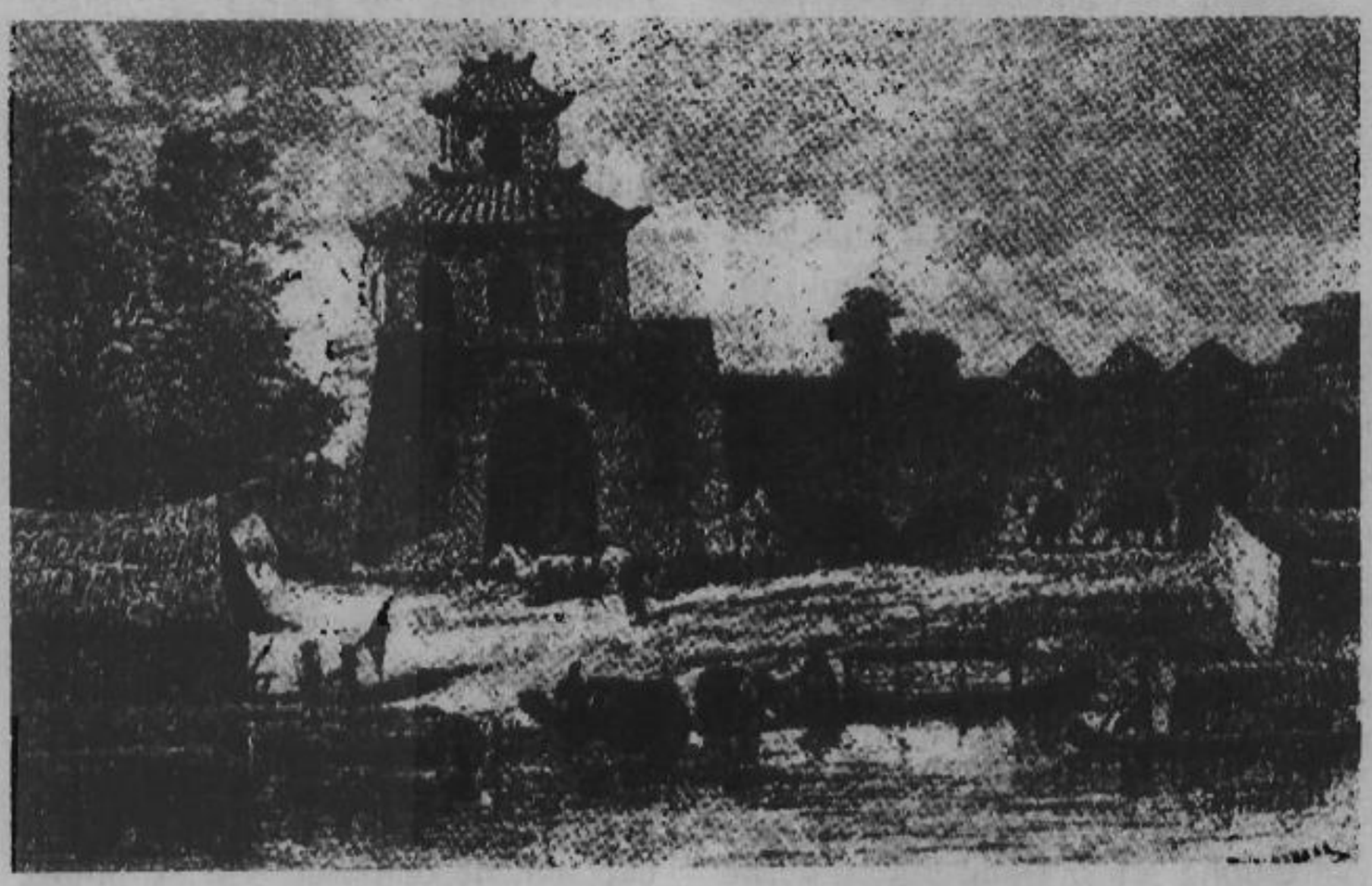

Thành Huế, thế-kỷ 19

những ảnh hưởng và những tinh thần học hỏi, chính trị khác. Để khi về nước họ có thể dùng những tài tuyên truyền và hoạt động họ học được ở ngoài để chống lại người Bảo Hộ địa phương đã từ chối, không cho họ ăn học". Và ông nói tiếp: "Hiệp ước thuộc địa là chủ nghĩa về cái quyền của kẻ mạnh. Việc chinh phục thuộc địa không phải là một bổn phận, nhưng là một việc làm của kẻ mạnh." (Trích *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam* của Nguyễn Văn Trung).

Quan điểm của Sarraut, "khai hoá" không có nghĩa là tạo điều kiện cho dân bản xứ chống lại Bảo Hộ. Vì vậy, để chặn đứng ảnh hưởng đang lan tràn của Việt Nam Quang Phục Hội do Cường Để và Phan Bội Châu thành lập vào đầu tháng 2.1912; ngày 31.12.1912, Sarraut ra sắc lệnh nghiêm cấm không được tổ chức hội kín, khi hội họp trên 20 người phải xin phép.

Sarraut làm Toàn quyền Đông dương lần thứ hai từ 22.1.1917 cho đến 9.12.1919.

Cũng với chính sách mềm mỏng, Sarraut củng cố nền cai trị bằng những cải thiện vừa phải để thu phục dân bản xứ. Vì thế ông quan tâm đến việc giáo dục, đào tạo tầng lớp giới chức thừa hành là người bản xứ để mới nhìn vào tưởng có vẻ được tự trị.

Ngày 21.2.1917, Sarraut ra nghị định bãi bỏ nền Hán học và kỳ thi Hán học ở Bắc và Trung kỳ, đồng thời ban hành nghị định qui chế chung về ngành giáo dục trên toàn cõi Đông dương, gọi là "Học Chính Tổng Qui"; thiết lập Tổng thanh tra Học chánh Đông dương, đặt dưới quyền chỉ đạo của Toàn quyền. Ông còn lập Hội đồng Tư vấn Học chánh Đông dương, do Toàn quyền làm chủ tịch và Tổng thanh tra Học chánh làm phó. Đặt kỳ thi tuyển sinh viên sang Pháp du học có cấp học bổng.

Ngày 17.3.1918, Sarraut ra nghị định lập trường Nông nghiệp Thực hành ở Bắc kỳ. Ngày 21.3.1918 mở trường Cao đẳng Nông Lâm ở Hà Nội. Ngày 21.8.1918 mở trường Sư phạm Hà Nội. Ngày 25.12.1918 ban hành qui chế chung về bậc Cao đẳng Đông dương gồm: trường Y Dược (hệ 4 năm), trường Thú y (hệ 4 năm), trường Pháp chính (hệ 3 năm), trường Sư phạm (hệ 3 năm), trường Nông Lâm (hệ 3 năm), trường Công chánh (hệ 2 năm). Tiếp đến, ngày 31.12.1918, Sarraut ra nghị định thành lập Viện Khoa học Đông dương, trụ sở đặt tại Sài gòn.

Chính sách cai trị "hợp tác" của Sarraut bị giới chức Pháp nặng đầu óc thực dân phản đối dữ dội. Họ cho rằng lối cai trị của Sarraut quá chú trọng về y tế và giáo dục, tạo cho dân bản xứ nhiều cơ hội loại người Pháp ra khỏi Đông dương. Một chiến dịch qui mô đả kích Toàn quyền Sarraut được phát động, do De Montpezat cầm đầu. Y là một đại điền chủ nhiều thế lực, đang là đại biểu Trung kỳ trong Hội đồng Chính phủ Bảo hộ.

18. **Vollenhoven, Van:** phụ trách giải quyết các công việc của Toàn quyền từ 4.1.1914 đến 4.8.1914 khi Sarraut về Pháp công cán. Và từ 5.8.1914 đến 5.3.1915 trong khi chờ đợi Tổng thống Pháp bổ nhiệm toàn quyền mới. Trong thời gian 1 năm 2 tháng này, Vollenhoven ký 2 nghị định, 27.3.1914 cho Bắc kỳ và 26.8.1914 cho Trung kỳ, về việc thiết lập chế độ độc quyền khai thác rừng như họ đã làm ở Nam kỳ theo nghị định 1.12.1913.

19. **Roumé, Ernest:** Nhậm chức Toàn quyền ngày 5.3.1915, mãn nhiệm ngày 6.11.1916.

Ngày 22.4.1916, Roumé ký nghị định củng cố và mở rộng thêm các nhà tù ở Thái Nguyên, Cao Bằng, Sơn La, Lai Châu và ở đảo Cái Bàn.

Đêm mùng 3 rạng ngày 4.5.1916, cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội do vua Duy Tân làm minh chủ bị bại lộ. Toàn quyền Roumé vào Huế để trực tiếp giải quyết sự vụ. Ngày 10.5.1916, Roumé truất phế vua Duy Tân, tôn hoàng tử Bửu Đảo, con trưởng vua Đồng Khánh, lên kế vị theo đề nghị của Khâm sứ Trung kỳ Charles.

20. **Charles, Jean E.:** đang làm Khâm sứ, được cử làm quyền Toàn quyền từ 23.5.1916 đến 6.11.1916 trong khi Roumé về Pháp và tiếp tục cho đến 22.1.1917 để đợi viên Toàn quyền mới. Trong 8 tháng nhậm chức, Charles thi hành quyết định của Roumé, ngày 13.11.1916 đưa cựu hoàng Thành Thái và hoàng tử Vĩnh San tức cựu hoàng Duy Tân xuống tàu Guadiana đậu ở Vũng Tàu để qua đảo Réunion (đông nam Phi châu) chịu tội lưu đày.

21. **Monguillot:** nắm quyền Toàn quyền ba lần. Lần I từ 22.5.1919 đến 20.2.1920; lần II từ 23.4.1925 đến 18.11.1925; lần III từ 1.11.1927 đến 7.8.1928.

22. **Long, Maurice**: Nhậm chức Toàn quyền ngày 20.2.1920, chết ngày 15.1.1923 tại Colombo, thủ đô Tích Lan khi chưa hết nhiệm kỳ.

Toàn quyền Long vẫn theo đường lối cai trị của Sarraut nhưng có vẻ dè dặt hơn. Về hành chánh, ông tổ chức lại Hội đồng Quản hạt Nam kỳ, nâng số đại biểu người Việt từ 6 lên 10 người. Các chức vụ hành chánh cũng dành nhiều cho người Việt. Nhưng để tránh sự chống đối của kiều dân Pháp, ông không cho công chức người Việt nhập cùng ngạch với công chức người Pháp, mà chỉ được nhập một ngạch tương đương dành cho người bản xứ. Đồng thời ông gia tăng phụ cấp cho các công chức Pháp để trấn an họ. Về mặt giáo dục, ông cũng quan tâm như vị Toàn quyền tiền nhiệm nhưng thận trọng hơn, chỉ phát triển trường Sư phạm và mời giáo sư thạc sĩ Pháp qua giảng dạy.

23. **Gallen**: Quyền Toàn quyền từ 18.11.1920 đến 31.3.1921 khi Maurice Long về Pháp công cán.

24. **Baudoin**: Quyền Toàn quyền từ 15.4.1922 đến 9.8.1923.

25. **Merlin, Martial**: Nhậm chức Toàn quyền 10.8.1923, mãn nhiệm ngày 27.7.1925.

Merlin cai trị Đông dương theo đường lối cứng rắn của Klobukowski, cho rằng việc phát triển giáo dục bậc trung và đại học chỉ gây thêm sự bất lợi cho việc cai trị. Merlin chủ trương chỉ phát triển giáo dục ở bậc tiểu học, nhưng cũng nhỏ giọt, vừa đủ để đào

tạo lớp nhân viên cấp thấp giúp việc trong bộ máy hành chánh. Theo *Contrilention à l'Histoire du Vietnam* của Chesneau, Phan Khoang ghi lại trong *Việt Nam Pháp thuộc sử*, các trường sơ cấp thời Pháp thuộc không đủ cung ứng. Năm 1924, có 600.000 trẻ em đến tuổi đi học, nhưng chỉ đủ chỗ cho 72.000 em, số còn lại phải chịu mù chữ.

Tháng 6.1924, Merlin công du qua Vân Nam, Hương Cảng, Nhật để thương lượng các vấn đề về thương mại, kinh tế và chính trị. Sứ mạng của Merlin là vận động các lân quốc với Đông dương, giúp Pháp tiêu diệt các phong trào cách mạng Việt Nam tại hải ngoại. Chuyến về, Merlin ghé Quảng Châu viếng thăm tô giới Pháp ở Sa Diện. Đêm 19.6.1924, Tổng lãnh sự Pháp mở tiệc khoản đãi Merlin tại khách sạn Victoria. Chí sĩ Phạm Hồng Thái và Lê Tấn Anh giả làm phóng viên nhiếp ảnh đã ném 2 quả bom ngay giữa bàn tiệc, giết chết viên Lãnh sự Pháp và một số yếu nhân khác, nhưng Merlin thoát nạn. Sau vụ ấy, Merlin càng hung bạo hơn, thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng Việt Nam.

26. **Varenne, Alexandre**: Nhậm chức Toàn quyền 18.11.1925, mãn nhiệm 22.8.1928.

Varenne mới nhậm chức hai ngày thì xảy ra vụ án Phan Bội Châu. Nguyên ngày 30.6.1925, cụ Phan bị Pháp bắt cóc tại Thượng Hải, bí mật đưa về Hải Phòng bằng tàu thủy. Ngày 23.11.1925, Hội đồng Đề hình Hà nội kết án cụ khổ sai chung thân. Lúc bấy giờ, cao trào xin ân xá cho cụ bùng dậy khắp nước, lan tràn ra tận Pháp và Xiêm. Báo chí cũng đồng loạt lên tiếng hỗ trợ. Toàn quyền Varenne phải triệu tập Hội đồng Bảo hộ để xét lại bản án và ký đề nghị gửi về Pháp xin ân xá cho nhà ái quốc họ Phan.

Nói chung, Varenne theo đường lối cai trị nới lỏng. Về giáo dục, ông cho thành lập nha Thanh tra Học chánh, cấp Tiểu học được giảng dạy bằng tiếng Việt, cấp Đại học được tổ chức qui củ. Đại học Luật cấp bằng cử nhân Luật khoa. Trường thuốc có khả năng đào tạo cấp Y sĩ. Y tế hoạt động mạnh, hàng triệu người bản xứ được chủng ngừa dịch tả. Về xã hội, nghị định năm 1927 ban hành Thể chế Lao động, thiết lập sở Thanh tra Lao động để kiểm soát việc thi hành của giới chủ. Về hành chánh, người Việt được giao những chức vụ ngang hàng với người Pháp nếu đủ điều kiện về bằng cấp và năng lực. Hội đồng Tư vấn Bắc kỳ và Trung kỳ được đổi thành Hội đồng Dân biểu.

Chính sách cai trị cởi mở của Varenne bị phe thực dân phản đối mạnh mẽ.

27. **Pasquier, Pierre**: Nguyên Khâm sứ Trung kỳ, được cử làm quyền Toàn quyền từ 4.10.1926 đến 16.5.1927 khi Varenne về Pháp công cán.

Đến 26.12.1928, chính thức nhậm chức Toàn quyền, tử nạn phi cơ ngày 15.1.1934 trước khi hết nhiệm kỳ.

Việc Pasquier được chọn làm Toàn quyền là một thắng thế của phe thực dân bảo thủ. Đường lối cai trị của Pasquier trái ngược hẳn với viên Toàn quyền tiền nhiệm. Trong bài diễn văn đọc trước Hội đồng Kinh tài Đông dương ngày 22.10.1929, Pasquier phát biểu: "Nếu có một cuộc khủng hoảng trong vấn đề mộ phu, thì nguyên nhân chính là nhằm nâng cao mức sống của dân chúng". (Trích *Chủ nghĩa Thực dân Pháp tại Việt Nam*).

Với ý hướng đó, Pasquier bãi bỏ ngay Thể chế Thanh tra Lao động, thế vào bằng Sở Kinh Tế với những biện pháp ràng buộc người lao động hơn. Mọi công nhân bản xứ phải xuất trình một tiểu bạ có chữ ký của chủ sở và dấu chứng của công an. Năm 1933, Pasquier còn ban hành một nghị định rất nghiêm khắc: nếu công nhân đồn điền tự ý bỏ sở làm trước khi mãn hợp đồng, sẽ bị án tù hai tháng. Cũng trong năm này, y còn ra nghị định cấm không được thành lập các hội đoàn để tranh đấu cho quyền lợi của công nhân.

Về mặt đàn áp, Pasquier cũng tỏ ra xuất sắc. Pasquier đã giục Bride, Chủ tịch Hội đồng Đề hình, phải mau chóng kết thúc vụ án Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ngày 16.2.1930, y hạ lệnh ném bom làng Cổ An, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương, quần thảo bắn phá từng nhà đến nỗi không một món gì còn nguyên vẹn. Ngày 17.6.1930 tại Yên Bái, nhà cách mạng cùng 12 đồng chí lên đoạn đầu đài. Phóng viên Louis Roubaud của báo *Paris Soir*, thuật lại: "Trong đời phóng viên, tôi chưa bao giờ trông thấy một cảnh tượng như sáng hôm nay. Những tiếng 'Việt Nam' mà các nhà cách mạng cùng hô to trước khi bước lên đoạn đầu đài đã cho tôi thấy lòng hăng hái và sự tin tưởng gần như mê tín vào chủ nghĩa quốc gia của họ. Những tiếng đó đã làm cho tôi, một người ngoại quốc, cũng phải cảm động. Gây nên những cảnh rùng rợn như hôm nay, phải chăng đó là do chính sách vụng về của người Pháp ở xứ này? Tôi đã có dịp tiếp xúc với những nhà cách mạng như Thái Học, Đức Chính và các yếu nhân VNQDĐ trong nhà pha Hoả Lò. Họ đã nói nhiều, công kích nhiều. Tất cả các tổ chức hành chánh, chính trị, kinh tế và xã hội trong xứ này, theo ý các nhà ái quốc đó, đều phải sửa đổi nhiều..." (Trích *Những trận đánh Pháp* của Lãng Nhân).

28. **Robin, René**: Nguyên Trưởng phòng nhì, hai lần quyền Toàn quyền. Lần I từ 7.8.1928 đến 26.12.1928; lần II từ 1.12.1930 đến 30.6.1931. Đến 23.7.1934, chính thức nhậm chức Toàn quyền. Ngày 9.9.1936 thì thôi chức.

Robin tiếp tục đường lối cai trị của Pasquier, chứng tỏ chính phủ Pháp lúc bấy giờ chủ trương cứng rắn để củng cố nền thuộc địa.

29. **Graffeuil, Maurice**: Điều hành công việc của Toàn quyền từ 4.1.1934 đến 23.7.1934 và từ 23 đến 29.8.1939.

30. **Silvestre**: Quyền Toàn quyền từ 9.9.1936 đến 14.1.1937.

31. **Brévié**: Toàn quyền từ 14.1.1937, đến 23.8.1939 về Pháp nghỉ cho đến hết nhiệm kỳ là 19.5.1940.

Sau 9 năm Đông dương bị cai trị bởi những viên Toàn quyền khắc nghiệt, giờ đây Brévié trở lại đường lối cai trị cởi mở của Verenne.

Về xã hội, trong khoá họp Đại hội đồng Kinh tế và Tài chánh Đông dương năm 1937, Brévié tuyên bố sửa đổi chế độ thuế khoá cho phù hợp với thực tế của xã hội bản xứ. Chẳng hạn, thuế thân từ bấy lâu đóng đồng hạng bất luận giàu nghèo, nay được điều chỉnh đóng theo mức lợi tức hằng năm của từng người. Căn cứ vào các số liệu ghi trong *Việt Nam thời Pháp đô hộ* của Nguyễn Thế Anh, dưới thời Brévié, thuế thân ở Bắc kỳ được qui định: Những người có lợi tức hằng năm dưới 120$ nộp 1$. Mức thuế tăng dần lên đến 220$ cho những ai có lợi tức trên 6000$. Năm 1939, Bắc kỳ có 2.196.932 nộp thuế thân, trong đó: 483.136 người chỉ đóng 1$, 1.502.447 người đóng 2.50$ và 114 người đóng 250$.

Brévié còn nới rộng việc nhập tịch Pháp. Những người bản xứ có bằng tiến sĩ, bác sĩ, cử nhân, hoặc đã tốt nghiệp trường Polytechnique hay sĩ quan đều có quyền xin nhập Pháp tịch. Riêng ở Nam kỳ, các quyền tự do báo chí và tự do kết xã đã được công nhận.

Về kinh tế, việc hành nghề nấu và bán rượu nay được Brévié nhìn nhận với điều kiện phải có giấy phép và môn bài.

Về chính trị, mới nhậm chức, ông đã ra lệnh ân giảm để thả bớt một số tù chính trị trước thời hạn mãn án.

32. **Catroux, Georges**: Nguyên là Thống tướng. Giữ quyền Toàn quyền từ 20.8.1939, chính thức nhậm chức từ 20.5.1940, đến 19.7.1940 thì chuyển giao cho Decoux.

Catroux đảm nhiệm chức vụ trong giai đoạn vô cùng khó khăn. Ngày 3.9.1939, Pháp tuyên chiến với Đức. Ngày 14.6.1940, Paris thất thủ. Trong tình thế ấy, Catroux sợ rằng các đảng cách mạng Việt Nam nhân cơ hội vùng lên lật đổ chính quyền Bảo Hộ, nên ngày 8.9.1939 đã ban hành nghị định cấm ngặt mọi hoạt động chính trị. Đến ngày 20.1.1940, ra lệnh bắt giam tất cả những ai xét thấy nguy hại cho nền an ninh của Pháp. Với triều đình Huế, ngày 4.10.1939, Catroux gửi văn thư cho Bảo Đại, chỉ thị đình hoãn mọi dự án cải cách.

Dù Catroux cố gắng phòng bị cũng không thể xoay chuyển được tình thế. Ngày 19.6.1940, Nhật gửi tối hậu thư cho Catroux qua ngả toà đại sứ Pháp ở Nhật, hạn định 24 giờ đồng hồ sau phải chấp thuận ba điều kiện: Đóng cửa biên giới Hoa-Việt; đình chỉ mọi sự vận chuyển từ Bắc kỳ sang Trung Hoa của quân Đồng Minh để tiếp tế cho Tưởng Giới Thạch; và Nhật được đặt lực lượng kiểm soát việc đóng cửa biên giới.

Vì việc này ngoài thẩm quyền nên Catroux phải đánh điện về Pháp xin ý kiến. Nhưng lúc ấy chính phủ Pétain chưa ký xong hiệp ước đình chiến với Đức, cơ quan chính phủ dời từ Bordeaux đến Vichy, phủ Toàn quyền mất liên lạc với chính quốc. Trong tình thế khẩn trương, Catroux đành phải chấp nhận các điều kiện của Nhật, rồi ngày 21.6.1940 mới báo về Pháp. Catroux bị khiển trách nặng

Pháp đánh thành Hưng-hóa năm 1884

nề và bị triệu hồi ngày 25.6.1940, chờ ngày bàn giao cho Decoux.

33. **Decoux, Jean**: là Hải quân Đô đốc, đương chức Tư lệnh Hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương. Nhậm chức Toàn quyền ngày 19.7.1940; ngày 19.12.1941 được phong làm Tổng cao ủy Pháp tại Thái Bình Dương. Đến 9.3.1945 thì chấm dứt chế độ Toàn quyền Đông dương.

Ở Pháp, chính phủ Pétain thân Đức, ngày 22.9.1940 ký một thỏa ước quân sự với Nhật tại Tokyo: thuận cho Nhật sử dụng phi trường Gia Lâm, Lào Kay, phủ Lạng Thương và đồn trú 25.000 quân tại Bắc và Trung kỳ. Đổi lại, Nhật thừa nhận chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Pháp tại Đông dương. Ngày 29.7.1941, một hiệp ước phòng thủ chung được ký kết, Pháp thuận cho Nhật đóng quân không hạn định số lượng và khắp lãnh thổ Đông dương.

Từ ấy, dân Đông dương phải gánh chịu hai tầng cai trị: của Pháp và của Nhật. Đông dương trở thành hậu phương của Nhật. Nền kinh tế và ngân sách Liên bang phải phục vụ cho nhu cầu chiến tranh của Nhật. Theo *Việt Nam Pháp thuộc sử* của Phan Khoang, Đông dương phải gửi sang Nhật năm 1941 700.000 tấn gạo, năm 1942 hơn 1 triệu tấn gạo, năm 1943 là 950.000 tấn, năm 1944: 900.000 tấn.

Trước sự lung lay của Pháp tại Đông dương, một mặt Decoux đàn áp mạnh các phong trào chống Pháp; mặt khác, mua chuộc các tầng lớp dân chúng. Decoux cho xây thêm 4800 trường học, giao nhiều chức vụ quan trọng cho công chức người Việt, hứa hẹn cho tăng lương ngang với người Pháp, dùng nhiều tiếng Việt hơn trong các cơ quan hành chánh. Decoux còn giao cho Thiếu tá Ducoroy tổ chức phong trào Thể thao và Tuổi trẻ để lôi cuốn thanh niên khiến họ lãng quên việc cứu nước.

Đáp ứng tình trạng khẩn trương, thể theo lời Decoux, ngày 18.2.1943, Pétaịn ra đạo luật cho phép Toàn quyền Đông dương đặc quyền hành động để bảo vệ quyền lợi của Pháp tại thuộc địa, một khi chiến tranh làm gián đoạn sự liên lạc của chính quốc với Liên bang này. Ngày 20.8.1944, chính phủ Pétain lưu vong sang Đức, Decoux tuyên bố thi hành đạo luật trên.

Đối với phe kháng chiến, Decoux vẫn liên lạc và cam kết trung thành với De Gaulle. Mặc khác, ông tiếp tục giao hảo với Nhật, đồng ý sửa lại Hiệp ước 1941 để tăng số lượng gạo cung cấp cho Nhật theo đòi hỏi.

Thế nhưng, đúng 6 giờ chiều ngày 9.3.1945, Đại sứ Nhật Matsumoto gửi tối hậu thư cho Toàn quyền Decoux, buộc phải trao quyền chỉ huy tối cao ở Đông dương cho quân đội Nhật và phải đứng hẳn về phe Nhật chống lại quân Đồng Minh. Hạn chót là 8 giờ tối hôm ấy. Quá giờ, Nhật nổ súng. Chỉ trong một đêm đã tiêu diệt tất cả các lực lượng kháng cự của Pháp trên khắp Đông dương. Chế độ Toàn quyền Pháp ở Đông dương cáo chung từ giờ phút ấy.

Ngày 11.3.1945, triều đình Huế ra tuyên cáo hủy bỏ Hiệp ước Pháp Việt đã ký ngày 6.6.1884 tức Hoà ước Giáp Thân, từ nay Việt Nam lấy lại chủ quyền. Ngày 12.3.1945, Cao Mên cũng tuyên bố độc lập. Nhưng trên thực tế, biến cố này chỉ là một sự thay ngôi đổi chủ ở Liên bang Đông dương mà thôi.

Chế độ Toàn quyền Pháp tại Liên bang Đông dương khởi đầu từ năm 1887 và chấm dứt năm 1945, kéo dài trong 58 năm.

Các viên Toàn quyền cai trị Đông dương không theo một đường lối nhất định nào. Bởi vì ngay từ lúc mới đặt nền đô hộ toàn cõi Việt Nam (Hoà ước Quí Mùi 1883), các giới chức Pháp đã có hai quan niệm khác nhau về cách cai trị Đông dương.

Phái theo khuynh hướng Đồng hoá, chủ trương các xứ thuộc địa phải rập khuôn theo Pháp. Họ không cho phép nước thuộc địa đứng riêng rẽ mà phải biến thành phần tử phụ thuộc mẫu quốc, phải có sự thống nhất giữa nước Pháp và nước bị trị. Nhưng tùy theo quan niệm về mức độ đồng hoá, phái này chia làm hai nhóm nữa. Một nhóm cho rằng chỉ cần đồng nhất về cơ chế pháp lý là đủ. Nhóm kia đòi hỏi phải đồng hoá cả về xã hội và sinh hoạt để buộc dân bản xứ chấp nhận ngôn ngữ, tập quán của Pháp quốc.

Phái theo khuynh hướng Hợp tác hay Liên hiệp thì quả quyết rằng thực tế cho thấy khó lòng đồng hoá một dân tộc xa lạ, hoàn toàn khác biệt với nước Pháp. Họ chủ trương chỉ cần củng cố quyền lợi và ảnh hưởng của Pháp tại thuộc địa theo lối cai trị gián tiếp, đồng thời vẫn tôn trọng phong tục tập quán của dân bản xứ. Toàn quyền Lanessan, trong cuốn *Sự bành trướng thuộc địa của nước Pháp* xuất bản tại Paris năm 1886, viết: "Muốn đạt tới những kết quả đó, phải làm gì? Cần những người cai trị sáng suốt và cần mẫn, biết tôn trọng luật lệ, phong tục người bản xứ và biết làm cho họ cộng tác với mình trong công cuộc xây đắp văn minh..." (trích *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam*).

Tùy theo chủ trương, các viên Toàn quyền kế tiếp nhau cai trị Liên bang Đông dương không hề gián đoạn, nhưng đường lối mỗi người một khác; mềm mỏng hay cứng rắn là tùy thuộc vào mức độ áp dụng phương pháp cai trị "hợp tác" hay "đồng hoá". Dù theo đuổi sách lược nào chăng nữa, mục đích của họ vẫn giống nhau, là cùng bảo vệ nền móng đô hộ để khai thác Đông dương, mang quyền lợi về cho nước Pháp. Dân bản xứ phải chịu bao nhiêu đau khổ, nhọc nhằn:

Lấy chi mà trả ái ân,
Lấy chi mà nộp công ngân cho chàng?
Phần thì quan bắt đắp đàng,
Đào sông Cu Nhí, bòn vàng Bồng Miêu. (ca dao)

Ngày nay, trong kho tàng văn chương truyền khẩu còn lưu lại những câu ca dao mô tả tình trạng đen tối của nước nhà trong giai đoạn ấy:

Đời ông cho chí đời cha
Đời nào cực khổ cho qua đời này.
Từ ngày mất nước cho Tây,
Tiêu hao thì có, sum vầy thì không.

●

Chiếc Áo Dài Cuối Cùng của Mẹ

Cỏ Xưa

Thảo ngắm tới ngắm lui mãi bức hình mới nhất của chị Thúy. Cái cảm giác buồn bã pha lẫn ân hận lại ùa tới làm nặng trĩu tim. Thảo luôn luôn có cảm giác đó mỗi lần nhận được ảnh chị Thúy từ Úc gởi sang. Trong ảnh, chị Thúy khi thì đài các trong chiếc áo gấm màu túy lục, khi thì đằm thắm trong chiếc áo màu tím huế. Lần này, chị mặc áo lụa màu hoàng yến trông thật dịu dàng với nét đẹp buồn buồn, gợi Thảo nhớ đến bức hình đen trắng ba chụp cho mẹ lúc mẹ mới về nhà chồng. Tóc mẹ vấn cao, mẹ ngồi bên bể cá, có con chó nhỏ, đẹp buồn buồn. Ba bảo mẹ nhớ bà ngoại và các dì ở Hà Tĩnh. Trong nhà chị Thúy giống mẹ nhất nên mỗi lần trông ảnh chị là Thúy lại nhớ đến mẹ, lại buồn. Chị Thúy năm nay đã trên năm mươi và trông vẫn tươi đẹp như ngày nào chị đi lấy chồng. Mẹ mất năm mẹ 48 tuổi tây, 49 tuổi ta.

Thảo uể oải đứng dậy bước ra khỏi nhà. Bên ngoài nắng dìu dịu. Trên vùng non cao nơi Thảo ở, có những buổi chiều nắng thật êm, thật mướt, thật vàng, không biết có phải là thứ nắng khiến thi nhân phải thốt lên "Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung!". Với Thảo thì nó gợi nhớ vô vàn.

Thảo bước lần xuống phía hồ nhỏ gần nhà. Con chó nhỏ lẽo đẽo chạy theo. Tới chỗ hòn đá lớn bên bờ hồ, Thảo ngồi xuống. Hôm nay là ngày thường, không có du khách, không có người đi câu. Thảo thầm cám ơn vì nàng muốn ngồi một mình trong khung cảnh vắng lặng này. Con chó nhỏ ngoan ngoãn ngồi xuống bên cạnh, liếm tay Thảo tỏ tình âu yếm. Thảo lơ đãng gãi đầu nó, tâm hồn nặng trĩu vương vấn dĩ vãng.

Năm đó Thảo học lớp cuối bậc trung học. Gần Tết, Tổng hội Sinh viên Học sinh Huế tổ chức một chuyến thăm Sài gòn để tiếp xúc với Tổng hội Sinh viên Học sinh trong đó. Thảo ở trong ban văn nghệ trường nên được đi theo. Mẹ cho Thảo một số tiền để sắm Tết. Sau những buổi hội thảo dài dằng dặc, Thảo lang thang đi phố Sài gòn. Có quá nhiều thứ để ngắm, để mua, Thảo không biết nên mua quà gì cho mẹ. Cuối cùng Thảo quyết định mua biếu mẹ một xấp vải may áo dài. Sau một buổi sáng đi tới đi lui với sự góp ý của hai đàn anh, Thảo chọn xấp vải nền nâu nhạt điểm hoa cẩm chướng nâu đậm rất nổi, trông trang nhã và hợp với lứa tuổi của mẹ.

Hôm trở về Huế, Thảo hí hửng đưa ngay món quà cho mẹ:

- Con mua cho mạ một cái áo dài đây.

Mẹ âu yếm ngó Thảo tỏ ý cám ơn, miệng nói:

- Con mua làm chi cho tốn tiền, mạ có cả đống áo dài.

Lúc mở gói vải ra, mẹ xuýt xoa khen đẹp rồi hỏi:

- Họ không có màu vàng hả con?

Thảo lặng người. Mẹ chỉ hỏi một cách hồn nhiên chứ không có ý gì trách móc nhưng Thảo thấy ân hận quá. Sao Thảo vô tâm đến vậy! Nếu Thảo để ý hơn một chút, nàng phải biết mà vàng hoàng yến là màu mẹ yêu thích nhất. Thảo nhớ hết những màu mà các bạn Thảo ưa thích, vậy mà Thảo không nhớ mẹ thích màu hoàng yến! Có lẽ nghĩ mình lỡ lời nên mẹ cười cười nói chữa:

- Mạ hỏi chơi vậy thôi chớ mạ có nhiều áo màu vàng quá rồi, màu nâu ni ngó thanh nhã lắm!

Rồi mẹ mang vải đi may áo dài cho kịp mặc Tết. Ai hỏi mẹ đều khoe là áo Thảo mua từ Sài gòn về cho mẹ. Họ khen áo đẹp trang nhã, nhưng Thảo thì không thấy nó đẹp và hợp với tuổi mẹ nữa. Thảo thấy nó làm cho mẹ trông già đi. Những cái áo màu vàng hợp với mẹ hơn, tôn làn da trắng mịn của mẹ lên và trông mẹ trẻ trung hơn. Thảo cứ bứt rứt hoài nhưng rồi nàng cũng quên dần chuyện đó vì mải vui với bạn bè, bài vở.

Rồi một hôm vào khoảng tháng 2 năm đó, Thảo đi học về, thấy nhà vắng lặng. Thảo quăng cặp chạy vào phòng mẹ thì thấy mẹ nằm trên giường, mắt nhắm nghiền như ngủ. Thảo tưởng mẹ đau, rón rén định bước ra thì mẹ bảo:

- Tới đây nằm với mạ.

Thảo sà ngay xuống cạnh mẹ, rúc đầu vào nách mạ định nhõng nhẽo thì mẹ lên tiếng, giọng chậm rãi bình thản:

- Mạ bị ung thư!

Thảo cứng người, lạnh ngắt. Phải mất đến cả phút Thảo mới nhấc nổi cánh tay ôm lấy mẹ:

- Làm răng mạ biết?

- Mấy lúc ni mỗi lần có tháng mạ thấy như băng huyết, nhưng cứ nghĩ là sắp tắt kinh nên mới vậy. Hôm qua thấy ra máu nhiều quá, bữa ni mạ đi nhà thương khám thì họ nói mạ bị ung thư nhưng mới phát, chỉ cần chạy kim.

"Ung thư!" Hai chữ ấy như tiếng gọi của tử thần.

Những ngày kế tiếp, mẹ phải lên nằm ở nhà thương, Thảo đi học về là cùng mấy em lên ngồi chơi với mẹ cho tới hết giờ thăm nuôi. Ba đi lính đóng tận Qui Nhơn, chị Thúy ra riêng đã lâu, đang đi dạy ở Đà Nẵng. Anh Đạt đi dạy ở Quảng Trị, anh Quang đi lính Biệt động quân nay đây mai đó, ở nhà chỉ còn bà nội và mấy chị em Thảo.

Sau hai tháng chạy kim không kết quả, nhà thương nói mẹ phải vào Sài gòn chữa tiếp. Thảo đang giữa năm thi, các anh chị và ba đều ở xa, các em thì nhỏ quá nên mẹ một mình khăn gói vào Sài gòn. Ở trong đó có chú thím Thảo và bác Vân, bạn thân của mẹ đi đón. Bác Vân bị ung thư bao tử, mổ cách đó nửa năm và đã lành. Chồng bác làm lớn trong quân đội nên định xin cho mẹ vào bệnh viện quân đội nhưng mẹ muốn chóng lành, xin vào bệnh viện Grrall có bác sĩ Tây chắc rành về ung thư hơn.

Chú thím và bác Vân thỉnh thoảng viết thư báo tin cho biết mẹ mập ra, hồng hào và trẻ hẳn. Mẹ thì viết hằng tuần, dặn cả nhà đừng lo, mẹ càng ngày càng thấy khá hơn, mọi chuyện tiến triển tốt đẹp trừ chuyện mẹ nhớ nhà nhớ con quay quắt.

Cả nhà bàn tính là sau khi thi tốt nghiệp phổ thông, Thảo sẽ vào Sài gòn thăm nuôi mẹ mấy tháng hè vì Thảo có nhiều thì giờ nhất và cũng là con gái lớn nhất trong nhà hiện giờ. Hai hôm trước khi lên đường vào Sài gòn, Thảo nhận được thư mẹ. Mẹ báo tin là mẹ đã ký giấy đồng ý cho bác sĩ mổ để chóng khỏi như bác Vân, để

---

vu lan thắng hội

Nắng hạ đôi đường xa cách nhau
Vu Lan đồng vọng tiếng kinh cầu
Giọt chuông kinh động ba ngàn cõi
Sáu cửa ra vào ngập khổ đau.

Đã chín năm rồi con mất mẹ
Bông trắng đang cài bên trái tim
Dẫu có lớn thêm vài chục tuổi
Với người, con vẫn nhỏ y nguyên.

Một tiếng chuông. Buồn.
Vang lảnh lót
Đạo tràng đây in bóng con ngồi
Khai kinh hồi hướng về cho mẹ
Được nhẹ hương linh tới cõi trời.

Nửa đêm soạn lại xấp hình cũ
Thấy mũi dao dài thấu đáy tim
Nằm đó, mẹ im lìm ngóng đợi
Hai hàng nến toả nhẹ trong tim.

Ước chi con được thần thông lực
Soi kiếp hiện tiền mẹ ở đâu
Ba cõi sáu đường hung hiểm quá
Nhưng rồi mẹ vẫn ở trên cao.

t.t. mây trên ngàn

thư gửi mẹ

Muốn nói nhưng không có đủ lời
Để cho mẹ đổi sầu thành vui
Khi xa lìa mẹ lòng đau thắt
Thương mẹ vì con khổ cả đời.

Đã lỡ mang thân thằng chiến bại
Con đành lìa mẹ sống xa quê
Bao năm sống ngậm ngùi tê tái
Mà kiếm chưa ra một lối về!

Con vẫn ương, gàn như thuở bé
Nghênh ngang, không chịu sống chui lòn
Bị người ngáng cẳng bao lần té
Vẫn muốn đèo bòng chuyện nước non.

Nhục nước vẫn còn như trái núi
Chưa kê vai gánh đã tê rồi
Hiếu trung đâu dễ giơ tay phủi
Chua xót nào hơn nữa mẹ ơi!

Con vẫn ghi tâm lời mẹ dạy
Mang lòng chân thật để cùng đời
Mẹ ơi đời trắng đen hai mặt
Con phải nhiều lần đốt đuốc soi.

Tới giờ con vẫn sống long đong
Nghĩa mẹ coi như đã uổng công
Chắc chẳng trông gì khi bóng xế
Có con mà kể cũng như không!

Mẹ hãy quên đi ngày tháng tủi
Cho lòng khuây khoả bớt u sầu
Cho con đi nốt đường gai góc
Lẫn lộn bạn thù ở trước, sau.

Con nguyện khẩn cầu ân đức Phật
Sao cho mẹ được thảnh thơi thôi
Một mai dẫu phải xuôi lòng đất
Mong mẹ an vui với phước trời.

trần ngân tiêu

mau về nhà với các con và cũng vì nằm bệnh viện lâu tốn kém quá. Chú thím đã phải ứng tiền ra cho mẹ nhiều lần. Mẹ không cho biết bao giờ sẽ lên bàn mổ. Cả nhà chưng hửng, không hiểu tại sao mẹ cả gan quá vậy, dám tự ký giấy đồng ý mổ, không hỏi ý kiến ai cả.

Suốt trên đường vào Sài gòn, Thảo cứ thấp thỏm bồn chồn. Suốt đêm nàng không ngủ được, mới 5 giờ sáng Thảo đã vùng dậy thay quần áo sẵn sàng ngồi chờ giờ vào nhà thương.

Lúc thím đưa Thảo vô nhà thương thì mẹ đã không còn ở trong phòng nữa. Hỏi thăm, nàng được một bệnh nhân cùng phòng cho biết: "Bà ấy được đưa lên bàn mổ từ 2 giờ chiều hôm qua, đến 8 giờ tối mới đưa xuống phòng lạnh. Coi mòi không êm. Tưởng đâu là bà đi luôn tối hôm qua rồi, vậy mà vẫn gắng gượng qua được. Bà đang nằm trong phòng hồi sinh". Thảo choáng váng cả người, cắn chặt môi để khỏi bật khóc, lẽo đẽo theo thím về phía phòng lạnh.

Mẹ nằm trên giường ngay cạnh cửa ra vào, một bịch máu lớn treo lủng lẳng cuối giường. Mặt mẹ nhợt nhạt, mắt nhắm nghiền. Thảo chạy ùa tới nắm tay mẹ, nước mắt thi nhau nhỏ giọt xuống tấm drap trắng, nghẹn ngào không nói được một tiếng. Thảo cảm thấy tay mẹ bóp nhẹ tay Thảo. Mắt vẫn nhắm nhưng mẹ cố nở nụ cười, thì thào:

- Con đã vô đó à? Có mệt không? Ở nhà ra răng? Mấy em có ngoan không? Con có đem nem chả vô cho bác Vân và chú thím như mạ dặn không?

Sợ mẹ hỏi nhiều, đâm mệt nên Thảo ngăn lại, tuần tự kể chuyện gia đình, bà con, xóm diềng cho mẹ biết. Đang kể lể thì một cô y tá bước vào, bảo Thảo theo cô lên văn phòng bệnh viện. Tại đó người ta cho Thảo biết nếu không thanh toán số tiền máu mẹ nợ nhà thương sau khi mổ, họ sẽ không tiếp máu cho mẹ nữa. Thảo chỉ biết dạ dạ rồi bước ra, nước mắt tuôn đầm đìa. Nhà thương tư có khác, họ đặt túi tiền trước mạng sống của bệnh nhân. Thảo không biết lấy đâu ra tiền. Lúc ra đi, anh chị dúi cho ít ngàn tiêu vặt, còn ở với chú thím thì đâu có tốn gì. Thảo chùi khô nước mắt rồi bước vô phòng đến ngồi bên mẹ. Thím hỏi Thảo bệnh viện muốn gì. Không muốn mẹ biết, Thảo chỉ trả lời qua loa, rồi tìm cây bút và mảnh giấy viết mấy chữ kể lại sự việc. Thím gật gật đầu, bảo mẹ thím phải đi có chút việc. Lúc đưa thím ra cửa, thím ghé tai Thảo bảo nhỏ thím sẽ đem tiền đến trả bệnh viện ngay. Thảo chỉ biết nhìn thím, cổ tắc nghẹn, không nói được cả tiếng cám ơn.

Suốt ngày hôm đó Thảo ngồi bên mẹ, nắm chặt tay mẹ, chăm chăm nhìn mặt mẹ, trông chờ một nét thay đổi trên gương mặt thân yêu với hy vọng mẹ sẽ qua khỏi cơn nguy hiểm. Nhưng giờ này qua giờ khác, mắt mẹ vẫn nhắm chặt như không còn đủ sức để mở ra nữa. Máu quanh vết mổ cứ thấm lan ra tấm drap. Vài ba tiếng đồng hồ lại có một cô ý tá lặng lẽ vào truyền thêm máu, không một lời han hỏi. Có lần thấy môi mẹ mấp máy, Thảo ghé sát để nghe xem mẹ nói gì thì chỉ nghe tiếng niệm yếu ớt: "Quán Thế Âm..." Thảo vội ghé tai mẹ nói nhỏ:

- Mạ niệm Phật phải không? Để con niệm tiếp cho mạ, mạ cứ nằm yên nghỉ cho khoẻ.

Mẹ khẽ gật. Thảo thành tâm niệm hồng danh chư Phật và Bồ tát độ trì cho mẹ qua khỏi. Thảo niệm độ nửa tiếng thì lại thấy môi mẹ mấp máy. Ghé lại gần, nàng nghe mẹ thì thào:

- Con lấy cho mạ cái gương soi...

Thảo lạnh cả người. Người ta nói nếu người bệnh đòi soi gương thì đó là điềm chẳng lành. Thảo vuốt má mẹ, cố lấy giọng vui vẻ:

- Mạ không cần phải soi gương đâu, con thấy mặt mạ hồng hào trở lại rồi.

Sự thật thì so với buổi sáng, mặt mẹ bây giờ càng trắng hơn. Hình như mặt trời và sức lực của mẹ đi cùng chiều. Lúc bác Vân vào thăm, mẹ có biết, thều thào bảo Thảo đưa nem chả biếu bác. Bác nắm tay mẹ vui vẻ:

- Để tui cất nem chả vô tủ lạnh, đợi vài ngày nữa chị khoẻ, hai đứa mình cùng ăn cho vui.

Rồi bác cười giòn giã, quay đi chùi vội hai giọt nước mắt. Mẹ cố nở nụ cười méo mó. Ôi, nụ cười mà Thảo hằng yêu mến biết bao, nụ cười dịu dàng với một bên mép nhếch lên mà Thảo từng bầu là nụ cười duyên dáng nhất đời, nay chỉ còn là một bóng mờ. Bác Vân ở chơi khoảng một tiếng rồi cáo từ. Bác ôm Thảo thật chặt rồi mở cửa bước ra vội vã. Thảo biết bác không muốn Thảo thấy bác khóc.

Tối lại thì chú vào thăm, đem theo chị Hai giúp việc cho chú thím để thay phiên Thảo thức với mẹ. Chú không ở lâu và cũng không nói gì nhiều, chỉ dàu dàu nhìn mẹ rồi ra về sau khi dặn dò chị Hai những điều cần thiết.

Đến khuya, hai ông Tây, mà Thảo đoán là bác sĩ, bước đến giường mẹ với một cô y tá người Việt. Họ xì lô xì là với nhau, cầm tay mẹ bắt mạch, rồi vạch mắt mẹ ra xem, rồi lại xì lô xì là với nhau và bỏ đi. Họ nói rất khẽ mà vốn liếng tiếng Pháp của Thảo không đủ để hiểu họ nói gì dù họ có nói lớn chăng nữa. Cũng không kịp hỏi cô y tá vì cô bước theo họ ngay. Họ vô và ra trong vòng 3 phút, không nhìn ai, không chào ai dù Thảo chăm chăm nhìn mặt họ cố tìm một dấu hiệu khuyến khích nào đó. Mặt họ lạnh như tiền, không cảm xúc, không trắc ẩn.

Cổ họng khô ran, óc trống rỗng, Thảo ngồi thừ không biết bao lâu thì bỗng nghe chị Hai kêu:

- Cô Thảo! Bà chảy máu nhiều quá!

Thảo nhìn xuống chỗ vết mổ của mẹ, máu loang đỏ cả tấm drap trắng. Nàng hốt hoảng bấm chuông trên đầu giường mẹ. Một cô y tá chạy vào. Thảo cuống quít, vừa khóc vừa nói:

- Chị kêu bác sĩ giùm em, mạ em chảy máu nhiều quá!

Cô ta nhìn mẹ rồi bảo:

- Không ích gì đâu! Cô không thấy mấy ổng mới vừa vô khám đó sao. Mấy ổng bó tay rồi.

Thảo nài nỉ:

- Chị làm ơn kêu giùm em đi, biết đâu...

Cô ta quay ngoắt bỏ đi. Thảo đợi một lúc lâu không thấy ai vào, định bấm chuông lần nữa thì chị Hai ngăn lại:

- Thôi, bấm chuông làm gì cô Thảo! Nó không vào đâu, có bấm cũng vô ích...

- Hay chị ngồi đây với mạ, em đi tìm bác sĩ.

Thảo vội vã chạy dọc theo hành lang, nhìn vào từng phòng nhưng không thấy bác sĩ đâu cả, nàng bèn chạy ra cửa. Bên ngoài trời tối đen, có lẽ đã quá nửa đêm. Thảo nhìn quanh quất, cái bệnh viện rộng mênh mông mà chỉ một căn phòng ở xa xa có đèn sáng, cách chỗ Thảo đứng một cái sân rộng tối thui lờ mờ những bóng cây lớn. Vốn rất sợ bóng tối, Thảo tự nhủ mình sẽ nhắm mắt chạy thật nhanh, tìm cho được bác sĩ đến cứu mẹ. Đang chạy, Thảo bỗng hoảng hốt sực nhớ, trời ơi, nếu mẹ đi trong lúc Thảo đang chạy loanh quanh, Thảo sẽ không được nắm tay mẹ, sẽ không ở bên mẹ những phút cuối cùng, sẽ không có cách nào tỏ cho mẹ biết Thảo yêu mẹ vô vàn. Vậy là Thảo đành quay lại. Chị Hai vẫn ngồi bên cạnh mẹ. Thấy Thảo, chị lắc đầu buồn bã. Thảo vội đến bên cầm tay mẹ, dán mũi lên trán mẹ. Chị Hai nói nhỏ: "Tui qua kêu điện thoại cho ông nghe cô Thảo" rồi lặng lẽ bước ra.

Cảm thấy tay mẹ động đậy trong tay Thảo, nàng vội cúi xuống gần. Môi mẹ mấy máy, thì thào đứt quãng:

- Con bán... lượng vàng... mạ cất trong tủ... trả nợ chú thím...

Rồi mẹ nấc lên. Thảo cuống quít nuốt vội giọt nước mắt vừa chảy xuống môi, thì thầm vào tai mẹ:

- Mạ đừng lo. Để mạ khỏi rồi, tụi con sẽ phụ mạ rán làm thật nhiều bánh bán trả nợ chú thím. Chừ chú thím chưa cần tiền mô.

Tội nghiệp mẹ. Từ ngày ba đổi vô Qui Nhơn, lương trung sĩ chỉ đủ trang trải tiền ăn, tiền tiêu vặt cho ba, dư ra chút ít gởi về nhà không đủ đâu vào đâu, mà con cái càng lúc càng lớn, phải tiêu nhiều thứ. Mẹ học nghề làm bánh của bác Đăng, tần tảo sớm hôm, bỏ mối cho các quán nhỏ, cứ vậy mà nuôi được các con ăn học, không dư dả se sua như con người ta nhưng cũng không đứa nào phải thiếu thốn gì, lại còn để dành mua được một lượng vàng. Ngày mua nó, mẹ cẩn thận cất vào tủ và nói với Thảo: "Để cưới vợ cho anh Đạt". Vậy mà giờ đây mẹ phải nghĩ tới chuyện bán nó để trả nợ, chắc mẹ đau lòng lắm.

Lúc chú bước vào là lúc mẹ mấp máy môi, nói gì Thảo nghe không rõ, chỉ lõm bõm mấy tiếng: "...lo cho các em..." rồi mẹ nấc lên, máu trào ra từ mũi và hai bên khoé miệng. Thảo chỉ kêu lên được hai tiếng "Mạ ơi!" rồi không biết gì nữa. Lúc tỉnh lại, thảo thấy mình ngồi ngoài hành lang với chị Hai. Những việc xảy ra sau đó lờ mờ như bọc trong một lớp sương mù. Hình như anh Đạt vào ngay trưa hôm đó. Anh lo hết mọi việc tẩm liệm với sự phụ giúp của mọi người. Ba chưa về kịp. Tội nghiệp anh, Thảo chẳng giúp gì được cho anh cả. Thảo chỉ ngồi ì một chỗ, ngó mông lung, không ăn không uống. Thảo thấy mình mặc áo trắng lụng thụng, đầu đội mấn trắng che gần hết mặt. Thảo thấy mẹ dì Hoàn và mẹ bác Vân tụng kinh ngày đêm bên quan tài mẹ. Thảo thấy chị Xuân và con bạn ở gần nhà chú thím nắm tay Thảo. Thảo thấy anh Bào ôm Thảo, nói giọng nhỏ nhẹ: "Tội nghiệp em tôi!" Tự nhiên Thảo oà lên khóc. Lần đầu tiên Thảo khóc từ khi mẹ mất. Hai ngày qua Thảo không chịu chấp nhận chuyện mẹ chết là có thật. Mẹ và Thảo đã bàn tính sau này Thảo làm cô giáo, sẽ lên Đà lạt dạy, sẽ dời cả nhà lên đó. Thảo sẽ để dành, mua cái nhà nhỏ có vườn cho ba nghỉ hưu, cho mẹ trồng lay-dơn, cẩm chướng, hồng... Thảo chưa làm cô giáo, chưa mua nhà, cũng chưa mua được cho mẹ chiếc áo dài hoàng yến thì làm sao có chuyện mẹ bỏ đi được?

Rồi ngày sau, hai anh em theo quan tài mẹ trên một chiếc xe nhỏ chú thím thuê để đưa mẹ về Huế. Đêm đầu tiên dừng xe ở Quảng Ngãi, gần một ngôi chùa, bà con lễ Phật ra thấy, xúm lại cầu siêu cho mẹ. Thấy "hai đứa trẻ" tội nghiệp quá - anh Đạt và Thảo đều nhỏ con nên họ tưởng còn con nít - mấy bác đem vô nhà một bác ở gần đó bắt ngủ. Hôm sau lên đường, xe chạy chậm rãi qua các thôn xóm nhỏ, Thảo thường bắt gặp qua đôi mắt sưng húp những nét mặt đầy thương cảm. Bác tài xế dẫn theo một đứa con trai 11, 12 tuổi làm lơ. Thằng bé rất tử tế, săn sóc lo lắng cho anh em Thảo luôn.

Chiều ngày thứ hai thì tới Đà Nẵng. Vợ chồng chị Thúy và bốn đứa con nhỏ đã đợi sẵn. Mọi người đều áo trắng, mấn trắng. Thấy chị, Thảo sà ngay vào lòng chị, khóc nức nở. Chị Thúy khóc lặng lẽ, tay vuốt vuốt lưng em. Chị khi nào cũng đằm thắm như mẹ, không cười to nói lớn như Thảo.

Những ngày sau đó, Thảo chỉ nhớ lờ mờ. Xe đậu ở đầu hẻm, mẹ không được đưa vào nhà vì mẹ chết ở xa. Ba không khóc, chỉ bước quanh quan tài, rờ từng góc, vuốt nhẹ nhẹ như sợ đánh thức mẹ dậy. Rồi anh Quang và các em Thảo, đứa nhỏ nhất mới bảy tuổi, ùa tới ôm Thảo khóc không thành tiếng. Rồi tiếng bà nội khóc kể với giọng sông Cầu mà Thảo rất yêu thích:

- Con ơi, răng con bỏ đi sớm vậy? Đáng lẽ con là người khóc mạ chớ răng mạ lại phải khóc con...

Thảo biết bà nội thương mẹ thiệt tình vì mẹ đối với bà nội như mẹ ruột và Thảo chưa hề nghe bà than phiền một điều gì về mẹ với bất cứ ai. Thảo cũng mơ hồ nhớ bác Vân có bay ra đưa đám mạ và ở lại cho tới sau ngày mở cửa mả mới trở vô Sài gòn. Sáu tháng sau, Thảo lại là người bay vô Sài gòn đưa đám bác.

Hôm mở cửa mả mẹ, trong nhà chọn chiếc áo dài nâu nhạt mà Thảo mua biếu mẹ hồi trước Tết để đốt theo vì nó mới nhất. Nhưng Thảo khăng khăng không chịu. Thảo nhất định chọn chiếc áo lụa màu mỡ gà đã cũ nhưng Thảo biết mẹ yêu thích vì mẹ thường mặc nó. Thấy Thảo khóc quá, mọi người đành chiều lòng.

Từ đó cứ mỗi chiều, bốn chị em Thảo lại lếch thếch kéo nhau lên thăm mộ mẹ, cắm cho mẹ những bông lay-dơn đỏ thắm, cho đến ngày Thảo ra

trường sư phạm, xin lên dạy ở Đà lạt, định bụng sẽ rán để dành tiền mua một căn nhà nhỏ có vườn để đem ba và các em lên ở. Nhưng chưa mua nổi nhà thì nước mất. Rồi ba, anh Lãm, anh Đạt, anh Quang đi học tập. Đó là khoảng thời gian độc nhất Thảo cám ơn Trời Phật là mẹ không còn trên cõi đời này vì Thảo biết, nếu mẹ còn sống, tim mẹ sẽ nát tan khi thấy chồng con lũ lượt vô tù. Rồi các anh chị em Thảo lần lượt ra tù, vượt biên, mỗi người một nơi. Bà nội mất sau khi gặp người con út từ Bắc vô. Ba sống lặng lẽ như một cái bóng với anh Đạt ở Việt Nam. Rồi Thảo lấy chồng. Chồng Thảo cũng yêu màu vàng như mẹ nhưng Thảo không bao giờ mặc áo màu vàng, nhất là màu hoàng yến, dù là để làm đẹp lòng chồng. Tận đáy lòng, Thảo không muốn được nhắc nhở đến sự vô tâm của mình lúc nhỏ.

Càng lớn tuổi, Thảo càng muốn tìm hiểu tâm tư mẹ. Thảo không còn xa tuổi mẹ lúc mẹ mất là bao nhiêu nên Thảo thắc mắc không biết mẹ có những suy nghĩ, cảm xúc như Thảo bây giờ. Hồi nhỏ, Thảo thường say mê theo dõi những mẩu chuyện về mẹ do mấy dì kể. Năm 15, 16 tuổi, mẹ nổi tiếng là hoa khôi của Hà Tĩnh. Rất nhiều người theo đuổi mẹ cho đến khi mẹ gặp ba. Ba là bạn tuổi nhỏ của cậu Bằng, anh của mẹ lúc hai gia đình còn ở Huế. Rồi ông ngoại được bổ ra làm việc ở Hà Tĩnh, vợ con dọn nhà đi theo. Lúc ấy mẹ mới 10 tuổi. Sau khi hủy lễ hỏi với người vợ sắp cưới, ba ra Hà Tĩnh chơi cho khuây khoả thì gặp lại mẹ, mở đầu cho một mối tình đẹp.

Rồi ba đi xa, mẹ vò võ ở nhà với lũ con. Thảo chưa hề nghe mẹ bầy tỏ tâm tư với ai. Mẹ suy nghĩ gì, có mơ ước gì không? Nhiều lần đi phố với mẹ, Thảo bắt gặp nhiều người đàn ông liếc mắt cười tình với mẹ nhưng Thảo cho là mẹ đã già, chắc chẳng để ý đến ai nữa. Nhưng nay thì Thảo thắc mắc mẹ có rung động không khi thấy vẫn còn có người để ý đến mình? Ba thì hoạ hoằn mới về phép. Mấy chị em Thảo thì ham bạn bè. Mẹ cứ loay hoay trong nhà với bếp núc, bánh trái, thỉnh thoảng mới theo các dì đi xem cải lương. Có lần Thảo rủ mẹ đi xem xi-nê, Thảo còn nhớ đó là phim *La Valse dans l'Ombre*. Lúc ra khỏi rạp, Thảo thấy mẹ dàu dàu, bèn hỏi: "Phim hay mà buồn quá mạ hỉ?". Mẹ thở dài nói nhỏ: "Tội nghiệp quá! Họ thiệt là đẹp đôi", rồi mẹ lặng lẽ bước đi, không nói gì thêm cho đến lúc về nhà.

*

* *

Chiều xuống dần, hơi lành lạnh. Có tiếng con Loon (chim lặn) từ góc hồ xa xa vọng lại. Tiếng kêu lẻ loi, buồn bã. Thảo kéo chiếc khăn choàng lau vội giọt nước mắt còn đọng trên má. Đã trên 20 năm rồi mà mỗi lần nhớ mẹ, Thảo vẫn không cầm được nước mắt.

Mấy hôm trước, tình cờ đọc truyện *Người tình già* của bà chị họ, Thảo lại càng nhớ đến mẹ. Truyện có những câu thơ thật hay: *"Dù ta đã mấy lần mười sáu, Tim nồng nàn vẫn tuổi mười ba"*. Thảo không biết tim mẹ nồng nàn ở tuổi mười mấy và vào lúc đã ba lần 16, mẹ có còn cảm thấy như ở tuổi 13? Riêng Thảo thì cảm thấy tim mình không bao giờ chịu già. Các bạn Thảo cũng vậy, trái tim họ không chịu theo luật tạo hoá với thân xác. Có lẽ tim mẹ cũng vậy nên mẹ vẫn mặc màu hoàng yến, vẫn thiết tha yêu màu mỡ gà. Mà Thảo lại đi mua cho mẹ chiếc áo màu nâu!

Thảo rất tin vào thuyết luân hồi. Thảo thiết tha cầu nguyện nếu một ngày kia được tái sinh làm kiếp người thì xin cho Thảo được làm con mẹ một lần nữa. Thảo sẽ mua cho mẹ chiếc áo lụa màu hoàng yến đẹp nhất đời.

Thảo uể oải đứng dậy, phủi mấy cọng thông vướng trên áo rồi chậm bước trên con đường mòn dẫn về nhà. Con chó con lẽo đẽo chạy theo. Từ phía cuối hồ, giọng con Loon lại buồn bã cất lên, lanh lảnh, lẻ loi. Lẻ loi như Thảo bây giờ. Lẻ loi như Thảo mỗi lần nhớ đến mẹ. ●

---

lệ ngâu nàng chức

Mưa âm u khắp bầu trời
Mưa đan lưới nhốt hồn tôi cõi này
Gió lùa giạt cỏ nghiêng cây
Gió mưa bao độ phủ đầy tâm tư.

Khách buồn đếm tháng năm dư
Mùa ngâu bao độ cộng trừ mãi thôi.
Sững sờ trước cuộc biến dời
Những đêm trăng lạnh khung trời mù sa.

Ngồi trông nắng đổ chiều tà
Tưởng như xóm phượng nở hoa gọi mùa
Thương về những cánh hoa xưa
Hỏi còn rơi rụng buồn đưa tiễn người.

Và nơi rừng núi xa xôi
Lệ ngâu nàng Chức đầy vơi giọt sầu
Ai hay khách chốn giang đầu
Giọt thương, giọt nhớ, giọt đau, kém gì!

vân nương

Ngôi Nhà của Mẹ

Ngọc Duy

*S*ài gòn ngày... tháng... năm...

Vợ chồng con Hai và mấy đứa cháu thương của má,

Đầu thơ cho ba má gởi lời hỏi thăm sức khoẻ hai vợ chồng bây và mấy đứa nhỏ. Hôm trước nhận được thơ và một đống hình của con gởi về, má mừng hết biết. Con Tường Vi càng lớn càng giống con Hai, còn con Mộng Điệp dòm tới dòm lui thấy giống ông ngoại. Đứa nào đứa nấy cao lớn tồng ngồng, nhứt là thằng Út Nam còn đeo mắt kiếng giống y chang thằng cha của nó. Má cứ ôm mớ hình coi đi coi lại làm con Tư chọc là má dòm riết, mấy tấm hình sắp lên nước như cẩm thạch. Con Tường Vi sắp lấy chồng mà sao không gởi ảnh thằng cháu rể tương lai về cho má dòm mặt? Nhưng má cũng đoán là thằng phải cao ráo sạch sẽ lắm, như vậy mới xứng với cháu ngoại của má chớ! Mới hồi nào một tay má ẫm bồng, tắm rửa mà bây giờ tụi nó lớn khôn hết trơn. Má đem mấy tấm hình khoe với bà con lối xóm, họ tấm tắc dữ lắm, nói: "Ở Mỹ có khác, người nào người nấy sang trọng đẹp đẽ như tài tử." Nghe họ trầm trồ má cũng thấy mát bụng. Con Tư rầy rà má là hình con cháu mình thì mình thích coi, má đem khoe như vậy khiến người ta ganh ghét chớ ích lợi gì. Tại con Tư trẻ người non dạ nói vậy chớ mình thấy người ta sung sướng, mình cũng nên mừng giùm mới phải.

Ờ nãy giờ nói chuyện tầm phào mà quên chuyện giấy tờ bảo lãnh của nhà mình. Lẽ ra thì ba má chỉ muốn con bảo lãnh cho con Ba, con Tư và con Út thôi. Giấy tờ đang lo thì con Ba lấy chồng, hồ sơ phải làm lại, con Tư chạy lên chạy xuống Nguyễn Du với Nguyễn Trãi không biết bao nhiêu bận, lo lót không biết bao nhiêu tiền mới xong. Đó là chỉ mới rồi vụ giấy tờ thôi đó, còn phỏng vấn, còn đi gặp phái đoàn nữa. Ba má già rồi, sống bao nhiêu nữa mà tính đi Tây đi Mỹ cho mệt! Nhưng bữa hổm má với con Út đi khám mắt, thấy nói mắt má với mắt con Út có cườm cần mổ chớ nếu không sẽ mù mà tá hoả tam tinh. Nghe nói giấy bảo lãnh mà có cha mẹ già thì được đi sớm lắm, ba má mới đành chớ ở đây lỡ con Út đi mổ có bề gì thì má ân hận lắm!

Chạy giấy tờ điều chỉnh này kia tốn hết năm "cây" thì ba mày trở chứng không muốn đi. Ổng nói cũng có lý lắm, nào là mình già cả rồi, qua bên đó tiếng Anh tiếng u không biết, nghe nói cả ngày cứ ru rú trong nhà vì con cháu mắc đi làm đi học, không chở đi đâu được. Còn bên này mới bảnh mắt ra ngồi quán cà phê, kêu một ly xây chừng là gặp bao nhiêu người quen, nghe biết bao nhiêu chuyện... Má phải năn nỉ, khuyên giải hết lời ông mới chịu đi, nhưng với điều kiện là con Út chữa mắt xong thì ổng với má sẽ dìa lại Việt Nam ở. Trời đất, chuyện gì chớ chuyện đó thì má đồng ý cái rụp.

Chưa hết chuyện đâu, Hai ơi. Giấy tờ đã xong xuôi, theo số thứ tự được phỏng vấn thì cỡ ba tháng nữa là tới

phiên nhà mình, đợi làm thủ tục sức khoẻ chừng sáu tháng nữa, độ chừng Tết sang năm là má sang tới bên đó rồi. Nhưng vì tính chuyện trở đìa nên ba má phải lo vụ căn nhà. Má kêu con Ba lên bàn, tính sang tên căn nhà cho nó để phường khóm khỏi dòm ngó, nó giữ cho ba má độ một hai năm để ba má đìa có chỗ dưỡng già. Con biết nó nói sao không? Nó nói ba má với hai đứa nhỏ đi Mỹ sướng quá rồi, phải để căn nhà lại cho hai vợ chồng nó. Thằng chồng nó nghe nói hùn hạp làm ăn mở quán cà phê đèn mờ gì đó, chia chác với phường quận không đồng đều, bị tụi nó áp vô bắt, đòi tới mấy chục cây mới chịu thả. Bữa hổm con Ba có lên nhà xin má giúp, má tom góp được đâu hơn năm cây, đưa cho nó thì nó nói bấy nhiêu không đủ để trả tiền lời người ta nữa. Nó còn nói bóng nói gió là má già rồi mà còn ham vàng ham vòng. Má ngồi nghe nó nói mà nước mắt tuôn lộp độp. Má có giữ lại hai cái vòng cẩm thạch, để sau này con Tư con Út lấy chồng có chút của hồi môn. Vậy mà nó nỡ tiếng bấc tiếng chì với má. Nó nói má đứa thương đứa ghét; đứa nào cũng do má mang nặng đẻ đau, làm sao má ghét cho được! Nó nói má chỉ biết con Hai với con Út thôi, vợ chồng nó bao nhiêu năm nay lăn lộn kiếm ăn ngoài đường, má đâu có thèm ngó ngàng tới. Bây giờ chồng nó gặp nạn, bị tù mà má không thèm giúp. Căn nhà tụi nó đang ở là nhà thuê chớ phải của nó là nó cũng cầm bán đi rồi, đâu thèm vác mặt về xin xỏ má cho mang nhục. Hai ơi, nó nói câu nào câu nấy nghe như kim đâm vô bụng. Căn nhà này của ba con gầy dựng đã mấy chục năm nay, má cũng đâu có tiếc gì mà không cho nó; nhưng tại vì ba con định đìa lại để dưỡng già nên má mới nhờ nó giữ giùm. Vậy mà nó nói nếu má sang tên cho nó thì nó sẽ đem bán liền một khi, coi như là phần ba má chia gia tài cho nó, còn con với con Tư, con Út ở Mỹ hết rồi, giàu có ăn sung mặc sướng rồi, đâu có thèm tranh giành với nó.

Hổm rày má buồn quá, hổng biết tính sao cho đặng. Bán nhà thì nhứt định má không bán. Mà có bán cũng đâu dễ. Tụi công an phường biết ba má sắp xuất cảnh, đâu chịu để yên. Tụi nó sẽ làm khó dễ cho tới lúc cả nhà lên máy bay, nhà vẫn chưa bán được đặng "cúng" cho tụi nó. Đôi lúc má nghĩ hay là sang quách cho con Ba để nó muốn làm gì thì làm, trước hết cũng có món tiền để nó lo cho chồng nó, sau nữa để nó thấy là má đâu ghét bỏ gì nó. Má cũng biết hồi này nó làm ăn thua lỗ, trong mình bực bội nhưng trút lên đầu ai nó hổng trút, cứ nhè má mà nói bóng nói gió, nói cạnh nói khoé. Tiền bạc thì ai không cần, nhưng có phải vì đồng tiền mà không còn tình thâm ruột thịt đâu, phải không Hai? Ba con bàn với má, thôi kệ, cho nó phứt căn nhà, hai vợ chồng già qua bển gặp lại con cháu, với chữa khỏi bệnh cho con Út là vui rồi, có gởi nắm xương tàn nơi quê người thì cũng là ý trời. Ổng nói thời buổi nhiễu nhương, thiên hạ còn sanh ly tử biệt, gia đình mình con cháu đầy đàn, ăn học tới nơi tới chốn là có phước lắm rồi. Má nghe ổng nói mà thêm đau lòng. Má biết ba con chỉ muốn hưởng tuổi già trong căn nhà mà ổng đã dựng nên bằng chính mồ hôi nước mắt của mình. Nhiều lúc ổng nhắc cho má nhớ những hình ảnh của tụi con hồi nhỏ, cái chỗ này con Hai hồi nhỏ lững chững tập đi té chảy máu đầu. Chỗ chưn cầu thang kia con Ba mỗi lần có ai đòi lên lầu là nó nằm dài ra chận nhứt định không cho. Cái con cứng đầu cứng cổ từ hồi nhỏ. Còn bộ ván gõ đó, bà ưa nằm ngủ trưa để con Tường Vi với con Mộng Điệp nhổ tóc ngứa đó... Ổng càng nói thì má càng buồn.

Thím Sáu hàng xóm biết chuyện nhà mình, đề nghị má nên làm như vầy, để má nói con nghe coi có được không. Thím nói đừng sang tên cho cái con bất hiếu đó (thím gọi con Ba như vậy). Ngày lên máy bay, ba má với con Út cứ việc đi trước, để con Tư ở lại giữ nhà với lý do bịnh phổi. Giấy tờ bịnh phổi chạy vô Hồng Bàng trả cho bác sĩ mấy chỉ là có ngay. Ba má qua đây lo chữa bịnh xong, chừng nào đìa thì con Tư sẽ đi. Như vậy là tiện nhứt. Để cho cái con bất hiếu đó nó sáng mắt ra, mẹ con ruột thịt mà giành giựt với chia gia tài. Thím nói, con tui mà như con Ba nhà chị, tui đăng nhựt trình từ nó từ khuya rồi. Chẳng thà có của tui đem đổ ngoài đường cho chó ăn, chớ cho nó cái quần lót tui cũng tiếc. Nghe người dưng rủa xả con mình, má càng thấy đau thêm. Cha mẹ sanh con trời sanh tánh, má đâu có ngờ con Ba nó tính toán với má như vậy. Má chỉ có nước phân bua với thím, thì một bầy con, đứa nào cũng nhìn thẳng, có đứa nhìn ngược là tại mình vô phước. Mà thì chắc không dám làm như thím khuyên đậu, rủi có gì để một mình con Tư bên đây làm sao má an tâm.

Chắc rồi má cũng sẽ sang tên căn nhà cho con Ba. Trong hai trách nhiệm lo cho chồng cho con thì má phải đành lựa một. Má giao căn nhà cho vợ chồng nó muốn làm gì thì làm, má chắc ba con cũng không nỡ trách má.

Thôi má dừng nghe con. Cho má hun mấy đứa cháu ngoại của má mỗi đứa vài chục cái. Chừng nào phỏng vấn xong xuôi, khám sức khoẻ đàng hoàng má sẽ kêu con Tư đánh điện qua cho vợ chồng con biết. Mất của má với con Tư cũng chưa tới nỗi nào, bác sĩ nói vài ba năm nữa mới trở nặng. Ở bển con cứ lo làm ăn, mai mốt má qua sẽ kho một tộ cá kèo thiệt ngon cho con, món con thích nhứt đó, nhớ không? Còn thằng Hai thì ưng ăn mắm và rau. Chà, nhắc mới nhớ, để má kêu ba con gói theo ít hột giống rau thơm đặng đem qua bển trồng, chớ ăn đồ ăn của mình mà không có rau thơm coi như mất ngon hết phân nửa. Rau dấp cá nè, húng quế nè, rau răm nè... để má nói con Tư ghi vô tờ giấy chớ lu bu rồi quên.

Thôi vậy nghen con, nãy giờ má đọc cho con Tư nó viết mà mặt nó một đống. Con với cái! Hễ nhờ tới là nhăn nhăn nhó nhó. Vậy chớ xách đít đi tán dóc ngoài đường cả ngày thì không sao!

Má của con.

Tái bút: Chị Hai ơi, thơ này má

đọc sao em viết vậy, đọc có lộn xộn thì đừng dũa nha. Cho em gởi lời thăm anh Hai với mấy đứa nhỏ. Thôi để em chạy ù ra bưu điện gởi. Hẹn gặp chị Hai nói chuyện nhiều hơn. Em. Tư.

Sài gòn, ngày... tháng... năm...

Thư gởi chị Hai,

Lâu lắm rồi tui mới nhận được thơ của chị Hai viết riêng cho tui. Từ đầu tới cuối, chỉ có mấy dòng là chị hỏi thăm vợ chồng tui với thằng cu Tí, còn kỳ dư chị rủa xả tui quá mạng. Tui không biết bà già viết thư qua nói xấu gì tui, nhưng chuyện gì thì chị Hai cũng phải nghe đủ hai bên chớ chưa gì mà chị đã chửi tui là thứ "trời đánh thánh vật", thứ "đâm cha chém chú", thứ "bán trời không mời thiên lôi"...

Chị cũng biết là trong mấy chị em mình, có tui là hổng hợp tánh với ông bà già. Hổng biết bả đẻ tui nhằm giờ gì mà từ hồi nhỏ tui đã có cảm giác như tui là con nuôi vậy. Trong lúc chị Hai và con Út được cưng chiều, con Tư khờ khờ khạo khạo, mình tui ở giữa lạc loài. Nhắc mấy chuyện xưa để chị Hai nhớ là tui chịu thiệt thòi nhiều lắm. Hồi chị lấy anh Hai, đám cưới tổ chức linh đình, nhà hàng đãi không biết mấy chục bàn. Ông bà già hãnh diện lắm vì con rể là giáo sư đại học mà, ổng bả cười toe toét. Còn hồi tui lấy anh Phú, ổng bả chê ảnh nghèo, thất học, đâu có chịu gả. Tui phải làm dữ đòi bỏ nhà theo ảnh, ổng bả sợ mất mặt nên mới chịu cho tui làm đám cưới. Hồi đó chị đi Mỹ rồi chị đâu có biết, đám cưới của tui mình tui lo hết, ổng bả đâu có lo. Tui là cô dâu mà phải lo từng cái bánh, từng gói trà. Anh Phú mồ côi, bà con đâu có ai, bà già đòi mấy chục phần bánh với trầu cau thì tui cũng phải làm cho vui lòng bả. Đám cưới xong, tui biết bà già đâu có ưa anh Phú, để ảnh ở trong nhà sớm muộn gì cũng có chuyện nên tui mới nói với bả để tui dọn ra ở riêng. Bả la tui nhà có chỗ ở, làm vậy là mất mặt bả. Tui nói chẳng thà mất lòng trước được lòng sau, bả la tui chịu; mà bả vẫn la tui hà rầm đó thôi, bả la một lát mỏi miệng bả phải im. Vậy là vợ chồng tui dọn ra ở riêng.

Mấy năm đầu tui cực khổ hết sức. Hình như không có nghề nào tui chưa làm qua, trừ nghề bán bia ôm. Bán vé chợ đen rạp hát, bán thuốc tây, đeo theo xe đò bán bánh mì... Lúc tui sanh thằng cu Tí, bả thấy tui ốm nhách đen thui, bả mới kêu tui đìa giúp vốn cho làm ăn, đưa thằng cu Tí cho bả coi chừng giùm. Lúc đó bị cực quá, mém chút nữa là tui dọn về ở với bả rồi. Ai dè bả còn thòng thêm một câu, hồi đó má nói là con đừng lấy nó mà con đâu có chịu nghe, để bây giờ con sáng mắt ra chưa, cá không ăn muối cá ươn mà. Chị biết tánh tui rồi, nghe tới đó là máu nóng nó dồn lên mặt, tui xách thằng cu chạy te te ra đường, không quên nói với bả, con khổ thì con chịu, chớ đìa đây nghe má nói hành nói tỏi, có ăn vàng con cũng hổng ham. Chị Hai biết không, có những hôm đèo thằng cu Tí trên lưng, chạy theo mấy xe bán bánh mì ở Hàng Xanh mà

---

từ mẫu

Chiều. Đứng hiên ngoài trông tuyết đổ
Lòng dưng nhớ mẹ. Nhớ vô bờ
Không biết bên kia trời nắng, gió?
Mẹ nhớ con, buồn, lệ có sa?

Mẹ tuổi con gà nên vất vả
Một đời bươi chải để nuôi con.
Có lẽ cũng vì lao nhọc quá
Chưa già, mà sức đã mỏi mòn.

Nuôi một bầy con trong cảnh khó
Nhà nghèo, lại ở chốn quê mùa
Mẹ gửi mỗi con đi mỗi chỗ
Chẳng đứa nào cho mẹ được nhờ.

Cứ thấy đứa nào vừa đủ lớn
Vội vàng, mẹ lại gửi đi xa
Chắt chiu từng cắc cho tiền bánh
Dạy rằng: Rán học với người ta.

Rồi lại nách mang, nuôi đứa nhỏ
Nuôi chồng bệnh hoạn một tay mình
Mẹ ơi, còn biết bao gian khổ
Lời nào con kể hết điêu linh?

Nặng nhọc, đắng cay mình gánh vác
Dành phần ngon ngọt để chồng con.
Mẹ ơi! Tim mẹ, tim Bồ Tát
Nỗi vị tha còn ai sánh hơn?

Chúng con, bảy đứa đều khôn lớn
Giữ niềm hiếu đạo với từ thân
Ân sâu, nghĩa nặng, công sinh dưỡng
Dễ gì trả được một đôi phần.

Con chim đầu đàn bay nẻo lạc
Nhớ về tổ ấm, nhớ khôn nguôi
Ngùi trông tuyết đổ. Lòng hiu hắt
Thêm tiếng thân yêu. Mẹ nói, cười...

Cha mẹ mỗi ngày thêm tuổi hạc
Làm con không được sớm khuya hầu
Đợi đến mai kia, về với đất
Rồi chít khăng tang, phủ mái đầu.

Không nghĩ thì thôi, quên để sống
Còn nhớ ra lại quặn thắt lòng
Cha mẹ tuổi già như trái chín
Mà bóng thời gian tựa gió, dông!

Đời sống. Chín, mười phần bất toại
Thôi đành chịu vậy, biết sao hơn.
Quê nhà diệu vợi, thưa không tới.
Tạ tội, sầu dâng ngập cả hồn!

lãm thúy

nước mắt tui tuôn xối xả. Tui biết tánh tui ngang ngạnh, nhưng tại sao má cứ nhằm cái chỗ yếu của tui mà châm chích? Anh Phú ngồi vá xe đạp ở ngã tư đường, trời nắng chang chang đội cái nón lụp xụp chờ khách cũng cực khổ lắm. Lỗi tại tui không biết lựa chồng ăn học cho sướng tấm thân, nhưng tại tui thương ảnh thì tui chịu, tui có than vãn gì với ai đâu!

Trở lại chuyện căn nhà của má. Mấy năm sau này, nhờ họ cho bung ra làm ăn, anh Phú có người bạn mở cửa hàng sửa xe *cup* đi đoàn tụ, sang tiệm lại cho ảnh, tụi tui mới đỡ cực. Sau này ảnh nghe người ta, hùn hạp mở quán bia ôm có karaoke. Tui ngăn mà ảnh hổng chịu nghe, nói nhà nước cho phép chớ bộ, với lại thấy kiếm ăn cũng khấm khá nên tui mặc kệ. Dè đâu trâu cột ghét trâu ăn, mấy quán kế bên tố là quán của anh Phú có đường dây *sex tour*, chuyên môn đưa mấy cô chiêu đãi xuống tàu cho thủy thủ ngoại quốc. Tui phải chạy vạy lo lót hết mấy chục cây mới gỡ cho anh Phú khỏi bị tù. Bán cái tiệm sửa xe cũng không đủ, tui kẹt quá mới chạy về nhà nhờ má giúp. Bả nói bả đâu có nhiều vậy, rồi nhờ tui đứng tên căn nhà. Tui mới nói bả sang tên cho tui, để tui đem bán trả nợ, chừng nào ổng bả dìa, tui sẽ kiếm mua cho ổng bả căn nhà khác. Chuyện có vậy thôi mà bả la lối um sùm, nói tui là thứ bất hiếu, có căn nhà dưỡng già của ổng bả mà cũng đem đi cầm bán.

Nhiều lúc tui có nói nặng nói nhẹ với bà già là tại tính tui nóng, nghĩ gì nói nấy. Nhưng mà chị đừng có kêu tui xin lỗi bả, tui làm không được đâu. Mà nghĩ cho cùng, sao tui tủi thân quá chị Hai à. Tại sao má không thương tui chút nào hết vậy? Nếu chị Hai hay con Út mà lâm vào hoàn cảnh như tui, chị Hai đâu cần mở lời, bả cũng sẵn sàng đem bán hết nhà cửa để lo cho chị Hai.

Tui viết thư này không phải là để xin xỏ gì đâu. Má sắp qua bên chị rồi, tui chỉ muốn chị hiểu là tui không phải thứ dân không biết cha biết mẹ. Thôi nói ít chị Hai hiểu nhiều. Cho tui gởi lời hỏi thăm anh Hai với mấy đứa nhỏ nghe chị Hai.

Em của chị.

Ba

Sài gòn, ngày... tháng... năm...

Hai à,

Đầu thơ má báo cho con một tin mừng: cả nhà mình khám sức khoẻ xong xuôi hết rồi, giờ chỉ còn đợi chuyến bay. Má tính nếu trời thương chắc má con mình sẽ ăn Tết với nhau đó. Vậy mà đã hơn mười năm.

Vụ căn nhà má đã tính xong xuôi hết rồi. Má không có sang tên cho con Ba nhưng đã bán, được bao nhiêu má đưa hết cho vợ chồng nó trả nợ. Qua bển nếu hợp thời tiết khí hậu thì ba má ở lại với tụi con để dưỡng già. Còn nếu ba con buồn quá muốn dìa thì ba má sẽ ở tạm nhà con Dung con dì Sáu. Vợ chồng nó mấy năm nay được má giúp vốn làm ăn. Tụi nó ăn ở cũng có tình có nghĩa lắm. Nó nói, dì dượng có dìa thì ở với tụi con, nhà tụi con khá rộng mà không có con nít, dì dượng đâu cần phải thuê mướn chỗ nào khác cho mệt. Con Ba nghe má tính như vậy thì lại la là sao má không ở với nó mà đi ở với người dưng. Nhưng má với nó không hợp tánh, lại khắc khẩu nên chẳng thà ở xa mỏi chân còn hơn ở gần mỏi miệng. Thôi để lâu lâu nó lại thăm mà mẹ con cùng vui vẻ.

Hôm má kêu hai vợ chồng nó lên đặng đưa tiền cho tụi nó trả nợ, má có nói đầu đuôi xuôi ngọn cho tụi nó nghe. Con thì đứa nào má cũng thương, sở dĩ lúc đầu má không chịu bán nhà là muốn giữ lại cho ba con có chỗ dưỡng già. Nhưng thấy con cái làm ăn thua lỗ như vậy má cũng không nỡ. Thôi thì cha mẹ phải hy sinh cho con cái, má đâu có tiếc gì vợ chồng nó, miễn tụi nó thương yêu nhau, sống đầy đủ no ấm là má mãn nguyện rồi. Hồi nó lấy thằng Phú, thiệt trong bụng má không ưng. Cái thằng trên răng dưới dế, nghề ngỗng không có, bằng cấp cũng không, cha mẹ anh em gì cũng không tuốt luốt. Má chỉ sợ con Ba nó khổ. Nhưng coi vậy chớ thằng Phú cũng không đến nỗi nào. Tại hoàn cảnh nó vậy chớ hôm đó nó nói nhiều câu chí tình chí lý lắm.

Căn nhà má bán cho thằng Dậu phó công an phường mình đó, con nhớ không? Cái thằng hồi mới giải phóng còn đạp xe chở một đống rau muống về phường nấu cơm đó, bây giờ ăn nên làm ra quá sức. Của chìm của nó không biết bao nhiêu mà của nổi nó có tới ba căn nhà, căn của mình nữa là bốn. Nó nói nó mua để rước ba má nó ngoài Bắc vô ở. Con Tư trề môi, rước cái khỉ khô, nó rước con mụ tú bà ở quán Phong Lan về thì có. Má nghe nó nói mà trợn mắt. Chuyện thằng Dậu cặp với ai làm sao mày biết? Con Tư cười hề hề, má ra ngoài xóm hỏi coi, đứa con nít cũng biết nữa là con! Chỉ có má ru rú trong nhà nên tưởng người ta đạo đức lắm. Sài gòn bây giờ có bọn Tư Sản Đỏ, ăn chơi còn hơn tụi tư bản ngày xưa. Tụi nó ăn xài phủ phê vậy nhưng dân tình còn nhiều người khổ lắm con ơi. Cực nhọc vất vả mà đâu có đủ ăn. Đã biết ở đâu thì cũng phải đổ mồ hôi kiếm ăn, nhưng ở xứ mình bây giờ, ngoài việc đổ mồ hôi còn phải biết mánh mung chôm chĩa luồn lách thì mới sống nổi.

Nãy giờ cứ nói chuyện tầm phào làm con Tư ngồi viết mà hai mất nó trừng trừng ngó má. Nhưng kệ nó, dễ gì mà kêu nó ngồi viết thơ giùm má. Nó viết lâu lâu thì nó khỏi đi chơi rong trong xóm, sưu tập ba cái chuyện thằng công an này cặp với con tú bà nọ, nghe bất mệt. Năm nay nó 26 rồi đó mà một thằng bồ cũng không có, hễ hỏi tới thì nó nói rủi con "yêu" rồi làm sao đi Mỹ đây. Hổng lẽ bỏ "ảnh" lại. Để hưỡn hưỡn vài năm, qua bển rồi tính. Nghe cũng phải. May mà nhà mình sắp đi Mỹ, chớ ở đây thêm vài năm nữa, nó thành gái già thì mệt.

Dạo này ba con yếu hơn trước, ăn cơm cũng ít đi. Chỉ có cà phê thuốc lá là ngày ba cữ. Má nói ổng bỏ thuốc, đêm nằm nghe ổng ho sù sụ mà ổng có chịu đâu. Con Út nói nhà anh chị Hai bên bển đóng cửa kiếng kín mít, ba hút thuốc như vậy úm hơi trong nhà ai chịu nổi. Ổng ú ớ. Niềm vui

của ổng chỉ có chừng đó, đã "bứng" ổng đi trồng ở chỗ khác, còn đòi chặt hết cành hết ngọn thì ổng thà chết sướng hơn. Má thấy cũng tội nghiệp nên mặc kệ ổng muốn làm gì thì làm.

À quên nữa, con nói với bên chồng con Tường Vi là đợi ba má qua rồi hãy làm đám cưới nghe. Mới ngày nào gả con, bây giờ má sắp gả cháu, nghĩ tới mà vui trong bụng.

Thơ trước con nói đã đặt mua bộ tủ thờ bằng cẩm lai và bộ ván gõ để phòng khách đặng ba má qua có cảm giác như đang ở nhà Sài gòn. Mua chi cho tốn kém vậy Hai? Ba má đã ra đi thì đâu có lưu luyến gì ba cái đồ đạc trong nhà nữa. Mồ mả ông bà tổ tiên mà mình còn rứt ruột bỏ đi được thì nói gì... Thấy con có lòng má cũng vui, nhưng cần là mình ăn ở phước đức, dạy dỗ con cái, tu tâm dưỡng tánh thì ở đâu cũng được hết.

Thôi nghen Hai, má ngừng đây. Cho má hun mấy đứa nhỏ, nhứt là thằng Út Nam. Tụi nó có nhắc ông bà ngoại không vậy mà hổng thấy đứa nào viết cho một chữ.

Má của con.

Tái bút: Ngồi viết thơ cho chị Hai mà muốn gãy tay luôn. Bà già hễ mở miệng là nói thôi liên tu bất tận. Mai mốt má qua bển tha hồ cho chị Hai nghe chuyện của má, em bảo đảm cả tháng cũng chưa hết. Chúc anh chị Hai mạnh giỏi. Cho em thăm mấy đứa nhỏ. Em Tư.

Sài gòn, ngày... tháng... năm...

Thư gởi chị Hai,

Ba má với con Tư con Út mới lên máy bay hồi sáng này. Tui đưa ổng bả ra phi trường dìa tới nhà nằm muốn bịnh luôn. Bây giờ thấy đỡ chóng mặt tui mới lấy giấy ra viết thơ cho chị đây.

Hồi sáng trên phi trường, bà già khóc ơi là khóc. Bả mếu máo nói tui rán đợi vài ba năm nữa, chừng nào tới phiên tui đi phỏng vấn, rồi sẽ đoàn tụ với cả nhà. Bả cứ ôm rịt thằng cu Tí, nói ở đây thì nhớ tụi con Tường Vi, Mộng Điệp; còn qua bển thì lại nhớ thằng cu Tí. Bả làm tui mắc cỡ hết sức. Tui cũng muốn khóc như bả lắm, nhưng bởi không khóc được nên thấy khó chịu, tức tức trong ngực. Bữa nay tui mới để ý thấy má già nhiều, ba tuy còn khương kiện nhưng tóc đã bạc trắng. Hồi đó giờ nói thiệt với chị Hai, có bao giờ tui để ý tới sức khoẻ ổng bả đâu. Thấy ổng bả mạnh cùi cụi, đi tới đi lui đâu có đau bệnh ngày nào nên tui cũng đâu có lo làm chi. Vậy mà bữa nay ổng bả sắp đi xa, tự dưng tui thấy ổng bả già yếu dễ sợ. Phải chi mình làm được như trong mấy tuồng cải lương hay trong xi-nê, ôm ổng bà mếu máo khóc, nói vài câu nồng mặn, chắc lòng tui sẽ thanh thản nhiều. Vậy mà tui chỉ lí nhí có mấy câu thủ tục, ba má qua bển đi đường bằng an, cho tụi con gởi lời thăm chị Hai với mấy cháu. Nhớ nói chị Hai đánh điện cho con biết. Tui còn dặn con Tư để mấy cái áo lạnh ra ngoài, rủi lên máy bay có lạnh lấy ra cho ba má bận đỡ. Anh Phú giúi cho con Út hai trăm đô, biểu nó lỡ có kẹt ở phi trường hay trong khách sạn thì có xài, mua nước nôi cho ba má uống.

Lúc đứng ở trên lầu sân bay ngó ra thấy ba má lụm cụm bước lên cầu thang máy bay, ở trong này tui cứ nắm lấy vai anh Phú để khỏi ù té chạy ra ngoài. Hơn bao giờ hết, tui biết mình cũng yếu đuối như ai, chỉ giỏi làm bộ cứng rắn, giỏi la lối cãi lộn với bà già chớ thiệt tình tui còn mềm hơn cọng bún nữa. Nhớ tới mấy lần ăn nói xóc hông với má mà tui muốn vả vô cái bản mặt của mình mấy cái. Đã vậy thằng cu Tí đứng kế bên cứ lải nhải, bà ngoại đi chừng nào dìa vậy má, hổng biết bà ngoại có nhớ mua xe tăng với súng gởi dìa cho con không. Mém chút nữa là tui bộp vô đít nó mấy cái rồi, vậy mà hổng hiểu sao tui lại ôm nó vỗ về, mai mốt bà ngoại sẽ gởi dìa cho con, mà sao bà ngoại đi con hổng nhớ bà ngoại, cứ đòi đồ chơi không vậy. Nó hổng biết nói sao, nhe nguyên hàm răng sún nhìn tui cười.

Chị Hai ơi, lúc chị nhận được thư này chắc ba má và con Tư con Út đã ở bển rồi. Có dịp nào chị nhớ nói với ba má là tui cũng thương yêu ổng bả lắm, tại tánh tui cứng đầu cứng cổ nên nếu tui có nói gì cho ổng bả buồn thì xin ổng bả bỏ qua cho tui, tui hổng có ý gì đâu. Ngộ ghê đó chị Hai, viết được cho chị mấy chữ đó mà tui thấy lòng thanh thản gì đâu, vậy chớ chị Hai kêu tui mở miệng nói thẳng với ổng bả, đời nào tui nói được!

À mà chị Hai ơi, tui có gởi cho con Tường Vi một xấp gấm may áo dài cưới. Gấm in hình đồng tiền đó, giống y chang cái áo ngày xưa chị bận lúc lấy anh Hai. Tui còn đánh cho nó một cái kiềng. Chị nói với nó là dì dượng Ba còn nghèo, nên chỉ tặng nó được có bấy nhiêu thôi. Hôm nào đám cưới nhớ quay phim gởi dìa cho vợ chồng tui coi ké với nhen.

Thôi khuya rồi, tui ngừng nghe chị Hai. Tui còn phải chạy ra tiệm coi sao giờ này hai cha con anh Phú chưa đi. Cho tui hỏi thăm anh Hai với lại sắp nhỏ.

Em của chị,
Ba ●

---

chiều hư không

Thơ lạc vùng không tưởng
Nằm dưới cội sầu đông
Chợt bình minh thoáng hiện
Theo mây thơ bềnh bồng.

Một đời cơn mộng huyễn
Biển dâu chốn bụi hồng
Bao nhiêu thơ đã viết
Gió nổi chiều hư không.

Chuyển luôn vòng sinh tử
Xuân qua rồi tới đông
Giấc sầu miên trăn trở
Thơ viết gửi muôn trùng.

Con chim quyên vẫn hót
Giữa rừng xa não nùng
Trăng soi mòn bước lữ
U hoài một dòng sông....

tuệ nga

Sinh-Nhật của Mẹ

Hoàng Hiền Thục

*K*hông hiểu sao trong gia đình tôi, sinh nhật không bao giờ được coi là một ngày quan trọng. Ngoại trừ tôi là con gái và cháu gái được cưng chiều nên ngày sinh còn được nhắc đến; những người khác như ông bà, cha mẹ, cô cậu chú bác đều không ai quan tâm đến sinh nhật và vì vậy tôi cũng vô tình không để ý, chỉ lo vui về sinh nhật của mình.

Hồi còn ở Việt Nam, sinh nhật đối với tôi chỉ vui thua có ngày Tết. Ngày đó thế nào tôi cũng được mặc cái áo đầm thật đẹp do mẹ tôi may cho, và sáng sớm tinh sương tôi đã thức dậy để mặc đồ mới. Bữa tiệc sinh nhật chỉ bắt đầu vào 5 giờ rưỡi chiều, thế mà tôi đã thấy hồi hộp từ sớm. Không hồi hộp sao được khi nghĩ đến những món quà của người thân và bạn bè mà tôi sẽ được mở ngay sau khi buổi tiệc kết thúc. Nhưng điều khiến tôi sung sướng nhất là trong ngày này, tôi cảm thấy mình quan trọng, được mọi người chung quanh nhắc đến. Đó là ngày mà tôi thật sự cảm nhận được tình yêu thương của người thân và bạn bè, mặc dù thường ngày khỏi cần nói tôi cũng biết là họ vẫn yêu thương tôi.

Khi qua đây, mấy năm đầu sinh nhật tôi vẫn được tổ chức. Nhưng sau đó tôi bỗng cảm thấy không mấy hứng thú về những buổi tiệc sinh nhật đông đảo nữa mà chỉ muốn ăn mừng thật đơn giản. Ba mẹ tôi cũng chiều ý, chỉ tặng quà cùng mua một ổ bánh cho tôi trong dịp sinh nhật.

Nhưng chuyện tôi muốn nói đây không phải là sinh nhật của tôi, mà là của mẹ tôi. Sinh nhật của mẹ tôi vốn đã không được để ý, và có lẽ cũng sẽ bị lãng quên mãi mãi nếu tôi không có một con bạn như Jenny.

Jenny là người Canadian. Nói chuyện với Jenny rất thích vì nó vui và thẳng tính. Tuy bằng tuổi tôi nhưng Jenny chững chạc hơn tôi nhiều. Có lần trong giờ ăn trưa ở trường, nhân dịp bàn về món quà sinh nhật chúng tôi định mua tặng cho một người bạn khác, Jenny hỏi tôi thường hay tặng quà sinh nhật gì cho ba mẹ. Nghe hỏi, tôi giật mình ấp úng nói rằng trong gia đình tôi không có truyền thống đó. Chỉ có ba mẹ tặng quà sinh nhật cho tôi chứ tôi chưa bao giờ tặng quà sinh nhật cho ba mẹ. Jenny tròn mắt ngạc nhiên và nói một câu làm tôi mắc cỡ muốn chết:

- Vậy mà Jenny cứ tưởng người Á Đông trọng tình cảm lắm chứ. Những ngày quan trọng của người thân trong gia đình luôn luôn được ghi nhớ, như sinh nhật chẳng hạn. Bây giờ nghe Hạnh nói vậy Jenny thấy lạ lắm đó.

- Nhưng đâu phải không tặng quà sinh nhật cho ba mẹ là Hạnh không thương ba mẹ đâu! Tình thương đâu nhất thiết phải thể hiện qua vật chất, và dù sao thì ba mẹ Hạnh cũng dư biết là Hạnh thương họ mà.

Tôi gân cổ cãi lại.

- Đành vậy. Nhưng nếu Hạnh tặng

một món quà, hay chỉ một tấm thiệp nhỏ thì ba mẹ Hạnh cũng biết là Hạnh có nhớ đến sinh nhật của họ. Ai cũng vậy. Tuy họ dư biết người thân của họ thương họ và họ không đòi hỏi gì, nhưng chắc chắn là họ rất sung sướng nếu họ được nhớ đến trong ngày sinh nhật. Jenny nghĩ Hạnh cũng vậy thôi, phải không? Cứ cho là Hạnh biết ba mẹ Hạnh thương Hạnh và Hạnh không cần họ phải tặng món gì cho Hạnh nhân dịp sinh nhật đi, nhưng Hạnh sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn khi được họ nhớ tới và tặng quà, đúng không?

Con nhỏ này quả là lý sự, nhưng tôi đành im lặng vì nó nói quá đúng, tuy vậy tôi vẫn cảm thấy có một cái gì đó không được tự nhiên. Mặc dù tôi thương ba mẹ tôi lắm nhưng ít khi nào, hay nói đúng hơn là chưa bao giờ, tôi bộc lộ một cách rõ rệt là tôi thương ba mẹ tôi. Thương ba mẹ, tôi chỉ biết học cho thật giỏi và làm theo lời ba mẹ dạy. Giờ đây ba tôi đã mất, tôi đành chỉ biết "nói" với mẹ tôi là tôi thương mẹ bằng cách phụ giúp mẹ nấu nướng và dọn dẹp nhà cửa với tất cả khả năng của tôi, song song với công việc học hành. Tôi biết mẹ tôi hiểu điều đó qua những nụ cười sung sướng và đầy tự hào của bà khi nói chuyện với những người khác về tôi. Như vậy đó, từ trước đến nay tôi vẫn quan niệm tình thương phải được thể hiện qua những hành động mà tôi cho là "thực tế", chứ không phải qua hình thức bề ngoài và những lời nói suông.

Nhưng từ hôm nghe Jenny nói vậy, tôi bỗng cảm thấy phân vân. Hình như Jenny nói đúng. Tặng quà sinh nhật cho người thân không hẳn chỉ là hình thức, mà là một cách nói lên lòng yêu thương và sự quan tâm của mình đối với họ. Chẳng phải hồi nhỏ tôi vẫn thường sung sướng và hãnh diện khi được người thân và bạn bè mở tiệc và tặng quà sinh nhật cho tôi đó sao. Và bây giờ dù tôi không còn cho sinh nhật của mình là một ngày trọng đại nữa, tôi vẫn thấy lòng ấm lên và cuộc đời như đẹp hẳn ra khi được những người thân ghi nhớ sinh nhật của mình. Nếu vậy thì tại sao tôi không tặng mẹ một món quà trong sinh nhật của bà? Mẹ tôi chắc chắn sẽ ngạc nhiên lắm. Bây giờ tôi mới cảm thấy "nói" cho mẹ tôi biết là tôi thương mẹ qua những hành động như cố gắng học hành, vâng lời mẹ dạy và phụ giúp mẹ trong công việc nhà như vậy hình như chưa đủ. Tôi cần phải làm nhiều hơn nữa kìa.

Tìm ngày tháng năm sinh của mẹ tôi không phải là một điều khó, nhưng tôi cảm thấy thật mắc cỡ khi phải dùng đến chữ "tìm". Đã bao nhiêu năm nay không ai nhắc đến ngày sinh của mẹ tôi, và tôi cũng quá vô tâm chẳng để ý gì. Một tuần trước sinh nhật mẹ, tôi quyết định vẽ tặng bà một bức tranh. Sinh nhật mẹ tôi rơi vào ngày thứ năm, hôm đó bà đi làm ca đêm đến 9 giờ tối mới về.

Buổi sáng hôm ấy tôi cảm thấy vui vui. Ngày 29 tháng 6 lần đầu tiên không là một ngày bình thường đối với tôi như những năm trước. Đó là ngày quan trọng: sinh nhật của mẹ tôi. Sáng hôm ấy, bà vẫn dậy sớm, làm điểm tâm cho tôi, sau đó đưa tôi đi học và đi làm. Nét mặt bà vẫn thản nhiên như ngày 29 tháng 6 chẳng có gì đặc biệt, vẫn là một ngày như bao ngày khác trong năm. Tôi bỗng cảm thấy thương bà thật nhiều. Mẹ chỉ quan tâm, lo lắng và đem niềm vui cho mọi người thân yêu mà không nghĩ gì đến bản thân. Suốt đời mẹ là một chuỗi hy sinh cho ba tôi, cho tôi; và niềm vui của mọi người trong gia đình chính là niềm vui của mẹ. Mẹ không đòi hỏi gì hết. Nếu tôi vui là mẹ vui, mẹ không đòi tôi nhớ sinh nhật của mẹ đâu! Bây giờ tôi mới thấm thía ý nghĩa của câu hát mà tôi vẫn được nghe vào dịp Vu Lan: *"Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào..."*

Đến 9 giờ tối, mẹ tôi đi làm về. Ngồi trong phòng học mà tôi cứ hồi hộp mãi, không biết sẽ nói gì với mẹ đây. Lần đầu tiên tặng mẹ món quà sinh nhật, tôi cảm thấy thật ngại ngùng vì đã bao năm qua tôi quên bẵng sinh nhật mẹ. Cầm gói quà, tôi nhẹ nhàng bước ra:

- Thưa mẹ!

- Ừ con. Ở nhà vẫn bình thường chứ hả?

Mẹ tôi mải tháo giày nên không để ý trên tay tôi cầm món gì.

- Mẹ!

- Chuyện gì vậy con? Bà vẫn chưa ngửng lên.

- *Happy birthday!*

Mẹ ngước mặt nhìn tôi. Trong ánh mắt bà, tôi đọc được nỗi ngạc nhiên khôn tả, kèm theo là sự vui sướng tràn trề. Mẹ tôi hơi khựng lại, rồi bà nựng má tôi mắng yêu:

- Con gái mẹ sao bày vẽ quá...

Tuy mẹ nói vậy nhưng tôi biết bà sung sướng lắm. Đôi mắt mẹ long lanh. Bà nhẹ nhàng mở lớp giấy bọc ngoài và nhìn bức tranh tôi vẽ một cách trìu mến. Tôi sà vào lòng mẹ, nũng nịu:

- Mẹ ơi, mẹ có thích bức tranh con vẽ không vậy mẹ?

- Mẹ thích lắm, thích lắm...

Giọng mẹ tôi nghẹn ngào. Có lẽ đây là lần đầu tiên mẹ thực sự cảm nhận được tình thương của tôi đối với bà. Mẹ hạnh phúc, và tôi cũng vậy. Từ đó tôi nhận ra một điều là khi mình đem niềm vui đến cho người khác thì chính mình cũng được chung hưởng niềm vui ấy. Đã bao năm nay tôi bỏ lỡ cơ hội ấy. Nhưng không sao, kể từ nay, tôi sẽ không bỏ lỡ dịp nào cả. Tôi khẽ thì thầm: "Mẹ ơi, hãy cho con cơ hội bày tỏ cho mẹ biết là con thương mẹ..." ●

---

kiếp đoạn trường

Lỡ bước sa chân hận suốt đời
Giật mình thức tỉnh mái đầu vôi
Ngổn ngang thế sự mờ nhân ảnh
Hạo khí ngày xưa đã nguội rồi.

Nắng cháy lòng ai cạn nhớ thương
Tím đời sa mạc chết tha hương
Hồn nương biển gió tìm cố quốc
Thân cát vùi trong kiếp đoạn trường.

phan long yên

Mẹ và Con

Nguyên Khanh

*H*ôm nay là ngày giỗ mẹ, nước mắt tôi ràn rụa khi hồi tưởng những kỷ niệm về người. Nỗi buồn theo thời gian nào cũng phai nhạt, nhưng nỗi buồn mất mẹ cứ còn hoài. Mẹ tôi mất đã hơn mười năm rồi mà mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn thấy đau lòng như mới hôm qua.

Hình ảnh cuối cùng của mẹ trong tôi là buổi sáng tôi từ giã người đi vượt biển. Mẹ đưa chúng tôi ra đến cổng rồi trở vào một mình. Qua khe cửa rào đã đóng, mẹ mặc áo xanh rêu, quần lụa đen, đầu hơi cúi, bước đi như xiêu đổ trên mảnh sân dài. Hẳn là lòng mẹ đang tan nát, mất mẹ đang nhoè lệ, cũng như tôi.

Nắm chặt bàn tay đứa con gái năm tuổi đi bên cạnh như cầu cứu một sức mạnh, tôi cắn răng bước đi. Vĩnh biệt mẹ, vĩnh biệt ngôi nhà có giàn hoa giấy tím trên vòm cổng, có cây vú sữa và cây dừa bên giếng nước. Chúng tôi bước lên chiếc xích lô đang đậu sẵn. Xe chạy qua những dãy phố, những con đường. Tôi chẳng còn nhìn thấy gì, chỉ thấy lòng mình đang tan nát. Rồi mẹ sẽ sống ra sao khi còn lại một mình trong ngôi nhà vắng vẻ? Rồi tôi sẽ sống ra sao khi không có mẹ bên cạnh? Tôi cảm thấy mình như một cái cây bị bứt rễ, rũ xuống, héo tàn.

Chúng tôi vượt biển thành công và định cư tốt đẹp trên xứ người. Cuộc sống mới có những lo nghĩ, bận rộn làm tôi không có nhiều thì giờ rảnh để nhớ mẹ lúc ban ngày. Nhưng về đêm, tôi thường mơ thấy mẹ. Tôi mơ thấy mình về lại ngôi nhà thơ ấu, giữa một khu vườn rộng trồng đủ loại cây ăn trái. Trước sân là một bồn hoa lớn trồng huệ chen lẫn với lan và hoa mười giờ viền quanh bồn. Hoa huệ lá nhỏ, cọng dài đơm bông trắng muốt và thơm ngát. Hoa lan đất năm cánh nhỏ màu hồng nhạt, hoa mười giờ đỏ tím rực rỡ trên lá xanh. Trong sân còn nhiều cây nguyệt quới toả hương và một hàng lựu mùa hè trổ hoa đỏ rực. Ở xứ người, tôi gần như có hai cuộc sống. Ban đêm với những giấc mơ hạnh phúc và ban ngày lạc lõng giữa những người xa lạ.

Lúc nhỏ, mỗi lần mẹ đi đâu, ở nhà tôi không làm gì khác hơn là ngồi trên ngạch cửa để ngóng mẹ về. Thấy bóng mẹ từ xa, tôi đã chạy u ra đón. Tôi thích được mẹ nắm tay thật chặt, được đi gần mẹ để ngửi mùi áo mẹ thơm dịu dàng. Bàn tay mẹ êm dịu, mát mẻ biết bao khi người đặt lên trán tôi mỗi lần tôi đau ốm. Cũng bàn tay đó vững chắc dắt tôi đi qua những cây cầu khỉ chênh vênh hay những đoạn đường âm u, tối tăm. Tôi như cái bóng của mẹ, dính theo mẹ từ lúc thức đến khi ngủ.

Tôi cũng giúp mẹ được nhiều việc lắm. Công việc của tôi là mỗi sáng hốt mấy nắm lúa vãi ra sân cho đàn gà. Buổi chiều, khi nước lớn, tôi dùng chiếc gàu nhỏ cán dài đứng bên bờ sông múc nước tưới hoa cho mẹ. Tôi còn giúp mẹ hái rau nữa. Rau cải trời, rau giền mọc rải rác khắp vườn; rau mồng tơi lá xanh mướt bò trên hàng rào. Tôi cũng giúp mẹ vo gạo, dọn cơm, rửa chén. Nhưng quan trọng nhất là tôi có thể phụ mẹ làm bánh. Mẹ tôi biết làm nhiều loại bánh tây. Trong xóm mỗi lần có đám tiệc, người ta thường đặt mẹ làm những quả bánh bắt bông đường, bánh sâm-banh, bánh hạnh nhân, bánh gai, bánh men... Có lần tôi đang giúp mẹ vo tròn những viên bánh men thì một bà khách đến thăm, nhìn thấy. Bà la lên: "Chị ơi! Coi con nhỏ vọc bột kia kìa!" Mẹ tôi mỉm cười trả lời: "Không phải đâu thím, nó giúp tôi làm bánh đó!"

Bà khách nhìn tôi vẻ thán phục làm tôi vô cùng hãnh diện.

Không phải lúc nào tôi cũng làm vui lòng mẹ. Một lần tôi đã nhìn thấy nước mắt của mẹ loang trên gối. Lần đó, tôi giận mẹ mấy ngày vì mẹ ngồi nói chuyện khá lâu với một người đàn ông và gần như bỏ quên tôi. Ông ta một dạo thường đến thăm mẹ tôi, mang theo rất nhiều quà bánh cho tôi nhưng tôi không thích ông ta tí nào. Hôm ấy, thấy ông ta đến, tôi bỏ ra vườn thơ thẩn một mình và cuối cùng ngủ quên trong một bụi cây. Khi mẹ tìm ra tôi, bế tôi vào nhà, tôi không chịu ăn cơm và không nói chuyện với mẹ trong nhiều ngày. Mãi đến khi mẹ hứa không gặp người đàn ông đó nữa tôi mới hết giận mẹ. Nhiều đêm sau đó, trong giấc ngủ mơ màng, tôi nghe thấy tiếng thở dài của mẹ và sáng ra trên gối người còn dấu nước mắt chưa khô...

Năm tôi lên bảy tuổi, mẹ tôi gởi tôi trọ học ở nhà một người bà con trên tỉnh. Những ngày đầu xa mẹ, tôi không chịu đi học, không thiết ăn uống, chỉ khóc lóc đòi về. Một buổi sáng, tôi lẻn ra bến đò ngoài chợ, tìm người quen để xin quá giang về nhà. Khi ghe vừa cặp bến, tôi vừa mừng vừa sợ. Mừng vì sắp được gặp mẹ. Sợ vì biết mình đã làm trái ý người. Tôi bẽn lẽn bước vào nhà gọi mẹ. Mẹ tôi sững sờ nhìn tôi, buồn rầu và thất vọng. Suốt đời tôi không quên được cái nhìn đó. Buổi tối, bà tỉ tê to nhỏ giải thích, khuyên răn lẫn dọa nạt để bắt tôi trở lại trường. Sáng hôm sau, mẹ tôi lại khăn gói đưa tôi lên tỉnh. Mẹ dẫn tôi đến trường xin với cô giáo cho tôi đi học trở lại. Mẹ đã khóc khi nói chuyện với cô giáo. Những giọt nước mắt của mẹ làm tôi xốn xang, ái ngại nên quyết tâm đi học. Cuối năm đó tôi được lãnh thưởng. Khi ôm gói quà bọc giấy bóng kính có buộc nơ đến chỗ mẹ ngồi, tôi thấy mắt mẹ long lanh đẫm lệ vui mừng. Suốt thời đi học, ý nghĩ phải làm vui lòng mẹ là động lực chính khiến tôi cố gắng học hành. Tôi muốn có một nghề nghiệp vững chắc sau này để phụng dưỡng mẹ tôi chu đáo, để đền đáp lại công ơn người.

Vậy mà tôi đã không làm được! Tôi đã bỏ mẹ mà đi. Ngày mẹ mất ở quê nhà, tôi nằm mơ thấy tôi về lại căn nhà thời thơ ấu, chạy khắp vườn tìm mẹ mà không thấy. Trong nhà có rất đông bà con quen thuộc, tôi hỏi thăm về mẹ, người ta chỉ ra bờ sông. Tôi vội vàng chạy ra thì thấy một cỗ quan tài. Tôi ôm chiếc quan tài gọi mẹ ơi, mẹ ơi nhưng mẹ không trả lời. Và không bao giờ mẹ trả lời tôi nữa. Thức giấc, tôi biết rằng mẹ tôi đã mất.

Mẹ mất rồi nhưng lòng tưởng nhớ mẹ không hề phai nhạt theo thời gian. Tôi cảm thấy như mẹ vẫn hiện diện trong tôi và sự sống của người vẫn liên tục trong một dòng sống miên viễn. Như cây cối, như hoa cỏ. Cây có già, hoa có rụng nhưng vẫn có mầm, có hột để lại. Tôi không biết con tôi có cùng cảm nghĩ như tôi không một khi mẹ nó qua đời! Hình như có một cái gì khác biệt trong nếp suy nghĩ giữa tôi và con tôi.

Năm nay con tôi 18 tuổi, tuổi trưởng thành. Một mẹ một con trên xứ người, tôi đã dành tất cả tình thương cho nó. Hồi tưởng lại những ngày con tôi còn nhỏ, lúc mẹ con tôi mới định cư trên xứ này, nó ngoan ngoãn, dễ thương biết bao! Lần đầu tiên dẫn nó đi phố, vào một gian hàng bách hoá, nó ngừng lại thật lâu để ngắm con gấu nhồi bông. Nhìn ánh mắt con, tôi biết nó thích lắm nhưng không dám đòi mua. Hôm sau, tôi một mình trở lại gian hàng để mua. Khi trao món quà cho con, nó hối hả mở ra, nhảy nhót vui mừng. Một tay ôm con gấu, một tay nó ôm cánh tay tôi mà nói: "Mẹ ơi, con thích con *bause* này lắm. Con sẽ để dành nó hoài vì mẹ mua cho con". Mỗi chiều đi làm về mệt mỏi, nó thường đấm bóp cho tôi bằng hai bàn tay bé nhỏ. Tôi đã vượt qua được những gian truân vất vả trên xứ người vì nghĩ đến tương lai của con, đến cuộc sống tự do, hạnh phúc của nó sau này. Tôi đã chăm sóc con tôi bằng tất cả yêu thương trìu mến, mong nó cảm nhận được để cũng có một tâm hồn dịu dàng, đầy tình cảm. Tôi mong nó hội nhập vào cuộc sống trên xứ người, đồng thời vẫn giữ được bản sắc người mình. Nhưng theo thời gian, dần dần tôi không còn nhận ra tâm hồn đứa con gái nhỏ của tôi ngày xưa nữa. Nó đã thay đổi.

Một hôm, sau một cuộc tranh luận khá gay go giữa hai mẹ con, con gái tôi đã nói: "Mẹ không bao giờ biết lỗi của mẹ". Câu nói của nó làm tôi sững sờ, giật mình suy nghĩ. Tôi đã làm gì "có lỗi" với con tôi? Tôi tưởng mình đã thương yêu, chăm sóc nó hết lòng, như mẹ tôi đã làm đối với tôi. Chưa một lần nào tôi có ý nghĩ mẹ tôi có lỗi với tôi. Những điều mẹ đã làm, ngay cả việc đánh đòn, rầy la tôi, tôi đều hiểu mẹ đã làm vì lợi ích của chính tôi, vì mẹ thương tôi. Không bao giờ tôi phiền hà vì mẹ xâm phạm tự do cá nhân tôi. Nhưng đối với con tôi, mỗi lần tôi có ý kiến về một kiểu tóc, một màu áo, một lối ăn nói vì muốn nó xinh đẹp, dễ thương hơn thì nó lại phản đối, cho là tôi xen vào ý thích riêng tư của nó.

Không phải chỉ một mình con tôi như vậy. Trong nhiều gia đình khác, vai trò của cha mẹ và con cái đã thay đổi. Chuyện con cái bị la rầy, đánh mắng bèn thưa cha mẹ ra toà; chuyện con giết cha mẹ vì muốn hưởng gia tài sớm; vì muốn được tự do, không chịu kiểm soát... đăng nhan nhản trên báo, xảy ra hằng ngày ở khắp nơi. Người ta ghê tởm những vụ giết người, nhưng hình như không ai nghĩ đến việc tìm nguyên nhân của các thảm trạng đó. Điều gì đã làm cho tình yêu thương trong lòng những người con kia trở nên khô kiệt, thay vào là sự tàn nhẫn, độc ác?

Phải chăng cây cối và hoa cỏ không còn tươi tốt nữa khi được mang trồng ở một phong thổ khác? Phải chăng những con sông bỏ nguồn ra biển, hoà nhập vào biển nên không cần nhớ mình từ đâu đến, sẽ đi về đâu nữa? Tôi nhớ một bài học trong sách giáo khoa mà tôi đã học ngày còn nhỏ: *"Cây có cội, nước có nguồn, con người có ông bà cha mẹ..."* Bây giờ thì chẳng còn ai dạy con trẻ những bài học đó nữa! ●

Ngày Con Hai Tuổi

Hoàng Du Thụy

*C*on yêu dấu,

Từ bao lâu nay ba mẹ hầu như quên đi ngày sinh của mình. Dù ở xứ người khá lâu, ba mẹ vẫn chưa tập được thói quen mỗi lần đến sinh nhật là phải tổ chức tiệc tùng, phải tặng nhau quà cáp. Ba mẹ cho rằng đó là nhưng nghi lễ xa xỉ bề ngoài. Chỉ cần biết nghĩ đến nhau, biết nhường nhịn trong cuộc sống hằng ngày là đã quí lắm rồi. Vậy mà khi có con, ba mẹ lại đếm từng ngày mong cho mau đến sinh nhật con.

Lần sinh nhật đầu tiên của con, ba mẹ xúc động lắm. Vậy mà đúng hôm đó con lại đau. Chỉ là một cơn sốt mọc răng thôi mà ba mẹ lo quính quáng. Mẹ bối rối đi ra đi vào. Ba hết lăng xăng lấy nhiệt độ rồi lại sờ trán con. Con nằm thiêm thiếp trong nôi, dửng dưng trước những lo âu của ba mẹ. Con chó bông ba mua cho để một bên. Bộ đồ mẹ mới may để một bên. Vậy mà con vẫn nằm im, mắt nhắm nghiền không lộ vẻ vui. Thế là qua đi lần sinh nhật đầu tiên. Nếu con được sinh ra ở Việt Nam thì ngày thôi nôi không thể âm thầm, lặng lẽ như thế cho dù con đau ốm. Hai bên nội ngoại chuẩn bị ngâm nếp, đãi đậu từ đêm trước để nấu xôi chè cúng kiếng và mời đông đủ họ hàng, bạn bè đến dự. Con sẽ được tự do bò giữa đống đồ chơi, chọn cho mình một món đồ ưng ý. Món đồ đó sẽ là điềm báo hiệu tương lai của con. Nếu con chọn gương lược, ông bà cha mẹ chắc lo lắm vì ngày sau con sẽ là người đỏm dáng, thích chưng diện. Nếu con chọn bút sách, mọi người sẽ hả dạ vì điều này chứng tỏ con là người ham học, sẽ đỗ đạt, thành danh. Nhưng vì sinh ra trên đất nước này nên con phải chịu thiệt thòi, họ hàng hai bên chẳng có ai ngoài ba mẹ.

Năm nay con hai tuổi.

Đây là năm vui sướng nhất của ba mẹ. Con bắt đầu bập bẹ nói. Con chạy tung tăng, nghịch phá mọi góc nhà, xê dịch mọi thứ đồ đạc. Con thích quần áo đẹp, thích đi chơi và kết bạn. Cá tính con bắt đầu phát triển. Mẹ thích ngồi ngắm con ăn với đồng tiền lúm sâu trên má theo nhịp nhai. Rồi mỗi ngày thấy con nói được một chữ mới, tập được một trò chơi mới, lòng ba mẹ lâng lâng vui sướng. Những mỏi mệt của cuộc sống, những buồn phiền ở sở làm, chỉ cần một tiếng cười của con là tiêu tan. Ba mẹ có cùng mục đích là lo lắng cho con được đầy đủ, dành dụm cho con một số tiền để ngày sau ba mẹ có qua đời con cũng đỡ cực. Nhưng đó chỉ là những lo lắng về vật chất. Điều quan trọng là làm thế nào cho tinh thần con được thoải mái; lúc nào cũng thấy được thương yêu, che chở; lớn lên trong sự hoà thuận của ba mẹ. Vì lẽ đó, ba mẹ cố tránh cãi vã ít ra là trước mặt con. Vậy mà cũng có lần ba mẹ quên con đang ở đó, cứ hăng say nói để giành phần phải về mình. Thình lình con bật lên một tràng bi bô, mẹ nhìn lại thấy con cũng chu mỏ, khoa tay múa chân y như ba mẹ đang làm. Mẹ dở khóc dở cười ôm con vào lòng. Từ đó mẹ hứa sẽ không bao giờ to tiếng để con bắt chước nữa.

Sinh nhật thứ hai của con, ba mẹ tặng con một món quà thật lớn: một căn nhà nho nhỏ làm chỗ dừng chân cho cả gia đình. Cả nhà từ đây sẽ được riêng tư. Mỗi khi con đau ốm khóc nhè, mẹ không phải lo sợ hàng xóm đập vách than phiền; mẹ không phải vác con trên vai cho con yên ngủ để mọi người chung quanh cũng được yên giấc. Dĩ nhiên phần mẹ thì sáng hôm sau đến sở với đôi mắt cay xè mở không ra vì mất ngủ. Trong căn nhà mới này, con có một phòng riêng, trang hoàng rất cẩn thận. Mẹ đã bỏ rất nhiều thì giờ để vẽ cho con những bức tranh, những chú hề, những ông già tuyết ngộ nghĩnh. Tuy không có nhiều thì giờ chuẩn bị nhưng căn phòng của con cũng ra vẻ con gái lắm với màu hồng tươi của màn cửa, chăn nệm. Khác với những ngày ở chung cư tù túng, nơi đây gia đình có được mảnh vườn nhỏ có rào để trồng hoa, để buổi chiều mọi người ra ngồi hóng gió và nhất là để con có chỗ tung tăng mà không sợ xe cộ hay vui chân đi lạc. Cũng chính vì những niềm vui nho nhỏ ấy, ba mẹ phải làm việc nhiều hơn, tiện tặn hơn nhưng so với hạnh phúc mình có được thì cũng là xứng đáng.

Năm nay con hai tuổi. Con đã bắt đầu hiểu biết nên ba mẹ quyết định tổ chức sinh nhật cho con thật tươm tất để con mời bạn bè đến dự. Từ một tuần lễ trước, mẹ đã cẩn thận mời đông đủ các bạn hàng xóm của con: Jessica, Beth, Catherine, David, Matthew, Alissa... Con vui sướng vì lần đầu tiên được cầm dao (có mẹ giúp) cắt chiếc bánh sinh nhật to ơi

là to, đẹp ơi là đẹp. Với bạn bè vây quanh, con xúng xính trong chiếc áo đầm mới, vui tươi giữa đám bạn bè da trắng. Con hồn nhiên như chú thỏ không kể gì đến bẫy rập chung quanh. Ba mẹ mong con khi lớn lên vẫn giữ được sự hồn nhiên đó, đừng như ba mẹ lúc nào cũng mặc cảm về màu da của mình, lúc nào cũng bị xoay vần trong cái xã hội đầy sắc thái của sự kỳ thị. Khi nghe con đớt đát hát *Happy birthday to you* cùng các bạn, mẹ bồi hồi so sánh với mình. Con phát âm không tròn tiếng, nói chẳng thành câu mà sao bạn con vẫn hiểu. Còn mẹ, mỗi lần nói thật là khổ sở. Mẹ cố phát âm cho thật rõ, cố nhấn cho đúng âm điệu mà nhiều khi người nghe vẫn không hiểu mẹ nói gì. Những lúc xin việc được mời phỏng vấn mới là chán nản. Câu mẹ trả lời, họ hiểu sai. Câu họ hỏi, mẹ đoán trật. Thế là cứ xách đơn đi xin việc hết chỗ này tới chỗ khác. Nhưng đó là những thử thách không chỉ mình mẹ phải chịu đựng. Còn bao nhiêu người khác nữa cũng cùng hoàn cảnh như mẹ khi ngôn ngữ nơi đây không phải là ngôn ngữ của mình. Khi lớn lên, con nói rành tiếng bản xứ là một điều tốt nhưng chắc là mẹ sẽ buồn nhiều khi con không nói rành tiếng Việt. Buồn hơn là bây giờ mẹ nói không rành tiếng Anh. Nhưng thôi, mẹ tự an ủi, đây chỉ là chỗ tạm, coi như mình là khách trọ. Chủ nhà có quyền đòi hỏi mọi việc theo ý họ. Phần mình cứ theo đúng cương vị người khách, làm những gì có thể và nhất là đừng để họ có cảm tưởng là mình ăn bám.

Con yêu dấu,

Mẹ viết những giòng này khi con vừa tròn hai tuổi. Có lẽ phải đợi đến khi con hai mươi tuổi, con mới hiểu hết những điều mẹ viết. Bây giờ, ba mẹ chỉ mong con được hạnh phúc mãi, vô tư mãi bên những bằng hữu bé bỏng của con, bên những chú gấu, chú vịt và những món đồ chơi mà ba mẹ chắt chiu mua cho con. Rồi khi lớn khôn con sẽ thấy không gì bằng tình cảm gia đình và không gì bằng tình thương yêu của cha mẹ. ●

chân bố đau không?

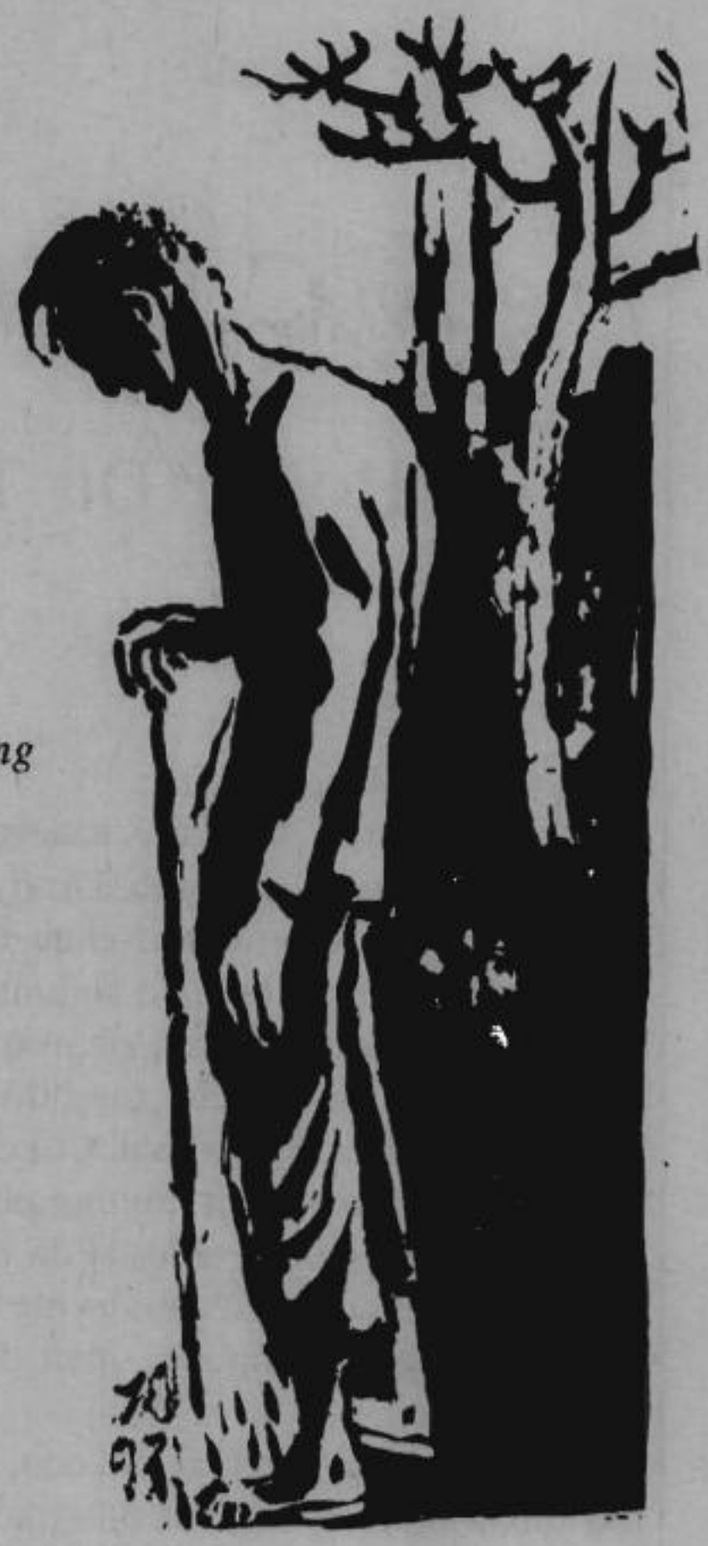

Con thích đứng bên đây cầu đá
nhìn sang bên dốc đứng gió lùa
để tưởng tượng một thời bố đã
áo cơm buồn phận mỏng manh đưa.

Tưởng như còn hai mươi năm trước
bố mang hồn Do Thái lưu vong
cầu đá cao mà đời dốc trượt
chắc bố đau chân tướm máu hồng.

Người phụ bếp cắt từng miếng khổ
chiên xào từng miếng nhớ miếng thương
mất quê hương, xa con, lìa vợ
chắc bố đau từng nỗi đoạn trường.

Ngày hai buổi như dòng sông vắng
lặng lẽ hình cầu đá chênh vênh
đi năm dặm, về năm dặm hẳn
bóng cầu treo bóng bố gập ghềnh.

Những ngày mưa cầu trơn bố nhỉ
áo có che con nước trong lòng
thời kiếm cung dọc ngang lừng lẫy
chắc là buồn bố nổi mưa dông.

Hay mùa tuyết rét căm chân cóng
tay nổi gân bố kéo phận người
bố về qua cầu khuya gió lộng
bóng đổ dài vằng vặc trăng soi.

Hai mươi năm thăng trầm bố đủ
từ biệt ly tới lúc xum vầy
bố vẫn luôn là tàn cổ thụ
tỏa xuống đời con những bóng cây.

Con khôn lớn như chim lìa tổ
học điều hay lẽ tốt bố mừng
đời lữ thứ con và buồn bố
chưa chắc gì một nỗi đau chung.

Nên con đi nhiều nơi lắm chỗ
vẫn thích về cầu đá rưng rưng
hình dung hai mươi năm trước đó
để cùng đau với bố một lần.

Để tưởng tượng hai mươi năm trước
bố mang hồn Do Thái mưu sinh
cầu đá cao và đời dốc trượt
lòng hỏi hoài chân bố đau không?

nguyễn thị lộc quy

ngũ ngôn

cha

bao năm rồi tóc bạc
theo sớm nắng, chiều mưa
cha nghe đời xơ xác
theo bóng xế, già nua.

mẹ

bao năm rồi ly biệt
nhớ bên giàn mướp hương
mẹ già ngừng tay quét
khóc người đi tha phương.

chị

thuyền xưa về bến hạ
chị em cười bên nhau
nay chờ thuyền, chị nhớ
thương em giạt phương nào.

phan thịnh

Bướm Trắng Tơ Vàng

Hoàng Nga

Nhà Hanh có một khoảng sân không tráng xi măng, với một cây mận và một cây khế trồng sát hàng rào. Phía bên ngoài là cánh cổng thường xuyên được khóa kín, mà An đã chú ý đến ngay từ lúc mới dọn tới. An không biết có phải vì cái nếp sống không giống những người trong xóm của gia đình Hanh, hay bởi cái vẻ u tịch và lối kiến trúc nửa Pháp nửa Việt của căn nhà, mà An lại có cảm tưởng là gia đình Hanh có cung cách sống rất sang trọng và quý phái. Biết bao nhiêu lần An đã ước ao được ngồi dưới mái hiên cao hơn hiên nhà An khoảng một mét để ngắm nhìn những tàn nắng chiều thấp thoáng trên những cành lá mận chao động. Và cũng đã nhiều lần An thắc mắc không biết phía bên trong ngôi nhà ấy có những gì. An thường ước ao có dịp được sang nhà Hanh để nhìn cho tận mắt, nhưng khi những cái "nhân dịp" hiếm hoi ấy đến - lúc chị ở nhà An đi mua bán, đổi hàng đổi họ gì đó cho me An - thì An lại không có nhà.

Thuở ba An mới chỉ là một công chức nghèo, chưa được vô ngạch, thì nhà Hanh đã khá lắm rồi. Ba Hanh làm cho sở hỏa xa của thị xã, và mẹ Hanh có một tiệm vải ở dưới phố. Chiều chủ nhật nào bên nhà Hanh cũng rộn rã tiếng của mấy chị em Hanh sửa soạn, gọi nhau đi dạo hay đi biển với ba Hanh. Những hôm trời mưa to hay có bão, thì phía bên ấy hình như lại có tiệc tùng, đãi đằng ai đó qua mùi thức ăn, mùi xào nấu thơm nức mũi bay ra... Đời sống của gia đình Hanh như thể nằm chót vót trên một cái tháp ngà mà gia đình An, và kể cả những người hàng xóm chung quanh, chỉ là những hạt đá cuội dưới đường đi. An không chơi với Hanh vì Hanh là con trai, An là con gái. Nhưng hơn như thế nữa, là vì ba Hanh và ba An đã có lần gây gổ kịch liệt với nhau do khi làm nhà, ba An đã tự ý kêu người đến đốn cái cây sầu đông nằm giữa ranh giới hai nhà mà không thèm thông báo cho ba Hanh một tiếng. Thuở ấy An hãy còn dại lắm nên không hiểu được vì nhà An nghèo hơn, nên ba An đã lấn một ít đất của nhà Hanh như ba Hanh nói, hay vì cái phần đất bé tí tẹo có cái gốc cây sầu đông ấy thuộc về gia đình An như ba An đã hăng hái cãi vã - và đã chạy vạy hụt hơi mới có được tấm giấy chủ quyền hay đo đạc gì đó của ty điền địa.

Cái thẻo đất, thật tình mà nói, nếu ba An có cố ý lấn sang nhà Hanh, thì cũng chỉ bằng bề dày của bức tường nhà An, hoặc bằng cái gốc cây sầu đông non nớt ấy thôi, vậy mà nó đã khiến hai gia đình đoạn giao với nhau. An với Hanh, vốn đĩ đã không bao giờ chào hỏi nhau lấy nửa câu trước đây, giờ càng lại không thèm nhìn mặt nhau. Và dù những cái trò đá dế, đánh đáo, bắn chim của bọn con trai trong xóm, anh em Hanh chẳng bao giờ được tham dự, mấy ông anh An cũng công khai bị cấm không được "giao du" với anh em Hanh. Phần me An thì dĩ nhiên là đã áp dụng chiến thuật "cấm vận", không thèm mua bán vải vóc gì với mẹ Hanh nữa. Lẽ ra đúng tinh thần gia tộc, thì khi hai bên quyết định tuyệt giao với nhau như vậy, An phải tự cấm không cho mình có được cái "quyền tự do tư tưởng" mới phải, vậy mà đàng này đầu đã bị "đầu độc" để ghét cả... tông chi, họ hàng nhà Hanh, nhưng không hiểu sao An vẫn yêu quý cái khoảnh sân đất với những nhánh lá xanh mượt bên ấy vô cùng. Thỉnh thoảng khi bước ra khỏi cửa nhà, hễ liếc thấy không có ai đứng trên hiên nhà Hanh là An vội vã đưa mắt sang ngắm nhìn ngay. Có một lần không để ý, An đã bị Hanh bắt gặp. Nhưng thay vì tỏ một cử chỉ trịch thượng đáng ghét nào đó, thì Hanh lại giật mình vội vã quay đi hướng khác như chính Hanh vừa bị bắt quả tang đang rình ngó An.

Cuộc sống cứ như vậy mà trôi đi. Gia đình An và gia đình Hanh vẫn khư khư giữ cái thái độ lạnh nhạt với nhau như vậy trong nhiều năm trời, dầu hoàn cảnh sống của cả hai bên đã có ít nhiều thay đổi. Năm An lên trung học, lúc gia đình An đã bắt đầu làm ăn khấm khá ra, thì ba Hanh cũng vừa thất nghiệp. Sở hỏa xa đã quyết định cho ông về hưu sớm vì không còn việc cho ông làm. Những tuyến đường do ba Hanh phụ trách, bởi ảnh hưởng của chiến tranh, đã bị hủy hoại gần như toàn bộ. Ông xếp ga, vốn là chỗ quen biết với gia đình An, thỉnh thoảng đến thăm ba Hanh, lúc ghé tạt sang nhà An đấu láo dăm ba câu, vẫn thường hay than thở chính ông mà cũng không thể tìm ra được việc làm nào khác. Ba An bảo ông là xếp ga mà còn khổ sở với công ăn việc làm như thế, thì chắc chắn là ba Hanh chẳng bao giờ có hy vọng gì.

An không biết ba An có cố ý chờ xem ông công chức sở Tây sẽ sống như thế nào không, nhưng An nghe nhiều người trong xóm đồn đãi lên rằng ba Hanh vì buồn chán quá mà đã bắt đầu nghiện thuốc phiện. Ba Hanh có vẻ gầy, nhưng trông ông không "mặt bủng da chì, so vai rụt cổ, giọng nói khàn khàn, cái môi thâm xịt" như sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư đã mô tả. Chiều chiều, ông vẫn

tươm tất áo quần, mũ mão đàng hoàng, dẫn một con chó nhỏ đi dạo. Vợ ông vẫn ngày hai buổi xuống phố đi bán bằng xích lô. Nề nếp gia đình Hanh, bề ngoài chỉ thấy thay đổi ở cái tiết mục đi biển của cha con Hanh, mà không biết có nên gán cho sự thay đổi ấy một cái lý do khách quan, sở dĩ họ không thèm đi biển nữa là bởi các bãi biển ở thành phố An đã bị ô nhiễm vì những đống rác khổng lồ từ các câu lạc bộ quân nhân của Mỹ đưa ra hay không.

Vào thời kỳ này, quân đội Mỹ và đồng minh đã có mặt nhan nhản ở khắp thành phố quê An. Người ta đổ xô nhau đi làm cho các hãng thầu của Mỹ. Trong xóm An, nhiều nhà có con gái lớn đã nghỉ học để đi làm. Cũng có nhiều cô đã chính thức lấy Mỹ. Và hàng loạt nhà trong xóm đã được đập ra để xây lầu. Có nhà trở thành khách sạn cho thuê phòng ngủ. Có nhà thành tiệm nhậu. Có nhà thành garage sửa xe... Bộ mặt và cuộc sống vốn hiền hòa của xóm An bắt đầu đã có tí chút thay đổi. Xem ra thì không có gì dữ dội lắm, nhưng phần nào đã khác lạ hơn. Hỗn độn hơn, rộn ràng hơn. Và dĩ nhiên, là cũng có vẻ khá giả hơn.

Trong khi đó thì ba Hanh, chắc với tinh thần vọng Tây như một số người khác vẫn hay đả kích, chửi Mỹ và bài Mỹ, nhất định không chịu đi xin việc làm ở những chỗ có dính dấp tới Mỹ. An thấy ông vẫn đi đi về về, nhưng không rõ là đi đâu. Không biết là ông đi xin việc, hay buồn quá mà lang thang đây đó cho qua ngày đoạn tháng? Trông ba Hanh có vẻ xuống dốc hẳn. Hai má ông teo tóp nhiều. Cái thân hình vốn đã không mập mạp xưa nay, giờ càng thấy mảnh khảnh hơn. Nói cho đúng ra là trông ông có vẻ lêu nghêu hơn. Gương mặt của ông vẫn lạnh lùng khó chịu, như thể không muốn để lộ cái tâm tư mình cho người khác nhìn thấy. Nhưng An nhận ra dẫu ông có nghiêm trang, có khó chịu cách mấy đi nữa, vẫn không thể dấu nổi những nét u hoài đọng trên cặp mắt rất ít khi nhìn lên của ông. Đã vậy, cái dáng đi hơi lom khom, pha lẫn một chút âu sầu, càng khiến ông có vẻ tiều tụy, già nua hơn.

Ngôi nhà của người hàng xóm An dường như cũng trở nên tiều tụy y hệt chủ nhân của nó. Cái cánh cổng sắt cũ kỹ, cái khoảng sân không tráng xi măng - mà khi lớn lên An mới thấy nó bé tí teo, chỉ vừa đủ rợp một tàn mận - cộng với vẻ âm u, cô tịch của ngôi nhà, cho đến lúc này thì đã quá xấu xí, kỳ quặc với chung quanh. Nó hoàn toàn không còn đủ sức hấp dẫn để An cảm thấy thích thú khi bỏ ra hàng giờ đồng hồ ngồi ngắm những tàn nắng lao xao rơi rớt ấy nữa. An chộn rộn với đám bạn mới lớn của mình và những trò giải trí mới lạ, nhộn nhịp chung quanh. Đời sống An so với Hanh, lúc này càng có vẻ khác biệt. Người bạn láng giềng của An vẫn đi học ngày hai buổi ở một trường nửa công lập, nửa tư thục nằm buồn bã nơi góc phố, nơi vẫn dành cho học sinh con nhà nghèo hay có trình độ học vấn không khá lắm. Cái khoảng cách giữa hai đứa đã không còn dừng lại ở một khoảnh rào, một cái hiên nhà, mà trở nên sâu rộng bao la như một đại dương. Ngày ngày đi ngang qua nhà An, Hanh luôn luôn cúi đầu ôm mấy tập vở trong tay, mặt không bao giờ ngước lên hay liếc mắt nhìn bất cứ nơi nào thuộc phạm vi bên An. An không hiểu vì Hanh e thẹn như những anh chàng con trai bằng tuổi An dạo ấy, hay vì có nguyên do nào khác trong lòng.

Hanh có vẻ hiền. Tuy nhiên cái vẻ hiền lành một cách cam chịu ấy lại khiến An đem lòng "nhiễu nhương". An đã không gây sự với Hanh, nhưng hay trêu Hanh bằng cách tỉnh bơ đứng ngắm nhìn Hanh từ đàng xa đi lại rồi cười khì khì nói với mấy đứa bạn khi Hanh tới gần:

- Thằng hàng xóm nhà tao xinh trai ghê!

Tưởng tượng nếu như lúc ấy "thằng hàng xóm nhà tao" là một thằng con trai hippy, đua đòi ăn chơi, thích đi đánh bi da, tán gái, nhảy đầm lậu, hay thậm chí thích đi đánh lộn để dợt le với bạn gái hơn là thích học hành tử tế, có lẽ An đã đem lòng ngưỡng mộ mất rồi! Nhỏ bạn thân của An biết chuyện xích mích giữa hai nhà, vẫn hay trêu An:

- Giá đừng có vụ...sầu đông. Thế nào nhỏ cũng phải lòng anh Hanh!

An phì cười, nghĩ đến mấy câu kết của bài thơ đã bị nó sửa lời, *hỡi ơi bướm trắng tơ vàng, mau về đây chịu tang nàng đi thôi*... Nhỏ bạn An trêu thêm:

- Sáng sáng mi nên ôm một mớ tơ lòng ra hành lang mà phơi nắng để xem anh hàng xóm có đem lòng đợi chờ chim bay bướm lượn gì không.

An đáp:

- Ta chỉ sợ tơ lòng không chịu khô mà cái nước da vốn màu chì của ta ngả sang màu táo tàu thuốc bắc thì toi mạng!

---

thơ *e.p*

mưa

mưa rơi từng sợi nhỏ
thánh thót chừng khôn nguôi
em ơi phương trời đó
có thả hồn chơi vơi?

hạ

tháng bảy anh về mơ phương đông
cánh đồng thơm ngát lúa đòng đòng
nón lá nghiêng vành, em cười mỉm
mát lòng anh, rực đoá hướng dương.

nhớ

nhớ nắng quê hương nắng nung người
nhớ con đường bên em mưa rơi
những cơn mưa nắng xa xưa ấy
chôn kín trong tâm, buổi ra khơi.

An hay giễu bảo Hanh khá hơn mấy anh chàng cù lần một chút. Quanh năm suốt tháng đi đâu ra khỏi nhà, Hanh cũng chỉ tươm tất mặc quần xanh áo sơ mi trắng, mang sandal đúng theo quy định của nhà trường. Vừa phải. Hiền lành. Và có vẻ an phận.

Hanh không an phận sao được khi cuộc sống chung quanh đã đổi thay đến vậy. Hàng xóm, láng giềng ai cũng đã khấm khá lên trong khi cả nhà Hanh với sáu miệng ăn, chỉ chăm chút ở mỗi cái sạp vải nhỏ của mẹ Hanh, mà cho đến đầu năm bảy hai thì cái sạp vải ấy cũng không còn. Mẹ Hanh bị bịnh. Bà bị ung thư tử cung, một chứng bịnh, dưới con mắt của những người hàng xóm An lúc ấy vẫn còn lạ lẫm lắm. Hai chữ "tử cung" khiến họ đã liên tưởng đến những thứ bịnh phong tình, bịnh xã hội mà họ nhất định cho là do ba Hanh đã mang lại vì ông có quan hệ với... mấy con đầm khi còn làm việc cho sở hỏa xa! Mẹ Hanh ngả bịnh rất đột ngột. Hay nói cho đúng ra thì khi chứng ung thư của bà chuyển qua thời kỳ cuối, cả xóm mới biết. Và gia đình An, mãi cho đến lúc xe cứu thương chở bà về từ bịnh viện để chờ chôn cất, mới là những người biết sau cùng. Cái chết của mẹ Hanh đã đi kèm theo một cái đám cưới chạy tang của chị cả Hanh, mà ai ai cũng đồn đại lên là để giải quyết gánh nặng kinh tế trong gia đình. Nhưng theo như nhận xét của me An, thì không phải chị Hanh không kiếm ra nổi việc làm để đỡ miệng ăn, mà vì không có tiền làm đám cưới. Một số người khác lại bàn tán lao nhao rằng nhờ nhà trai, gia đình Hanh mới thanh toán được một nửa tiền ma chay.

An không biết tất cả những điều bá tánh bàn cãi tạp nhạp chung quanh chuyện nhà Hanh có đúng hay không, nhưng nhờ cái đám cưới ấy mà An có dịp sang nhà Hanh, có dịp quan sát chính thức từ đàng trước cổng nhà, ra đến tận sau bếp. An đi theo chị ở sang lấy lại cái nồi lớn đã cho chị Hanh mượn hôm đám cưới. Chị ở của gia đình An bảo không khí nhà Hanh rợn rợn người, lạnh lẽo như một cái nhà xác làm An giả bộ tò mò đòi đi theo chị. An đã để chị níu chặt lấy bàn tay ướt đẫm mồ hôi của mình, chẳng phải vì sợ hãi như chị mà vì hồi hộp... An muốn nhìn kỹ mặt Hanh, và đã định bụng nếu có thể, sẽ hỏi han Hanh một câu gì đó để xem phản ứng của người hàng xóm như thế nào khi đối diện mình.

Hôm đám ma mẹ Hanh, An đã nhìn thấy Hanh đứng tựa hiên nhà, đưa mắt u buồn nhìn người qua lại một cách áo não. Cái vẻ nửa ngơ ngác, nửa thờ ơ, nửa trĩu nặng trên gương mặt của Hanh làm An đã phải ngạc nhiên tự hỏi, không biết Hanh buồn hay giận, không biết cái đám cưới chạy tang của người chị có tác động gì đến Hanh hay không. Hanh cũng vẫn quần xanh áo trắng đồng phục, ở bên ngoài khoác thêm một chiếc áo tang bằng vải sô mỏng mảnh. Trông Hanh không có vẻ thảm thương như những người khác trong nhà Hanh, nhưng cái dáng điệu thư sinh, đôi con mắt lạc thần, không định hướng của Hanh làm xót dạ người nhìn. Me An bảo tội nghiệp Hanh, vì Hanh là con út. Giàu út ăn, khó út chịu. Me An bảo Hanh "chịu" hơi nhiều.

Hôm ấy An đã chẳng có dịp nhìn kỹ mặt người hàng xóm. Dĩ nhiên cũng chẳng được hỏi han câu nào vì Hanh vắng nhà. Và sau đó dẫu hàng ngày An vẫn thấy Hanh hai bận ngang qua nhà An, tay ôm chồng sách vở, mặt cúi xuống hay nhìn sang bên kia đường, đi thẳng một hơi không ngập ngừng, không va vấp bước chân; và dẫu đã có nhiều lần hai đứa chỉ đứng cách nhau khoảng độ hai thước, An có thể nhìn tận từng nếp áo được ủi cẩn thận, hay có thể nhìn thấy từng sợi tóc của Hanh nhẹ nhàng bay trong gió, nhưng không lẽ dưng không lại chạy ra chận Hanh lại để bắt chuyện nên An đành thôi.

Mãi cho đến một hôm bên trường Hanh sang trường An bán báo Tết, An mới có dịp mặt đối mặt với người con trai ở cạnh nhà. Đám bạn An cũng nhận ra Hanh, một đứa la to lên với An:

- Thằng hàng xóm đẹp trai của mi kìa An!

Lúc ấy Hanh đang ngồi chung với những người bạn, sau một dãy bàn dài bên cạnh những chồng báo cao, đang ngước mặt lên chờ người đến mua; tưởng nghe câu này, Hanh sẽ đỏ mặt và vội vã quay đi. Nhưng không ngờ chính An mới là đứa phải quay đi và đỏ mặt. Vì bất thần Hanh lạnh lùng quay lại ném một cái nhìn không mấy thân thiện về phía cô bạn An và sau đó là sang An. Trong một thoáng, An nhận ra cái vẻ nghiêm nghị, pha lẫn một chút khó chịu của ba Hanh hiện lên thật rõ ràng trên gương mặt vốn hiền lành của Hanh. An bàng hoàng đứng lặng, hai bàn tay nắm lại với nhau chặt cứng và không biết nên phản ứng như thế nào. Đám bạn An cũng im bặt đi giây lâu. Nhưng rồi bất thần không hiểu vì sao chúng lại cười ồ lên một cách thích thú. An ngượng cứng người. Mặt nóng rát và nghe tim mình đập rõ lên những tiếng thình thịch như thể vừa tham gia một trận đá banh hay một trò chơi thể thao nào đó phí sức lắm. Đám bạn An lao xao ồn ào chọc ghẹo An vì biết chắc An đã đánh mất cái lì lợm và đáo để hàng ngày. Mãi một lúc rất lâu sau, phải gắng lắm, An mới hết cảm thấy bớt lúng túng và bối rối. An mím môi lại, quyết định hất mặt lên tiến tới hỏi mua một tờ báo. Và cái vẻ ngổ ngáo, hăm hở gây chiến của An đã làm Hanh hết còn dám ngước lên nhìn An. An để ý thấy Hanh chỉ khẽ liếc bàn tay An đang cầm tờ giấy bạc, rồi vẫn cúi xuống, Hanh nhẹ nhàng đẩy tiền thối ra phía trước. An bật cười nghĩ thầm trong bụng, "vậy là huề, một đều". Đám bạn láu cá của An hiểu ngay là An đã lấy lại bình tĩnh, nhưng vẫn phát biểu đủ điều linh tinh để trêu An.

Mua tờ báo Xuân của trường Hanh về, An đã cố hết sức lục tìm bài viết của Hanh nhưng hoàn toàn không có một tín hiệu nào để biết Hanh có viết bài hay không. An không đoán nổi là Hanh đã lấy một cái bút hiệu nào đó hay chỉ đi bán báo

cho trường mà thôi. Tuy vậy, An đã bắt đầu có cái nhìn hơi khác về Hanh. An đã cố để ý thử xem có chút nghệ sĩ tính nào đó thể hiện ra trong người của Hanh hay không. Nhưng vì chưa hề tiếp xúc, chưa bao giờ nói chuyện và cũng như chẳng có sự đụng chạm trực tiếp nào với Hanh, nên An đành mù tịt về người bạn láng giềng. Thậm chí cả những cái biểu hiện có tính cách nghệ sĩ dễ được nhận ra nhất như hát hò, đàn địch mà An cũng chẳng bao giờ được nghe vọng lại từ phía kia bên nhà hàng xóm...

Cuối cùng, mãi cho đến khi rời khỏi cái thành phố miền Trung ấy, An cũng chẳng hề biết gì thêm về Hanh.

* *
*

Cuộc sống chộn rộn, nhiều thay đổi sau khi mất nước làm An ít khi nhớ đến Hanh. Gia đình An cũng chẳng bao giờ nhắc về những người hàng xóm không được mấy thiện cảm này, chỉ trừ một lần duy nhất là lúc ba An nhượng một khoảnh rào cho nhà bên cạnh làm lối đi. Tuy nhiên, vì cái chuyện nhân nhượng này có tính cách cao thượng, biết điều, nên trong giọng điệu nhắc nhở của gia đình An về gia đình Hanh lúc ấy cũng chẳng có chút gì gọi là vui hay ngọt ngào. An đã phì cười, giễu ba An:

- Nhỡ như ngày xưa con yêu anh em thằng Hanh thì ba cũng phải làm sui gia với họ chứ bộ.

Chị Minh trêu lại An:

- Lấy mấy thằng lưng dài vai rộng nhà đó chắc thế nào cũng có cơ hội làm thân cò lặn lội cho tới ngày chầu trời!

An quên mất không biết ba Hanh có lưng dài vai rộng hay không. Chỉ nhớ mang máng có lần me An và mấy bà hàng xóm ngồi lê với nhau đã chê ông thuộc loại lười. Một bà nói:

- Cái thứ đàn ông lưng dài thì chỉ tốn vải chứ chẳng làm nên tích sự gì cả. May mà ông ấy có chút chữ nghĩa, Tây nó nhận cho đi làm ngày hai buổi chứ bằng không thì cũng chỉ nằm thượt người ra mà báo cô người thân!

Thật tình mà nói thì chẳng ai biết được ba Hanh có được vợ nuôi hay không. Vì sau khi bà chết đi và ngay cả lúc đất nước đổi cờ, cuộc sống chung đã trở nên cơ cực đến vậy, mà cũng chẳng ai thấy ba Hanh đi làm gì cả. Trông ông có vẻ kém thong dong, nhưng không thể gọi là thiếu ăn hay đói. Và ngay chính cả lúc ngành hỏa xa hoạt động trở lại, cũng chả thấy ông đoái hoài gì đến chuyện xin vào làm một chân gì đó. Có thể ông nghĩ mình đã già, đã quá tuổi lao động, dẫu có cố gắng nộp đơn, chắc cũng chẳng ai nhận cho nên không màng tới. Nhưng cũng có thể là ông đã có cách sống nào đó, không cần phải bon chen!

An vẫn thường "dọa" thầm trong bụng hễ có dịp về lại thị xã, thì thế nào cũng sẽ đến nhà thăm Hanh để xem Hanh thay đổi như thế nào và gia đình Hanh đã sống ra sao. Vậy mà quả là cái số của An vô duyên đến độ hai bận về, lần nào An đến, Hanh cũng đều đi vắng cả. Một cô bạn hàng xóm của An bảo Hanh cao lớn và đẹp trai hẳn ra, phong độ hẳn ra, nhưng trước sau như nhất, vẫn lạnh lùng ít nói và ngày hai buổi vẫn lẳng lặng đi đi về về. Y hệt như ông bố ngày xưa. Hanh làm cho sở thủy lợi của thành phố. Cô bạn An còn cho biết là Hanh chẳng hề có quan hệ gì với bất cứ ai trong xóm. Những lần đi họp phường, hay đi công tác, Hanh luôn luôn tìm một chỗ ngồi riêng rẽ, hoàn toàn một mình, đơn độc. Chẳng bao giờ Hanh phát biểu, hay có ý kiến, nói năng gì với ai. Dĩ nhiên cũng chẳng bao giờ có nhu cầu trò chuyện, đấu láo. Cô bạn An nói:

- Mình thấy anh chàng này có vẻ không bình thường làm sao ấy. Không biết có uẩn khúc gì, tâm sự gì hay không mà lúc nào trông cũng có vẻ buồn buồn. Chẳng bao giờ thấy anh chàng nở lấy một nụ cười thì nói làm gì đến chuyện có bạn gái, bạn trai. Chả thấy ai đến chơi ở đằng ấy cả. Có lẽ không để lòng yêu ai đâu!

An không nghĩ khi người ta không thích cười thì có nghĩa là đang bị uẩn khúc tâm lý; hoặc chỉ cười khi nào có chuyện vui trong lòng. Vì trong đời có biết bao nhiêu người ngoài mặt rạng rỡ như hoa, miệng vẫn nở những nụ cười tươi tắn, nhưng bên trong tâm tư lại sầu úa, héo hon...Vậy mà dẫu chưa gặp lại Hanh, chưa thấy được cái u sầu của Hanh ra sao, nhưng không hiểu sao An vẫn không nghi ngờ về những nhận xét của cô bạn láng giềng. Chừng như không cần tưởng tượng, An vẫn "nhìn thấy" một Hanh u buồn sầu não, một Hanh trầm mặc ưu tư, thái độ lặng lờ, im lìm như một buổi chiều cô tịch. Thỉnh thoảng trong trí An, hình ảnh Hanh héo hắt đứng tựa hiên nhà, mắt thẫn thờ nhìn người qua lại hôm đám ma mẹ Hanh lại hiện lên. An hay tự hỏi không hiểu Hanh có bị cái thứ mặc cảm u buồn của cảnh nhà sa sút đè nặng lên tâm tư, hay bởi cái tính đa sầu đa cảm mà con người Hanh lúc nào cũng có vẻ thê thảm, ủ dột đến như vậy.

Bình thường, người ta hay bảo chia ly bao giờ cũng buồn, mà tao ngộ lúc nào cũng vui. Sau bảy lăm, xã hội Việt Nam càng có vô vàn chuyện chia lìa, phân tán, cũng như có bao chuyện tương phùng, tao ngộ rất ly kỳ. Nhưng An nghĩ nếu như An có được chút thẩm quyền để có thể lựa chọn sự rủi may, sự phân ly và tương phùng, có lẽ An đã xin chọn cái rủi ro, cái vô duyên trong việc gặp gỡ Hanh, người bạn hàng xóm chưa bao giờ có dịp trò chuyện này. Hai lần về thị xã của An, lần nào cũng kém may mắn không được gặp Hanh, nhưng An thấy thà kém may mắn thế mà còn hơn.

Đôi khi An tưởng mình đã nằm mơ, nhưng chỉ được vài giây ngắn ngủi thôi là An lại rơi những cảm giác cũ. Vì An không thể nào tin được lòng trắc ẩn trong mơ lại bám víu theo An nhiều ngày đến vậy. An hỏi chị Minh:

- Chị có nghĩ trên đời này có hai người giống nhau như hai giọt nước vậy không?

Chị Minh không đáp. Và cái vẻ tần ngần của chị làm An dẫu cố hết sức để không tin người mà An nhìn thấy ở cái bến xe đò miền đông ấy là

người bạn láng giềng của mình, nhưng mỗi lúc nhớ đến Hanh, là An lại nghe nao nao lòng. Lâu lâu, cái cảm giác quặn thắt, xót dạ nhói lên trong An, y hệt như khi người ta phải chứng kiến một cảnh tai nạn chết chóc, hay máu me nhầy nhụa... Cái hình ảnh của người đàn ông với mái tóc bết bát mồ hôi và bụi, hàng chân mày cong như hàng chân mày con gái, cái sóng mũi cao tây phương trên gương mặt lấm tấm cáu ghét, cho đến những những sợi râu lúa tủa không được cạo một cách nham nhở in trong trí An thật thật rõ nét khiến An cứ phải rùng mình...

An rên giọng, kể:

- Trời ơi, cái vết thương lớn bằng bàn tay nằm ngay trên thắt lưng, đàng trước bụng hắn. Chung quanh miệng có chỗ khô máu, có chỗ đang lở loét, rỉ nước vàng, mà cứ mỗi lúc hắn giở áo lên thì lại có một đám ruồi bay tới lao nhao...

Cái vết thương khủng khiếp ấy đã làm An rùng mình, lợm giọng. Nhưng cũng chính cái vết thương ấy làm An xốn xang, động lòng. Chị Minh chớp mắt:

- Sao An không hỏi đại một câu thử có phải?

An co người:

- Em không dám.

Người đàn bà ngồi bên cạnh An trong quán nước lúc ấy đã nói, khi thấy mặt An méo mó, co rúm lại trong lúc trân trối ngó người đàn ông:

- Tội nghiệp, bị thương ở bên Miên, nhưng viện này đổ qua cho viện khác vì hộ khẩu lúc đi bộ đội lộn xộn sao đó không biết, chẳng nơi nào chịu chữa chạy cho... Nghe nói trước đây ở đâu tuốt ngoài Trung, cửa nhà cũng đàng hoàng, nhưng gia cảnh sao đó nên khi bị như vầy thì lại không muốn về... Đi xin ở đây cả nửa tháng nay rồi. Dân bụi ngó thấy mà còn ớn huống gì người thường. Kiểu này chắc không thọ nổi đâu, nhưng có lẽ là muốn gửi xác quê người...

An nói với chị Minh:

- Em ù cả hai tai. Em tin người ta có thể bị thay đổi, nhưng thay đổi như thế nào chứ không thể thay đổi thê thảm tới mức độ đó.

Người đàn bà đi buôn, ngày nào cũng có mặt tại cái bến xe ấy nên chuyện gì cũng biết. Không hiểu chính bà ta nghe kể hay chỉ là những tin tức ngồi lê. An đã không dám quay lại nhìn người đàn bà, cũng không biết nhìn đi đâu để tránh nhìn người đàn ông với cái vết thương hôi hám ấy. Mắt An đã hoa lên với những đốm nắng. Và rỉ rả bên tai An, vẫn cái giọng nói thương cảm của người đàn bà:

- Chắc cũng là dân có học. Tướng tá, mặt mày sáng sủa quá phải không cô?

Và bà chép miệng:

- Nhưng thời buổi này... Ái chà, tướng tá đi học tập về, cũng đi xin, mà dân bộ đội phục viên về cũng đi ăn mày ráo trọi.

Cả người An đã lạnh ngắt như cái không khí lạnh lẽo của căn nhà Hanh ngày xưa. An nghe rét run ở hai đầu bả vai, trên những ngón tay xoắn lấy nhau dưới gầm bàn. Người đàn bà lại chép miệng:

- Tội nghiệp, thời thế!

Tội nghiệp! Tội nghiệp! Hai môi An rung lên. Cái cảm giác, nửa bối rối nửa sợ hãi dâng lên khiến An đã phải gập cả người xuống, co rút lại như một con sâu khi bắt gặp ánh mắt của người đàn ông ấy dán chặt vào mặt mình. An kêu thầm trong bụng. Không thể nào có chuyện ly kỳ như vậy xảy ra với mình được! Không thể nào có một cái thời thế quái ác, cay nghiệt nào đó lại có thể biến một người bình thường như Hanh, nhân cách đàng hoàng như Hanh ra thế được!

An thót bụng lại, đưa cả hai tay đặt lên ngực mình, mặt nhăn nhúm, ngó chị Minh:

- Hắn nhìn em sững sờ. Em cũng nhìn lại hắn sững sờ. Nhưng không hiểu sao em không dám quay đi, cũng không dám nhúc nhích...-Giọng An thấp xuống, như sắp khóc– Cứ thể như hễ em ngồi yên thì không sao, nhưng em quay đi, em nhúc nhích, thì hắn sẽ chính là Hanh vậy.

Chị Minh im lặng một lúc lâu. Rồi chị chớp mắt:

- Sau đó thì sao? Hắn có phản ứng gì không?

An khe khẽ lắc đầu:

- Em cũng không nhớ nữa. Chỉ nhớ cái nét mặt hắn có vẻ đau đớn lúc quay đi. Còn em thì em ngồi thừ ở đó cho tới lúc có chuyến xe đi về...

Chị Minh bó gối ngó An. Mặt chị cũng hiện lên vẻ thương cảm bùi ngùi. Đâu đó trong mắt chị, thấp thoáng chút xót xa mà An không hiểu chị xót xa cho người đàn ông hay chị xót xa cho An. An buồn bã thở dài, chợt nhớ tới cái cảm giác lạnh lẽo, rờn rợn dưới làn da bụng đã đến với mình lúc ấy. An nghe đau buốt như chính An vừa bị trúng một phát đạn. ●

---

mùa hạ em về huế

tàn đông ta quen nhau
mùa hạ em về Huế
bỏ lại biển Vũng Tàu
cả mùa xuân thương nhớ

mùa hạ em ở Huế
đi nhặt phượng nội thành
ép giữa trang thư gửi
nồng nàn lời yêu anh.

yêu em, tôi làm thơ
yêu em, tôi yêu Huế
yêu răng, rứa, chi, mô
yêu điện đài, lăng mộ.

ở Huế vui mùa hạ
em quên dần mùa xuân
tội nghiệp tôi ngóng đợi
thư không còn hồi âm.

cuối hạ nhận thiệp hồng
em khóc câu giã biệt
tôi chợt nghe tim mình
giá băng từ bao kiếp.

mùa hạ em về Huế
mùa hạ em lấy chồng
thơ tôi buồn dạo đó
đến giờ em biết không?

nguyễn văn ngọc

Dấu Cỏ Trên Đồi

Nguyễn Bá Dĩnh

*T*ôi lớn lên ở Nha-trang, miền quê hương cát trắng. Năm đó, tôi học đệ tam, ban Văn chương, nên tha hồ xả hơi giữa hai kỳ thi trung học và tú tài một. Trong lớp tôi có nhiều nhân vật kỳ khôi lắm, một phần do các học sinh trường *Collège français* bên cạnh đậu "brevet" xong chuyển sang, một phần do truyền thống cố hữu của các lớp đệ tam C.

Phá nhất là thằng Ngọc, vác cả kèn *saxo* vô lớp, đợi cô giáo quay lưng lại là lôi ra thổi toe toe mấy tiếng vang dội khiến cô giáo giật bắn cả người, may mà không tè ra lớp! Hiền lành thì cỡ thằng Hiệp, con nuôi thầy Cung Giũ Nguyên, lúc nào cũng sẵn sàng bị nhảy cửa sổ, cúp cua... Nhưng cự phách nhất phải là thằng Kim xóm chợ cá Phương Sài. Đúng là dân chợ cá. Cả trường ai cũng sợ nó. Thành tích của nó là bẻ gãy tay một thằng lớp đệ nhất khi có chuyện xô xát ngoài đường. Tính tình nó dữ dằn đến nỗi nó không có một thằng bạn nào, trừ... tôi. Chuyện tôi kết bạn với thằng Kim chợ cá cũng khá ly kỳ.

Hôm đó, tình cờ dun rủi, tôi gây lộn với một tay anh chị trong trường. Thằng này còn kéo thêm ba tay anh chị khác lảng-vảng trước cổng trường chờ tôi. Cả lớp xanh mặt, xì xào dữ lắm, nhưng không ai dám can thiệp hay có ý định can thiệp. Phần tôi ngồi học nhưng cứ nhấp nha nhấp nhổm, chưa biết tính sao. Bốn đánh một không chột cũng què. Phen này chắc tôi bỏ mạng sa tràng, khó thoát cảnh bị làm nhục giữa ban ngày! Thì giờ lại cứ ác nghiệt, càng qua mau.

Chuông tan học hôm nay reo to hơn mọi khi. Chuông vừa reo, cả lớp không giấu vẻ ái ngại quay lại nhìn tôi. Mặt tôi lúc đó không biết màu gì, tay chân luống cuống thu xếp sách vở, chuẩn-bị ra đấu trường. Trong hoàn-cảnh thập tử nhất sinh ấy, chợt thằng Kim bước lại, ném cho tôi chiếc khoá dây xe đạp, hất hàm:

- Mày đi với tao!

Tôi lẳng lặng nhìn Kim, bỡ ngỡ, nhưng cũng hơi an tâm. Hai đứa song song bước ra khỏi cổng trường, mắt không rời kẻ địch. Hôm ấy, lạy trời, có thầy giám học tình cờ đi cùng nên dưới thế vẫn bình-an, hai người thiện tâm thơ thới ra về còn nguyên một miếng.

Mấy hôm sau tôi với Kim luôn luôn về chung, trong cặp thủ sẵn bộ khóa dây làm vũ khí phòng thân. Thầy giám-học không về chung, nhưng mấy tay anh chị cũng không còn ngăn đường đón ngõ nữa.

Dần dà, Kim và tôi thân nhau. Kim rủ tôi về nhà chơi. Nhà Kim nghèo, cách chợ cá Phương Sài chỉ vài trăm thước. Mẹ Kim thấy tôi hiền, chăm học, không lêu lổng hoang đàng như con bà nên bằng lòng lắm:

- Bác có mình nó là con trai. Con lên đây học với nó cho có bạn. Để nó một mình, cứ đi chơi hoài, bác nói không nổi!

Nhà tôi lúc đó khách khứa ra vô suốt ngày vì ba mẹ tôi là nhà buôn, học ở nhà cũng bị chia trí nên tôi đồng ý ngay. Thế là ngày nghỉ và cuối tuần, tôi hay đến nhà Kim để ôn bài, làm bài, ăn dầm nằm dề như nhà mình, thật thoải mái. Vui thì học, học chán lăn ra đi-văng mà ngủ, chẳng ai quở mắng rầy la gì cả.

Một hôm, Kim và tôi ngủ trưa dậy, tôi thấy bóng một ni cô thấp-thoáng sau nhà. Kim bảo:

- Chị Phương đó. Chị tao đi tu.

Chị Phương học lớp đệ nhất, ban A Vạn Vật, trường Bồ Đề, trên tôi và Kim hai lớp. Dáng người chị tầm thước, trắng trẻo phúc hậu chứ không đen đúa bặm trợn như Kim. Nụ cười chị thật nhẹ nhàng, tia mắt của chị

thật hiền dịu. Khi chị cười, hỏi chào "Vĩnh phải không?", tôi cứ đứng trân trối nhìn chị như nhìn một bà tiên trong truyện cổ-tích.

Chị tôi đi lấy chồng sớm. Mẹ tôi không thân với tôi. Tôi chưa bao giờ được hưởng sự ngọt ngào đằm thằm từ một người đàn bà. Chị Phương là hoa thơm, mật ngọt. Dòng suối tình thương mát mẻ đã khơi nguồn chảy thẳng vào tâm hồn của một đứa trẻ thiếu tình thương của mẹ, của chị, là tôi. Ba tôi bệnh liên miên, nên mẹ tôi nắm quyền lãnh đạo gia đình, nghĩa là làm những việc mà người đàn ông Á đông thường làm: lo cái ăn cái mặc cho gia đình, dạy dỗ con cái. Thương cho roi cho vọt. Trong nhà hình như tôi được mẹ ...thương nhiều nhất, nên tôi không hề biết đến sự dịu dàng của một người đàn bà Việt nam như trong sách vở vẫn mô tả. Chưa bao giờ mẹ tôi ôm tôi vào lòng, vuốt ve: *con ngoan của mẹ, ngủ đi, mai mẹ làm bánh cho ăn.* Muốn tôi đi ngủ, bà tay cầm chiếc roi, mắt nhìn tôi nghiêm khắc:

- Đi ngủ! Mai còn đi học sớm!

Thường thì tôi riu ríu leo lên giường ngay để tránh cảnh leo thang chiến cuộc và những đường roi vun vút lạnh mình.

Tôi thương chị Phương ngay khi vừa nghe tiếng chị. Không có âm thanh nào thân ái bằng tên mình, nhất là khi nó được cất lên với một giọng nhu hòa, từ ái từ một cái miệng xinh xinh tươi tắn, với đôi môi đỏ hồng khoẻ mạnh. Tôi nhớ mãi những câu chị nói, và thỉnh thoảng khi nhớ chị, tôi lặp lại nho nhỏ chỉ vừa đủ cho mình nghe: "Vĩnh rán học cho xong bài đi, chị làm bánh su cho ăn!", "Vĩnh có thích đi lên đồi học bài với chị không?", "Vĩnh đi với chị có mắc cỡ không?"

Thiệt hả chị? Vĩnh mê bánh su của chị lắm đó! Có, chị ơi! Vĩnh thích lên đồi học bài với chị lắm. Chẳng những lên đồi, mà lên núi, hay đi năm châu bốn biển với chị, đi suốt đời Vĩnh, Vĩnh cũng thích. Không, chị ơi! Không bao giờ Vĩnh mắc cỡ khi đi chung với chị ngoài đường. Đừng nói chị là ni cô, cho dù chị là bà la sát thì em vẫn luôn luôn sung sướng được đi bên chị.

Tôi thường trả lời như vậy, và nhìn sâu vào mắt chị, với nụ cười ấm áp trẻ thơ của tôi. Những lúc ấy chị hay quay mặt nghiêng đi chỗ khác, tránh ánh mắt tôi. Tôi đoán là chị Phương có tâm sự gì u-ẩn, và chị chưa muốn chia sẻ với tôi, một người bạn nhỏ của chị.

Từ nhà chị Phương đi vô phía trong, qua chợ cá Phương Sài chừng nửa cây số là gặp con sông Vĩnh Xương. Phía bên kia bờ sông là quận Vĩnh Xương nơi có nhiều ngọn đồi cao thấp không đều, cảnh trí rất yên-tĩnh. Chùa Hải Đức nằm trên một ngọn đồi ở đây. Trong những ngày hè, chị Phương thường rủ tôi lên một ngọn đồi nhỏ, ngồi dưới bóng cây râm mát để học bài.

Chị chăm học hơn tôi. Trong khi chị ngồi học, tôi trải khăn lên cỏ nằm ngủ. Thật ra thì tôi đâu ngủ liền. Tôi chỉ làm bộ ngủ để xem chị làm sao. Khi tôi nằm lăn ra ngoài nắng, chị đỡ đầu tôi, kéo vô trong mát. Mắt chị không rời trang sách, nhưng một con muỗi bay qua mặt tôi chị cũng biết, lấy tay quạt đi.

Nằm ngắm trộm chị một lúc, tôi có khi ngủ quên luôn. Đôi khi tôi mở, chị Phương ơi, chị là bóng mát che đời em đó. Chị Phượng gõ gõ một ngón tay lên trán tôi, mắt chị nhìn xa xôi, nghĩ ngợi.

Thật vậy, chị Phương ơi, chưa bao giờ có một tàn cây nào cho em bóng mát êm ả như chị. Chưa có ngọn gió nào làm em ngất ngây bằng bàn tay quạt muỗi của chị. Em thương chị. Em muốn suốt đời được nằm trên đồi xem chị học bài. Thời gian hãy ngừng lại, em không bao giờ lớn nữa và chị vĩnh viễn là cô học trò ngồi học trên đồi, chị Phương ơi!

Chị Phương thường nhờ tôi đò những bài triết, khi chị lẩm-nhẩm ôn lại. Có lẽ nhờ vậy mà sau này tôi quen với triết học hơn những môn khác. Có lần tôi hỏi chị Phương:

- Tình yêu là gì hả chị?

Chị Phương đỏ mặt:

- Ai biết!

Tôi chợt thấy mình vớ vẩn, ai lại đi hỏi một ni cô về tình yêu! Tôi không bao giờ có ý trêu chị. Hỏi chị, nhưng chính là hỏi lòng tôi. Tôi còn trẻ dại quá. Tôi không hiểu thế nào là cho hay nhận, phân biệt giữa chủ thể hay khách thể. Tôi chỉ hiểu là chị Phương cho tôi rất nhiều, chị là gió mát, là trăng thanh, là không khí trong lành, là nắng đẹp đầu hiên. Tôi êm đềm thụ hưởng và bơi lội trong thứ hạnh phúc trong sáng ấy như một chú cá nhỏ bên khe nước trong xanh. Phải chăng đó là tình yêu? Một thứ tình yêu thánh thiện vượt lên trên mọi thói tục tầm thường?

Tự nhiên chị và tôi cùng im lặng. Cái im lặng lắng đọng, trong suốt như mặt nước trên dòng sông thủy tinh. Tôi để tâm hồn bay theo những suy tư không giới hạn, như những đám mây trên khoảng trời mùa hạ, lóng lánh như những hạt cát của hải tần, theo sóng chạy lăn tăn dưới ánh nắng trưa hè. Chị Phương trầm ngâm, xa vắng. Mắt chị đã rời trang sách, dõi theo một đôi chim trắng xoải cánh bay về một cõi trời xa...

Chị Phương thường nấu cơm chay đãi tôi. Ăn đi em, ăn chay lòng dạ nhẹ nhàng, trí huệ khai mở, Trời Phật độ trì học đâu nhớ đó. Tôi cười, chị ưa thuyết pháp quá, chị có muốn em cạo đầu đi tu với chị cho có chị có em không. Chị thở dài, mặt hơi chìm xuống. Tôi hối hận ngay. Chị ơi, em nói thật mà, chị là một tiên cô do Trời Phật sai xuống trần để cảm hóa em. Em sẽ ăn chay, những món chị làm. Em sẽ niệm Phật, những lời chị niệm. Em nhìn thấy ánh sáng chói lọi của niết bàn qua tâm hồn thanh cao của chị. Em sẽ...

Chị Phương hiểu lòng tôi. Chị đã cười lên trong ánh mắt. Nắng ấm ngoài sân hắt lên sáng bừng trên mặt chị...

Một cuối tuần tôi dầm mưa đạp xe đến nhà Kim. Chị Phương thấy tôi ướt như chuột lụt, lo lắng:

- Sao dại vậy em! Đợi tạnh mưa rồi đi! Dầm mưa cảm cho mà

coi!

- Em sợ chị đợi.

Tôi vừa nói xong thì hắt hơi luôn mấy cái. Chị nhìn tôi nghiêm giọng:

- Cảm rồi. Lên đi-văng nằm, chị cạo gió cho.

Chị lấy quần áo của Kim cho tôi mặc tạm, trong khi chờ hong bộ đồ ướt sũng của tôi. Tôi ngoan ngoãn nghe lời chị, leo lên đi-văng nằm sấp xuống cho chị cạo gió.

Chị chọn đồng tiền nhẵn nhất để cạo cho tôi, vậy mà tôi vẫn thấy hơi đau, cứ nhúc nhích hoài.

Chị Phương rầy:

- Con trai gì!...

Rồi chị xuống bếp lục tìm củ gừng để thay đồng tiền. Những vệt cạo của chị không làm tôi đau nữa, mà trái lại còn êm ái làm sao. Hơi ấm của đầu nóng, hơi ấm của chị, từ bàn tay thoăn thoắt nuột nà lan sang tôi. Tôi nghe hơi ấm truyền sâu vào da thịt, tỏa ra từng mạch máu.

Tôi nằm lim dim nhắm mắt thụ hưởng cảm giác êm đềm ấy rồi ngủ quên luôn. Lúc giật mình chợp mắt, tôi thấy chị Phương bắc ghế ngồi đọc sách bên cạnh tôi. Lặng lẽ nằm ngắm chị một lúc, tôi cất tiếng, giọng hơi ỡm ờ:

- Cảm ơn chị Phương. Mai mốt chị cảm, em cạo gió lại cho chị nghe.

Chị Phương cười hiền:

- Chị sợ cạo gió lắm. Khi nào chị cảm, Vĩnh nấu cho chị tô cháo lỏng thật nóng, ăn xong chị khoẻ liền hà!

*

* *

Năm ấy chị Phương thi rớt. Tôi hỏi chị có buồn không. Chị cười:

- Má muốn chị học thì chị học. Má muốn chị đi thi thì chị đi thi. Đậu rớt cũng chẳng để làm gì. Chị là người xuất gia mà.

Hai chữ xuất gia từ cửa miệng chị chợt làm tôi xúc động.

- Tại sao chị đi tu hả chị?

Chị trù trừ một lúc lâu rồi thong-thả:

- Chị qui y để giải nghiệp cho má. Em biết không, má chị sống bằng nghề cho vay lãi, nghiệp chướng khôn cùng em ạ!

- Đó là chị tự ý, hay má bảo chị?

Chị Phương trả lời rất chậm:

- Ý má, mà cũng là ý chị, em à. Em có đọc chuyện Mục Kiền Liên không? Chị nghe lời má, chính là để sau này có dịp vun phước chuộc tội cho má.

Tôi hỏi thêm:

- Sao chị không khuyên má đổi nghề khác?

Chị Phương cười buồn:

- Không được đâu em. Thời buổi khó khăn, một mình má bươi chải trăm chiều...

Tôi làm ra vẻ không tin:

- Có thật là má bảo chị đi tu không? Chớ không phải chị thất tình ông nào...

Tôi kịp dừng lại bên bờ vực thẳm. Chị Phương kịp nắm tôi, lôi lên:

- Vĩnh ơi, làm gì có thứ gọi là tình yêu trên cõi đời này hả em! Tất cả những gì mà Vĩnh nghĩ là tình yêu, chỉ là vị kỷ, nghiệp chướng, mà thôi. Tình yêu thực sự phải vị tha, phải giải nghiệp.

Tôi cúi đầu suy nghĩ, chẳng hiểu gì ráo, mà còn cảm thấy hơi hờn chị...

Nhưng tôi không hờn được lâu, vì má chị hôm ấy trái buổi chợ, về sớm. Như không kịp thấy tôi trong nhà, bà cao giọng gắt con gái:

- Hết mùa thi rồi, mầy không trở lại chùa, bộ tính bỏ tu luôn hả?

Chị Phương há hốc nhìn mẹ, rồi đôi dòng nước mắt từ từ lăn trên đôi gò má. Chị nhỏ nhẹ:

- Con đi bây giờ đó má!

Nói xong, chị Phương quay gót vô phòng thu dọn quần áo.

Má chị lúc đó mới quay qua nói với tôi:

- Nghĩ mà chán! Tu với hành gì mà cứ đi đi về về như đi chợ!

Tôi không dám nói gì, đứng dậy đi lên phòng khách, nghe lòng mình đau điếng. Tôi không nỡ thấy chị thân gái phải khăn gói ra đi khi trời sắp tối. Tôi đợi chị ra, nói nhỏ vào tai chị:

- Để em đưa chị lên chùa nghen!

- Tùy Vĩnh.

Tôi dắt xe đạp ra khỏi nhà, mời chị Phương ngồi lên yên sau để tôi chở. Chị nói nhẹ:

- Chị thích đi bộ.

Tôi dắt xe đạp đi bộ cùng chị. Được một quãng đường dài, chợt chị Phương dừng lại:

- Vĩnh về đi, không lẽ theo chị đến tận chùa?

Tôi cười buồn:

- Theo chị đến đâu em cũng theo hết.

Chị cười thành tiếng:

- Đồ điên. Chị chết đi Vĩnh có theo không?

Một cơn gió đêm lạnh lẽo thoảng qua khiến rồi rùng mình. Phương ơi, đừng nói gở, đừng bao giờ bỏ em. Tôi níu tay chị:

- Chị làm em sợ!

Chị Phương quay lại, để yên tay chị trong tay tôi, hai giọt nước mắt long lanh, không nói.

Tôi năn nỉ:

- Chị lên chùa vài hôm rồi về nhà nghe chị!

- Làm sao về được?

- Chị còn giận má phải không?

- Hết rồi! Nghĩ lại má cũng đúng. Ai đời ni cô gì mà không ở trong chùa mà cứ cặp đôi với...

Tôi hỏi trây:

-... với ai?

Chị Phương thở dài:

- Thôi, em về đi Vĩnh.

Tôi làm thinh không đáp, lặng lẽ bước bên chị cho đến khi cổng chùa hiện ra trước mặt.

Chị Phương nắm chặt tay tôi, bàn tay chị lạnh ngắt. Chị siết mạnh một cái rồi buông tay tôi ra, giọng lạc đi:

- Thôi Vĩnh! Vĩnh biệt em!..

Tôi choáng váng tưởng mình nghe lầm. Chị quay lưng, bước thật nhanh. Bóng chị nhòa đi, dài ngoằng, nhòe nhoẹt trên gương mặt đẫm nước của tôi. Chị ơi!...

Trời đã khuya lắm. Bầu trời đen thẳm. Tiếng chim ăn đêm não nuột một góc đồi. Tôi không về thẳng nhà, cứ đạp xe vòng khắp các ngả đường, dọc theo bờ biển. Vĩnh biệt? Tại sao lại vĩnh biệt? Chị Phương không bao giờ về nhà nữa sao? Tôi nhớ chị Phương. Hai mắt tôi ướt đẫm. Tôi sợ ngày mai. Ngoài khơi, những ngọn đèn thuyền lù mù, lung linh như réo

gọi hồn tôi vào một cõi giới huyền hoặc. Tôi ngồi bệt xuống mặt cát ẩm, vốc lên từng nắm siết chặt trong lòng bàn tay. Phương ơi, chị ợi!..

Chiến cuộc xoay vần, ba mẹ và mấy anh em tôi dọn vô Sài Gòn ngay mùa thu năm đó. Tôi muốn ở lại lắm, nhưng không làm sao được. Cuộc sống mới, đèn sách, thi cử giam kín tôi trong một nỗi buồn vô hạn. Ba năm sau, tôi vào đại học. Rồi tôi có người yêu, một người con gái có mái tóc nhung đen và đôi mắt thăm thẳm như chị Phương.

Mùa hè năm đó tôi có dịp trở về Nha Trang. Chạy ào tới nhà Kim, mong thăm dò tin tức chị Phương. Vừa thấy tôi vô nhà, má Kim đã sướt mướt:

- Vĩnh ơi, con Phương chết rồi!

Tôi xây xẩm như té xuống hố băng. Mặt tôi chắc tái mét đến độ má Kim giật mình. Tôi bàng hoàng như người vừa tỉnh sau một giấc mộng ngàn năm. Chẳng ngờ hai tiếng "vĩnh biệt" mà chị nói với tôi lại có nghĩa này.

Tôi ngồi bệt xuống đi-văng, lắp-bắp:

- Tại sao, bác?

Má Kim thở dài:

- Hai bên đụng nhau dữ quá... đạn lạc... chùa sập, nhiều người chết lắm...

Giọng má Kim nghẹn lại.

Tôi chợt nhớ:

- Còn Kim đâu bác?

- Nó nhập ngũ, đóng ngoài Quảng trị, lâu lắm mới về một lần.

Tội hỏi:

- Mộ chị Phương chôn ở đâu bác? Bác cho con đi thăm mộ...

Tôi theo chân mẹ Kim đến nơi an nghỉ của chị Phương. Chính là ngọn đồi mà chị và tôi ngồi dưới bóng cây để học bài trong những buổi trưa nắng cháy. Má Kim nói:

- Đó là ý nguyện của nó khi lâm chung.

Nước mắt tôi tới phút này mới trào ra được. Tôi nói:

- Bác về trước. Con ở đây một lúc với chị Phương rồi về sau.

Khi bóng mẹ Kim khuất dưới chân đồi, tôi ngã xuống mặt cỏ, khóc như một đứa bé khát sữa, quằn quại đau đớn. Chị Phương ơi, bóng cây còn đây, trời xanh mây trắng còn kia mà chị đi phương nào hả chị! Khóc đã, tôi lại nằm lăn ra, tìm lại trên mặt cỏ những dấu tích ngày xưa của chị. Tôi thấy hình ảnh chị lẫn lộn trong từng bụi cây từng lá cỏ. Tôi nghe cô đơn trùng điệp phủ vây. Chị *vĩnh biệt* em thật tình sao chị? Nước mắt của tôi lại trào ra. Phía bên dưới mặt đất mặt cỏ là thân xác chị. Tôi thấy từng ngọn cỏ như có linh hồn, vươn tay đón nhận những hạt nước mắt, thấm xuống tận thân thể chị. Tôi thấy trên từng dấu cỏ như còn in vết tích của người xưa. Những dấu cỏ theo tôi suốt cuộc đời. Phương ơi! ●

---

niệm

Ngã nào sa địa ngục
Bước chùng trong màn đêm
Đưa đôi mắt ngàu đục
Nhìn bóng câu qua thềm.

Thiên đường chưa rõ lối
Lòng người quá mông lung
Chợt nhìn màn sương khói
Thấy đời là vô cùng.

Biết đời là bể khổ
Sao yêu đời thế em?
Kiếp người không bến đỗ
Môi son thơm ngọt mềm.

Biết nơi nào Tịnh Độ?
Mà lâm râm Di Đà
Sương rơi mờ cổ mộ
Hiu hắt bóng chiều tà.

Bờ nào đáo bỉ ngạn?
Môi niệm hoài Nam Mô
Tôi lê chân hữu hạn
Bước vào cõi hư vô.

vạn lam

hoá kiếp

Thân rã nát cũng quyết vào dương thế
Hồn tan hoang lần trở lại cuộc đời
Từng bước đi bao sỏi đá tuôn rơi
Nơi ta đứng dậy, cả trời xương máu.

Trần gian tạm vẫn tìm về nương náu
Tháng ngày qua giam hãm phận lưu đày
Bỗng nghe thừa luôn cả những chân tay
Thiên hạ động, ta cõi lòng se thắt.

Thiên đường đó tối mù mờ vắng ngắt
Địa ngục đây đang thắp nến, chong đèn
Lạc mất rồi không còn nữa thân quen
Mà quanh quẩn ôi khác thường xa lạ.

Từng đoạn đời gãy vụn chờ mục rã
Thượng đế ơi, xin hoá kiếp một lần
Hãy nối liền từng mạch máu trong thân
Rồi đánh thức những linh hồn man rợ.

vạn giả

gõ

gõ tay vào phiến sương khuya
bàng hoàng tinh huyết đi về một bên
gõ tay vào dáng kiều thơm
"ai xuôi vạn lý" để buồn "vọng phu"
gõ tay vào nỗi thâm u
đời hoang tưởng đã thiên thu bao lần
gõ tay vào cuộc phù vân
biển dâu ai với phong trần bao la
gõ tay vào cõi người ta
Nguyễn Du dưới bóng trăng tà lập thơ
mênh mông không bến không bờ
gõ làm chi? có bao giờ gõ đâu!

nguyễn minh nữu

Trong Đầm Gì Đẹp Bằng Sen

Nguyễn Văn Ba

Tặng nhà văn Huỳnh Hữu Cửu

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
Ca dao

Gia Nã Đại có mười tỉnh-bang và hai thuộc hạt (lãnh-địa), mỗi tỉnh hoặc thuộc hạt có một loài hoa tượng trưng *(floral emblem)*: Alberta là *wild rose* (hồng dại), Saskatchewan là *red lily* (huệ tây đỏ), Ontario là *white trillium* (hoa ba cánh trắng), British Columbia là *Pacific dogwood* (dương đào Thái Bình Dương), Yukon là *fireweed* (hỏa thảo), v.v.

Nếu mỗi tỉnh của Việt Nam có một loài hoa biểu tượng như Gia Nã Đại, thì Đồng Tháp chắc chắn sẽ là tỉnh của hoa sen, bởi sen Đồng Tháp mọc bạt ngàn ở đó.

Tôi sinh trưởng ở Sa Đéc, một địa phương thuộc tỉnh Đồng Tháp, vì lẽ ấy, tôi có nhiều cơ hội làm quen và tìm hiểu về cây sen.

Còn nhớ những năm giữa thập niên 1960, khi cường độ chiến tranh ở các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long lên đến cao điểm khốc liệt, nhiều gia đình trong các vùng xa xôi hẻo lánh phải tạm thời rời bỏ nhà cửa, ruộng vườn, tản cư ra những khu thị tứ hay vùng an toàn hơn để tránh họa đạn bom. Cù lao Tân Hiệp với vị trí địa lý đặc biệt, có sông rạch bao quanh, đã là nơi tạm dung cho hàng trăm gia đình đến lánh nạn chiến tranh từ các vùng lân cận. Trên khu vườn rộng hơn hai mẫu tây của ba má tôi, có khoảng mươi gia đình cất chòi lá tạm trú. Cô Tư Huê là chủ một trong những gia đình nầy.

Chồng mất sớm, cô Tư Huê ở với con gái tên Hai Lành và đứa cháu trai tên Chối. Hồi còn trẻ chị Hai Lành không được bình thường, lại khi tỉnh khi mê nên có người hàng xóm lợi dụng thân xác chị, đến khi chị mang thai thì người ấy quất ngựa truy phong, từ chối trách nhiệm với cái bào thai, do đó đứa bé sinh ra được chị đặt tên Chối.

Như những gia đình lánh nạn chiến tranh khác, gia đình cô Tư Huê làm bất cứ chuyện gì khi có người mướn để sinh nhai chờ ngày thanh bình trở lại. Nhưng lắm khi không có việc làm, nhất là vào mùa nước nổi, chị Hai Lành phải thỉnh thoảng một mình bơi xuồng trở về quê cũ, xã Hòa Tân, trong ngọn rạch Nha Mân để hái lá sen đem ra chợ bán. Cô Tư Huê đã già không kham nổi chuyện đầm sương dãi nắng, thằng Chối thì đang ở lớp tuổi sắp thành niên, về Hòa Tân sợ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bắt đi dân công hay làm du kích xã. Chối gọi tôi bằng cậu, dù tôi với nó gần bằng tuổi và chơi chung như bạn bè.

Rạch Nha Mân dài và hẹp, là thủy đạo nối liền hai dòng Tiền, Hậu của sông Cửu Long, chảy ngang qua các quận Châu Thành và Đức Tôn của quận Sa Đéc và quận Bình Minh (Ba Càng, Cái Vồn) của tỉnh Vĩnh Long.

Chị Hai Lành đem nóp theo để ngủ ngay trên chiếc xuồng của chị. Sau mỗi lần về quê lâu chừng hai, ba hôm, chị mang ra nhiều thứ lỉnh kỉnh khác nhau, ngoài sen còn có bông súng, cá đồng... do chị giăng câu, đặt lờ.

Tại chợ Nha Mân, hàng hóa của chị Hai Lành được tiêu thụ nhanh chóng. Lá sen là món hàng tiêu thụ nhanh nhất, mạnh nhất, mấy bà bạn hàng trong chợ đặt mua từ trước để gói mắm cá sặc, mắm cá lóc, đường chảy... những thứ mà khi dùng giấy nhựt trình không gói được tốt đẹp.

Bà Tư Lê là một trong những người đặt mua lá sen, đem phơi nắng cho héo để gói xôi bắp, một thứ xôi nếp trộn bắp non, nhờ lá sen giữ ẩm nên mềm và dẻo nhẹo. Thúng xôi ủ bằng mấy lớp lá sen, bên trên lại đậy bằng một miếng vỉ bàng (đệm) dầy, nên xôi lúc nào cũng nóng hổi. Một gói xôi được bới ra, bà Tư Lê múc phủ lên mấy muổng đậu xanh, thêm một muổng mỡ hành, mấy lát dừa khô nạo ra và một muổng đường cát mỡ gà hay đường thẻ giã nhuyễn. Nhờ sức nóng, mỡ, đường chảy ra, thấm dần vào nếp, vào đậu. Món ăn sáng nầy, ngày còn tuổi học trò tôi thích lắm, ngon và chắc bụng, cũng như bây giờ mỗi sáng thứ bảy đi nhà hàng Tàu ăn "tỉm xấm", tôi ưa dùng món cơm nếp lạp xưởng gói trong lá sen.

Hoa sen được các ông, các bà mua

về để cúng Phật. Có người mua hoa sen để ướp trà.

Gương sen thường không bán được, hay bán cũng không bao nhiêu tiền, chị Hai Lành cho đám con nít trong chợ. Đám con nít lấy hột sen ăn tươi, còn mấy cái gương sen lỗ chỗ những khoảng trống như ổ ong vò vẽ thì chúng làm đồ chơi, đồ trang sức tạm thời, sau đó liệng bỏ khắp nơi.

Chị Hai Lành còn có một số khách hàng đặc biệt. Như bà Tám Chi mua lá sen và cả gương sen về phơi khô rồi sắc cách thủy như sắc thuốc bắc để uống trường phục. Bà Tám Chi bị bệnh lạt huyết, thỉnh thoảng ho ra máu nhưng không phải bệnh lao. Nhờ lá và hoa sen khắc phục bệnh lạt huyết, bà Tám Chi được trường thọ, mấy tháng trước tôi nhận được thơ bà từ Việt Nam, năm nay bà đã tám mươi. Theo bước bà Tám Chi, nhiều người trong làng dùng hoa và lá sen trị các bệnh tương tợ như ói ra máu, tiểu tiện ra máu, chảy máu cam, băng huyết sau khi sanh nở... cũng được hiệu quả. Chú Ba Công dùng hột sen và lá mầm trong hột làm thuốc bổ, chữa bệnh mất ngủ, di tinh, mộng tinh, suy nhược thần kinh...

Bông súng, một thực vật thủy sinh rất gần gũi với sen, có những cọng dài được chị Hai Lành khoanh thành lọn lớn nhỏ như những khoanh dây luộc. Trái với sen có nhiều công dụng, súng thường chỉ được các bà nội trợ mua về làm món ăn. Cọng súng tước vỏ, cắt ra thành những đoạn ngắn để ăn với mắm kho thì ngon tuyệt, không thứ rau nào có thể thay thế. Ngoài ra cọng súng còn dùng bóp giấm hay nấu canh chua.

Mùa khô, thỉnh thoảng chị Hai Lành cũng về Hòa Tân. Chị tát mương bắt cá, gài rập bắt chuột, và dầm mình ở những chỗ trũng gọi là bàu sen, lung sen, láng sen, đầm sen... để đào ngó sen - thân rễ hình trụ của cây sen nằm trong bùn - đem ra chợ bán đổi gạo. Ngó sen thời đó được dùng làm dưa chua, giống như dưa bồn bồn, dân nhậu ưa món tôm càng nướng trộn gỏi dưa ngó sen với rau răm. Ngoài ngó sen chị Hai Lành còn đào một thứ khác trong bùn, củ co, màu vàng nghệ, hơi đắng nhưng là món tôi rất thích.

Những phần của cây sen mà chị Hai Lành đem bán tại chợ Nha Mân ở dạng tươi sống đều có bán tại tiệm thuốc bắc Nhơn Đức Đường, của một người Tàu còn trẻ trong chợ, dưới dạng đã phơi hoặc sấy khô, dĩ nhiên là giá cả mắc hơn nhiều, tính bằng chỉ, bằng phân và với những tên Hán Việt khá cầu kỳ: liên phòng (gương sen), liên ngẫu (ngó sen), thạch liên tử (trái sen), liên nhục (hạt sen), liên tử (mầm sen), hà diệp (lá sen), liên tu (nhị đực hoa sen)... Tiệm Nhơn Đức Đường cũng có bán bông súng sấy khô dưới tên khiếm thực, nhưng chủ tiệm nói rằng đó là loại bông súng trồng bên Trung Quốc, không thấy có ở Việt Nam, tuy nhiên theo ông, nhiều người Việt Nam vẫn dùng củ bông súng địa phương thay cho khiếm thực nhập cảng để trị các bệnh suy nhược thần kinh, di tinh, mộng tinh, kiết lỵ, viêm đường ruột, lên sởi, nổi mề đay.

Một người khách trú Quảng Đông khác trong chợ Nha Mân, chú Lầu, bán hai món chè Tàu thông dụng: chí mà phủ và lục tào xá. Chú Lầu nói với bọn tôi, chí mà phủ làm bằng mè đen xay nhuyễn, còn lục tào xá nấu với bạch quả và hột sen.

Đồng Tháp có nhiều hoa sen nhưng tựu trung chỉ có hai loại: trắng (bạch liên, quỳ trắng) và hồng (hồng liên). Còn bông súng thường gặp màu trắng và đỏ, màu tím ít gặp hơn.

Nơi tôi thấy có nhiều loại hoa sen, hoa súng khác là Thảo cầm viên Sài Gòn.

Trong Thảo cầm viên có một khu vực hồ nhân tạo rộng, xây bằng gạch men nhiều màu, giữa hồ có cồn đất, trên hồ cất nhà thủy tạ dùng làm nơi nghỉ chân cho du khách. Quanh nhà thủy tạ và quanh hồ trồng nhiều loại hoa cỏ, mỗi thứ có một màu sắc đặc thù. Mấy chú cò trắng, vạc đen... rải rác, nhàn hạ rảo bước ở chân cồn, trong các khóm hoa xanh, đỏ. Nước hồ màu bích ngọc, lửng lơ từng đàn cá vàng, cá chép nhởn nhơ bơi lội. Trên mặt hồ là hàng trăm khóm cây súng, cây sen.

Muốn ngắm hoa sen, hoa súng, người xem phải rảo bước qua cầu để tới nhà thủy tạ. Đứng trên cầu hay dưới hiên nhà thủy tạ, ngắm hoa sen trong ánh nắng ban mai thanh khiết, ngửi hương sen bát ngát, mới thấy được toàn vẹn vẻ đẹp của hoa cùng với sư thiêng liêng của loài kỳ hoa, dị thảo này.

Giữa hồ, có một giống súng lá khổng lồ đáng chú ý, đó là loại súng hoàng hậu, tên khoa học là Victoria Amazonica. Có người gọi là súng Ba Tây (Brasil) do xuất xứ từ sông Amazone, Nam Mỹ châu. Lá súng hoàng hậu lớn như những cái nia, rộng cỡ hai mét đường kính, có thành cao viền quanh nên trông giống những chiếc thuyền thúng đáy bằng. Bên Ba Tây lá súng hoàng hậu này to và dầy hơn, người ta thử đặt một em nhỏ bốn tuổi trên lá, em ngồi vững như ngồi thuyền gỗ. Hoa súng hoàng hậu mới nở màu trắng, từ từ chuyển sang màu hồng, có khoảng 50 cánh hoa và đường kính lớn khoảng hai gang tay (18 cm đến 48 cm). Gốc gác súng hoàng hậu như sau: Năm 1820, nhà thám hiểm Bonpland, khi dùng thuyền ngược dòng sông Berbicia ở xứ Guyane thuộc địa của Anh, trông thấy nó, ông lấy củ và hạt đem về trồng và đặt tên là Victoria để tặng hoàng hậu Anh. Từ đó, các thảo cầm viên khắp thế giới đều trồng cây súng hoàng hậu (còn có tên Victoria Regia) để làm cảnh.

Ở Nam Mỹ còn có loại hoa sen vàng rất đẹp. Từ lâu, người Ai Cập đã dùng cây sen để thờ cúng, biết ăn hột sen gọi là đậu Ai Cập. Họ còn dùng hoa sen làm biểu hiệu của sự trường sinh bất tử và sự phì nhiêu của lưu vực sông Nil.

Thảo cầm viên Sài Gòn có khoảng bốn mươi loại bông súng, phần lớn tập trung trong một hồ bán nguyệt gần nhà thủy tạ nói trên: Súng trắng, vàng, tím, xanh... đa số nhập từ Hòa Lan. Súng ngoại quốc được trồng chung với các loại súng Việt Nam.

Đồng Tháp có nhiều hoa sen nhất Việt Nam do điều kiện địa dư ẩm ướt, nhưng không phải là nơi xuất phát của loại hoa nầy. Chính ở Đồng Tháp tới nay còn truyền tụng trong dân gian một giai thoại, theo đó hoa sen bắt nguồn từ miền Bắc, theo chân tổ tiên ta trong cuộc nam tiến để rồi phát triển mạnh nhất ở Đồng Tháp, là nơi có môi trường thuận lợi.

Ngày xưa, xưa lắm, có một gia đình hai vợ chồng người nông dân nghèo trẻ tuổi sống ven bìa rừng. Người chồng tên Sen, một hôm vào rừng kiếm trái cây chua cho cô vợ đang mang thai rồi bị lạc mất lối về. Trời tối, bụng đói, chân run, người mỏi mệt, anh Sen tạm ngồi nghỉ chân trên một tảng đá. Bỗng từ xa đưa lại một mùi hương thơm ngát, lần theo hương thơm, anh Sen đến bên một giòng suối nước trong thấy đáy, có nhiều hoa trắng và đỏ hồng.

Anh Sen lội xuống suối hái hoa và trái hình chóp nón từ loài cây thủy sinh ấy rồi thử ăn những hột màu xanh nằm rải rác bên trong. Thấy ngon miệng anh tiếp tục ăn cho đến khi mê ngủ mà chẳng hay. Sáng hôm sau anh Sen tỉnh giấc, băng rừng mang thứ hoa trái lạ ấy về nhà. Anh Sen và vợ trồng hoa dưới ao bên cạnh nhà, ngày ngày sau giờ làm việc mỏi mệt vợ chồng anh hạnh phúc ngồi bên nhau ngắm hoa hóng gió. Chị Sen nhờ ăn hột của thứ trái ấy mà thôi ụa mửa và ngủ ngon nên ngày càng thêm xinh đẹp.

Nhưng nhan sắc mặn mà của chị Sen lại là nguyên nhân gây tai họa cho vợ chồng anh. Tên lý trưởng trong làng thầm để ý, đợi lúc anh Sen đi vắng hắn đến nhà cưỡng hiếp chị. Anh Sen vừa về đến, nghe tiếng cầu cứu của vợ, bèn búa tên lý trưởng một nhát vô đầu, hắn ngã ra chết tốt. Giết xong tên lý trưởng, biết không thể an thân, anh Sen từ giã chị trốn về phương nam lánh nạn, anh căn dặn chị hễ đi đâu anh sẽ trồng loài hoa thủy sinh ấy làm dấu, cứ đó mà theo thì sẽ tìm được anh.

Anh Sen đi về phía nam, xa thật xa, mới dừng lại phá rừng, cày đất, gây dựng cơ nghiệp. Láng giềng của anh Sen ngày một đông thêm, sau hơn mười năm lao tác, họ dựng nên một ngôi làng trù phú. Nhưng trời dường như vẫn không thương xót anh, lần trước bị nạn lý trưởng, lần nầy bị cường hào ác bá. Tên quan lớn trấn thủ địa phương đến bảo mọi người rằng đất nầy thuộc quyền sở hữu của hắn, bắt mọi người mỗi năm phải nộp thuế. Thôi thì cũng đành! Nhưng chuyện không dừng lại ở đó, tên quan biết loài hoa lạ có hương thơm quyến rũ, hột lại chữa được bệnh mất ngủ của hắn nên hắn bắt dân làng phải nộp tất cả hoa lẫn trái để hắn ướp trà và dâng lên quan trên. Mọi người tức giận nhưng phải bấm bụng vâng lời. Một hôm tên quan đang ngắm hoa trong một cái hồ thì đúng lúc anh Sen gánh củi đi ngang, hắn bắt anh dừng lại, lội xuống hồ hái hoa và trái cho hắn. Phẫn uất đồn nén đã lâu, anh Sen dùng đòn gánh đập chết hắn.

Anh Sen lại một mình trốn đi, lần này xa hơn nữa về phía nam, tới vùng Tháp Mười đồng ruộng bao la. Anh lại qui tụ dân nghèo, khai hoang, vỡ đất để canh tác, dựng lên một ngôi làng mới và tiếp tục trồng loài hoa lạ khắp nơi, biến Đồng Tháp Mười thành quê hương muôn thuở của thứ hoa thủy sinh thơm ngát ấy như lời truyền tụng sau nầy "Tháp Mười đẹp nhất bông sen". Cuối cùng anh Sen qua đời ở đó. Để ghi nhớ công lao khai đất khẩn hoang của anh, dân chúng dùng tên anh đặt cho loài hoa.

Dân Á châu nói chung và Việt Nam nói riêng, thường dùng hoa sen để cúng Phật. Có nhiều sự tích nói lên những tương quan giữa hoa sen và đạo Phật.

Ngày xưa Phật Thích Ca đã dùng hoa sen để phủ dụ diệu pháp trong dân gian, phép huyền diệu ấy trở thành kinh Phật là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Phương thức tụng niệm Liên Hoa, là một trong năm thứ tụng niệm của nhà Phật. Nơi Tĩnh Thổ, Phật Di Đà lấy hoa sen làm chỗ ở nên Tĩnh Thổ còn được gọi là hoa sen. Phật Liên Hoa Quan Âm là một vị Phật trong ba mươi ba vị Quan Âm.

Trong Phật giáo, tòa sen hay là đài sen (liên đài) còn gọi là Phật tòa. Đức Thích Ca Như Lai ngự trên tòa sen gọi là Liên Hoa Tam Mạt, để thanh tĩnh lòng bồ đề và thoát ly bụi bậm trần gian. Những chư Phật khác cũng thường dùng hoa sen để trang trí nơi giường ngồi tức tọa sàng. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và quí chư Phật đứng, ngồi trên tòa sen là hình ảnh phổ biến trong các chùa Phật giáo của người Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Thái lan...

Ở Thiên Trúc thường được gọi là xứ Phật (Ấn Độ) có bốn loại hoa sen:

- Ưu Bát La Hoa, màu xanh.
- Câu Vật Đầu Hoa, màu vàng.
- Ba Đầu Ma Hoa, màu đỏ.
- Phân Đà Ly Hoa, màu trắng.

Trong văn chương Việt Nam, hoa sen hay được nhắc tới như một loại hoa mang nhiều đặc tính tiêu biểu cho người quân tử: dáng hoa đứng thẳng, mọc từ chốn bùn nhơ nhưng mùi thơm tho... Thế nên hoa sen được mệnh danh là "quân tử chi hoa", cùng với hoa lan là "vương giả chi hương", cúc đồng là "ẩn dật chi sĩ"...

Văn chương bình dân có những câu câu đố về hoa sen mang cùng ý nghĩa trên:

Hoa gì mọc chốn bùn nhơ
Mà sao vẫn chẳng bao giờ hôi tanh
hay
Hoa gì quân tử chẳng chê mùi bùn

Một câu đố khác liên quan tới màu sắc và môi trường sống của hoa sen:

Thân em khi trắng khi hồng
Đứng trên hồ biếc, soi dòng nước xanh

Nói về sự liên hệ mật thiết giữa hoa sen và ao hồ, ca dao có câu:

Sen xa hồ, sen khô hồ cạn
Lựu xa đào, lựu ngả đào nghiêng

Danh từ "con sen" dùng chỉ đứa tớ gái trong gia đình là dụng ngữ trái ngược với sự thanh cao của hoa sen:

Rõ ràng vẻ quý, màu thanh
Người đời sao lại gán danh tôi đòi?

Còn bông súng, mỗi khi nói đến làm ta liên tưởng đến súng đạn, đến chiến tranh.

Trai gái người Miên trong vùng

đồng bằng sông Cửu Long thường đưa nhau đi hái bông súng vào mùa nước nổi, rồi mượn cảnh thiên nhiên, giữa trời nước mênh mông để hát hò, tình tự. Bài hát sau đây được trích từ kho tàng dân ca của người Việt gốc Miên.

Tôi đi nhổ bông súng
Trên thuyền chỉ có em
Cho em xem đàn chim
Giữa trời xanh bay lượn
Con trích sà xuống ruộng
Chú chàng bè liệng ngang...

Dưới con mắt của các thực vật gia trên thế giới, sen súng có hai đặc điểm đáng chú ý.

Một là họ sen súng gồm những cây mà rễ thì mọc trong bùn sình, dưới nước, còn lá và hoa sống trên mặt nước. Lá sen súng được cấu tạo thích hợp với môi trường sống có nước yên tĩnh của hồ, ao. Lá rộng, nổi trên mặt nước và khác hẳn lá cây mọc trên đất khô. Nếu ta quan sát cấu trúc lá cây sen súng với kính hiển vi rồi so sánh với lá cây mọc trên đất liền, thì lá nào cũng có nhiều khí khổng (stomates) li ti để trao đổi chất khí với bên ngoài. Tuy nhiên đối với những cây trên cạn, các khí khổng tọa lạc ở mặt dưới lá, trong khi ở lá sen súng, khí khổng đều ở phía trên mặt lá. Nếu vì lý do gì mặt dưới lá sen súng không tiếp xúc với nước, chúng cũng có khí khổng như các loài cây cỏ khác, đó là một sự thích ứng với môi trường sống đầy lý thú.

Hai là hột sen có khả năng sống lâu đặc biệt, lâu nhất trong các loại thảo mộc.

Trong rạch Nha Mân có một ngôi chùa rất lâu đời tên chùa Phật nổi. Theo lời ông nội tôi, lúc nguyên thủy, nơi ấy có một cái giếng không sâu lắm, nông dân trong vùng đào để trữ nước tưới rẫy. Một hôm tụi mục đồng trong vùng tụ tập chơi với nhau, chúng nặn đất sét thành hình chư Phật. Chơi xong, trước khi rời địa điểm, chúng liệng các ông Phật bằng đất sét mà chúng đã đặt tên ấy xuống giếng. Ngạc nhiên làm sao, các vị Phật bằng đất sét ấy nổi phình trên mặt nước như những vật dụng bằng cao su. Dân chúng trong vùng biết sự việc, bèn thỉnh các chư Phật ấy lên bờ và xây chùa để thờ phượng.

Chùa Phật nổi được xây dựng cách nay khoảng một trăm sáu mươi năm. Như nhiều ngôi chùa khác, sân chùa Phật nổi có một hồ sen khá lớn. Rồi chiến tranh lan rộng, chùa bị bom đạn phá nát. Năm 1976, chùa được tái lập. Dân chúng móc từ đáy hồ sen lên những vật sở hữu của chùa. Đồ gốm còn nguyên vẹn, đồ gỗ đã mục nát. Trong khi tìm kiếm vật dụng ở đáy hồ, tình cờ người ta bắt gặp những hột sen còn nguyên vẹn vỏ bọc (trái sen). Những hột sen này nẩy mầm cho cây sen mới mạnh khỏe khi được bóc vỏ.

Tôi có được cho biết về sự việc này. Thực tình không có gì lạ, bởi bất cứ thứ hột nào cũng đều có thể nẩy mầm khi nó còn sống. Flemion định nghĩa: Hột còn sống thì khi ta lột vỏ và để trên giấy chậm ướt và ngoài sáng, hột sẽ phù ra và xanh lên, nếu nó chết thì nó sẽ xám và có mùi thúi. Các hột sen của chùa Phật nổi hội đủ các điều kiện ấy.

Đời sống của hột thay đổi theo từng loài thực vật. Có hột chỉ sống vài ngày như liễu. Hột cà phê, cam, rau cần, cây họ Hường... với trữ liệu bằng chất hemiceluloz sẽ chết nếu bị khô. Nhiều hột khác có thể mọc sau một thời gian rất lâu. Theo Vilmorin, tuổi thọ của hột đậu phọng là 1 năm, bắp và hành 2 năm, cải đường 6 năm, đậu khô 3 năm, dưa leo 10 năm. Nhiều hột có tuổi thọ lâu hơn nữa. Sen là một trong những hột đó, Becquerel lấy từ bách thảo tập những hột sen (Nelumbium Nelumbo) tuổi 250 năm vẫn nẩy mầm, thế nên hột sen được ước tính có thể sống đến 500 năm, do sự biến dưỡng trong hột rất chậm hay đã ngừng hẳn, lại được bảo vệ bởi vỏ dầy và gần như không thấm nước, biến dưỡng càng chậm thì càng ít dùng sinh chất và ít bị chất cặn bã đầu độc.

Điều ngạc nhiên cho tôi là hột sen có thể sống đến hơn một ngàn năm. Mới đây, báo Thực Vật Học Hoa Kỳ (American Jounal of Botany) đăng bài viết của bà Jane Shen Miller về một công trình khảo cứu của Trường đại học Los Angeles (UCLA), Phân Khoa Thực Vật Học, đã làm nẩy mầm 3 trong 4 hạt sen, có hột già hơn 1,000 năm. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử ngành Thực vật học, một hạt giống già như vậy có thể nẩy mầm.

Bà Shen Miller viếng thăm viện Thảo Mộc Bắc Kinh vào năm 1982, đã được viện này tặng 7 hạt sen mà viện đã tìm thấy trong một cái hồ khô cạn ở miền đông bắc Trung Quốc. Ngay sau khi trở lại UCLA vào năm sau, bà đã nhúng 4 hạt sen vào nước. Sau bốn ngày, vỏ hạt tách ra để hở màu xanh lá cây, dấu hiệu của sự nẩy mầm. Bà Shen Miller đã đốt những hạt sen đang nẩy mầm để lấy than (Carbon) định tuổi tuyệt đối bằng phương pháp dùng chất phóng xạ (carbon 14). Một hạt già 1,288 năm, hạt khác già 684 tuổi. Hạt thứ ba không nẩy mầm nhưng đã sống 755 năm. Hạt thứ tư đã bị nước mưa làm hư hại.

Đối với đạo Phật và phương Đông, hột sen tượng trưng cho sự tinh khiết và trường thọ. Các nhà khảo cứu tại UCLA tin rằng nếu họ tìm được cái bí mật về sự sống lâu của hột sen, việc sáng chế ra những loại thuốc chống bệnh già hay làm giảm bớt những vết nhăn trên da của những người có tuổi sẽ có thể thực hiện được.

Ở hải ngoại tôi có nhiều cơ hội gặp lại các sản phẩm của cây sen. Như mỗi sáng thứ bảy đi nhà hàng Tàu ăn món cơm nếp lạp xưởng gói lá sen. Như nhấp tách trà sen những sáng sớm mùa đông rỗi việc. Như nhà tôi vẫn hay mua hột sen ở tiệm chạp phô về nấu lấy nước uống để được dễ ngủ. Như ăn mứt hột sen mỗi độ xuân về. Như dùng chén chè hột sen mỗi lần dự tiệc cưới. Như được ăn món vịt tiềm hột sen mỗi khi có tiệc tùng... Và nhất là những hôm đi chùa, lễ Phật, chiêm bái chư Phật ngự trên những tòa sen, để thấy lòng thanh thản sau những bận rộn với đời sống vật chất hàng ngày. ●

Con Voi "Cuộc Chiến VN" và Các Thầy Bói Mù Mỹ-Việt

Nguyễn Gia Tiến

Tháng 3.1996 vừa qua tại thành phố Chicago có cuộc hội thảo của một số cựu giới chức Mỹ trong chiến tranh VN, gọi là để phân tích tìm lại nguyên nhân thất bại của Mỹ trong cuộc chiến. Nổi bật là sự hiện diện của những nhân vật như các cựu tướng Westmoreland, Zumwalt, Cushman; các cựu trùm CIA Colby, Komer; học giả Douglas Pike, nhà báo thân cộng Stanley Karnow... Có hai người Việt Nam được mời đến dự là cựu đại tá VC Bùi Tín và cựu tướng Nguyễn Khánh của miền Nam trước đây.

Trước đây chúng tôi chưa được đọc bản tường trình về cuộc hội thảo nói trên, nhưng sau khi đọc bài phỏng vấn ông Bùi Tín đăng trên tờ *Diễn đàn phụ nữ* số tháng 8.96 vừa qua, xin được nêu lên một vài suy nghĩ.

Theo lời Bùi Tín thì ý kiến các nhân vật Mỹ rất khác nhau, và ngay giữa người Mỹ cũng không có sự đồng ý về nguyên nhân thất bại của cuộc chiến. Người thì cho là quân đội Mỹ không thích hợp với loại chiến tranh du kích. Kẻ thì đổ tại VNCH yếu kém. Lý do khác được nêu lên là Mỹ đã thừa hưởng chiến tranh thực dân của Pháp, hoặc là vai trò truyền thông quá rộng rãi của báo chí, hình ảnh..v.v... Về phía VN, cựu đại tá Bùi Tín, có vẻ hãnh diện vì đã đứng về phía "kẻ thắng", phát biểu về những ưu điểm của CS trong quân sự, chiến thuật. Tuy không nhắc đến chính trị, nhưng có lẽ Bùi Tín không khỏi âm thầm hài lòng khi cựu tướng Nguyễn Khánh, mà theo lời ông ta kể lại, đã tuyên bố *"Miền Nam thua vì không phất được lá cờ chính nghĩa... CS thắng vì gây được cảm giác chiến đấu cho người nghèo"* (!) Tự cho là mình giữ thái độ khách quan trong hội thảo, nhưng khi phân tích tương quan lực lượng, Bùi Tín nói (hoặc nghe ai nói): *"Miền Nam có 6 ngàn xe tăng, 8 ngàn xe bọc thép, 3 ngàn máy bay. Còn phía Việt cộng thì là con số không. Thế tại sao Hoa kỳ thua?* Đọc đến đây, chúng tôi xin dẫn mấy câu thơ của Nguyễn Chí Thiện để nhắc Bùi Tín:

Cũng là do Nga giật Tàu co
Tiếp nhiên liệu gây mồi cho nó
Súng, tăng, tên lửa, tàu bay
Nếu không nó đánh bằng tay?

Người dân miền Nam nào trước đây đã sống trải qua trong lòng cuộc chiến thường dễ có cái nhìn toàn bộ hơn, thay vì chỉ rờ cái vòi hoặc cái đuôi "con voi chiến cuộc VN" như mấy thầy bói kể trên.

Trước hết nói về nhân tâm. Thực sự người dân miền Nam trong chiến tranh, đại đa số không hề ưa thích cộng sản. Ngoài việc gây sợ hãi bằng khủng bố, ám sát; cộng sản không hề giành được "chính nghĩa" như luận điệu tuyên truyền "cả vú lấp miệng em" vẫn được lặp đi lặp lại từ trước tới nay. Về chính quyền và quân đội VNCH, khách quan mà nói, một số nhân vật lãnh đạo miền Nam và tướng lãnh chóp bu có thấp kém cả về tài lẫn đức, nhưng tập thể quân đội nói chung, không yếu hèn; và trong các trận đánh lớn với CS, phải nói là thắng nhiều hơn thua. Năm 1972, khi CSBV xua đại quân và chiến xa vượt sông Bến Hải, đã bị quân miền Nam đánh tan rã. Chưa ai quên những trận ác liệt Bình Long An Lộc, ròng rã nhiều tháng trời, mà phần thắng cuối cùng về tay quân miền Nam. Vậy mà chỉ ba năm sau, trong thời gian không đầy hai tháng, toàn bộ miền Nam sụp đổ, gần như không có giao tranh, tất là phải có một đòn "điểm huyệt, cắt gân" nào đó. Hoàn toàn không phải do sức mạnh quân sự của CS, nhất là khi cả thế giới thấy những toán lính Bắc Việt ngơ ngác vào "tiếp thu" những thành phố bỏ không!

Vậy nếu phân tích tổng quát sự sụp đổ mau chóng này, rõ ràng có một giai đoạn "sửa soạn", khởi đầu bằng chiến dịch truyền thông xuyên tạc của báo chí phản chiến thiên tả Hoa kỳ, mỗi ngày đưa những hình ảnh chiến tranh bất lợi về từng gia đình Mỹ, gây tâm trạng chán nản trong nhân dân Hoa kỳ. Tới biến cố tai hại là sự từ chức của Nixon năm 1974, Ford lên cầm quyền đã lờ đi những cam kết của Nixon can thiệp bằng Không quân. Những tháng năm chót, việc cúp giảm tiếp tế đạn dược xăng dầu của Mỹ cho miền Nam đã vô hiệu hoá Pháo binh và Không quân; trong khi đó, VC tiếp tục nhận đều hoả tiễn đạn dược từ phe Cộng. Nhưng phải có đòn "điểm huyệt, cắt gân" bằng lệnh di tản bỏ cao nguyên và miền Trung, được tiếp tay bằng chiến dịch tâm lý lũng đoạn tinh thần của các đài VOA, BBC loan tin *trước* các cuộc rút quân, tin quốc hội Mỹ hết viện trợ..v.v... Tất cả phối hợp phụ họa dồn dập, tạo một phản ứng hốt hoảng dây chuyền, gây tan rã. Sự sụp đổ của miền Nam, như vậy, hoàn toàn là do những đòn tâm lý chí tử, chẳng liên hệ gì đến cái gọi là cuộc "tổng công kích mùa Xuân" như Hà Nội đã huênh hoang, vì thực tế họ đã chẳng kịp đưa quân vào chiếm những vùng bỏ không! Phe CS đã thực sự ngỡ ngàng trước "món quà bất ngờ" mà chính sau này họ cũng phải thú nhận là dù có may mắn tích cực mấy cũng phải chờ vài năm nữa.

Mặt khác, cái gọi là "ý chí quyết tâm gan lì" của Hà Nội cũng chỉ là một huyền thoại mà họ cố làm cho thế giới bên ngoài lầm tưởng. Nhân dân miền Bắc sau này tiết lộ: Chịu không thấu cuộc dội bom Hà Nội liên tục 12 ngày đêm vào cuối năm 1972, đám chóp bu Hà Nội đã chuẩn bị sẵn sàng để đầu hàng, nếu cuộc dội bom chỉ kéo dài thêm một vài tuần nữa! Tuy nhiên Mỹ đã ngưng lại đúng lúc cần phải dấn thêm! Cách điều hành chiến tranh của Mỹ như vậy là có ẩn ý chiến lược thâm sâu, hay chỉ do xuẩn động ngớ ngẩn? Với các chiến lược gia "sáng suốt" tầm cỡ McNamara thì có lẽ câu giải đáp thứ hai có vẻ đúng hơn.

Như vậy, "chiến thắng" miền Nam năm 1975 của Việt cộng nên được hiểu như có tính cách "ngáp ruồi, sung rụng" nhiều hơn là một kế hoạch thôn tính có chuẩn bị, như sau này Hà Nội đắc chí, ngồi viết lại lịch sử.

Kể ra nói về bói toán thì có lẽ Hồ Chí Minh và CSVN là những người có "lá số đỏ" lâu dài nhất kể từ khi họ phất cờ đỏ phỗng tay trên chính quyền từ tay người quốc gia năm 1945. "Vận hên" đã khiến nhiều cán bộ CS say men chiến thắng, phét lác, kể những chuyện khó nín cười như "dùng gậy tầm vông thắng Nhật" thời 1945, "người lái máy bay của ta 'đậu' trên mây chờ B52" hoặc "Phạm Tuân đi dép râu lên tàu vũ trụ"... Trong bài phỏng vấn Bùi Tín cũng thế, chúng ta phảng phất thấy lại cái không khí quen thuộc của những bài tụng kiểu trên khi ông ta kể CS thành công nhờ có "binh thư chống Mỹ"(!), như "nắm thắt lưng Mỹ mà đánh", "Mỹ giàu nhưng không mạnh"... Bùi Tín kể thêm là Võ Nguyên Giáp và mấy tướng Hà Nội cũng được Mỹ mời sang hội thảo để cùng phân tích trình bày kinh nghiệm chiến tranh, nhưng "ậm ừ nhận lời" rồi lại không sang. Bùi Tín cho như vậy là "thiếu lịch sự và khó hiểu". Chúng tôi nghĩ ông Bùi Tín phải hiểu rõ hơn ai hết tâm trạng này của mấy tướng Hà Nội, vì thực sự họ có gì đâu để trình bày! Thực sự kinh nghiệm thành tích mấy chục năm của Hà Nội chỉ là lịch sử của một cuộc "tháu cáy" vĩ đại.

Kết luận, chúng ta rút tỉa được những nhận định gì qua hội thảo Chicago kể trên? Ngày nay, khi nhân loại vừa tìm thấy dấu vết của sự sống trên Hoả tinh, thì mỉa mai thay, các chiến lược gia "ưu việt" của Mỹ vẫn chưa tìm ra nguyên nhân thất bại của cuộc chiến VN! Trong thập niên 1960, các "đỉnh cao trí tuệ" của Hoa kỳ, cỡ Kissinger và McNamara, nắm quyền điều khiển cuộc chiến, đã "nướng" hết mấy chục ngàn sinh mạng thanh niên Mỹ, để bây giờ thú nhận lúc đó... "hoàn toàn không hiểu gì" về tình hình! Nếu giờ đây, các chiến lược gia Hoa kỳ của thập niên 90 này (có gì bảo đảm "tài năng" hơn Kissinger, McNamara?) vẫn tiếp tục nắm quyền hoạch định các chiến lược toàn cầu, thì thực sự đáng lo cho dân Mỹ và nhân loại biết chừng nào! ●

---

lại hoà hợp, phản chiến

Từ "Triển lãm nghìn trùng xa cách"
đến "Liên hoan âm nhạc Việt Nam"
Hoà hợp phản chiến lăm lăm
Mưu đồ tái dựng những lầm lỗi xưa.

Vừa hò hét lại vừa kèn trống
Bơm thổi rồi đánh bóng mạ kền.
Từ thân diều quạ kên kên
Thành màu hạc trắng nên tên oanh vàng.
Dưới lụa sơn chàng mang mã tấu
Trong lời ca nàng giấu tầm vông.
Hàng trăm chục mũi giáp công
Giao lưu một phía, đả thông một chiều.
Lại cấu kết bọn Kiều Việt dỏm
Những lương tâm đen mõm nai đồng
Quyết tâm đánh phá lưu vong
Cho tan tác hội cho long lợ đoàn.

Ai kẻ trước dự hàng khanh tướng
Ai người sau bành trướng nước ngoài
Con kiến kiếm chuyện củ khoai
Lẽ nào bịt mắt bưng tai một bề?
Ta hỏi chơi không hề xin xỏ
Ngòi bút ta vốn có lương tâm
Giữa đời gặp chuyện bất bằng
Một ngọn bút - một sư đoàn - nhớ chăng?
Hiểu rằng ta chẳng cô đơn.

nam chi thượng nhân

đùa với lửa

Tống Minh
Long Quân
(phóng-tác)

Chương 1

Đấu trường hứa hẹn một cuộc chiến đẫm máu. Những thợ săn sẵn sàng nhắm vào con thú giữa vòng vây. Quang cảnh giống như hai ngàn năm trước tại La Mã, khán giả hồi hộp xem cảnh giác đấu giữa người và sư tử. Những con sư tử bị bỏ đói nhiều ngày, gầm gừ vươn móng chực xé nát nạn nhân, máu me vương vãi khắp đấu trường. Nhưng bây giờ, trong thời đại văn minh của thế kỷ 20, đấu trường chính là quang cảnh toà án ở thành phố Manhatttan, phòng xử số 16.

Người qua kẻ lại tấp nập. Phóng viên báo chí, truyền thanh, truyền hình cùng kẻ hiếu kỳ đã chực sẵn từ tờ mờ sáng để chiếm được một chỗ ngồi trong phòng xử. Vụ án giết người này đang là đề tài nóng hổi trên các nhật báo lớn trong vùng. Nhất là con mồi bắt được ngày hôm nay lại là Michael Moretti, một nhân vật quan trọng của xã hội đen Mafia.

Moretti ngồi ở ghế bị cáo, im lặng nhìn mọi người với vẻ thách thức. Phải công nhận hắn rất đẹp trai. Dáng dấp cao ráo, đĩnh đạc; gương mặt phối hợp bằng những đường thẳng với đôi mắt sâu đen, sáng quắc tạo cho hắn vẻ cương nghị, lạnh lùng và đe dọa khiến không mấy người dám nhìn thẳng hắn. Moretti trạc tuổi ba mươi, mái tóc đen cắt đúng mốt, mặc bộ com-lê màu xám đắt tiền mua tận Ăng-lê, sơ mi màu xanh da trời đi cùng chiếc cà-vạt lụa xanh thẫm, đôi giày đen bóng loáng; trông hắn chẳng có vẻ gì là một tay giết người nguy hiểm. Ngoại trừ cặp mắt soi mói quét qua từng người, từ ông chánh án, bồi thẩm đoàn đến đám luật sư phụ tá hai bên; hắn ngồi im như một pho tượng, không lộ vẻ lo sợ hay nao núng chút nào.

Con sư tử tấn công hôm nay là Robert Di Silva, chánh biện lý Nữu Ước, đại diện cho dân chúng.

Trái với vẻ thụ động của Moretti, Di Silva toát ra vẻ sống động khác thường. Ông đi đứng mạnh dạn, nhanh nhẹn, hấp tấp như lúc nào cũng có một cái hẹn đang chờ. Ông cử động mạnh bạo, lúc nào cũng như muốn đấm gục một đối thủ trước mặt. Thân hình ông thấp nhưng rắn chắc trong bộ y phục xuềnh xoàng. Người ta đồn thời niên thiếu ông từng là tay đánh bốc có hạng, thành tích còn để lại trên gương mặt và cánh mũi ông những vết sẹo nhỏ vắt ngang. Ông đã từng gây tử thương cho đối thủ ngay trên võ đài mà không hề hối hận. Về sau, tuổi càng cao, ông mới bắt đầu học được thế nào là lòng thương hại.

Di Silva rất tự kiêu. Với địa vị ngày nay, ông đã tự tiến thân không phải bằng tiền tài hay thế lực mà chính bằng tài ba và sự thông minh hơn người. Trong vai trò chánh biện lý, mặt ngoài Di Silva là người đại diện dân chúng nhưng bên trong ông chính là kẻ đương đầu với mọi tội ác, một người dám làm, không chùn bước trước kẻ thù. Đó là loại người không bao giờ quên và tha thứ bất cứ ai đã lọt vào sổ bìa đen của ông.

Nếu trong các vụ xử tầm thường, ngài chánh biện lý Di Silva đã không có mặt ở toà. Ông có nhiều nhân viên phụ tá lỗi lạc dư sức lo vụ này, nhưng với cái tên Moretti, Di Silva tự nhủ, phải chính tay ông lôi cổ hắn vào tù ông mới yên bụng.

Tên tuổi Moretti đã xuất hiện trên trang nhất của các nhật báo lớn. Hắn là con rể của Antonio Granellie, một bố già, thủ lãnh của một trong năm đại gia đình Mafia lớn nhất nước Mỹ.

Antonio đã già. Giới giang hồ đồn đãi Moretti sẽ thay bố vợ trong chức vị thủ lãnh tương lai. Hắn đã nhúng tay vào hàng chục tội ác, từ buôn lậu bạch phiến, đĩ điếm đến giết người nhưng chưa một biện lý nào đủ bằng cớ để tống hắn vào nhà giam nằm đếm lịch. Lúc nào hắn cũng có đủ chân tay bộ hạ đứng ra làm chứng là hắn không liên quan đến tội ác. Chính Di Silva đã bỏ ra ba năm tìm kiếm bằng cớ để lôi cổ Moretti vào tù một cách vô vọng, cho đến bỗng dưng vào một hôm đẹp trời, ông ta may mắn vớ được món bở.

Camillo Stela, một trong đám thủ hạ thân tín của Moretti, bị bắt trong một vụ cướp của giết người. Để đổi mạng sống, Stela bằng lòng đứng ra làm nhân chứng tố cáo Moretti. Đây là một ngón đòn tuyệt diệu, đủ sức kéo đại gia đình Mafia phải bò bằng gối và cho tên Moretti nếm mùi ghế điện, đồng thời cũng mở đường cho Di Silva tiến vào toà Bạch ốc, giống như những bậc đàn anh đã từng leo lên đỉnh thang danh vọng từ Nữu Ước như Martin Van Buren, Teddy Roosevelt và Franklin Roosevelt. Phen này nhất định phải tới phiên

Robert Di Silva.

Robert Di Silva sửa soạn vụ án Moretti rất thận trọng. Ông đã ra lệnh các luật sư phụ tá gom góp tất cả mọi dữ kiện, tìm cách chặn hết mọi kẽ hở của luật pháp để Moretti không được tại ngoại hậu tra, vì kinh nghiệm cho biết các tay Mafia đóng tiền thế chân để được tự do là sau đó biến mất, không thể tìm ra tung tích. Từng bước một, vòng vây đang siết chặt, tên đầu sỏ Mafia phen này đừng hòng tránh khỏi sự trừng phạt của pháp luật.

Di Silva mất hết hai tuần mới chọn xong bồi thẩm đoàn. Rút kinh nghiệm những lần trước, ông chọn thêm sáu người trừ bị để lỡ có chuyện gì xảy ra, ông có ngay người thay thế, phiên toà khỏi bị trì hoãn. Gì chớ xử một nhân vật quan trọng của Mafia, chuyện bất thường có thể xảy ra bất cứ lúc nào, có người tự dưng mất tích, có người bị tai nạn thảm khốc... Ngay từ lúc bắt đầu xử, Di Silva đã cho cô lập đám bồi thẩm, để họ ở riêng một nơi không ai biết, không ai được bén mảng đến trừ ông, ban đêm cửa nẻo được khoá cẩn thận.

Nhân vật chủ chốt của vụ án là Camillo Stela, một nhân chứng quan trọng mà Di Silva phải cho bảo vệ tối đa. Di Silva còn nhớ rõ mồn một như chuyện mới xảy ra ngày hôm qua. Vào năm ngoái, một nhân chứng chịu ra toà để khai tội ác của Moretti bỗng dưng bị té từ lầu sáu của khách sạn trong lúc được cả nửa tá cảnh sát đặc nhiệm canh gác. Không ai tìm ra được bàn tay bí mật nào đã diệt khẩu.

Phen này chính tay Di Silva chọn người gác, điều tra kỹ lý lịch từng người một để tránh trường hợp họ bị mua chuộc hay đe dọa. Không có chuyện gì mà không có nguyên nhân đối với đám Mafia. Bây giờ ngày xử chỉ còn trong gang tấc, Stela được giam trong phòng biệt lập, có bốn đội lính đặc biệt canh gác. Không ai được đến gần Stela dù bất cứ lý do nào. Hắn bằng lòng hợp tác với Di Silva để khỏi bị tù và nhất là được bảo đảm mạng sống khỏi sự trả thù của Moretti.

Hôm nay là ngày thứ năm và là ngày chót quyết định vận mạng của Moretti.

Chương 2

Đối với Jennifer Parker, hôm nay là ngày quan trọng nhất đời nàng, ngày đầu tiên trong cuộc đời tập sự luật sư. Nàng được ngồi chung với đám luật sư trẻ vừa tuyên thệ với nàng sáng nay ở ghế công tố viện.

Jennifer dáng người mảnh mai, tuổi độ 24 với mái tóc nâu hợp với làn da trắng mịn màng. Nói đẹp thì không đúng, phải nói là Jennifer có duyên, quyến rũ người đối diện bằng khuôn mặt thông minh với ánh mắt xanh biếc, nhìn thẳng vào sự việc như muốn lột trần mọi bí ẩn. Khuôn mặt ấy toả ra vẻ tự tin, kiêu ngầm cũng như sự can đảm và bén nhạy.

Jennifer Parker bắt đầu công việc ngày đầu tiên với đầy tai họa. Buổi lễ tuyên thệ ở văn phòng ông chánh biện lý được ấn định là 8 giờ sáng hôm nay. Từ tối hôm qua, Jennifer đã cẩn thận lấy sẵn bộ án để diện cho ngày quan trọng nhất trong cuộc đời luật sư tập sự. Nàng để đồng hồ báo thức lúc 6 giờ sáng để có đủ thì giờ trang điểm. Jennifer háo hức chờ đợi buổi hiện diện đầu tiên ở toà án, nhất là dưới sự điều động của một ông chánh biện lý tên tuổi nhất vùng.

Khốn thay, cái đồng hồ cà chớn không chạy khiến Jennifer thức dậy vào lúc bảy giờ rưỡi, khi ánh ban mai rọi vào mặt nàng. Jennifer cuống cuồng vừa chạy vừa sỏ tay vào áo, lật đật thế nào mà đôi giày cao gót của nàng bị gãy gót. Nàng phải lôi đại đôi giày cũ dưới gầm giường ra, không còn thì giờ để soi gương xem dung nhan mình ra sao nữa. Jennifer đóng mạnh cánh cửa căn apartment nhỏ xíu của nàng xong mới chợt nhớ ra là nàng vừa bỏ quên chìa khóa bên trong. Nàng đã dự trù sẽ đi xe bus tới toà để tiết kiệm, nhưng bây giờ thì không còn chọn lựa nào khác. Jennifer rượt theo một chiếc taxi để đi cho kịp phiên xử mặc dù trong túi nàng không đủ tiền trả cho cuốc xe này. Thây kệ! Nàng sẽ giải thích và năn nỉ ông tài xế hiểu cho hoàn cảnh bất khả kháng của nàng.

Cuối cùng thì Jennifer cũng đến phòng xử của toà đại hình ở số 155 đường Leonard. Nàng vừa chạy vừa thở. Nàng bị trễ đúng mười lăm phút.

Lúc đó khoảng 25 luật sư đang quây quần trong phòng làm việc của ông chánh biện lý. Phần nhiều các luật sư này vừa mới tốt nghiệp, vẻ mặt người nào cũng hí hửng và náo nức vì được làm việc dưới quyền một biện lý nổi tiếng lỗi lạc nhất Nữu Ước.

Văn phòng được trang trí rất nghệ thuật. Giữa phòng là một bàn giấy lớn với ba chiếc ghế cho khách. Đằng sau bàn giấy là chiếc ghế da màu đen trông thật thoải mái. Xế bên cạnh là bàn họp với mười hai chiếc ghế cùng kệ sách màu gụ sẫm xếp đầy những bộ sách luật quí giá. Trên tường treo những bức ảnh chân dung của J. Edgar Hoover, John Linsay, Richard Nixon, Jack Dempsey...

Jennifer hối hả bước vào như cơn lốc với đầy vẻ ân hận. Lúc đó Di Silva đang diễn thuyết. Trông thấy nàng, ông dừng lại và nghiêm khắc nhìn về Jennifer:

- Trời đất ơi, bộ cô tưởng đây là buổi tiệc trà à?

- Tôi thành thật xin lỗi, tại tôi...

- Tôi không cần biết lý do. Từ rày cô không được đến trễ dù bất cứ lý do nào, nghe chưa?

Mọi người trong phòng im lặng nhìn Jennifer bằng cặp mắt thương hại.

Di Silva quay lại đám luật sư, tiếp tục giảng:

- Tôi biết lý do tại sao các anh chị có mặt ngày hôm nay. Các anh chị đã chờ đợi từ lâu trước khi được dịp học hỏi những kinh nghiệm ở tôi cũng như những lắt léo ở toà án. Đến một lúc nào đó, khi đã đủ lông đủ cánh, các anh chị sẽ phải đương đầu với các vụ án lớn, và biết đâu một ngày nào đó, một trong số các anh chị có mặt ở đây sẽ chiếm chỗ tôi ngày hôm nay.

Di Silva hất đầu về phía người phụ tá:

- Bắt đầu tuyên thệ.

Mọi người giơ tay thề. Sau khi

hoàn tất các thủ tục, Di Silva gật gù nhìn đám luật sư trẻ:

- Tốt! Bây giờ các anh chị đã trở nên những luật sư của toà án. Thượng đế sẽ giúp chúng ta diệt trừ tội ác. Văn phòng này sẽ là nơi để chúng ta hành động vì công lý. Các anh chị sẽ vùi đầu vào những hồ sơ dày cộm để tìm hiểu thêm về nghề nghiệp, tập viết những trát toà, trát tống giam, thực tập những công việc mà các anh chị chỉ mới học phần lý thuyết ở trường. Sau khoảng một, hai năm, các anh chị mới đủ tự tin và kinh nghiệm để cãi trước toà.

Di Silva ngừng nói, châm lửa đốt điếu xì-gà mập ú gắn trên môi, rồi tiếp tục, giọng chậm lại với vẻ quan trọng:

- Ngày hôm nay tôi truy tố một vụ mà chắc các anh chị đã có nghe nói đến. Tôi sẽ chọn phân nửa số người trong các anh chị để lo việc cho tôi.

Jennifer giơ tay xung phong. Di Silva nhìn nàng ngần ngại hồi lâu, cuối cùng ông cũng chọn nàng cùng năm người khác.

- Nào, chúng ta cùng đi xuống phòng xử số 16.

Mọi người rời phòng họp. Ai cũng được phát một tấm thẻ hành sự để đi lại trong toà án. Jennifer không than phiền gì về thái độ của Di Silva đối với nàng sáng nay. Nàng tự nhủ: "Ông ta nghiêm khắc là đúng. Ông đang lo một vụ án vô cùng quan trọng". Nàng cảm thấy hãnh diện. Kể từ phút này, nàng là một thành viên của một văn phòng biện lý tiếng tăm, bõ những năm dài đằng đẵng ở ghế nhà trường. Nàng nhớ lại các vị thầy giảng rằng luật là một thứ trừu tượng đã có từ lâu đời, từ khi con người biết sống tụ tập lại với nhau, tự tạo ra những khuôn khổ để tránh các xáo trộn trong cuộc sống tập đoàn. Jennifer mơ ước chính mình sẽ tạo nên một thứ luật mới, dựa trên nhân bản và sự điên cuồng của con người. Nàng đã từng là một sinh viên xuất sắc, đậu ra trường với hạng nhì. Giờ đây giấc mộng đang thành sự thật. Nàng là một trong hai trăm phụ tá luật khoa cho các vị biện lý vùng Nữu Ước và phụ cận. Vùng quan trọng nhất đĩ nhiên phải là Manhattan, mà người thủ lãnh không ai khác hơn Di Silva.

Jennifer đã yên vị trong phòng xử, ngay bàn công tố viện, quan sát cách Di Silva bắt tay vào việc một cách linh hoạt, với những lời buộc tội đanh thép, hùng hồn và thuyết phục.

Jennifer nhìn thoáng qua bị cáo. Mặc dù cố gắng để ấn tượng xấu ảnh hưởng, thành thật mà nói, Jennifer không thể tìm được khuyết điểm nào để kết luận Moretti là kẻ giết người. "Hắn trông giống như một tài tử xi-nê thủ vai tội phạm vậy". Moretti ngồi bất động, chỉ có cặp mắt sâu đen nhìn vào từng góc phòng ý chừng tìm kế đào thoát. Nhưng đừng hòng! Di Silva đã dự trù cả rồi.

Camillo Stela đứng trước ghế nhân chứng. Gương mặt hắn xấu xí, choắt lại với đôi môi mỏng dính và hàm răng vàng khè nhựa thuốc. Cặp mắt hắn có vẻ gian giảo với cái nhìn lén lút. Trông hắn không đáng tin cậy chút nào dù hắn chưa mở miệng. Di Silva dĩ nhiên biết điểm bất lợi này, nhưng cần gì. Điều quan trọng là Stela chịu nói những gì cần nói. Hắn sẽ kể hết những chuyện động trời mà không ai tưởng tượng nổi đã xảy ra trong thế giới Mafia.

Biện lý Di Silva đi về phía bục gỗ nơi Stela vừa tuyên thệ:

- Ông Stela, tôi muốn tất cả mọi người trong phòng xử này và bồi thẩm đoàn lưu ý một điều là ông rất ngần ngại khi đứng ra làm nhân chứng chống lại Moretti. Để bảo đảm cho những lời tố cáo của ông ngày hôm nay, toà đã bằng lòng xử cho ông án nhẹ nhất trong vụ vô ý đả thương nhân sự. Có phải vậy không?

- Thưa ngài phải.

Cánh tay mặt của Stela giật giật liên hồi.

- Ông Stela. Ông có từng quen biết bị cáo Moretti không?

- Dạ có.

Hắn trả lời nhưng không dám nhìn về phía hàng ghế bị cáo.

- Giữa ông và Moretti có liên hệ gì đặc biệt?

- Tôi làm việc cho Michael.

- Ông quen biết Moretti từ bao giờ?

Giọng hắn lí nhí:

- Khoảng mười năm.

- Yêu cầu ông trả lời lớn hơn.

- Khoảng mười năm.

Cần cổ hắn bắt đầu giật mạnh.

- Ông có thể cho toà biết mức độ thân cận giữa ông và Moretti không?

- Phản đối.

Thomas Colfax, luật sư của bị cáo, đứng lên. Ông ta trạc ngũ tuần, tóc hoa râm, được coi là cha đỡ đầu của các nghiệp đoàn công nhân và là một trông những luật sư về hình phạm lỗi lạc nhất nước Mỹ.

- Tôi phản đối ông Biện lý đã cố tình dẫn dắt nhân chứng!

Chánh án Lawrence Waldman tuyên bố:

- Phản đối hữu hiệu.

- Vậy tôi xin hỏi câu khác - Di Silva chậm rãi tiến về phía Stela - Ông làm việc cho ông Moretti trong lãnh vực nào?

- Tôi là người đứng ra dàn xếp những chuyện lộn xộn...

- Ông có thể giải thích rõ ràng hơn không, ông Stela?

- Dạ, thí dụ như có chuyện gì xếp không bằng lòng, một vài người phải bị xoá tên cho đi ngủ với giun, Michael biểu tôi phải thi hành.

- Ông thi hành bằng cách nào?

- Dạ, ông cũng đoán ra mà, bằng bắp thịt mà thôi.

- Ông có thể cho bồi thẩm đoàn một thí dụ rõ ràng hơn không?

Thomas Colfax đứng phắt dậy:

- Tôi phản đối. Thưa quan toà, những câu hỏi này hoàn toàn vô căn cứ.

- Trường hợp ngoại lệ. Nhân chứng có thể nói.

- Dạ, chắc quí vị biết Michael làm nghề cho vay cắt cổ. Hai năm trước, Jimmy Serrano thiếu hai ba kỳ nợ không trả. Michael biểu tôi phải dạy hắn một bài học.

- Ông có thể cho biết bài học đó là gì không?

- Có gì đâu, tôi bẻ lọi cẳng hắn.

nghĩ chuyện ngàn sau

Ngồi đây, nghĩ chuyện ngàn sau
Bóng mây dĩ vãng, tỉnh đầu tóc sương
Mắt thông huyết lộ miên trường
Nắng còn thu nhỏ giữa đường thiên di.
Tình còn dáng thuở em đi?
Mắt còn khép động hàng mi hững hờ?
Ngồi đây, buông giữa tình cờ
Hai bàn tay nắm cánh tơ lưng trời.
Phù âm gom đọng tiếng cười
Mái xưa lồng lộng bóng người thế gian
Ngồi đây, âm hưởng tiếng đàn
Nỗi ta cô tịch dưới tàn quạnh hiu
Mới hay đời đã lưng chiều
Bóng cây viễn xứ hiu hiu sắc buồn
Đi về khép cổng thiền môn
Bỏ sau gót nắng một luồng vô ưu.

phạm quang ngọc

- Stela hùng hồn cắt nghĩa - Mấy ông cũng biết, nếu mình tha cho một thằng thì mấy thằng khác sẽ bắt chước làm theo...

Qua đuôi mắt, Di Silva nhận thấy sự xúc động trên gương mặt của các bồi thẩm.

- Ngoài nghề cho vay cắt cổ, Michael còn làm gì khác không?

- Trời đất, làm sao mà kể cho hết...

- Tôi muốn chính ông kể ra, ông Stela.

- Dạ, về mặt nổi, Moretti làm những việc hợp pháp như mở sòng bài, thầu đổ rác, cung cấp quần áo cho quân đội... đại khái như thế.

- Ông Stela, hiện nay Michael Moretti bị kết tội giết hai người, đó là các ông Eddi và Alba Ramos. Ông có biết chuyện này không?

- Dĩ nhiên biết.

- Ông có mặt trong vụ sát nhân này không?

- Dạ...

Toàn thân hắn lại bắt đầu giật giật liên hồi.

- Ai thật sự nhúng tay vào vụ này?

- Mike.

Trong một giây, cặp mắt Stela chạm vào luồng nhãn tuyến của Moretti đang nhìn hắn, hắn vội vã quay đi nơi khác.

- Có phải chính Michael Moretti?

- Dạ phải.

- Bị cáo có cho ông biết là tại sao ông ta muốn giết anh em Ramos không?

- Dạ, Eddi và Al giữ sổ sách về việc...

- Có phải sổ sách về những việc làm ăn phi pháp không?

- Dạ. Mike khám phá ra sổ sách bị gian lận. Hắn muốn dạy chúng một bài học bởi vì ông thấy đó, chúng là đàn em mà dám qua mặt...

- Phản đối.

- Phản đối hữu hiệu, nhân chứng chỉ được đưa ra những dữ kiện mà thôi.

- Sự kiện chính là lệnh của Mike biểu tôi mời tụi nó tới.

- Ông muốn nói Eddi và Albert Ramos?

- Dạ phải. Mời tới dự tiệc thân mật ở Pelican, một hội tư nhân ở bãi biển.

Cánh tay Stela bắt đầu giật liên hồi và chính hắn cũng biết nên hắn dùng bàn tay kia đè lên.

Jennifer nhìn về phía Moretti. Hắn ta đang nhìn vào khoảng không, vẻ suy nghĩ. Gương mặt và toàn thân hắn bất động.

- Và sau đó thì chuyện gì đã xảy ra, ông Stela?

- Tôi đi rước họ và chở đến chỗ đậu xe. Lúc bọn họ vừa bước xuống xe thì Michael nổ súng liền.

- Ông có thấy anh em Ramos ngã xuống không?

- Dạ có.

- Và bọn họ chết liền tại chỗ?

- Dĩ nhiên. Nếu chưa chết thì cũng bị chôn liền vậy.

Tiếng ồn ào nổi dậy khắp phòng xử. Di Silva chờ cho tiếng động lắng xuống mới bắt đầu tiếp tục thẩm vấn:

- Ông Stela, ông có biết rằng những gì ông khai ngày hôm nay sẽ là lời buộc tội Moretti không?

- Dạ biết.

- Tốt! Ông đã làm chứng là bị cáo đã tàn nhẫn giết hai người chỉ vì họ gian lận sổ sách của hắn ta?

- Phản đối. Biện lý đã dẫn dắt nhân chứng.

- Phản đối hữu hiệu.

Biện lý Di Silva quan sát nét mặt các vị bồi thẩm. Ông biết ông sẽ thắng. Ông quay về phía Stela:

- Ông Stela, tôi biết rằng phải can đảm lắm ông mới ra trước toà ngày hôm nay để giúp công lý sáng tỏ. Nhân danh dân chúng trong vùng, tôi cám ơn sự hợp tác của ông.

Di Silva quay về phía luật sư Thomas Colfax:

- Bây giờ đến phiên bạn đồng nghiệp hỏi cung nhân chứng.

Thoma Colfax lẹ làng đứng dậy. Ông liếc nhanh chiếc đồng hồ trên tường và quay về phía ông chánh án:

- Thưa quan toà, giờ cũng đã trưa rồi. Nếu ngài cho phép, tôi đề nghị toà tạm ngưng để ăn trưa và sau đó tôi sẽ hỏi cung nhân chứng vào buổi chiều.

- Tốt lắm. - Quan toà Lawrence gõ lên bàn, tuyên bố - Phiên xử được đình lại đến hai giờ chiều nay.

Mọi người lục tục đứng dậy.

Chánh án xếp lại hồ sơ và đi ra bằng cửa hông. Bồi thẩm đoàn cũng lần lượt nối gót ra cửa. Bốn đội lính đặc biệt bọc Camillo Stela vào giữa và hộ tống hắn về phía cửa giữa của phòng xử.

Di Silva bị vây giữa đám phóng viên báo chí.

- Ông có thể cho chúng tôi được phỏng vấn...

- Thưa ông Chánh biện lý, ông có nghĩ trong vụ án này, công lý sẽ thắng không?

- Làm cách nào ông bảo vệ được Stela khi vụ án chấm dứt?

Bao nhiêu câu hỏi chĩa về Di Silva. Bình thường ông không chịu được sự tấn công của đám ký giả đói tin, nhưng hôm nay thì khác. Với tham vọng chính trị, ông cần tiếng nói của báo chí, nhất là làm cho họ có cảm tình với ông. Ông cố gắng trả lời hết sức lễ phép.

Jennifer ngồi đằng xa, nhìn Di Silva tránh né những câu hỏi một cách khôn khéo.

- Ông có truy tố tên tội phạm không?

Di Silva nhũn nhặn trả lời:

- Tôi ước tôi là thầy bói để có thể trả lời những thắc mắc của các ông. Thưa quí vị, đó là quyền hạn của bồi thẩm đoàn. Các vị đó mới chính là những người có thẩm quyền kết án Moretti có tội hay không.

Jennifer nhìn Moretti đứng dậy. Hắn có vẻ bình tĩnh và thoải mái lạ lùng.

Đám phóng viên đã ra khỏi phòng. Di Silva đang thảo luận với đám phụ tá của ông. Jennifer cố lắng tai nghe xem họ bàn cãi gì nhưng vô hiệu.

Jennifer nhìn một người đàn ông vừa nói gì đó với Di Silva, sau đó tách rời đám đông đi xăm xăm về chỗ nàng. Tay ông ta cầm một bao thơ lớn.

- Có phải cố là Jennifer Parker?

Jennifer nhìn lên, ngạc nhiên:

- Dạ phải.

- Xếp biểu tôi đưa bao thơ này cho cô để chuyển cho Stela. Bảo hắn phải đọc và ôn kỹ từng chi tiết, nhớ lại từng ngày giờ. Lát đây luật sư bên bị cáo sẽ quay hắn tơi bời nên xếp muốn chắc ăn là Stela không bị khủng hoảng tinh thần.

Ông ta đưa chiếc bao thơ dày cộm cho nàng. Jennifer hướng mắt nhìn về phía Stela, thầm nghĩ: "Vậy là ông biện lý đã nhớ tên ta, đó là điềm tốt".

- Cô đi ngay đi. - Người đàn ông hối thúc - Ngài biện lý nghĩ rằng Stela không phải là người mau thuộc bài lắm đâu.

- Thưa ông vâng.

Jennifer hối hả đi tới phía cửa mà nàng đã thấy Stela đi về lúc nãy. Một đội binh chặn nàng lại:

- Cô cần điều gì?

Jennifer dõng dạc tự xưng:

- Nhân viên văn phòng chánh biện lý. - Nàng trình thẻ hành sự cho họ xem - Tôi có một bao thơ mật của ngài biện lý muốn giao tận tay ông Stela.

Người vệ binh đọc thẻ hành sự của nàng một cách cẩn thận, sau đó mở cửa cho nàng đi qua. Jennifer bước vào căn phòng dành cho nhân chứng. Đó là một căn phòng chật chội với chiếc bàn gỗ cũ, vài ba chiếc ghế gỗ và một ghế sofa cũ. Stela đang ngồi đó, cánh tay hắn giật liên hồi. Lúc đó có bốn vệ sĩ đang ở trong phòng.

Lúc Jennifer bước vào, một trong đám vệ sĩ la lớn:

- Ê cô kia, lệnh cấm ngặt không cho phép bất cứ ai được vào trong này kia mà!

Viên vệ binh xét giấy Jennifer lúc nãy nói vọng vào:

- Được mà Al. Người của ngài biện lý đó!

Jennifer đưa cho Stela chiếc bao thơ và dặn:

- Ông biện lý muốn ông ôn lại cho kỹ...

Stela không để ý đến lời nàng, toàn thân hắn đang lên cơn kinh phong.

Vừa trở gót quay ra, Jennifer đã nghe tiếng ồn ào từ đằng xa. Chuông báo động reo liên hồi. Chuyện gì vậy nhỉ? Hay Moretti đã đào tẩu? Jennifer hiếu kỳ đi nhanh về phía tiếng chân rầm rập chạy. Các cảnh sát viên cầm súng đã lên đạn, tràn vào cửa chính của phòng xử. Jennifer nối gót chạy theo về phía hành lang. Quang cảnh thật là hỗn độn. Người chạy qua chạy lại, mặt mày hớt hải như có chuyện gì rất hệ trọng. Lính canh phòng lăm lăm vũ khí chặn hết các lối ra vào. Các thông tín viên đang dùng điện thoại để thông tin về toà báo cũng vội vã gác máy chạy ra hành lang xem xét. Từ đằng xa Jennifer đã thấy Di Silva đang ra lệnh cho đám lính đi chặn các hướng khác nhau, mặt ông ta trắng bệch như tờ giấy.

"Chúa ơi! Chắc xếp mình bị đau tim quá!" Jennifer chạy lại hướng Di Silva để xem có thể phụ giúp gì ông ta không. Nàng vừa đến gần thì người vệ binh canh giữ Stela đã trông thấy và đưa tay chỉ về nàng. Năm giây sau, Jennifer thấy mình bị nắm chặt tay, chiếc còng sắt chụp vào hai cổ tay nàng. Thế là nàng đã bị bắt.

Trong phòng của Chánh án Lawrence Waldman lúc bấy giờ có mặt bốn người: ông Chánh án, Chánh biện lý Robert Di Silva, Luật sư của bị cáo Thomas Colfax và Jennifer Parker.

- Cô có quyền đòi hỏi sự hiện diện của một luật sư trước khi lấy lời khai. - Chánh án Waldman nhắc nàng theo thủ tục - Cô có quyền im lặng. Nếu cô...

- Thưa ngài, tôi không cần luật sư, tôi có thể giải thích chuyện gì đã xảy ra.

Robert Di Silva chồm người đến sát mặt Jennifer, gần đến nỗi nàng thấy rõ những sợi gân máu đang giật bừng bựt ở thái dương ông. Di Silva không kìm được cơn giận dữ:

- Ai đã trả tiền cho cô để nhờ cô trao gói đồ cho Camillo Stela?

- Trả tiền? Không ai trả tôi cả!

Di Silva chụp chiếc bao thơ mà Jennifer đã trao cho Stela lúc nãy:

- Không ai trả tiền mà cô tự tay trao gói đồ này cho nhân chứng của tôi?

Ông giũ mạnh bao thơ, từ trong rơi ra xác một con chim sẻ đã bị bẻ gãy cổ.

Jennifer mở to mắt, sợ hãi:

- Tôi... Một người của ông đưa cho tôi.

- Một người của tôi? Ai là người của tôi?

- Tôi... tôi không biết.

- Vậy sao cô biết đó là người của tôi?

Giọng ông ta đầy hằn học và không tin.

- Tôi nghĩ ông ta là người của ông vì tôi thấy ông ta đứng nói chuyện với ông, sau đó ông ta đi về phía tôi, đưa chiếc bao thơ nói là của ông biểu tôi trao lại cho Stela. Ông ta còn biết cả tên tôi.

- Dĩ nhiên là phải biết tên cô để trả tiền chớ. Vậy ông ta trả cho cô bao nhiêu?

Thật đúng là ác mộng. Jennifer thầm nghĩ.

- Bao nhiêu?

Di Silva hét to, giọng giận dữ khiến Jennifer thụt lùi lại một bước.

- Có phải ông đang kết tội tôi là...

- Hừm! Kết tội cô! - Di Silva giận dữ đưa quả đấm dứ vào mặt Jennifer - Tôi chỉ sợ khi ra khỏi tù thì cô đã quá già, còn thời giờ đâu mà tiêu số tiền đó nữa!

Jennifer nhìn thẳng vào mặt ông, vẻ thách thức:

- Không có số tiền nào cả.

Thomas Colfax nãy giờ ngồi dựa ngửa trên ghế, im lặng nghe thầy trò Di Silva đấu khẩu, giờ mới lên tiếng:

- Tôi xin lỗi, thưa ngài Chánh án. Nghe họ cãi vã không đưa đến đâu cả.

- Tôi đồng ý. - Ông Chánh án trả lời. Ông quay lại phía Di Silva và hỏi - Sao ông bạn, ông tính sao? Stela còn chịu đứng ra làm chứng cho bên bị cáo hỏi cung không?

- Hừ! Bây giờ hắn nhũn như con chi chi. Hắn đã phản cung. Hắn sợ Moretti còn hơn sợ cọp. Dấu hiệu con chim bị bẻ cổ cảnh cáo hắn những hình phạt thảm khốc sắp dành cho hắn. Hắn không còn tin tưởng chúng ta có thể bảo vệ mạng sống hắn nữa.

Thomas Colfax chậm rãi:

- Thưa ngài Chánh án, nếu tôi không thể hỏi cung nhân chứng duy nhất trong vụ này thì tôi xin tiến hành thủ tục bãi bỏ buổi xử ngày hôm nay.

Mọi người trong phòng đều hiểu rằng: thế là Michael Moretti sẽ tự do rời phòng xử như một người vô tội.

Chánh án Waldman nhìn Di Silva một lần chót:

- Ông có nghĩ rằng nhân chứng của ông sẽ thay đổi ý định và ra hầu toà không?

- Stela sợ đồng đảng trả thù hơn là sợ chúng ta.

Di Silva ném cái nhìn đổ lửa về phía Jennifer. Cũng tại con quỉ cái này mà bao công lao của ông đã tan thành mây khói. Ông phải chịu thua một cách đau đớn.

Chánh án Waldman chậm rãi tuyên bố:

- Tôi e rằng chúng ta không thể làm gì khác hơn là giải tán phiên toà và tuyên bố tha bổng bị cáo vì không đủ bằng cớ buộc tội.

Di Silva đứng yên như trời trồng. Từng lời của Chánh án như những mảnh thủy tinh đâm vào tim ông. Không có Stela thì không có bằng chứng để buộc tội Moretti. Moretti giờ đã xa tầm tay với của ông. Nhưng còn con bé ngu ngốc đang đứng trước mặt ông, ông phải bắt nó trả một bài học đích đáng.

Chánh án tiếp tục:

- Tôi sẽ ra lệnh giải tán bồi thẩm đoàn và tuyên bố tha bổng Michael Moretti.

Thomas Colfax gật đầu:

- Cám ơn ngài.

Trên gương mặt bình thản của vị luật sư già không lộ vẻ gì chiến thắng cả.

- Nếu không còn gì để nói... Chánh án Waldman tiếp tục.

- Không còn gì để nói? - Robert Di Silva quay về phía Jennifer - Tôi muốn bắt giữ cô này về tội phá rối luật pháp, làm khủng hoảng nhân chứng trong vụ án quan trọng, về tội làm gián điệp...

Jennifer cũng giận không kém. Giọng nàng run lên:

- Ông không có một bằng cớ nhỏ nào để buộc tội tôi. Có tội chăng chỉ là tội tôi ngu ngốc, một tội duy nhất đó mà thôi. Không ai trả cho tôi đồng xu nào để làm chuyện gì cả. Tôi đã chuyển cái gói khốn nạn kia chỉ vì tôi ngỡ là ông biểu tôi làm...

Chánh án Waldman nhìn Jennifer chăm chú rồi nói:

- Dù bất cứ lý do nào, hậu quả cũng thật là tai hại. Tôi sẽ yêu cầu hội đồng kỷ luật điều tra kỹ vụ này, nếu cần sẽ treo bằng hành nghề của cô.

Nghe đến đây, tự dưng Jennifer muốn xỉu:

- Thưa ông, tôi...

- Đủ rồi cô Parker ạ!

Jennifer đứng lặng, mồ hôi trán toát ra, nhìn những khuôn mặt không thiện cảm mà không nói được lời nào.

Con chim bị bẻ gãy cổ vẫn nằm trên bàn đã nói giùm nàng điều bi thảm nhất.

(còn tiếp)

---

tháng bảy mưa ngâu

Tháng bảy mưa ngâu, tháng bảy buồn
Chép câu thơ đó, đọc, rồi thương...
Ngưu lang, Chức nữ trời cho gặp
Dân tộc mình sao vẫn tứ phương?
Chim thước bắc cầu qua đại hải
Bồ câu không nối được Trường sơn!
Trời ban ơn chẳng công bình nhỉ
Tan-hợp, bày chi cảnh đoạn trường!

trần vấn lệ

mang xuống tuyền đài

Hoàng Hải Thủy

(tiếp theo)

Chương 5

Mọi người yên lặng khi Daniel Rosen xem lại tập hồ sơ lần cuối. Adam Hall có cảm giác gần như thương hại ông ta. Daniel Rosen một thời từng nổi tiếng là một luật sư dũng cảm, một đàn anh, một bậc thầy tài ba nhất nhì ngành luật Chicago, trong thời gian gần ba mươi năm từng chinh phục, chế ngự, thôi miên, hớp hồn những vị bồi thẩm; từng làm những đối thủ phải kinh hãi và làm những ông chánh án phải nể sợ. Nay nhân vật một thời kiêu hùng đó về già, ngồi trước mặt chàng, đang bận tâm tính toán những lợi hại tủn mủn liên can đến quyết định giao phó công việc cho một nhân viên mới!

- Tôi đồng ý.

Rosen nói nhỏ nhưng giọng đầy đe dọa. Ông không giấu sự bất mãn khi bắt buộc phải để cho Adam Hall, một luật sư trẻ mới gia nhập công ty chưa đầy một năm, chưa ai biết tài năng ra sao, phụ trách vụ án tử hình Sam Cayhall. Rosen ngước mắt nhìn Adam, nghiêm giọng nói tiếp:

- Nhưng tôi nói để anh biết trước, khi vụ Cayhall kết thúc và anh trở về Chicago, tôi sẽ đề nghị ban giám đốc kết thúc sự cộng tác của anh với nhà Kravitz Bane.

Adam thản nhiên:

- Thưa ông, tôi sợ việc ông định làm đó không cần thiết.

- Anh chỉ tới đây với dụng ý lợi dụng công ty.

- Thưa ông, tôi đã xin lỗi rồi.

Rosen nhếch mép:

- Anh khôn nhưng không ngoan đâu! Vụ Cayhall sẽ là vụ cuối cùng anh làm nhân danh công ty này.

Sau lời đe dọa ấy, Daniel Rosen lạnh lùng ra khỏi phòng họp.

Khi chỉ còn chàng và ông già Goodman ngồi lại, Adam mỉm cười:

- Cám ơn ông.

Goodman nói về Rosen, vẻ bùi ngùi:

- Ông ấy không phải là người xấu đâu. Tôi biết ông ta từ nhiều năm rồi. Ông ấy mệt mỏi và thất vọng. Khi thất vọng, người ta thường trở nên cay đắng và khó tính.

Rồi ông đổi chuyện:

- Bao giờ anh đi?

- Thưa sáng mai. Tối nay tôi sửa soạn hành lý. Chỉ mười giờ lái xe là đến.

- Hồ sơ nặng dễ đến 50 ký đấy. Tôi đang cho soạn. Cũng sẽ gửi theo anh trong ngày mai. Anh đến là có hồ sơ chờ sẵn.

- Xin nói qua cho tôi biết về văn phòng của công ty ta ở Memphis.

- Tôi có phôn cho họ trước đây một giờ. Trưởng phòng là Baker Cooley đang chờ anh. Họ sẽ cung cấp cho anh một ô làm việc nhỏ và một thư ký cùng những gì họ có khả năng. Tôi phải nói trước họ không có kinh nghiệm gì về các vụ hình sự đâu. Họ chuyên lo về kiện tụng, tranh chấp.

- Thưa văn phòng Memphis có bao nhiêu luật sư?

- Mười hai. Đó nguyên là một văn phòng luật sư nhỏ, bị công ty ta thôn tính cách đây mười hai năm. Trước đó văn phòng luật này chuyên phục vụ ngành kinh doanh bông gòn và mễ cốc. Nay thì phụ trách đủ mọi chuyện về thuế khoá, hợp đồng. Chỉ không dính dáng đến những vụ hình án thôi. Anh đã đến Memphis bao giờ chưa?

- Tôi ra đời ở Memphis nhưng tôi đi khỏi nơi ấy khi tôi còn rất nhỏ. Mấy năm trước tôi có đến Memphis thăm bà cô tôi một lần. Sáng mốt tôi sẽ nhìn thấy cảnh mặt trời mọc trên thành phố Memphis.

- Anh có thể đến nhà tù Pachman ngay. Tôi sẽ phôn cho ông giám thị Phillip Naifeh, người gốc Li-băng. Có khá đông người Mỹ gốc Li-băng sinh sống trong vùng đồng bằng ven sông Mississippi. Naifeh là bạn của chúng ta.

Adam hỏi lại:

- Giám thị nhà tù là bạn của ông sao?

Goodman gật đầu:

- Bạn. Tôi với Naifeh biết nhau nhiều năm rồi, kể từ vụ Maynard Tole. Anh nhóc ác ôn này là thân chủ thứ nhất của tôi đi vào phòng hơi ngạt. Đó là năm 1986. Tôi đến Parchman biện hộ cho Tole và gặp Naifeh, chúng tôi trở thành bạn. Ông ta chống lại án tử hình, anh tin được không?

Adam trả lời gọn:

- Tôi không tin.

- Ông ta thù ghét việc thi hành án tử hình. Anh sẽ học được nhiều điều ở khám tử hình đấy, Adam. Án tử hình vẫn được nhiều công dân Mỹ hoan nghênh nhưng những người có

nhiệm vụ thi hành nó lại chẳng muốn chút nào. Anh sắp gặp những người ấy. Những người gác phải ngày đêm giao thiệp với tù nhân, những nhân viên ban quản đốc phải tính toán việc thực hiện vụ giết người với hiệu quả cao nhất, gọn nhất, đỡ tốn nhất. Họ phải thực tập việc giết người bằng phòng hơi độc cả tháng trước. Cuộc sống ở đấy kỳ lạ lắm. Nó làm cho tất cả mọi người ở đó, tù và cai tù, sầu não, chán đời. Neifeh sẽ cho phép anh vào gặp ông Cayhall. Hai người, luật sư và tử tù, có quyền nói chuyện với nhau mỗi lần hai giờ đồng hồ. Nhưng anh cũng nên chờ đợi lần gặp thứ nhất của anh với ông Cayhall chỉ dài có năm phút vì có thể ông ta không chịu nói chuyện với anh. Nếu ông ấy từ chối, anh đừng ép. Nên trở lại gặp ông ấy vài lần nữa, nếu cần.

- Ông gặp ông Cayhall lần cuối khi nào?

- Khoảng hai năm trước. Wallace Tyner và tôi cùng đến gặp. Anh cần hỏi chuyện Tyner. Hắn nắm vững hồ sơ Cayhall từ sáu năm nay.

Đến lúc này luật sư Goodman mới bảo Adam đến gặp Wallace Tyner, nhưng chàng đã hỏi dò Tyner từ chín tháng nay về vụ án Cayhall. Chàng đã thu thập những tài liệu về vụ án: những bản tin đăng báo, những hình ảnh, đoạn phim thu cảnh ba phiên toà xử... và đúc kết chúng vào một cuộn băng có đầu có đuôi khá hoàn chỉnh. Qua những tài liệu ấy, Adam cảm thấy quen thuộc với ông nội chàng.

- Ông thấy ông nội tôi là người thế nào? Adam hỏi.

- Hơi cao, gầy. Cũng phải thôi. Sống năm này qua năm khác trong khám tử hình, ai mà mập mạp hồng hào được. Ông ấy người gân guốc, thể lực có vẻ mạnh. Hút thuốc liên tục. Cũng phải nữa. Tử tù chẳng có việc gì làm. Vả lại họ cũng sắp chết dù có hút thuốc hay không. Tôi để ý thấy ông ta hút thuốc hiệu Montclair, bao giấy xanh. Tóc ông ta màu xám và có dầu. Tử tù không được tắm mỗi ngày. Hai năm trước tóc ông ấy còn khá dày. Râu xám. Mặt nhiều nếp nhăn. Ông ấy gần bảy mươi rồi, lại hút thuốc nhiều. Người da trắng trong khám tử trông yếu đuối, tiều tụy hơn người da đen. Họ bị nhốt trong phòng kín hai mươi ba giờ một ngày nên trông họ nhợt nhạt khủng khiếp. Mắt ông ấy màu xanh. Trông được lắm. Chắc thời trẻ, Sam Cayhall là một thanh niên đẹp trai.

Adam trầm ngâm:

- Sau khi ba tôi mất và tôi được biết về ông tôi, tôi có hỏi mẹ tôi nhiều câu về gia đình tôi. Mẹ tôi không trả lời nhiều song có lần bà nói ba tôi có dáng người, mặt mũi không giống ông tôi mấy.

Ông già nhìn kỹ chàng trẻ:

- Anh muốn biết anh và Sam có giống nhau không chứ gì? - Ông lắc đầu - Không. Tôi không thấy có nét vẻ gì giống. Ông ấy không gặp anh từ năm anh mới ba tuổi, ông ấy sẽ không nhận ra anh đâu. Anh phải nói cho ông ấy biết thôi.

Chàng trẻ không giấu vẻ hồi hộp:

- Theo ông... khi biết tôi là cháu, ông tôi sẽ làm gì, nói gì?

Ông già cười nhẹ:

- Tôi chịu thôi, làm sao biết được. Song tôi chắc ông ấy sẽ bị khích động mạnh đấy. Ông ấy ít nói, tuy không được học cao nhưng thông minh, đọc nhiều, biết suy luận. Tôi chắc ông ta sẽ có những phản ứng đứng đắn, đàng hoàng.

- Nghe ông nói, tôi có cảm tưởng ông có cảm tình với ông tôi.

- Không hẳn đâu. Ông ta là người phân biệt chủng tộc quá khích và cuồng tín. Ông ta không hề tỏ ra ân hận về những việc ông ta đã làm.

Adam lại hỏi:

- Như vậy ông cho là ông Cayhall có tội ư?

Ông già chỉ thốt lên một tiếng "hừ" như đang suy nghĩ tìm câu trả lời thoả đáng. Có tội hay không có tội? Ba phiên toà đại hình đã được tiến hành để trả lời câu hỏi ấy về tử tội Sam Cayhall. Từ chín năm nay, vụ án kéo dài lê thê qua hết toà án này đến toà án khác, không biết đã có bao nhiêu ông chánh án kế tiếp nhau nghiên cứu hồ sơ, không biết bao nhiêu bài báo, thước phim đã được dùng vào việc kể lại vụ đặt bom và xử án kẻ tội phạm.

Cuối cùng ông già trả lời:

- Bồi thẩm đoàn cho là có tội, đó là điều quan trọng.

Chàng trẻ hỏi gặng:

- Nhưng còn ông? Ông nghĩ gì? Tôi muốn biết ý kiến của riêng ông.

- Adam, anh đã đọc hồ sơ, có thể anh còn đọc kỹ hơn cả tôi. Anh đã nắm bắt tất cả các tình tiết của vụ án, chắc anh cũng phải thấy là Sam Cayhall có tội.

- Nhưng...?

- Vụ án nào mà chẳng có cả trăm cái nhưng.

- Bị cáo không có kinh nghiệm sử dụng chất nổ. Có thể nói đương sự hoàn toàn không biết thuốc nổ là gì.

- Đúng. - Goodman gật đầu - Nhưng ông ta có quá trình hoạt động dài ngày trong hàng ngũ KKK. Thời ấy mấy anh KKK hung hăng đặt bom bừa bãi. Sau khi Sam Cayhall bị bắt, những vụ đặt bom ở địa phương không còn xảy ra nữa.

- Có hai người làm chứng khai trước vụ bom nổ ở văn phòng Kramer, họ trông thấy hai người đàn ông đi trong chiếc Pontiac màu xanh lá cây. Như vậy là có những hai người can dự trong vụ đặt bom văn phòng Kramer chứ không phải một.

Goodman lại gật đầu:

- Đúng. Nhưng một trong hai người đó không đủ tư cách làm chứng trước toà vì cảnh sát biết đêm hôm ấy anh ta say rượu bí tỉ. Người thứ hai không chịu ra khai ngay từ phiên xử đầu tiên. Ba năm sau anh ta mới nói nhưng anh không còn được gọi ra toà làm chứng nữa vì thời gian qua đã quá lâu.

Adam đổi câu hỏi:

- Như vậy ông cho là Sam Cayhall đặt bom một mình?

Goodman lắc đầu:

- Không. Tôi cho là ông ta có một tòng phạm.

Adam thở ra một hơi nhẹ:

- Tôi cũng nghĩ thế. Ông tôi không thể thực hiện được vụ đặt bom một mình. Nhất định trong vụ còn một người nữa. Người này không phải là

tòng phạm mà là chính phạm. Nhưng... người ấy là ai?

- Chắc chúng ta chẳng bao giờ biết được người đó là ai. Người duy nhất trên cõi đời này biết là Sam Cayhall. Nhưng ông ta đã ra toà ba lần, đã ở tù gần mười năm, sống để đợi bị hành quyết mà ông ta vẫn không chịu nói gì về người tòng phạm ấy với cảnh sát, với bồi thẩm đoàn, với những luật sư muốn cứu mạng ông ta. Tôi chắc ông ta sẽ không nói đâu. Có lẽ ông ta muốn giữ đúng lời thề của những thành viên KKK: không bao giờ tố cáo đồng bọn, không hạ mình xin khoan hồng, tỏ dấu ăn năn. Ông ta không phản bội lời thề. Thân phụ ông ta là thành viên KKK, dòng họ ông ấy có nhiều người KKK.

Adam lại thở nhẹ:

- Tôi nhớ. Xin miễn nhắc đi nhắc lại.

Goodman mỉm cười:

- Xin lỗi. Dù sao đi nữa thì đến lúc này mọi việc đã quá muộn. Ta không thể đưa ra trước toà một anh tòng phạm mới tinh. Nếu có tòng phạm, ông ta phải khai ra lâu rồi. Nhất là khi bị kết án tử hình và chờ bị hành quyết thì người ta phải khai hết thôi. Ai cũng vậy, nhưng ông ấy đã không khai. Chúng ta đành chịu...

Adam đặt ngược câu hỏi:

- Như vậy ta có thể kết luận rằng ông ấy không có tòng phạm?

- Có đấy...

Goodman cầm bút viết mấy chữ lên tờ giấy, đưa cho Adam.

- Wyn Lettner? - Chàng trẻ đọc tờ giấy - Tên ai tôi nghe có quen...

- Wyn Lettner là đặc phái viên FBI phụ trách điều tra vụ Kramer, đã về hưu, hiện sống trong vùng du lịch có trò câu cá hồi ở Ozark. Ông ta thích kể những chuyện ngày xưa thời ông ta truy diệt băng đảng KKK ở Mississippi.

- Liệu ông ấy có chịu tiếp tôi không? Adam hỏi.

- Chịu chứ. Tôi đã nói Lettner thích nói chuyện và hiện hành nghề hướng dẫn du khách đi câu cá. Hắn thích uống rượu. Sương sương rồi là vui miệng kể hết mọi chuyện. Hắn sẽ không tiết lộ những gì gọi là bí mật của FBI đâu, nhưng những chuyện vui vui bên lề trận chiến giữa FBI và KKK ở Mississippi cũng đủ làm anh mê rồi. Hắn là người biết nhiều nhất về vụ Kramer. Tôi nghi hắn còn biết nhiều sự kiện quan trọng nữa mà hắn không chịu nói.

Adam gấp tờ giấy ghi địa chỉ Wyn Lettner vào tập hồ sơ. Chàng nhìn đồng hồ tay:

- Sáu giờ. Tôi xin tạm biệt ông thôi.

Chàng nhìn ông già:

- Xin ông cho phép tôi được nói một câu.

Ông già mỉm cười:

- Nói đi.

- Thưa ông, nhân danh gia đình tôi - tức là nhân danh mẹ tôi, người rất không muốn thấy tôi đến gần ông Sam Cayhall; em gái tôi, người gần như chẳng biết gì và chẳng bận tâm gì về ông Sam Cayhall; nhân danh bà cô Lee Cayhall Booth của tôi, người đang rất muốn quên mình là người họ Cayhall, và nhân danh ba tôi, tôi xin cám ơn ông và cám ơn công ty này.

- Rồi... Rồi... - Ông già gật đầu - Tôi cũng cám ơn anh vì anh đã cho tôi nhớ lại thế nào là tình gia đình, là tình huyết thống. Bây giờ thì anh nên về mà sửa soạn chuyến đi Memphis.

Chương 6

Eddie Hall chết gần một tháng sau ngày Sam Cayhall bị kết án tử hình. Tang lễ cử hành trong một nhà thờ nhỏ ở Santa Monica, thân hữu đến dự rất ít, thân nhân lại càng ít hơn. Adam ngồi ở hàng ghế đầu trong nhà thờ. Bà mẹ ngồi giữa, anh em Adam ngồi hai bên. Ba mẹ con nắm tay nhau nhìn ngây quan tài đặt trước mặt họ. Bà mẹ tỏ ra cứng cỏi và can đảm. Nước mắt bà ứa ra nhiều lần trong tang lễ nhưng bà cố nén để không nức lên thành tiếng. Bà và chồng từng xa nhau rồi lại đoàn tụ quá nhiều lần đến nỗi chính bà cũng không nhớ đúng là bao nhiêu lần nữa. Tuy cuộc hôn nhân và sống chung của họ không có gì xung đột dữ dội cả nhưng hai vợ chồng cứ liên tục tính chuyện ly dị nhau. Khoảng một tháng trước ngày tự tử bằng súng, kể từ ngày bắt đầu phiên toà thứ ba xét xử bị cáo Sam Cayhall ở Mississippi, Eddie Hall đã bỏ việc. Nhà đóng cửa kín mít, cửa sổ không được mở, rèm che buông xuống. Không được bật đèn, không được xem ti-vi, mọi người phải nói nho nhỏ và hạn chế việc đi lại. Tuy khó chịu và không vui nhưng anh em Adam, Carmen cũng đã quen với nếp sống u ám như thế. Ông bố họ từng nhiều lần nổi cơn sầu buồn làm vợ con phải rầu rĩ theo. Hai anh em không biết tại sao bố lại có tính tình kỳ khôi ấy, nhưng như đã nói, họ gặp cảnh đó nhiều lần ngay từ nhỏ nên quen đi.

Ba ngày sau khi toà tuyên án tử hình Sam Cayhall, Eddie Hall tự sát bằng phát súng bắn vào đầu. Ông làm việc này trong phòngcủa Adam vào buổi chiều. Ông biết đứa con trai mười bảy tuổi của ông sẽ về nhà trước vợ và con gái. Ông viết mấy chữ để lại dặn con lau chùi những vết máu trên mặt ông, trên sàn phòng, đặt ông nằm ngay ngắn, đừng để mẹ nó và em gái nó nhìn thấy cảnh tượng ông chết quá thê thảm.

Năm ấy Carmen mới 13 tuổi. Cô chào đời ở California, nơi cha mẹ cô tạm dừng chân trong chuyến di cư vội vã về miền tây. Khi cô ra đời, họ Cayhall đã được đổi thành Hall. Alan Cayhall đã trở thành Adam Hall.

Trong tang lễ ở nhà thờ, người ngồi bên Carmen là một thiếu phụ xa lạ và kỳ bí được gọi là cô Lee. Mãi đến lúc này anh em Adam mới biết cô Lee là em ruột của bố họ. Cô sống ở Memphis, lấy chồng giàu sang, có một người con trai. Cô rất ít giao tiếp với ông anh Eddie vì những nguyên nhân nào anh em Adam không được biết.

Cô Lee đến California dự đám ang ông anh. Cô ở lại hai tuần và làm quen với cháu trai, cháu gái. Anh em Adam mến cô vì cô đẹp, lịch sự, dễ thương. Cô dáng người thon gọn, mặc quần jeans xanh, áo thun Tee, đi chân không trên bãi biển. Cô giải thích nhiều lần với hai cháu tại sao cô

không đến thăm cha mẹ chúng và chúng từ trước. Cô nói cô rất muốn đến nhưng cha chúng, ông anh cô, không bằng lòng. Khi Adam hỏi tại sao thì cô trả lời mơ hồ là tại vì vài chuyện rắc rối của người lớn.

Cô Lee ngồi với Adam trên cầu tàu nhìn ra cảnh mặt trời vàng ối dần dần lặn trên biển Thái bình dương. Trong một buổi hoàng hôn hai cô cháu ngồi bên nhau như thế, cô kể cho Adam nghe về nhân vật Sam Cayhall, ông bố của cô, ông nội của nó. Lẫn với tiếng sóng biển vỗ nhẹ dưới chân, chú thiếu niên lần đầu tiên nghe nói về lai lịch gia đình chú. Câu chuyện cô kể có nhiều lỗ hổng lớn, nhưng nói chung cô cũng thành công trong việc trình bày cho anh cháu biết đại khái và sơ lược nguồn gốc cùng tai họa trong gia đình nó.

Là một thiếu niên mới hơn 16 tuổi nhưng đã phải chứng kiến cái chết ghê rợn của bố, phải tự tay lau chùi vết máu và đặt bố nằm ngay ngắn trên giường, Adam Hall nghe và hiểu chuyện với sự tự chủ đáng kể. Thỉnh thoảng chú đặt vài câu hỏi nhưng chú nghe nhiều hơn hỏi. Khi mặt trời hoàn toàn chìm khuất và gió biển bắt đầu trở lạnh, hai cô cháu ngồi sát vào nhau. Cô ôm lấy cháu và cháu muốn lấy thân che gió cho cô đỡ lạnh.

Biết chuyện, Adam không thấy sợ hãi hay buồn phiền. Trái lại chú thấy hào hứng. Chú cũng có họ hàng, có ông bà nội, có cô như các bạn. Một ngày nào đó, chú sẽ về thăm những người thân thích ấy.

Với sự nhạy cảm của một người đàn bà, cô Lee biết ngay cháu mình đang nghĩ gì và mơ màng chuyện gì. Cô vội cho nó biết dòng họ Cayhall gồm toàn những người tính tình quái dị, không thích giao du với ai. Dòng họ này không có những buổi họp mặt vui vẻ đêm Giáng Sinh hay những cuộc đoàn tụ ngày 4 tháng 7. Lee nói thêm là cô sống ở một nơi chỉ cách thị trấn Clanton có một giờ đồng hồ xe nhưng chẳng bao giờ cô về Clayton vì ở đó chẳng ai muốn tiếp cô cả.

Những buổi chiều, hai cô cháu ra ngồi ở cầu tàu đã trở thành thông lệ trong những ngày cuối Lee ở đây. Trên đường ra biển, hai cô cháu ghé chợ mua bịch nho hay bịch hạt điều, gói đậu phụng, hộp bích qui, lon nước ngọt. Họ ngồi bên nhau ngắm biển, ăn uống lai rai, nói chuyện cho tới khi trời tối sẫm và gió biển trở lạnh. Lee kể những chuyện về thời niên thiếu của nàng ở Mississippi. Những kỷ niệm này có hình ảnh của Eddie, anh nàng. Hai anh em sống trong một trang trại gần thị trấn Clanton. Trại có nhiều ao để họ câu cá, có ngựa tơ để họ cưỡi. Ông bố của họ thuộc loại bình thường, không khắc nghiệt hung dữ nhưng cũng không tỏ ra triều mến các con. Bà mẹ họ ốm yếu, nhiều bệnh, chết sớm vì ung thư. Ba năm sau ngày bà mất, ông chồng bà bị bắt lần thứ hai và bị kết án tử hình.

Lee không có gì nhiều để kể với cháu về đời nàng. Năm nàng 18 tuổi, một tuần sau ngày tốt nghiệp trung học, nàng vội vã bỏ nhà để lên sống ở Nashville. Nàng ôm mộng trở thành ca sĩ. Định mệnh an bài cho nàng gặp Phelphs Booth, một sinh viên vừa tốt nghiệp đại học Vanderbilt, gia đình làm chủ một số ngân hàng. Họ kết hôn với nhau và sống không mấy hạnh phúc ở Memphis. Họ có với nhau một con trai tên là Walt. Anh này dường như không chịu sống theo ý cha mẹ. Hiện anh sống ở Amsterdam, Hoà lan.

Lee đi cũng im lặng và đột ngột như khi nàng đến. Nàng đến không báo trước. Nàng đi không một lời từ biệt, không một cái ôm hôn, không một lời hẹn hò gặp lại. Một bình minh, nàng lặng lẽ rời khỏi nhà Hall. Hai ngày sau nàng gọi điện thoại cho Adam và Carmen. Nàng khuyến khích hai cháu viết thư cho nàng. Nhưng rồi những lá thư cũng thưa dần. Mối tình thân ái giữa cô cháu phai nhạt dần. Bà mẹ của Adam và Carmen giải thích cho hai anh em nghe tại sao bà gọi cô Lee là một người tốt nhưng cô vẫn là người họ Cayhall: cô vẫn mang dòng máu quái dị của họ Cayhall trong huyết quản. Nghe mẹ nói, Adam buồn đến não nùng.

Mùa hạ năm Adam tốt nghiệp Pepperdine, chàng và một người bạn học lái xe đi chơi xuyên mấy bang. Họ đi đến tận Key West. Họ dừng lại Memphis, ở hai ngày hai đêm trong nhà cô Lee. Cô sống một mình trong ngôi nhà rộng trên đỉnh đồi nhìn xuống dòng sông. Buổi chiều cô Lee ngồi với Adam và anh bạn trên ban công, ăn pizza do cô làm, uống bia và ngắm những chiếc bè di chuyển trên sông. Họ nói với nhau về đủ mọi thứ chuyện trên đời. Trong lần gặp này, Adam không nói gì với cô về chuyện gia đình. Chàng đang tính học luật. Cô Lee hỏi cháu về dự định tương lai. Cô sốt sắng, vui vẻ, niềm nở, nói nhiều. Cô là bà chủ nhà tuyệt vời và là bà cô lý tưởng. Khi họ chia tay, mắt cô ứa lệ. Cô ôm cháu thật lâu và bắt anh hứa anh sẽ trở lại.

Adam tránh không đi ngang Mississippi. Họ lái xe về phía đông, qua Tennessee và rặng Smoky Mountain. Tới một điểm, theo tính toán của Adam, chàng chỉ còn cách nhà tù Parchman, khám tử và người tử tù Sam Cayhall khoảng hai trăm cây số. Lúc đó là mùa hạ năm 1986, bốn năm trước.

Chương 7

Cuộc điện đàm giữa họ đêm qua thật ngắn gọn. Adam nói chàng có việc phải đến Memphis ít ngày và chàng muốn gặp cô. Lee nói hay lắm, vui lắm và mời Adam đến ở nhà nàng - vẫn ngôi nhà chàng đã đến mấy năm trước - nhà có bốn phòng ngủ, có người hầu.

Khi Adam nói rõ hơn về công việc chàng sẽ làm ở Memphis: đến gặp ông nội và xin làm luật sư đại diện cho ông, cô Lee yên lặng một lúc. Sau đó giọng nói cô hơi khác đi. Tuy không còn vui vẻ và sốt sắng như lúc đầu song cô vẫn mời cháu đến nhà. Họ sẽ nói chuyện sau.

Có vẻ như cô Lee đang chờ sẵn. Adam vừa nhấn chuông, cô đã ra mở cửa. Hai cô cháu hôn nhau lên má:

- Mừng con đến nơi. Mệt lắm

không?

- Thưa không. Lẽ ra đi chỉ mất 10 giờ thôi. Con chạy xe tà tà để ngắm cảnh nên lâu thêm hai giờ nữa.

- Con đói rồi chứ?

- Dạ, cũng không đói lắm. Con có ngừng, ăn một chút cách đây mấy tiếng.

Adam theo cô Lee vào nhà. Hai người cùng chưa biết phải nói gì với nhau cho hợp tình, hợp cảnh. Cô Lee đã gần 50, trông già đi nhiều so với bốn năm trước. Mái tóc nâu của cô bây giờ dài hơn, ngả màu xám. Đôi mắt xanh hiền hậu đã mất màu trong sáng, thêm ánh âu lo. Hai đuôi mắt hiện vài vết nhăn. Cô bận chiếc áo vải bông rộng, chiếc quần jeans bạc màu. Cô vẫn đẹp, vẫn sang, vẫn quyến rũ.

- Gặp lại con, cô mừng lắm. Mình ra ngồi ngoài này.

Lee nắm tay cháu, dắt ra ban công, nơi có bầy nhiều chậu tường vi, dương xỉ. Dòng sông rộng chảy êm dưới mắt họ. Cả hai ngồi xuống những chiếc ghế mây sơn trắng. Lee rót trà đá:

- Carmen sao?

- Thưa, rất tốt. Nó vẫn học ở Berkeley. Không xuất sắc nhưng cũng không quá tồi. Mỗi tuần con nói chuyện bằng phôn với nó một lần. Năm nay nó có bạn trai rồi. Coi bộ khá gắn bó.

- Nó đang học môn gì nhỉ? Cô quên mất.

- Tâm lý học. Nó muốn học tới tiến sĩ. Có lẽ nó sẽ đi dạy. Trời đất, sao ở đây nóng thế?

Lee mỉm cười:

- Memphis của chúng tôi như thế đây, thưa quí khách. Ở đây quí vị được hưởng cái nóng đến chảy mỡ trong tháng chín thu vàng.

- Con chịu không nổi.

- Tại con vừa ở nơi khác đến. Nếu con ở đây lâu thì con sẽ quen đi. Chỉ phải uống nước nhiều và nằm phè trong nhà là khoẻ thôi. Mẹ con hồi này thế nào?

- Sống thư thái ở Portland. Kết hôn với một ông làm giàu về ngành gỗ. Ông ấy trông chỉ khoảng 65 nhưng khoe là đã 75. Bà 50 nhưng trông chỉ độ 40. Rất đẹp đôi. Năm nào cũng đi Cannes, Riviera hay Venise, Milan, Rio.v.v.. những nơi người giàu có phải đến để hưởng thụ và tiêu tiền. Bà ấy sống hạnh phúc. Con cái lớn rồi. Dĩ vãng được đào sâu chôn chặt. Tiền nhiều.

- Adam, cô không thích nghe con nói như thế. Tàn nhẫn đấy.

- Còn là nhẹ đấy cô. Bà ấy không muốn gặp con vì con là cái móc xích nối liền bà ấy với ba con.

- Mẹ con thương anh em con lắm mà, Adam...

- Chà! Bộ mẹ con tâm sự với cô à?

- Không. Nhưng cô biết.

Chàng trẻ tuổi thở nhẹ:

- Con xin lỗi. Con nói bậy. Thần kinh con bị căng thẳng.

- Thư thái đi. Con phải vui với cô trong những ngày con ở đây.

- Cô ơi, con không được đến đây để vui chơi. Sáng mai con đến Parchman gặp ông nội con.

Im lặng.

Lee đi vào nhà. Nàng trở ra với chai rượu Jack Daniel. Rót rượu vào hai cái ly, nàng nâng ly lên uống, mắt nhìn xa xa ra dòng sông.

- Tại sao phải gặp? Lee hỏi.

- Tại sao lại không? Tại vì ông là ông nội của con. Tại vì ông của con sắp chết. Tại vì con là luật sư và ông nội cần con giúp.

- Ông có biết con là ai đâu?

- Sáng mai ông sẽ biết.

- Con nói?

- Con không nói thì còn ai nói nữa? Mà tại sao con lại không nói, không nhận con là cháu nội của ông? Có gì là xấu hổ?

Nâng ly rượu bằng cả hai bàn tay, Lee nói như nói một mình:

- Chết thôi.

Adam lắc đầu:

- Sẽ, nhưng bây giờ thì chưa. Cô không muốn thấy ông nội con bị người ta giết chứ?

- Tất nhiên là không.

- Thật ư? Lần cuối cô gặp ông cách đây bao lâu rồi?

- Thôi mà, Adam. Con không hiểu.

- Con không hiểu thì cô nói cho con hiểu. Con nghe đây. Con muốn được hiểu.

- Mình nói chuyện khác đi, Adam.

- Không.

- Mình sẽ nói đến chuyện này sau. Cô hứa mà. Chỉ vì ngay lúc này cô chưa sẵn sàng. Cô cháu mình mới gặp lại nhau. Cô vẫn chờ đợi khi con đến, cô cháu mình cười vui, ăn uống, nói chuyện tếu...

Adam lại lắc đầu:

- Xin lỗi cô. Con đã chán nghe những chuyện úp úp mở mở. Con muốn biết có những gì xấu xa, nhơ nhớp trong gia tộc con. Ba con không nói gì cả. Và ba con chết rồi. Bây giờ ai có thể nói cho con biết nếu không phải là cô? Con chỉ còn có mình cô để hỏi thôi.

Lee như rùng mình:

- Chuyện không hay, không đẹp...

- Con lớn rồi. Con có thể chịu đựng mọi sự thật.

- Mai mốt cô nói.

- Không còn mai mốt nào nữa. Ông nội con sắp bị giết. Sáng mai con phải đến gặp ông.

Adam đưa ly rượu lên uống một hớp lớn. Chàng bắt đầu hỏi cung:

---

ru ta

Ta ru ta
đến mệt nhoài
ru trong tiền kiếp
ru hoài ngàn sau.
Ru từ tận cuối niềm đau
Ru lên nỗi nhớ
nhạt màu tiền thân.
Thôi,
ta cũng đứng thật gần
Ru cho trọn kiếp
phong trần ai trao.

thiên di

- Trong một số báo hai mươi ba năm trước, *Newsweek* loan tin ông thân sinh ra ông Sam Cayhall là người Ku Klux Klan?

Lee khổ sở gật đầu:

- Phải, ông nội của cô.

- Nhiều ông bác, ông chú, ông anh, ông em ông Sam Cayhall cũng thế?

Lee lại khổ sở nhìn nhận:

- Đúng. Đông lắm. Chuyện đó không có gì lạ đâu con. Một người gia nhập KKK là rủ rê người thân của mình cùng vào.

- *Newsweek* còn đăng là theo nhiều người ở quận Ford thì ông Sam Cayhall có dùng súng bắn chết một người da đen vào những năm đầu thập niên 50 nhưng không bị kết tội cũng không bị bắt, đúng không?

- Chuyện ấy có quan trọng gì, Adam? Lâu quá rồi. Ngày ấy cô còn bé xíu.

- Như vậy là chuyện bắn chết người ấy có thật?

Lee lại khổ sở gật đầu.

- Cô biết chuyện?

- Cô trông thấy.

Adam nhíu mày, hỏi lại:

- Cô trông thấy?

Câu hỏi của chàng nghe như tiếng kêu. Chàng gần như không tin câu trả lời chàng vừa nghe là có thật. Nhắm mắt lại, Adam ngồi sâu vào lòng chiếc ghế mây. Tiếng còi của một con tàu kéo bè vẳng lên từ dòng sông. Chàng nhắm mắt theo dõi tiếng còi tàu xuôi dòng sông đến tận cây cầu xa tít. Chất bourbon bắt đầu ngấm.

Tiếng nói của bà cô nghe van vỉ lẫn trong tiếng còi tàu:

- Mình nói chuyện khác đi, Adam...

Vẫn nhắm mắt, Adam nói:

- Ngay từ lúc còn nhỏ, con đã bị lịch sử hấp dẫn. Con thích nghe những chuyện ngày xưa, nhất là những chuyện có thật xảy ra trên đất nước này. Người xưa sống ra sao? Những người tiên phong đến đây khi cả lục địa này còn mênh mông, vắng vẻ với vài bộ lạc Da Đỏ, những đoàn xe ngựa đi về phía mặt trời lặn, những chàng cao bồi, những chiến sĩ Da Đỏ, cuộc định cư ở miền Tây, cuộc đổ xô đi tìm vàng... Hồi học lớp 4, con có thằng bạn học khoe ông cố, ông sơ nó ngày xưa là tướng cướp từng nhảy từ lưng ngựa lên toa xe hỏa đang chạy, cướp vàng bạc của nhà nước rồi đem đi chôn giấu ở biên giới Mexico. Nó nói khi lớn, nó sẽ thành lập một nhóm đi tìm nơi giấu vàng của ông cố, ông sơ nó. Bọn bạn học kính phục nó lắm. Nó hứa sẽ tuyển chọn vài thằng cùng lớp cho đi theo. Con và vài đứa khác nghi nó nói dóc nhưng bọn con không đủ lời lẽ và chứng cứ để chứng minh nó bịa chuyện. Đúng ra bọn con tuy nghi nhưng cũng mong đó là chuyện thật cho hấp dẫn. Thời ấy con thắc mắc vì các bạn con đứa nào cũng có ông nội, ông ngoại mà con thì không có.

Lee nén tiếng thở dài:

- Con có hỏi ba con không?

- Có. Ba con nói là các ông chết hết cả rồi. Cứ mỗi lần thấy con hỏi ba con về chuyện ông nội, ông ngoại là má con lại có vẻ sợ hãi. Má con nhiều lần dặn con đừng hỏi nữa vì chuyện đó làm ba con buồn phiền, ba con lại nghỉ đi làm, lại nằm nhà, đóng cửa kín mít trong cả tháng trời. Con hỏi tại sao chuyện ông nội, ông ngoại lại làm ba con buồn, má con chỉ nói mai sau con lớn, con sẽ biết. Con không có được giây phút nào thân thiết với ba con. Khi lớn lên, con mơ hồ nhận thấy ba con là một người kỳ lạ. Ba con khổ sở vì một nguyên nhân nào đó mà con không biết. Nhưng con chẳng bao giờ nghĩ rằng ba con lại có thể tự tử.

Nhiều phút trôi qua trong im lặng.Hai cô cháu uống rượu và nhìn ngắm dòng sông.

Cuối cùng Adam lên tiếng. Chàng đứng vịn tay vào thành lan can, nhìn xuống dòng sông:

- Cô đến khám Tử hình lần nào chưa?

- Chưa! Lee trả lời thật nhỏ, nghe như tiếng thì thầm.

- Ông ở đấy gần mười năm mà cô chưa đến lần nào ư?

- Cô có viết thư cho ông ngay sau khi ông bị đưa về đấy. Sáu tháng sau ông mới viết trả lời. Ông bảo cô đừng đến. Ông không muốn cô nhìn thấy ông ở đấy. Cô viết cho ông hai thư nữa nhưng ông không trả lời.

Adam thở dài.

Bà cô của chàng ngậm ngùi:

- Đừng thương hại cô. Cô cũng mang tội lỗi ngập đầu. Khó nói hết ngay trong lúc này. Rồi cô sẽ nói.

Adam vẫn đứng quay lưng lại bà cô, đổi chuyện:

- Con sẽ ở lại Memphis một thời gian.

- Cô muốn con về sống luôn ở đây, ở với cô. Cô cháu mình có thể nâng đỡ nhau mà sống cho qua giai đoạn khó khăn này. Cô muốn nói... ông nội sẽ chết, phải không Adam?

Chàng tuổi trẻ gật đầu rồi cúi mặt.

- Bao lâu nữa?

- Hai hay ba tháng nữa. Quyền kháng cáo và thượng tố của ông đã hết rồi. Thời gian không còn nhiều nữa.

Lee mở lớn đôi mắt đẹp và buồn:

- Vậy thì tại sao con lại rước lấy những khổ sở này?

- Con cũng không biết rõ. Vì tình máu mủ chăng? Hay vì là luật sư, con thấy vẫn còn khả năng cứu được ông khỏi chết? Một cơ may trong cả ngàn không may. Con vẫn cứ phải làm hết sức và cầu xin một phép lạ.

- Cô cũng cầu nguyện ngày đêm.

Lee uống hết ly rượu. Adam bỗng quay lại, nhìn thẳng vào mặt cô:

- Con muốn hỏi cô vài câu về đời tư của cô, được không ạ?

- Con hỏi đi.

- Cô sống ở đây có một mình à? - Adam ngập ngừng - Vì con bảo cô về đây ở với cô nên con mới hỏi.

- Một mình. Ông chồng cô sống trong biệt thự của ông ấy ở ngoại thành.

- Ông ấy cũng sống một mình ư? Con chỉ tò mò thôi.

- Đôi khi. Ông ấy thích những cô trẻ, hai mươi, hai mươi ngoài. Thường là những em thư ký trong các ngân hàng của ông ấy. Cô phôn trước mỗi lần cô về biệt thự. Khi muốn đến đây, ông ấy cũng phôn trước. Cả hai việc ấy đều rất ít khi xảy ra. Cô không về

mà ông chồng cô cũng chẳng đến đây.

- Vậy thì tự do và thoải mái quá. Cô chú ai là người có sáng kiến dựng lên cái hợp đồng hôn nhân ấy?

- Cả hai. Vợ chồng cô đã sống yên vui như thế này từ mười lăm năm nay rồi.

- Hôn nhân gì mà kỳ lạ vậy?

Lee mỉm cười. Nàng hỏi lại:

- Tại sao lại không thể như thế nhỉ? Có gì là vô đạo đức đâu? Ông chồng cô kiếm được nhiều tiền, cô sống bằng tiền của ông ấy. Cô không xét nét gì đến đời tư ông ấy. Việc ông ấy gần mấy cô trẻ đẹp chỉ là chuyện giải quyết tình dục. Trước xã hội, cô và ông ấy vẫn là vợ chồng. Mỗi năm vợ chồng cô cùng xuất hiện bên nhau trước công chúng vài lần. Ông chồng cô có tiền, tại sao lại không cho ông ấy được sống vui vẻ, sung sướng?

- Thế còn cô? Cô có hạnh phúc không?

- Có chứ. Thường thì cô vẫn sung sướng, chỉ đôi khi cô thấy cô khổ sở thôi.

- Nếu ông ấy ngoại tình, tại sao cô không nộp đơn ly dị và đưa ông ấy ra khỏi cuộc đời cô? Nếu cô muốn, con sẽ đại diện cho cô.

Lee lại mỉm cười. Lần này ánh mắt nàng sáng lên, trìu mến:

- Không ly dị được đâu, luật sư của tôi ơi! Gia tộc Phelps là một gia tộc cổ xưa ở Mississippi. Hai trăm năm trước, ông cha họ là chủ đồn điền, bây giờ họ là chủ nhà băng. Họ không chấp nhận việc ly dị. Họ có mấy gia đình rất lớn, liên hệ chặt chẽ với nhau qua hôn nhân. Lẽ ra Phelps phải kết hôn với một cô em họ nhưng ông ấy bị cô quyến rũ. Gia đình ông ấy phản đối việc ông ấy lấy cô hết sức dữ dội. Nay nếu cô và ông ấy ly dị tức là mặc nhiên công nhận sự phản đối của gia đình ông ấy trước đây là quá đúng. Họ coi một người trong gia tộc ly dị là cả gia tộc mang tiếng. Cô chẳng thù oán gì ông ấy nên cô cũng chẳng muốn làm hại gia đình ông. Sống như thế này cô có tiền mà vẫn được tự do.

- Có bao giờ cô yêu ông ấy không?

- Có chứ. Khi mới gặp nhau và trong thời gian đầu mới kết hôn, cô và ông ấy yêu nhau tha thiết...

Ánh mắt đa tình, đa cảm của cô Lee lại sáng lên khi cô hồi tưởng dĩ vãng. Môi cô nở nụ cười hiền và buồn:

- Đúng là yêu nhau tha thiết... Đó là năm 1963, cô và ông ấy kết hôn mà không cần có sự đồng ý của đôi bên hai họ. Phelps dư khả năng tổ chức đám cưới linh đình nhất nước, nhưng cứ tưởng tượng ra cái cảnh bên nhà trai toàn là người lịch sự, sang trọng; bên nhà gái toàn những ông hung hăng bặm trợn không giống ai, cái cảnh ấy thật không hấp dẫn chút nào. Thêm vào đó là việc bà mẹ chú rể không thèm nói với cô dâu nửa câu, ông bố cô dâu đe dọa đem thập tự giá bện rơm tẩm xăng đến đốt ở cửa ngân hàng của chú rể. Các cô bên nhà trai không chịu đứng chụp ảnh với cô dâu... Những thảm cảnh chắc chắn sẽ xảy ra đó làm cho hai người yêu nhau lúc bấy giờ là cô và ông Phelps Booth thấy không nên làm đám cưới linh đình.

- Ông chú có biết ông nội con là...?

- Là người hoạt động Ba Ka ư? Lúc đầu thì không nhưng khi ông nội bị bắt thì tất nhiên phải biết. Chính cô nói cho ông ấy biết.

- Và phản ứng của gia đình Booth?

- Họ giữ thật kín. Họ làm như hoàn toàn không biết. Về mặt chịu giữ bí mật thì dòng họ Booth cũng có số điểm cao như dòng họ Cayhall.

- Như vậy nghĩa là ở đây có rất ít người biết cô là...

- Con gái ông Sam Cayhall - Lee tiếp lời. Cô lắc đầu - Rất ít người biết. May cho co.

- Cô xấu hổ?

- Xấu hổ chứ! Ai lại không xấu hổ khi có một ông bố như thế!

Giọng Lee bỗng đầy cay đắng:

- Cô mong con đừng có những tưởng tượng lãng mạn và hão huyền về một ông già đáng thương đang chịu khổ đau trong khám Tử hình, ông già sắp bị người đời đóng đinh một cách oan ức.

- Cô không có chút tình nào với ông nội con sao?

- Đôi khi. Có những ngày đẹp trời, nắng vàng, gió mát, chim hót trong vườn cây, hoa nở... Đang sung sướng bỗng cô nhớ đến ông, cô bồi hồi. Trái tim cô đang phơi phới bỗng trầm xuống, nặng như đá.

Lee ngước mặt lên nhìn anh cháu:

- Nhưng cô phải nói những lúc cô cảm thấy như thế thật ít khi xảy ra. Ông bố cô đã làm khổ quá nhiều người, làm khổ cả những người thân của ông. Ông bố cô đã giết hai anh em sinh đôi nhà Krames, giết luật sư Krames, giết con trai của chính ông... Không biết ông còn giết những ai khác nữa. Ông bố cô sống với hận thù và gieo rắc hận thù... Cô có thù hận ông cũng chẳng có gì lạ.

- Vậy thì chúng ta nên giết ông ấy đi! Còn để ông ấy sống làm chi nữa?

Người đàn bà kêu lên:

- Cô không nói thế! Đừng bất công với cô. Cô vẫn thương ông, vẫn cầu nguyện cho ông mỗi ngày, mỗi đêm. Cô từng cả triệu lần đặt câu hỏi với những bức tường trong nhà này: tại sao ông bố của cô lại hoá thành con người ghê tởm đáng sợ đến như thế? Tại sao ông bố của cô lại không là một ông già hiền lành, chiều chiều ngồi ghế xích đu trước hiên nhà, hút ống píp, uống ly rum cho ấm dạ dày? Cõi đời này có cả triệu triệu ông già như thế, tại sao ông bố của cô lại là một lão sát nhân gớm ghiếc, quái quỉ, một lão già mò mẫm đi giết trẻ con để bị người ta bắt nhốt như nhốt một con vật...

Chàng trai xúc động trước cơn biểu lộ tình cảm của người cô, nhưng chàng vẫn bình tĩnh nói đến một khía cạnh của luật pháp:

- Có thể là ông con không có ý định giết ai cả, ông chỉ đặt bom đe dọa thôi.

- Không hay có thì hai đứa nhỏ ấy cũng đã chết rồi. Chết tan xác vì trái bom. Trái bom ấy do chính tay ông bố cô đặt hay do đồng bọn thì cũng vậy thôi. Ông có mặt ở chỗ gài bom. Ai cần gì biết đến chuyện gài bom để đe dọa hay là để giết người.

- Với luật pháp thì chuyện đó quan trọng lắm đấy, cô ơi...

Lee đứng bật dậy, nắm tay Adam:

- Ra đây.

Ada, theo cô ra đứng ở đầu ban công. Lee chỉ tay về phía dãy nhà cao tầng của Memphis đằng xa:

- Toà nhà trắng đó, mặt tiền hướng ra sông. Toà nhà thứ hai từ đầu bên trái đi vào. Thấy không?

Adam gật đầu:

- Dạ, thấy.

- Toà nhà ấy hai mươi tầng. Đếm từ tầng trên cùng xuống. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu. Tầng thứ sáu tính từ trên mái xuống. Thấy không? Rồi. Đếm từ bên trái vào. Cửa sổ thứ tám. Thấy chưa? Biết ai ở trong căn phòng thứ tám ấy không?

- Làm sao con biết được? Ai ạ?

- Ruth Krames.

- Ruth Krames? Bà vợ luật sư Krames? Bà mẹ hai em nhỏ sinh đôi.

Lee gật đầu.

- Cô có quen bà ấy không?

- Gặp nhau vài lần, thường là gặp trong những buổi họp của các bà để gây quĩ từ thiện. Bà ấy biết cô là Lee Booth, vợ chủ nhà băng Phelps Booth, thế thôi. Cô vẫn tránh đối mặt hay nói chuyện với bà ấy. Nhiều lúc cô nghĩ vẩn vơ nếu cô hỏi bà ấy nghĩ sao về tử tù Sam Cayhall, không biết bà ấy sẽ nói gì...

Adam nhìn ngây khung cửa sổ toà nhà cao tầng tít đằng xa:

- Con chắc bà ấy vẫn còn cay đắng lắm.

- Chỉ cay đắng thôi ư? Bà ấy bị mất chồng, mất con, mất tất cả. Bà ấy không lấy chồng khác. Bà ấy có để ý gì đến chuyện ông bố của cô khi gài bom có ý định giết các con bà ấy hay là chỉ đe dọa. Bà ấy chỉ biết các con bà ấy bị chết thảm vì trái bom thôi. Và bà biết trái bom ấy do ông bố của cô gài. Nếu đêm ấy ông bố cô ở nhà uống rượu, đánh bài, xem ti-vi hay làm bất cứ việc gì như những ông bố khác; nếu đêm ấy ông đừng mò mẫm đi làm cái việc xuẩn ngốc nhất đời là đi gài bom nhà người ta, hai anh em song sinh Josh, John đã không chết. Nếu hai anh em đó sống, năm nay chúng đã 27, 28 tuổi. Hơn cả tuổi con. Chắc chắn là chúng có vợ đẹp, con khôn, Ruth và Marvin Krames đã là ông nội, bà nội.

Lee lùi lại. Cô ngồi vào chiếc ghế mây và lơ đãng rót rượu ra ly:

- Đừng nghĩ oan cho cô - Lee nghẹn ngào - Cô chống lại án tử hình. Cô là người đàn bà da trắng duy nhất trong bang này có ông bố đang chờ chết trong khám tử hình. Án tử hình là dã man, vô luân, tàn ác, không cần thiết. Cô thấy như thế đó. Nhưng ta đừng quên những nạn nhân, ta không được quên những nạn nhân. Họ có quyền đòi báo thù. Họ có quyền được trả thù.

Adam cũng đi trở về ghế. Chàng ngồi trên thành ghế, quay lưng ra dòng sông. Lee uống một hớp rượu lớn.

- Cô ơi... cô Lee...

Chàng trai khổ sở gọi tên người thiếu phụ như sợ mình nói mà không được chú ý nghe:

- Cô Lee ơi... Bây giờ chúng ta phải làm gì?

Không nhìn anh cháu, Lee chỉ nói:

- Con ơi... cô không biết.

Hai người lại im lặng. Nhưng chỉ một phút sau, chàng trai đã lấy lại được bình tĩnh. Chàng quyết định, giọng nói cương nghị không còn rung động nữa:

- Con đã đến đây. Con ở lại đây. Sáng mai con đi gặp ông. Con sẽ thuyết phục ông cho con làm đại diện.

Người đàn bà khẽ hỏi:

- Giữ kín được không, con?

- Giữ kín việc con là cháu ông ư? Con thì chẳng cần khai báo việc ấy với ai hay đem nó ra khoe với ai cả, nhưng con chắc dù ta có giữ kín đến mấy đi nữa rồi người ta cũng biết. Ông nội là một nhân vật nổi tiếng, dư luận sôi nổi một thời vì vụ án của ông. Báo chí sẽ khai thác đời tư của ông để bán báo...

- Nếu họ biết... có hại gì cho con không?

- Con thì không. Con là luật sư. Luật sư bảo vệ bọn bất cóc con nít, bọn hiếp dâm, bọn giết người, bọn buôn bán ma túy, bọn khủng bố. Luật sư chẳng được ai yêu mến. Chẳng có hại gì cho con cả khi thân chủ của con lại chính là ông nội con.

- Công ty của con có biết không?

- Hôm qua con đã nói cho họ biết. Con chỉ đến làm việc ở Công ty này vì họ từng đảm nhiệm việc biện hộ miễn phí cho ông Sam Cayhall. Ngay khi đến, con không nói chuyện đó với họ, bởi vậy có vài ông chóp bu ở đó bất mãn. Con đã sai lầm khi không nói cho họ biết ngay. Nhưng rồi cũng xong, họ vẫn thuận cử con đến gặp ông Sam Cayhall để xin làm luật sư đại diện cho ông, dù là đại diện miễn phí. Thân chủ Sam Cayhall đã đuổi, không cho Công ty Kravitz Bane phục vụ. Hiện lúc này ông không có luật sư. Ngày mai con sẽ phải xin ông ký giấy trao quyền.

- Nếu ông không chịu thì sao?

- Con sẽ phải năn nỉ ông thôi.

- Nhưng... nếu ông cứ nhất định không chịu?

Chàng trẻ tuổi thở dài:

- Thì chúng ta sẽ thoát. Sẽ không ai biết Lee Booth là con gái của tử tù Sam Cayhall. Con sẽ trở về Chicago và chờ xem trên đài người ta tường thuật vụ tử tù Sam Cayhall bị hành quyết ở nhà tù Parchman, Mississippi. Năm tháng trôi qua, sẽ có một ngày đẹp trời nào đó, một chiều thu vàng chẳng hạn, con sẽ lái xe về miền Nam, đem bó hoa đến đặt trước mộ ông. Con sẽ đứng đọc tên ông trên mộ bia và tự hỏi tại sao ông lại làm những việc ông đã làm, vì sao ông lại trở thành người tù khốn khổ, khốn nạn đến như thế, tại sao con lại sinh vào cái dòng họ tồi tàn này... Những câu hỏi con tự hỏi trong nhiều năm mà không tìm được câu trả lời. Con sẽ đến rủ cô cùng đi thăm mộ ông. Cô cháu ta đến thăm ông ở nghĩa địa. Cũng là đoàn tụ gia đình. Cô sẽ mang kính đen, đội mũ vành sụp xuống mắt. Sẽ không ai nhận ra cô...

Chàng ngừng lại vì những giọt nước mắt lặng lẽ lăn trên má bà cô. Chàng cũng rơm rớm nước mắt:

- Con xin lỗi cô... Con xin cô...

(còn tiếp)

BÚT CHÌ phụ-trách

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Giải quẻ dịch

Hỏi: Xin bác BC giải-thích thật gọn về ý-nghĩa 64 quẻ dịch, như *Kháng long hữu bối, Thủy thiên nhu*, v.v. Cháu xem sách, thấy viết dài và khó quá, cháu không hiểu.

Nghiêm Văn Minh
California

Đáp: Dịch có 64 quẻ, bao trùm mọi hoàn cảnh và đưa ra một chỉ hướng hành-động. Các quẻ ấy là:

1) *Càn vi thiên* (kháng long hữu *hối*, không phải hữu *bối)*: con rồng non mà bay cao quá, không làm chủ được tình-thế, dễ bị rơi xuống.

2) *Khôn vi địa* (hiền như ngựa cái): nhẫn-nại né-tránh nhưng trước đối-lực quá lớn, giữ sức chờ lúc trả đũa.

3) *Thủy lôi độn* (mầm non nảy trong khối tuyết): rất khó-khăn, nhưng có hi-vọng, nên chuẩn-bị thật chu-đáo, chờ đúng dịp là vươn lên ngay.

4) *Sơn thủy mông* (cậu bé ngồi trong căn nhà tối): mở đầu nhỏ bé, phải học-tập, rút kinh-nghiệm, kiên-nhẫn, bền chí.

5) *Thủy thiên nhu* (đợi đò sang sông): đã có thực-lực, chờ đúng lúc để hành-động, không đúng lúc không xong.

6) *Thiên thủy tụng* (gặp kẻ ưa tranh kiện): tránh những va chạm vô-ích và không cần-thiết, nếu cần thì tạm ẩn mình để đạt thắng-lợi cuối-cùng.

7) *Địa thủy sư* (nỗi khổ của người lãnh-đạo): phải tiến tới và chiến-thắng.

8) *Thủy đại tỷ* (nước tràn đồng): có nước thì lúa mọc mạnh, bên cạnh đó, cỏ cũng thi nhau mọc, nên để ý các mầm-mống đối-nghịch nhau.

9) *Phong thiên tiểu súc* (trời chuyển mưa mà không mưa): chưa tới lúc phát-động.

10) *Thiên trạch lý* (dẫm lên đuôi hổ): gặp lúc chí nguy, phải phát-huy tận lực để tự cứu.

11) *Địa thiên thái* (thuận buồm xuôi gió): mọi việc thuận lợi.

12) *Thiên địa bĩ* (bước vào ngõ cụt): nên tìm một lối thoát êm đẹp để tự tồn, không nên vùng vẫy tuyệt-vọng.

13) *Thiên hỏa đồng nhân* (lúa chiêm gặp sấm): đã có lực sẵn, nhưng cần thêm người giúp mới thành-công.

14) *Hỏa thiên đại hữu* (mặt trời giữa đỉnh): thời-cơ cực thịnh, làm gì cũng thành, nhưng nên trấn-tĩnh để khỏi xuống dốc.

15) *Địa sơn khiêm* (thóc đầy kho): thế-lực lớn, nhưng không nên tỏ ra kiêu-ngạo làm mất lòng người.

16) *Lôi địa dự* (đắp lũy đào hào): vừa chiến-thắng, đang lúc an lành, nhưng cần chuẩn-bị mọi mặt.

17) *Trạch lôi tùy* (sấm dậy không đúng lúc): đang ở thế chủ-động chuyển sang bị-động.

18) *Sơn phong cổ* (trong ruột hoá giòi): phải tìm kiếm và hóa giải các mâu-thuẫn nội-bộ.

19) *Địa trạch lâm* (tùy cơ ứng biến): có một chủ-trương nhất-định, nhưng cần uyển-chuyển, linh-động trong cách hành xử để thành-công.

20) *Phong địa quan* (nhìn vào gió lớn): bình-tĩnh nghiên-cứu trong lúc dông gió mù trời, tránh những quyết-định nhầm-lẫn.

21) *Hỏi lôi phệ hạp* (phải đập vỡ): đừng tiếc rẻ, phải đập vỡ vật chướng-ngại chen vào giữa mới tiến nổi.

22) *Hỏa sơn bí* (bùng lên rồi tắt ngấm): sau buổi chiều rực-rỡ là đêm tối.

23) *Sơn địa bác* (núi sập): tình thế vô phương cứu chữa.

24) *Địa lôi phục* (chờ xuân đến): sửa đổi cách làm việc, tập-trung sức mạnh, chờ xuân đến để bung ra.

25) *Thiên lôi vô vọng* (bình tĩnh nhận xét): chấp-nhận hoàn-cảnh khó-khăn, bình-tĩnh tìm lối thoát.

26) *Sơn địa đại súc* (tích thóc vào bồ): dưỡng trí, tích lực, mưu chuyện lâu dài.

27) *Sơn lôi dĩnh* (săn mồi): liệu sức mà phát-động.

28) *Trạch phong đại quá* (vai mang quá nặng): sau một chiến-thắng quá sức là lúc yếu nhược nhất, nên cẩn-thận.

29) *Khảm vi thủy* (mưa lũ tràn tới): nhô đầu lên khỏi mặt nước để khỏi bị nhận chìm.

30) *Ly vi hoả* (nắng đầu mùa): khí-thế đang lên, nhưng cũng nên lưu tâm kiểm-soát.

31) *Trạch sơn hàm* (niềm vui tân hôn): chụp lấy thời cơ, thu-phục nhân tâm trong lúc lòng người còn bồng-bột.

32) *Lôi phong hằng* (nắm vững lẽ thường): tìm ra lẽ tất thắng rồi mới ra quân, không nên vọng động phí sức vô ích.

33) *Thiên sơn độn* (chạy là hơn): vận khí kém, nên chạy để tránh thiệt hại nặng.

34) *Lôi thiên đại tráng* (ngựa phi nước đại): sức lực sung mãn, nhưng phải cẩn thận gìn giữ, không nên phung-phí.

35) *Hoả địa tấn* (ánh nắng ban mai): dấu hiệu của một ngày đẹp trời, một bước khởi-hành tốt đẹp.

36) *Địa hỏa minh di* (vầng thái dương rơi xuống): mất ánh sáng, bị bao vây, tấn công.

37) *Phong hỏa gia nhân* (lửa bếp): lui về với vườn nhà.

38) *Hoả trạch tắng* (hết lúc hòa hợp, chịu-đựng): bất hòa, xung đột xảy ra.

39) *Thủy sơn kiển* (băng giá làm tê cóng tay): nên dừng lại, tránh nguy

hiểm quá lớn trước mặt.

40) *Lôi thủy giải* (tuyết tan dưới nắng): thời cơ tới, nên nắm lấy.

41) *Sơn trạch tổn* (biết chia chác): nên bỏ ra con tép để câu bắt con tôm.

42) *Phong lôi ích* (biết lợi ích chung): nên nhìn sự việc một cách toàn diện, tôn trọng như liên đới về quyền-lợi.

43) *Trạch thiên quyết* (hổ gầm dưới trăng): một nhà độc tài đã tới mức điên cuồng.

44) *Thiên phong cấu* (chuyện bất ngờ xảy đến): kế hoạch hỏng.

45) *Trạch địa thúy* (sự tụ tập): nên hỏi kế người chung quanh.

46) *Địa phong thăng* (hạt giống mới gieo): chưa biết tốt xấu thế nào, tùy sự chuẩn bị và săn sóc.

47) *Trạch thủy khốn* (cây bị hãm trong chậu): sự thử thách rất lớn, nếu vượt qua được thì thành công rực rỡ.

48) *Thủy phong tỉnh* (giếng nước): gặp thời, nhưng phải biết sử dụng tha lực chung quanh.

49) *Trạch hỏa cách* (biến đổi lớn lao): phải thay đổi những lề lối cũ.

50) *Hỏa phong đỉnh* (tập hợp mọi nỗ lực): như cái đỉnh phải có đủ ba chân mới đứng được.

51) *Chấn vi lôi* (sấm sét ầm ầm): sấm lớn nhưng tác hại nhỏ.

52) *Cấn vi sơn* (núi sừng sững): biết dừng lại, nghiên cứu địch tình và sức mạnh của mình.

53) *Phong sơn tiệm* (loài thủy điểu bay lên): đến lúc tiến lên, nhưng phải sắp xếp kế hoạch từng giai đoạn.

54) *Lôi trạch qui muội* (thị nữ của vua): lâm vào tình thế bị trói tay, phải biết dùng mềm chống cứng.

55) *Lôi hỏa phong* (mặt trời buồn): mặt trời lên đến đỉnh cao và bắt đầu đi xuống.

56) *Hỏa sơn lữ* (lữ khách phiền muộn): bất ổn, lo buồn.

57) *Tốn vi phong* (hoa gặp gió lớn): phải tìm thế lớn để nương tựa.

58) *Đoài vi trạch* (miệng lưỡi là gốc của họa phúc): coi chừng va miệng.

59) *Phong thủy hoán* (buồm căng gió): vận thế đang lên, nhưng phải biết cách kiểm soát và cẩn-thận.

60) *Thủy trạch tiết* (đốt tre huyền diệu): phải biết tiết chế, khi mềm khi cứng.

61) *Phong trạch trung phù* (trứng sắp nở): thời cơ chín mùi, nhưng phải biết cách vận dụng mọi việc xảy ra theo ý mình.

62) *Lôi sơn tiểu quá* (đời sống không hòa thuận): nội-bộ lủng-củng.

63) *Thủy hỏa ký tế* (thành công hoàn toàn): bắt tay chỉnh đốn, sửa sang cho đời sau.

64) *Thủy hỏa vi tế* (còn phải cố gắng nhiều): không được ngủ quên trên chiến thắng.

Chiến-lược Hoa-Nhật

Hỏi: 1) Tôi đọc nhiều sách, thấy người Trung-hoa thích chiến-lược đấu-tranh trường-kỳ, còn người Nhật và người Mông-cổ thích tốc chiến tốc thắng. Xin cho biết đặc-tính của chiến-tranh trường-kỳ như thế nào?

3) Người Trung-hoa phân-biệt "thất loại hòa-chiến" và cho rằng không bao giờ có thứ gọi là "hòa-bình" thực sự. Điều này có nghĩa gì?

Trương Văn Thành
Montreal

Đáp: 1) Các nhà quân-sự Trung-hoa chọn lối đánh lâu dài (trì cửu chiến) trong thời-kỳ kháng Nhật. Nguyên-tắc Trì cửu chiến sinh ra 5 chiến-lược:

- Nặng về chính-trị hơn quân-sự.
- Nặng về dân hơn quân.
- Nặng về tuyên-truyền hơn tác chiến.
- Vận-dụng tổ-chức, hoàn chỉnh ba mặt Đảng-Chính-Quân.

Từ 5 chiến-lược này dẫn tới 4 chiến-pháp:

- Địch tiến ta rút.
- Địch đóng ta khuấy.
- Địch mệt ta đánh.
- Địch thoái ta đuổi.

2) Thất loại hoà-chiến là bảy loại chiến-tranh "không tiếng súng": Chiến-tranh tư-tưởng (Ideo-logical war), Chiến tranh chính trị (Political war), Chiến tranh ngoại giao (Diplomatic war), Chiến tranh văn hóa (Cultural war), Chiến tranh kinh tế (Economic war), Chiến tranh tuyên truyền (Publicity war), Chiến tranh gián điệp (Intelligence war).

Hòa-bình, theo quan-niệm trên, là giai-đoạn chiến-tranh "không tiếng súng." Đó là thứ "hòa chiến" theo quan-niệm "hoà bình là đấu-tranh" *(La paix est lutte)* của người Pháp. Nó cũng phù-hợp châm ngôn "hòa bình giảng võ, loạn thế độc thư" của người Trung-hoa thời cổ. Đây là ý-thức rõ-rệt nhất về sự liên-hệ giữa hoà-bình và chiến-tranh.

"Nàng thơ" của Hữu Loan là ai?

Hỏi: Nghe nói nhân vật nữ trong bài thơ *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan là một người có thật, vợ thật của tác giả, và cũng chết thật như trong thơ, không biết có đúng không?

Hạ Hoa
Mississauga

Đáp: *Màu tím hoa sim* là bài thơ tự tình, kể toàn chuyện thật đời của tác-giả, Hữu Loan.

Người con gái trong bài thơ, tên thật Lê Đỗ Thị Ninh, là người vợ đầu của Hữu Loan.

Hữu Loan, năm nay 80 tuổi, hồi 1937 còn là học sinh Collège Thanh-hóa. Ông nổi tiếng học giỏi nên nhiều nhà giàu có muốn rước về dạy kèm cho con cái của họ. Hữu Loan nhận lời về dạy tư cho các con bà Đái thị Ngọc Chất và ông Lê Đỗ Kỳ. Ông Kỳ lúc ấy làm Tổng Thanh-tra Nông-Lâm, rất giàu, sống trong Nam với bà hai.

Bà Chất đối xử với Hữu Loan như con em trong nhà, rất quí mến. Con út của bà, cô Lê Đỗ Thị Ninh, lúc đó mới 8 tuổi, đem lòng quí mến Hữu Loan một cách đặc-biệt, luôn luôn tự tay săn-sóc áo quần, miếng ăn giấc ngủ cho ông mặc dù trong nhà đầy những gia nhân. Bà Chất biết chuyện nhưng không nói gì, còn có ý ngấm ngầm xây dựng chuyện tương-lai cho đôi trẻ sau này. Riêng Hữu Loan, năm đó 24 tuổi, coi như Ninh như em gái.

Có lần Hữu Loan dọn ra ở riêng, vì bà Chất không chịu lấy tiền ăn, tiền ở. Khi ông ốm nặng, bà Chất lại cho người đón về để tiện săn sóc. Hữu Loan nợ nhà họ Lê-Đỗ món nợ ân tình rất lớn.

Sau tháng 8.1945, Hữu Loan trở thành cán-bộ phụ-trách ban Tuyên Huấn khu 4 (Nghệ-an), làm báo *Chiến-sĩ* cùng Nguyễn Đình Tiên (tác giả bài thơ *Mai chị về*). Tiên là em họ bà Chất, là cậu của cô Ninh.

Sau một lần về phép gặp bà Chất ở Thanh-hóa, Tiên cho Hữu Loan biết là cô Ninh vẫn một lòng thương yêu Hữu Loan, và bà Chất cũng muốn ga cô Ninh cho ông. Ban đầu Hữu Loan không chịu, vì trước sau vẫn xem Ninh như em; nhưng Nguyễn Đình Tiên nói khó, bảo "mày không lấy nó là mấy bạc", Hữu Loan mới về Thanh lấy vợ. Năm đó Lê Đỗ Thị Ninh mới 17 tuổi, Hữu Loan 33, trong đám cưới ông mặc áo trận mang giày đinh, râu ria xồm xoàm như ông lão, nên có câu thơ *Nàng cười xinh xinh bên anh chồng độc đáo*. Cưới xong, nghỉ phép được 30 ngày, Hữu Loan trở lại đơn-vị. Ba tháng sau bà Chất qua đời, và sau đó ít lâu cô Ninh xẩy chân ngã xuống sông Thị Long, chết đuối. Câu thơ *Gió sớm thu về, rờn-rợn nước sông* là do chi-tiết này.

Năm năm sau, Hữu Loan tục huyền, hai vợ chồng sinh được 11 đứa con.

Thêm một chi-tiết nữa, ba người anh của cô Ninh *"từ chiến-trường Đông Bắc, được tin em gái mất trước tin em lấy chồng"* cũng là người thật, là: Lê Đỗ Khôi (chết trận Điện Biên), Lê Đỗ Nguyên (tướng VC Phạm Hồng Cư) và Lê Đỗ An (Nguyễn Tiên Phong).

Vè Khâm-sai

Hỏi: 1) Trong bài *Phong trào Cần vương qua thi-ca* đăng trên *Làng Văn* số 138 trước đây, tác-giả Đào Đức Chương có nhắc đến bài *Vè Khâm-sai*. Tác-giả bài vè này là ai, được in trong sách nào?

2) Xin cho biết về các địa-danh trong tỉnh Quảng-nam.

Một độc giả
Ottawa, Gia-nã-đại

Đáp: 1) Bài vè *Khâm sai* là sáng tác dân gian, thuộc văn chương truyền khẩu nên không biết tác giả là ai; có trong các sách sau:

- *Thơ văn quốc cấm thời thuộc Pháp* của Thái Bạch.
- *Thi ca châm biếm và trào lộng VN* của Hoàng Trọng Thược.
- *Văn học VN* do nhóm Vũ Đình Liên biên soạn.
- *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19* do nhóm Chu Thiên biên soạn.

2) Địa danh trong tỉnh Quảng Nam: Theo *Đại Nam nhất thống chí*, năm 1801 Nguyễn Ánh chiếm lại vùng đất phía nam đèo Hải Vân, đặt dinh Quảng Nam gồm hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn. Năm Gia Long thứ 5 (1806) đem đất Quảng Nam lệ vào kinh đô, gọi là trực lệ Quảng Nam. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827) bỏ Trực Lệ, Quảng Nam có chức Trấn thủ cai quản. Minh Mạng thứ 13 (1832) phân chia các tỉnh, Quảng Nam là tỉnh lớn nên được thống lãnh tỉnh Quảng Ngãi, đặt chức Tuần phủ Nam Ngãi trông coi 2 tỉnh. Minh Mạng thứ 15 (1834) Quảng Nam đổi là Nam Trực. Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) đặt chức Tổng đốc Nam Ngãi, Quảng Nam lãnh 2 phủ, gồm 6 huyện:

- Phủ Điện Bàn có 3 huyện:

a. Huyện Diên Phước nguyên có tên là Diên Khánh, Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi thành Diên Phước, sau này lấy tên phủ làm tên huyện và giữ mãi tên huyện Điện Bàn đến ngày nay; thời Nguyễn lãnh 10 tổng, gồm 256 làng.

b. Huyện Hoà Vang ở tận cùng phía bắc của tỉnh, đầu triều Nguyễn đặt tên như hiện nay, thời ấy có 7 tổng gồm 158 làng.

c. Huyện Duy Xuyên, thời Lê gọi là Hi Giang, nhà Nguyễn đổi là Duy Xuyên và giữ tên ấy đến nay, lãnh 9 tổng gồm 188 làng.

- Phủ Thăng Bình có 3 huyện:

a. Huyện Lễ Dương, đời Lê tên là Lê Giang, nhà Nguyễn đổi là Lễ Dương, nay là Thăng Bình, có 8 tổng gồm 217 làng.

b. Huyện Hà Đông ở tận cùng phía nam tỉnh, đời Lê gọi là Hà Đông, thời Nguyễn vẫn giữ tên ấy, sau đổi thành huyện Tam Kỳ, có 6 tổng gồm 224 làng.

c. Huyện Quế Sơn thành lập năm Minh Mạng thứ 17 (1836) lấy 4 tổng của Duy Xuyên và 1 tổng của Lễ Dương hợp thành 5 tổng có 144 làng.

Thời Việt Nam Cộng Hoà, năm 1962 thành lập tỉnh Quảng Tín, tỉnh Quảng Nam được giới hạn từ đèo Hải Vân đến con lộ cắt ngang theo hướng tây đông, từ Dak Klan (gần biên giới Lào) đến phía nam huyện Quế Sơn (Thăng Bình thuộc Quảng Tín). Quảng Nam có 9 huyện là Hoà Vang, Hiếu Đức, Đại Lộc, Điện Bàn, Hiếu Nhơn, Thường Đức, Duy Xuyên, Đức Dục và Quế Sơn.

Hiện nay, Quảng Nam có 14 huyện: Hoà Vang, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Núi Thành, Hiên, Giằng, Phước Sơn, Trà My và quần đảo Hoàng Sa.

(Đào Đức Chương)

---

gôm

Làng Văn số 144, cuối trang 72 (bài *Đọc sách Trà Lũ* của Tiểu Đăng), vì trục-trặc kỹ-thuật, bị sót một đoạn giữa trang 72 và trang 73 như sau. Xin bổ-túc (đoạn chữ nghiêng):

"Trên thì móm mém nhai không vỡ; dưới lại chun choăn nhét *chẳng vào, thì nghe hãi lắm, không dám trích.*

"Gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi"

và:

"Trai Hóc Môn vừa hôn vừa móc"

Và sau đây là 3 chuyện tiếu lâm, một Mỹ, hai Việt:

. Vợ chồng tổng thống Cavin Coolidge đến thăm trại nuôi gà. Phu nhân được hướng dẫn đi đầu. Bà dừng lại quan sát một chuồng gà. Nó đặc biệt vì chỉ có một con trống bên trong..."

Tòa-soạn xin tạ lỗi cùng tác-giả và quí độc-giả.

đọc sách

Đọc Thơ

Tiểu Đăng

Hôm nay, trước khi đưa ra giới thiệu với các bạn mấy tập thơ, tôi xin được cùng các bạn thảo luận một chút về vấn đề "thế nào là một bài thơ hay", và "thế nào là một tập thơ hay".

Có lẽ chúng ta dễ đồng ý với nhau trong việc trả lời câu hỏi thứ nhì: Một tập thơ hay gồm nhiều bài thơ hay. Chúng ta nói "nhiều", mà không nói "toàn", vì không bao giờ có một tập thơ chỉ gồm toàn những bài thơ mà ai cũng nhận là hay. Vả lại, trong thực tế của thi ca, đã có những bài tác giả nghĩ là hay nhưng người đọc không cho là hay, hoặc ngược lại; và cũng có khi những người đọc không đồng ý với nhau về giá trị của những bài thơ của cùng một tác giả. Không nói đâu xa, trong phạm vi thơ Đường, sự lượng giá nhiều khi cũng chỉ là vấn đề cảm quan rất tương đối. Trong khi người Việt yêu thơ Đường, thích hai bài *Trường Hận Ca* và *Tì Bà Hành* của Bạch Cư Dị, thì chính tác giả lại không trân trọng hai thi phẩm này. Trong khi có rất nhiều tuyển tập thơ Đường chọn bài *Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ* của Trương Nhược Hư, thì cuốn *Đường Thi Tam Bách Thủ* (rất thông dụng ở Việt Nam) của Quảng Ích Thư Cục lại loại ra. Tóm lại, mỗi người một ý, người thưởng thức khác tác giả, và cũng khác với những người thưởng thức khác. Và chúng ta thử đặt một giả thuyết: Có một nhà thơ làm được 1.000 bài thơ, muốn chọn 100 bài hay hơn cả để in thành một tập, và nhờ độc giả chọn giùm. Chúng ta có thể tin chắc một điều là hễ có bao nhiêu người chọn, thì có bấy nhiêu tập thơ khác nhau, số bài trùng ít, mà số bài khác nhiều. Rồi nếu tác giả tự mình chọn lại trong số những bài đã được chọn, thì chắc sẽ có được một tập thơ hay cho văn học sử. Nhưng trong thực tế, không làm gì có một chuyện lý tưởng như vậy. Người làm thơ có cái tâm sự của người sáng tạo; người đọc thơ có cái cảm quan của người thưởng thức. Cứ để hai cái ấy tự do gặp nhau trên trang thơ. Rồi cuối cùng, nếu tác giả là một thi tài, và thực tình có tâm sự lúc làm thơ, muốn dùng thơ để thổ lộ, và người đọc thơ là người hiểu được thơ, đánh giá được bài thơ, muốn tìm trong ý thơ những mối đồng cảm, thì sớm muộn gì họ cũng gặp nhau. Chúng ta gọi những tác giả kia là những nhà thơ "có tài có tình", và gọi những độc giả kia là những người "thực sự yêu thơ". Nếu chỉ có tài không thôi, mà không có chuyện gì đáng để nói ra bằng thơ, một tác giả chỉ có thể sáng tác những bài thơ vững vàng, điêu luyện, nhưng không cảm được lòng người. Đây là trường hợp văn học sử ngày xưa gọi là "vô bệnh thân ngâm". Còn về phần người đọc thơ thì hình như ngược lại: Cảm được bài thơ thì dễ, gần như tự nhiên. Nhưng đánh giá đúng một bài thơ thì không dễ. Vì thế, đa phần người đọc chỉ đánh giá những bài thơ qua cảm quan của mình. Họ cảm thấy bài thơ này, hoặc bài thơ kia là hay, không cần phải phân tích. Những nhà phê bình thơ nhiều khi cũng phải cầu viện đến cái cảm quan này, để đánh giá những thi phẩm.

Nếu không có một tập thơ nào gồm toàn những bài thơ hay, thì cũng không có một bài thơ nào gồm toàn câu hay, trừ khi bài thơ thật ngắn. Các bạn thử duyệt qua xem. Thơ Đường, thơ tiền chiến, thơ của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, thơ của Miền Nam trước 1975, và thơ Việt Nam hải ngoại. Có bài nào từ đầu chí cuối không có câu nào bạn không thích không? Nếu có, thì cũng là rất ít.

Một tác giả mỗi khi viết ra cái gì để phổ biến, là có chuyện gì đó muốn nói với người đọc. Nhưng tương quan giữa tác giả và người đọc là một tương quan bất công. Người đọc có quyền chọn tác giả, nhưng tác giả không có quyền chọn người đọc. Người đọc biết tác giả qua tác phẩm, nhưng tác giả không biết ai đang đọc mình. Người đọc không hiểu tác giả, hiểu lầm tác giả, tác giả không làm sao giải thích được. Vậy cho nên, tác giả nào cũng mong tìm được sự cảm thông của người đọc, càng nhiều càng tốt. Ngay những người đưa ra dị thuyết, đưa ra những chỉ trích đối với lề thói

xã hội, tuy không dám chủ quan tin tưởng ở sự thành công, nhưng vẫn âm thầm mong mỏi. Nếu tác giả không hi vọng có được cảm thông ở độc giả, thì không bao giờ tác phẩm dám chào đời.

Một người có chân tài và chân tình, làm thơ cho thiên hạ đọc, tức là đã có một giao ước ngầm với văn học và với độc giả: "Đây là những mảnh lòng của tôi, tôi thực sự xúc động nên mới nói ra. Tôi chọn thơ để gởi gắm, là vì cung bậc của tâm hồn tôi nó tự nhiên rung lên như thế. Tôi có chọn chữ, tôi có chọn vần, tôi có để ý đến bằng trắc, tiết điệu, nhưng những cái ấy đều đến sau, đều là thứ yếu. Ý của tôi hiện thành thơ, chớ không phải cách sắp chữ của tôi tạo ra bài thơ".

Nhưng bây giờ câu thơ, bài thơ thành hình rồi, nó đang ở trước mặt chúng ta, chúng ta căn cứ vào đâu để biết là nó hay, hoặc không hay? Tất nhiên đánh giá cho thật đích đáng, cho mọi người đồng ý, thì rất khó. Nhưng nếu chỉ cần "cảm thấy" thôi, thì không khó lắm. Điều kiện tối thiểu là có trình độ trung bình, và điều kiện tối thiết là thích thơ. Tôi gọi những người hội đủ hai điều kiện này là "quần chúng yêu thơ". Tất nhiên, có thơ xuất bản mà được những nhà văn nhà thơ lớn ngợi khen, thì ai cũng lấy làm vinh hạnh. Nhưng thật ra, những danh tác trở thành danh tác không phải là nhờ những người có thẩm quyền khen, mà chính là nhờ sự ái mộ của quần chúng độc giả. Nhưng có một điều khó cho các tác giả: Lời khen (thường chỉ là lời khen) của người có thẩm quyền thì công khai, mà sự ái mộ của độc giả thì khó thấy. Bởi vậy, tác giả nào cũng đành phải tạm hài lòng với những lời phẩm bình trong vòng vài năm sau khi tác phẩm ra đời. Còn việc tác phẩm có "được lòng" quần chúng độc giả hay không, đó là chuyện về sau, chuyện của văn học sử, chớ không phải chuyện của tác giả.

Với một vài khái niệm như trên, tôi mời các bạn hãy cùng tôi đóng vai trò quần chúng độc giả, đọc mấy tập thơ sau đây. Bạn nào ngâm được thì hãy ngâm lên. Thơ vốn không phải viết ra chỉ để đọc thầm như văn xuôi, mà là để đọc ra tiếng. Có đọc ra tiếng, mới nhận thấy hết cái hay của lời thơ.

Tất nhiên, tôi không thể trích dẫn tất cả những câu, những bài tôi cảm thấy hay. Như thế, không có nghĩa những gì không được trích ở đây, là không hay.

Và đây là cách chọn của tôi: Trước hết là tôi cảm thấy hay. "Cảm thấy" thì rất khó nói rõ là tại sao. Cũng giống như chuyện "hạp nhãn" vậy. Nó rất chủ quan, nên khó lý giải. Từ cái "cảm thấy hay" đó, tôi chọn ra hai ba câu, một hai đoạn trong một bài thơ, hoặc năm bảy bài trong một tập thơ nhiều chục bài. Rồi sau đó, tôi đưa lý luận vào để nhận xét, phần nhiều là để thấy bớt hay đi: Chữ này dùng không ổn, ý này gượng ép, lời này sáo, v.v... Đọc đi đọc lại nhiều lần mà vẫn thấy hay, thì tôi cho là hay.

Bây giờ, xin mời các bạn cùng tôi đọc những thi phẩm sau đây:

Thơ Tuệ Nga:
Mây Hương

Tập thơ không dày, và không có bài nào dài lắm. In giản dị trên giấy trắng, nhưng bìa rất trang nhã, và "hữu ý": Hai chữ *Mây Hương* được in trên nền mây. Độc giả trông thấy rõ mây; còn hương thì xin tưởng tượng ra vậy.

Chỉ lược qua các đầu đề, người đọc cũng biết ngay tác giả là một người có tín ngưỡng Phật Giáo: "Trăng thiền", "Quán tưởng", "Tiếng mõ huyền vi", "Dòng trăng vô lượng"... Nhưng xin các bạn đừng vội nghĩ thơ của Tuệ Nga chỉ chứa "đạo tâm". Không phải đâu. *Mây Hương* là thơ, không phải là đạo. Tâm hồn của Tuệ Nga là một tâm hồn thơ, rất thơ, bạn nào không có tín ngưỡng Phật Giáo cũng cứ yên tâm thưởng thức thơ của bà.

Đặc điểm của thơ Tuệ Nga là nhẹ nhàng. Ý nhẹ nhàng, lời cũng nhẹ nhàng. Tất cả đều nhẹ nhàng trong trầm tư. Cũng có những lúc xôn xao, nhưng rồi cuối cùng vẫn trở lại với trầm tư.

Thứ nữa, có một cái gì đó như mơ hồ, như bất định, như phân vân, như do dự. Tôi đọc hết tập thơ, xếp lại và nhắm mắt. Một chữ âm vang trong trí: "u hoài".

Bước thơ từ độ lang thang
Nhớ nguồn ý vẫn mênh mang u hoài.
(Màu xanh)

Nửa vàng chiếu sáng cội Mai
Nửa vàng mây ẩn u hoài tiếng thơ
(Đàn ai)

Hồn bâng khuâng giữa chợ đời điên đảo
Chân lênh đênh trên tám ngả u hoài
(Gió đêm)

Núi ngàn năm đá dựng
Có vạch nét u hoài
(Gọi bình minh)

Tôi chợt nhớ đến câu "khổ hải vô nhai, hồi đầu thị ngạn", và tự hỏi phải chăng trong cõi nhân sinh, đã có trường hợp "quay đầu" không chỉ một lần. Ôi, mang một tâm sự u hoài nhân thế mà làm thơ vươn tới cõi Chân Như, thì quả là can đảm tuyệt trần. U hoài là tục lụy, u hoài là vấn vương, u hoài là không giải tỏa được. Mà Chân Như là vĩnh hằng, là toàn chân... hằng chân đến chỗ hư vô, ẩn hiện đâu đây như một niềm mơ của kẻ chân tu.

Trong thơ Tuệ Nga, niềm mơ giải thoát lẫn với những dấu tích đau

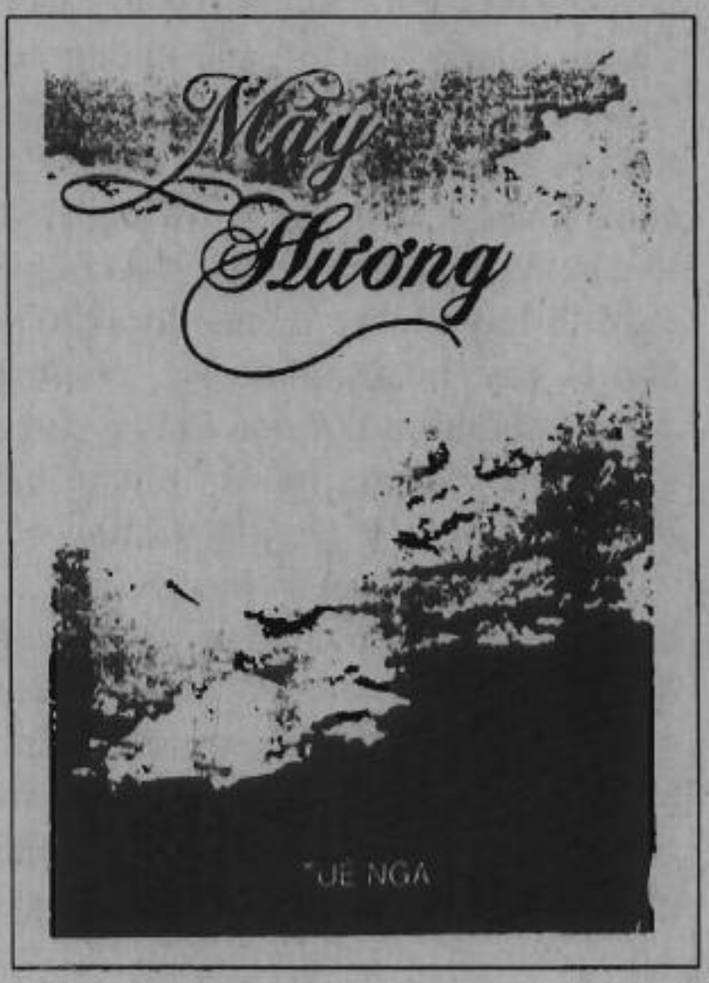

thương, thoáng qua, nhưng rất thật. Dòng thơ khi bay lên, khi hạ xuống, để "*hong sầu trích địa mơ chiều hồng hoang*", tạo mối đồng cảm cho những ai "sống tục mơ tiên". Mà theo tôi, sự cố vươn tới bao giờ cũng đáng giá hơn sự đạt được.

Còn giá trị văn chương của tập thơ? Trong cuốn *Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Thanh nói: "Lắm khi xem một trăm bài thơ, chỉ có một bài trích được. Tôi đã đọc một vạn bài thơ mà trong số ấy có non một vạn bài dở". Người viết bài này đọc 54 bài thơ của Tuệ Nga, không thấy bài nào dở. Còn hay thì có thể kể được đến cả chục bài:

THOẢNG TRONG BIỂN GIÓ
Bao nhiêu thương nhớ sầu đau
Từ nay thôi nhé nhiệm màu lời kinh
Thuyền nan đậu bến phù sinh
Nửa khuya trăng chiếu nhẹ tênh mái chèo
Non nào ghềnh đá cheo leo
Hong sầu trích địa mơ chiều hồng hoang
Đàn ai tiềm thức tình tang
Lắng nghe từng giọt mênh mang sầu đời

TIẾNG MÕ HUYỀN VI
.....
Dòng kinh thơ mát suối hồng
Nghiệp duyên duyên nghiệp chất chồng đã xa
Kinh Cầu tươi cánh đồng hoa
Tình là nghiệp kiếp, Thơ là chân kinh

TỪ DÒNG SÔNG TRĂNG
Từ dòng sông trăng đó
Hoa ngủ quên kiếp sầu
Từ dòng sông trăng đó
Đá trầm lời biển dâu
.....
BÀI THƠ MÂY TRẮNG
Mùa sang cánh lá thơm duyên
Sớm nay mây trắng về miền non xa
Chim quyên hót giữa trăng tà
Tiếng ca thổn thức quê nhà phương nao
Dư âm nào ngọt ca dao
Bao nhiêu thương nhớ đổ vào lãng quên
Nhân gian còn lắm ưu phiền
Phất phơ ai rắc hoa tiên non bồng
Thơ đề hai chữ Sắc Không
Bài thơ Mây Trắng bên dòng suối hoa
Tịnh thanh này một cõi ta
Ngát trăng bên Suối, ngát nhà trầm hương
Trăm năm một giấc vô thường
Dòng Suối Mộng, cánh Hoa Sương tuyệt vời
Ta còn gì lại cho đời
May ra còn lại nụ cười trong thơ.

Thơ Trần Vấn Lệ:
Hồn Tan Trong Thơ

Có lẽ tôi chỉ đọc được một phần thơ của Trần Vấn Lệ. Anh làm thơ nhiều lắm, đã xuất bản nhiều, chưa xuất bản cũng nhiều, mà đăng trên báo cũng nhiều. Nhưng ở đây, tôi chỉ nói đến tập *Hồn Tan Trong Thơ* (HTTT). Và tôi nghĩ bao nhiêu đây thôi, cũng đủ.

Có nhiều người viết văn nhiều năm, mà vẫn không có riêng được một văn phong. Có người làm thơ đã cả mấy trăm bài, nhưng vẫn không tạo riêng được cho mình một hơi thơ. Trần Vấn Lệ khác. Sau khi đọc tập HTTT, có lẽ tôi sẽ nhận ra thơ anh bất cứ ở đâu.

Trần Vấn Lệ chỉ mới năm mươi, nhưng thơ anh già về hình thức. Trong non trăm bài của HTTT, không có bài nào là thơ tự do. Chỉ có vài bài tám chữ, năm chữ. Còn lại là những bài bát cú, tứ tuyệt, lục bát, và thất ngôn. Nhiều hơn hết là lục bát và thất ngôn. Còn lời thì rất nhiều "phong kiều dạ bạc", "thiên hạ cộng tri", "khứ niên kim nhật", "vọng mỹ nhân hề"... khiến người đọc nhớ lại không khí thơ Quách Tấn.

Cái cảm tưởng đầu tiên của người đọc thơ Trần Vấn Lệ là anh làm thơ dễ dàng. Nhiều tưởng tượng hơn chút nữa, người đọc có thể hình dung ra một Trần Vấn Lệ "cả ngày làm thơ", "cái gì cũng thành thơ hết cả". Riêng tôi, nếu có ai kể rằng đã thấy Trần Vấn Lệ nửa đêm đang ngủ thức dậy làm thơ, tôi tin ngay. Tin không phải vì nghe Khánh Hà kể rằng anh làm trong hơn ba năm được hơn ba ngàn bài. Mà chính vì nhận thấy trong thơ của anh có một sự "sung mãn" đặc biệt. Nếu bị cấm làm thơ, chắc anh khó chịu lắm. Hiện tượng này có một phần ở thơ Xuân Diệu thời tiền chiến, ở thơ Bùi Giáng và thơ Phạm Thiên Thư sau này ở Miền Nam.

Hơi thơ của Trần Vấn Lệ như bị đồn ứ, chỉ chờ có dịp là tràn ra, nhất là trong thể thất ngôn trường thiên. Nếu các bạn thấy ở câu nào đó những chỗ ngắt nhịp lạ, thì xin đừng nghĩ rằng hơi thơ của anh vốn khúc chiết như vậy. Không phải đâu. Thơ của anh vốn như một dòng nước mạnh, tuôn ra là chảy. Anh thấy nó trơn quá, nên đã tìm cách chận bớt đà nó lại đó thôi.

Trên kia, tôi có nhắc đến Bùi Giáng. Tiện đây, cũng xin nêu một nét lạ trong thơ Trần Vấn Lệ: Có hơi hám Bùi Giáng. Xin dẫn:

Trong bài *Phong Kiều dạ bạc:*
Nửa đêm ôi cũng nửa đường!
tới đây lỡ chuyến giang trường trường giang...

Trong bài *Vĩnh biệt tang bồng:*
Bây giờ tôi đó! Dại ma...
tàn thân giữa chốn ta bà được chăng?

Không hẳn là một nguyên tắc, nhưng những tập thơ cũng thường có nhan đề là tựa của bài thơ đắc ý nhất của tác giả. Tuy nhiên ở đây, bài *hồn tan trong thơ*, lại không phải là bài thơ tiêu biểu cho toàn tập. Bài tiêu biểu

là bài này:
CÒN SỐNG CÒN THƠ
Người ạ lòng tôi hay phiến thơ?
gió tung muôn hướng cũng muôn tờ!
mực xanh mực tím sương hòa lệ
câu vẽ câu vờn mộng với mơ...
chữ rút ra hoài sao chẳng dứt?
lời than thốt mãi có còn ưa?
xuôi tay chiến bại sầu chan chứa
dụi mắt ôi trời vẫn nắng mưa!

Thôi đừng tự trách nữa, nhà thơ! Cái tài làm thơ của anh nó làm khổ anh đó. Mà có ai nỡ bỏ cái tài của mình bao giờ?

Trong thơ Trần Vấn Lệ, hai chủ đề chính là "quê hương" và "tình yêu". Nếu tính câu tính chữ, thì có lẽ "tình yêu" chiếm chỗ nhiều hơn, nhưng tình của nhà thơ dành cho mỗi bên chắc không phân nặng nhẹ. Vả lại, cân nhắc làm chi đối với thơ! Nhưng cái đáng nói ở đây, là cả hai cái, "quê hương" và "tình yêu" của Trần Vấn Lệ đều không mang màu hi vọng. Quê hương là một niềm thương nhớ ngậm ngùi, và tình yêu là những kỷ niệm mơ hồ như có như không. Dường như tất cả đều là bi thương.

Trong thi tập *HTTT*, có khá nhiều bài hay trọn vẹn, hay cả ý lẫn lời. Ở đây, không trích chỉ vì không đủ chỗ. Ngoài ra, còn có những câu rất hay. Xin dẫn mấy đoạn:

Tôi muốn bình yên, một phút giây
lòng ơi cong vút nét chân mày
mắt ai là biển tràn tâm sự
cho chiếc thuyền tôi lạc giữa mây
(Chuyện một ngàn lẻ một đêm)

ta đứng trong vườn mưa đếm giọt
giọt nào rớt xuống cũng bơ vơ!
(Vô tình nhặt mấy vần thơ)

biết một lần xa ngàn thuở biệt
sầu chung mình giữ hóa riêng tư
(Đề ảnh Trần Vấn Lệ)

Anh đã quên rồi. Quên Nước Non!
nên mưa hay nắng chẳng vui buồn
hồn tan từ lúc thuyền ra biển
nước mất... từ khi gọi Cố Hương!
Em nói không chừng lát nữa mưa
tự nhiên anh viết được câu thơ!
hai mươi câu đã nên bài đó
Em đọc câu nào thấy xót xa?
(Hai mươi câu một bài thơ)

Khứ niên kim nhật thử môn trung
em ở đâu em, nhớ lạ lùng!
bước nhẹ nhẹ tênh hồn lữ thứ
buồn mang mang tiếc buổi tàng bồng!
(Hỏi giữa đường hoa)

Tổ quốc cứ đầy đôi mắt ướt
máu đào xương trắng của ai phơi?
rừng Nam núi Bắc thôi đừng nhắc
cuống rốn chùm nhau đã rã rời...
(Em khác gì mây trắng...
cũng trôi)

Quê hương cuối đất đầu trời
mẹ cha đâu nữa mà khơi bếp nồng!
giọt cà phê bỗng mênh mông
lăn từ mắt. Rớt xuống lòng. Vô biên!
(Người lính năm mươi tuổi
một buổi sáng ngồi uống cà
phê trên đất Mỹ)

Đấy, thơ Trần Vấn Lệ. Một cái gì nghe như sáo, nhưng vốn thật thiết tha. Cái đáng quí của "lòng thơ" Trần Vấn Lệ là không đứt đoạn với quá khứ. Cái quá khứ đó quyện với hiện tại, tạo cho thơ Trần Vấn Lệ một chất ngậm ngùi. Thơ hay phải là thơ buồn. Ngậm ngùi là buồn có ý thức, là "hữu bệnh thâm ngâm".

Thơ Trần Trung Đạo: *Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười*

Tựa của tập thơ là tựa của bài thơ in ở đầu tập. Và cũng là câu cuối của bài thơ này. Riêng một mình, câu thơ cũng đã rõ ý, nhưng xin trích cả hai câu cuối:

Ví mà tôi đổi thời gian được
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười

Tôi trích dẫn hai câu thơ này, không phải chỉ vì hay, mà còn vì tính cách tiêu biểu. Không phải chỉ tiêu biểu cho bài thơ, cho phần I của tập thơ, mà cho cả tâm sự của nhà thơ nữa. Trong thi tập, chúng ta sẽ còn gặp ở những chỗ khác chữ "thiên thu", nghe rất mơ hồ, rất ước lệ, nhưng thống thiết.

Thi tập *Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười* (ĐCTTTMC) được chia làm 4 phần, phần nào cũng có tựa nghe thật là thơ: "ĐCTTTMC", "Con đường thế hệ chúng tôi qua", "Tôi đi góp gió ngàn phương lại", "Ôi lịch sử một vầng trăng diễm tuyệt". Mỗi phần có chủ đề riêng, nhưng nếu trộn lẫn những bài thơ lại, thì vẫn không có gì khác. Là vì, "Mẹ" của Trần Trung Đạo là mẹ chung của người Việt Nam, "tiếng Mẹ cười" là niềm ước mơ không phải riêng của nhà thơ, cái ý nguyện "đổi cả thiên thu" để có được "tiếng mẹ cười", là tiếng kêu trầm thống của bao nhiêu trái tim hải ngoại, những trái tim chưa nguôi được hình bóng của một quê hương không bị đất người đẹp hơn làm phai lạt; chưa quên được ý thức trách nhiệm, một thứ trách nhiệm không ai ràng buộc mà vẫn phải quan hoài.

Về hình thức, thơ Trần Trung Đạo đa dạng và mới hơn thơ Trần Vấn Lệ. Nhiều thể hơn, có nhiều bài câu dài câu ngắn, có những bài không vần. Nhưng lại có 2 bài bát cú.

Nhân nhắc đến 2 bài bát cú, tôi muốn góp ý với Trần Trung Đạo và các bạn trẻ có thơ sẽ in thành thi tập: Không nên cho vào tập thơ của các bạn những bài "thơ họa". Những bài thơ này không tự do về ý lẫn chữ dùng, thành hình chỉ với mục đích "thù tạc", hoặc "chứng tỏ", thường không thể nào hơn được "bài xướng". Ý hay, chữ hay, người ta đã chiếm hết rồi. Có họa, cũng chỉ nên riêng tặng tác giả.

Riêng Trần Trung Đạo, hơi thơ đã gần như "định" với thể thơ tám chữ, và "quen" với thể thất ngôn trường thiên phân đoạn. Miễn cưỡng làm thơ bát cú, dễ rơi vào chỗ thất niêm, thất đối.

Tôi thích thơ Trần Trung Đạo, trước hết vì cái "dám nói thật". Xin dẫn 2 bài:
HÈN

Đâu hồn Yên Thế máu Chi Lăng
Gió bụi Nam Quan sóng Bạch Đằng
Con cháu một bầy quên sử sách
Học mấy mươi năm một chữ hèn.

NGÀY VÔ QUỐC TỊCH
Mặt mày hớn hở tươi vui
Sao lòng nghe thẹn làm người tự do
Của này là của trời cho
Của ta đánh mất không lo đi tìm

Trong "ĐCTTTMC", có khá nhiều bài thơ dài. Mà phàm những bài dài, thường không hay trọn: Những câu hay xen lẫn với những câu không được hay. Nhất là những bài có tính cách tự sự. Bài dẫn sau đây là một bài hay về ý, tình nhiều chỗ rất thiết tha.

THĂM BẠN
Biết kể anh nghe những chuyện gì
Chuyện buồn thôi hãy cố quên đi
Nghìn năm nước chảy cầu sông Dịch
Chí lớn hao mòn theo dấu rêu
Thuở tóc còn xanh trên mái đầu
Chuyện trò tâm sự suốt đêm thâu
Tôi mơ một mảnh trời thơm ngát
Anh bón chùm hoa rực sắc màu
Hai đứa thường mơ chuyện vá trời
Tâm hồn trải rộng khắp muôn nơi
Anh như tay kiếm thời ly loạn
Tôi bút nghiên rung vẽ lại đời
Nhắc nhở làm chi chuyện đã rồi
Mộng vàng đã chết thuở hai mươi
Soi gương tóc bạc vài ba sợi
Tổ quốc nhìn lên chỉ ngậm ngùi
Định viết thư thăm đã mấy lần
Gởi về đâu nhỉ rất xa xăm
Đời trôi không hẹn ngày tương ngộ
Thôi giữ mang theo xuống mộ phần

Chỉ tiếc về phần nhạc điệu: Chỉ trừ đoạn đầu khác; 4 đoạn sau, đoạn nào câu 1 và 4 chữ vần cũng là trường bình, câu 2 cũng là đoản bình; khiến cho hơi thơ trở thành đơn điệu.

Ngược lại, bài sau đây ý hơi sáo, nhưng lời thật đẹp. Đẹp như những câu Kiều:

TỤC DU
Đời ta cắn cỏ trăm đường
Khai sinh kết nghĩa với phường tục du
Lá buồn từ độ sang thu
Ta buồn từ độ sương mù mới sa
Lang thang giữa buổi chiều tà
Tìm trăng trăng khuyết tìm hoa hoa tàn
Từ ta tan giấc mộng vàng
Quê hương nghìn dặm ngỡ ngàng bước chân
Hỏi đời ai kẻ tri âm
Về cho ta gởi tấm lòng viễn phương
Hồn ta là những con đường
Mà ai qua đó còn vương phấn hồng
Hồn ta là một dòng sông
Chở bao nhiêu nước về lòng biển sâu
Hồn ta là một nhịp cầu
Mà ai qua đó để sầu lại đây
Hồn ta là những cành cây
Ai về ngủ đậu chờ ngày mưa qua
Hương tàn phấn đã bay xa
Thôi về mộng với màu hoa năm nào

Ngoài ra, trong tập thơ, rải rác chỗ này chỗ khác, có những câu thật hay:
Những đêm mưa con nằm nghe cha kể
Chuyện đời cha dài như một dòng sông
Mẹ có đẹp? Cha nhìn xa không nói
Nhưng con nghe dao cắt ở trong lòng
(Chuyện Đời Mẹ)

Non nước đó vẫn còn đầy dâu biển
Núi sông đây sao giữ được vuông tròn
(Mỗi Mùa Xuân Thêm Một Lần Dối Mẹ)
Mai này khi trở về quê cũ
Tôi sẽ làm gì với tuổi tôi
Ôi cả một đời trai đã bỏ
Nhìn theo như nắng tắt trên đồi
(Một Mai Khi Trở Về)

Thơ Cung Vũ: *Hồng Trần*

Với các nhà thơ trên, tôi chỉ nói tới thơ, không nói tới người. Nhưng với Cung Vũ, chắc phải nói một chút. Là vì Cung Vũ không chỉ làm thơ.

Trong văn học Việt Nam, có hai cái gương chuyên và không chuyên: Quách Tấn chuyên làm thơ Đường-luật, và thành công chỉ ở mặt này; Tản Đà làm thơ thì rất hay, nhưng viết văn thì lại dở. Bây giờ, Cung Vũ làm được quá nhiều thứ. Nhưng ở đây, chúng ta chỉ có đất để nhận định một góc thơ của anh. Từ đó suy ra. Hi vọng là Cung Vũ sẽ khác Tản Đà và Quách Tấn.

Hồng Trần (HT) là một tập thơ nhỏ, một trong những thi phẩm đã xuất bản của Cung Vũ. Trong tập cũng có mấy bài dài, nhưng phần nhiều là bài ngắn. Có những bài thật ngắn, chỉ có vài câu. Cái cảm tưởng đầu tiên của tôi khi đọc qua tập HT giống như khi tôi mở một hộp bánh có ghi chữ "assorted": Có những bài thơ ý nghĩa cao xa sâu kín với ngôn từ tinh tế, thì cũng có những bài mà một người đọc dễ tính cũng phải hỏi "đây là thơ sao"? Có những bài đọc xong, người đọc chắn chắc phải bị ám ảnh rất lâu, thì lại có những bài tác

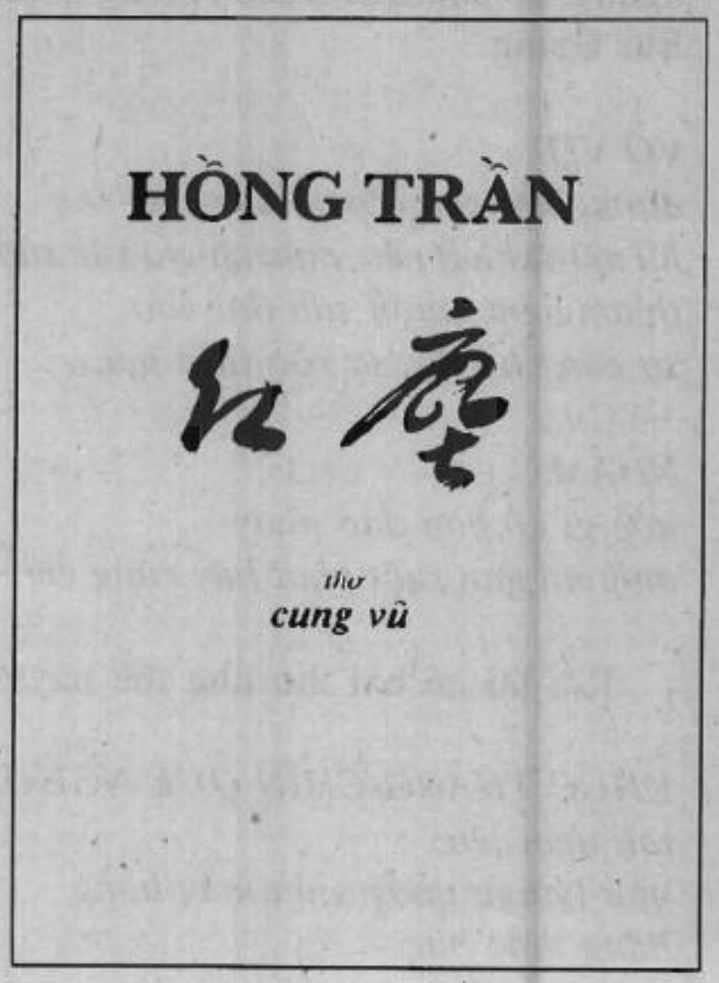

giả hình như không làm thơ, mà chỉ nói đùa.

Xin trích dẫn mỗi loại một vài bài:

MỒNG MỘT TẾT
RA SÂN XÚC TUYẾT
một xẻng khoẻ người
hai xẻng làm chơi
đón tết tha hương ra nghịch tuyết
xới cả nhân gian cũng chẳng mệt
ba xẻng cóng tay
bốn xẻng thở dài
xuân sang nay thiếu cả cây nêu
sáu năm dỏng tai không nghe pháo
chống xẻng nhìn trời
trắng một màu tang
thì ra
chỉ giấc kê vàng
giang sơn đánh mất
bẽ bàng chân mây...
ngâm bạch tuyết thi
môi khô
giọng khản
nghêu ngao nửa bài xuân khứ
phều phào như tiếng ma kêu
ngực nóng tai ù
quăng xẻng
vào nhà lau nước mắt

Lại có những bài như vầy:

ỐM Ờ
cô kia tóc bỏ đuôi chồn
nằm đuôi cô lại... hỏi đường về quê

Chỉ có hai câu, nhưng nghe ngập ngừng, có chút Hồ Xuân Hương hoặc Bùi Giáng.

VỜ VỊT
đường khuya cỏ mọc xanh rì
lối mòn khuất nẻo, mưa khuya xạc xào
thương em muốn sấn đại vào
sợ con chó dữ, sợ rào thép gai...

NHẢM
ước gì có con dao phay
anh mổ gan ruột phơi bày cùng em...

Rồi lại có bài thơ như thế này:

KHÚC THÁNG CHÍN QUÊ NGƯỜI
tàu ngoi lên
như lý ngư quẫy giữa mây hồng
băng thác bạc
ghềnh cao
đá nổi
lòng ta chùng
như năm cung lạc điệu
tình tang
thương nữ khúc sông tần năm nọ
nhớ lý bạch
ngẩng nhìn lên lồng lộng mấy tầng trời
xanh
mây
ẩm mục,
cúi xuống cuộc đời
giăng giăng núi đỏ cây đen
phố xám
bụi hồng
nước mắt mồ hôi
rình mò từng hơi thở mệt
bâng khuâng mơ làm hành giả
lần về hang động
gậy chống đầu non
thơ ngâm tràn núi
nghêu ngao nửa khúc tình ca
vươn cổ thét vang đồng nội
sống tiêu dao như vượn bạch hạc vàng...
mộng chợt nẩy lên tai ù bụng thót
xao xác tiếng người đâu đây giục giã
nịt dây an toàn
ở đâu ở đó
đợi lúc cuộc đời ập đến lôi ra
hành giả chui ngang
dòng người xa lạ
vít cổ ôm vai giọt vắn giọt dài
thực hư khó tả
đất lạ trời khô
sương ẩm trăng mờ
đại mạc cùng thu tái thảo suy
quê người
biết ai mà hỏi
lần thần một gói một đàn
lòng trăm mối...

Đấy, thơ Cung Vũ. Dài cũng khá dài, mà ngắn thì cũng thật ngắn. Tất nhiên, hay thì hay, hà tất nói đến chuyện ngắn dài. Nhưng trong thực tế, có người hễ nói dài dài một chút thì giọng trở thành nghiêm chỉnh, mà nói ngắn thì nghe như cà rỡn. Có lẽ Cung Vũ có chút ít máu này. Vậy, đọc thơ Cung Vũ, cứ chọn những bài dài. Có khi gặp được những bài thật hay, như vừa trích dẫn. Trong HT, anh còn bài *Tống Biệt* được đến sáu nhạc sĩ chọn phổ nhạc: Lê Hữu Mục, Phan Ni Tấn, Khúc Lan, Phạm Anh Dũng, Trọng Nghĩa, Linh Phương. Bài này hay, nhưng tôi không trích, vì không thích tính cách ước lệ của nó.

Cuối cùng, tôi xin nêu một so sánh: Thơ Tuệ Nga đọc xong, tâm hồn chúng ta thanh thản, nếu chúng ta chấp nhận niềm thanh thản đó. Thơ Cung Vũ đọc xong, chúng ta cảm thấy không yên, nếu chúng ta đồng cảm với nỗi không yên này.

Thơ Vi Khuê:
Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi

Cuốn sách (tôi nói cuốn sách) dày trên 200 trang, nhưng chỉ chứa có 50 bài thơ. Tôi không có ý chê ít, vì thơ hay không thể đòi nhiều được. Tôi chỉ muốn báo trước cho các bạn, đọc cuốn sách này không phải chỉ là đọc thơ.

Ngay ở trang đầu, có mấy dòng giới thiệu: 50 bài thơ mới nhất sau 3 thi tập *Giọt Lệ, Cát Vàng, Tặng Phẩm Tình Yêu;* 40 người cầm bút trước và sau 75 và độc giả chọn lọc cảm nghĩ về tác giả và tác phẩm; 100 chân dung văn nghệ sĩ đã cùng sinh hoạt văn hóa với tác giả tại hải ngoại.

(Nội dung của phần trên chiếm già nửa cuốn sách)

Rồi sau đó vài trang, có một trang ghi "Sơ Lược về Tác Giả và Tác Phẩm". Nói là sơ lược, nhưng hình như không còn thiếu điều gì đáng nói. Tất cả đều là những bằng chứng để độc giả thấy rõ thành tích và tấm lòng của tác giả đối với văn học.

Nhưng có một điều tôi xin đề nghị với các bạn: Các bạn đừng đọc những phần vừa kể trước khi đọc những bài thơ. Tôi biết các bạn quí cảm nghĩ của chính các bạn.

Lần đầu đọc thơ của Vi Khuê, tôi có một cảm giác lạ: Chỉ có 50 bài, mà sao đọc xong, tôi cảm thấy mệt. Lần thứ hai, cái cảm giác ấy giảm đi, và tôi hiểu. Tôi chờ đợi sự êm đềm, mềm

mại, kín đáo, thì lại gặp sự sắc sảo, thông minh, biểu lộ.

Tài làm thơ của Vi Khuê đã đi đến chỗ điêu luyện, nhưng nhiều khi cái điêu luyện lấn cả cái tình trong thơ của bà. Thơ của Vi Khuê trước hết là cách sử dụng chữ. Cách chọn chữ được trọng hơn nhạc điệu. Thơ của Vi Khuê không thể chỉ cảm, mà phải hiểu mới thấy hay. Thơ của bà là thơ lý trí.

Trong toàn tập *Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi* (HBVTT), bài cuối cùng là bài họa lại bài "Ta Về" của Tô Thùy Yên. Đây là bằng chứng về tài làm thơ của Vi Khuê.

Như ai cũng biết, làm được một bài thơ hay đã khó, họa lại một bài thơ cho hay, lại càng khó hơn. Trong thực tế, xưa nay người ta chỉ họa những bài thơ ngắn. Ở đây, bài "Ta Về" làm theo thể thất ngôn trường thiên, tất nhiên người họa không lo đến niêm đến đối. Nhưng ở đây, bài thơ dài 124 câu, 31 đoạn, mỗi đoạn có 2 (hoặc 3) chữ vần, chọn được những chữ ấy để viết lại theo ý khác, thì tài làm thơ của người họa thật đáng phục.

Bài "Ta Về" của Tô Thùy Yên là một bài thơ hay. Nhưng không toàn bích, vì nó dài. Tình ý có khi đi vào chỗ gượng. Riêng về âm điệu, tác giả chọn toàn vần bằng, đoạn nào cũng câu 2 và 4 vần với nhau; chỉ riêng đoạn 24 đổi khác một chút; chữ cuối đoạn gần như toàn là "phù bình", có khi liên tục không đổi cho cả chục đoạn. Điều này khiến cho bài thơ trở thành đều đều.

Nhưng bài thơ này có những đoạn rất hay cả ý lẫn lời: 5, 7, 12, 17, 24. Hai câu cuối của đoạn 24 (*Tình xưa như tuổi già không ngủ, thức trọn khua từng nỗi xót xa*) là hai câu kiệt tác.

Vi Khuê họa lại, 31 đoạn, đoạn nào cũng nghe được. Người họa thơ không khác mấy với người lội bơi mà bị trói tay. Họa được như thế, đã là kỳ tài.

Và sau đây là những lời thơ hay của Vi Khuê, khi không tự trói tay:

BUỒN SA
Buồn sa dòng sông thu chiều
không nghe cuồng nộ sóng triều dâng dâng
hiu hiu - trời hiu hiu buồn
mây - trên lũng thấp. Gió - luồn trong cây
Mờ xa - trăng từ xa lên
nhân gian thiếp ngủ - rừng chim bay về
hoàng hôn - hoàng hôn lê thê
nghe trong tịch mịch niềm thê thiết vàng
Hay là mùa thu chưa sang
hay là ngọn lá nằm ngang - ngang cành
hay là mùa thu còn xanh?

Ý thơ mênh mông. Những câu lục dùng toàn chữ bằng, khiến ý thơ nghe càng thêm mênh mông.

CHIỀU
Chiều rưng rưng nắng vàng
khói mù lan trên sóng
nước xô hàng liễu động
gió thoảng buồn vu vơ
Con sông thấy hai bờ
con thuyền không bến đỗ
biết đâu là viễn phố
để nhìn bóng trăng lên
Chiều rưng rưng nắng xiên
lá vườn xanh lấp lánh
mấy giây rồi sẽ tạnh
bởi mù sương đang bay!
Ngày đang tan theo mây
chiều chuyển vàng sang tím
hoàng hôn đầy kỷ niệm
nghe tận lòng rưng rưng...

Bài thơ tạo cho người đọc một cảm giác buồn buồn, lâng lâng và miên man.

Nhưng đáng tiếc, không phải trong tập HBVTT chỉ toàn những bài như thế. Hình như nhà thơ không thích cái gì là "đồng đều", là "toàn vẹn". Nhà thơ tự ý làm cho khác đi, và người đọc cảm thấy bỡ ngỡ. Xin dẫn:

Ở một trang, phía trên tôi đọc một bài thơ ngắn, tứ rất lạ và lời cũng rất hay:

HOA ĐÀO
Đứa con gái có mái tóc Sylvie Vartan
ngồi đọc thơ Thôi Hộ
một buổi sớm mai vàng
dưới chân
hoa đào nở

Nhưng ngay phía dưới, tôi lại thấy bài thơ ấy được chính tác giả dịch ra thơ chữ Hán. Không cần nói đến chỗ dịch ra sao, người yêu thơ ai cũng thích đọc bài thơ kia một mình thôi.

Ở những trang tiếp theo, còn có mấy bài dịch chữ Hán như thế nữa.

Và đây là một thí dụ nữa về sự tự ý làm cho HBVTT kém hay đi, của chính tác giả:

Ngó bộ anh ta lấy làm hãnh diện lắm
khi viết được
hàng chữ ấy nguyên vẹn không cần tắt:
đê em mờ - đê em mờ
và bàn tay chắc là cứng đờ
và cái đầu ngửng cao lên trời
tự tin
tự tin
thật tự tin
.....

(Một bài thơ tự do về sự tiến bộ)

Bài thơ còn dài, còn nhiều ý và chữ lạ hơn nữa. Nhưng tôi không muốn trích thêm, nghĩ rằng chỉ "lạ" không thôi, thì không đủ để làm cho một bài thơ trở thành hay. ●

Tho *VI KHUÊ*

HOA BƯỚM
VƯỜN THƠ TÔI

Trốt Xoáy, Vũ-Điệu của Ác-Thần Không-Trung

Phạm Phong Dinh

*M*ấy năm gần đây, chưa bao giờ nhân loại lại chứng kiến những thay đổi lớn lao của bầu khí quyển trái đất đến thế. Mỗi lần trái đất ho hen khục khặc thì y như rằng nếu không động đất, đất nứt nẻ toạc ra làm nhiều mảng lớn khiến thiên hạ lọt tuốt xuống... địa ngục; thì khổ vì nước do bị nước cuốn trôi, phong ba bão tố tàn phá ruộng vườn hoặc hạn hán trầm trọng khiến hàng triệu người lăn đùng ra chết với chiếc dạ dày lép kẹp. Riêng tại Hoa kỳ, lục địa rộng mênh mông này hằng năm gần như hứng chịu hầu hết các thứ thiên tai. Nếu người dân vùng ven biển như Florida lúc nào cũng phập phồng lo sợ những cơn bão nhiệt đới, thì nỗi nhức nhối âu lo của người dân miền Trung và miền Nam nước Mỹ lại là nạn trốt xoáy (tornado, twister hay cyclone).

Trung bình ở Hoa kỳ, hàng năm có hơn 770 cơn trốt xoáy được chính thức báo cáo. Trong suốt 34 năm trở lại đây, năm có số lượng con trốt thấp nhất là 421 vụ và cao nhất là 1102 vụ. Trốt xoáy có thể xuất hiện bất cứ tháng nào trong năm. Đặc biệt những tháng Tư, Năm, Sáu là những tháng kinh hoàng nhất với số lượng trốt xoáy ồ ạt xuất hiện, diễn ra trên khắp 48 tiểu bang Hoa kỳ, tính trung bình mỗi ngày có ít nhất 5 con trốt. Vị thần gió kinh khủng này không chừa một nơi nào, ngao du khắp nước Mỹ, từ đông sang tây, từ nam lên bắc. Mới tháng Ba, ác thần đã xuất hiện từ những tiểu bang miền Đông, tà tà dạo chơi sang miền Đông Nam kế cận; qua tháng Năm tiếp tục đi sâu xuống miền Nam rồi sau đó chuyển hướng ngược lên miền Bắc.

Thông thường mỗi con trốt có đường kính lớn khoảng từ 150 mét đến 600 mét và kéo lê trên mặt đất một khoảng đường dài chừng gần 30 km. Tuổi thọ của những con trốt có khi rất ngắn ngủi, chỉ độ 3 phút, có thể so sánh với tài sức của một vũ công "nhí". Nhưng đôi khi cũng có những con trốt cỡ Madonna, uốn éo nhảy múa hơn 3 tiếng đồng hồ, đường

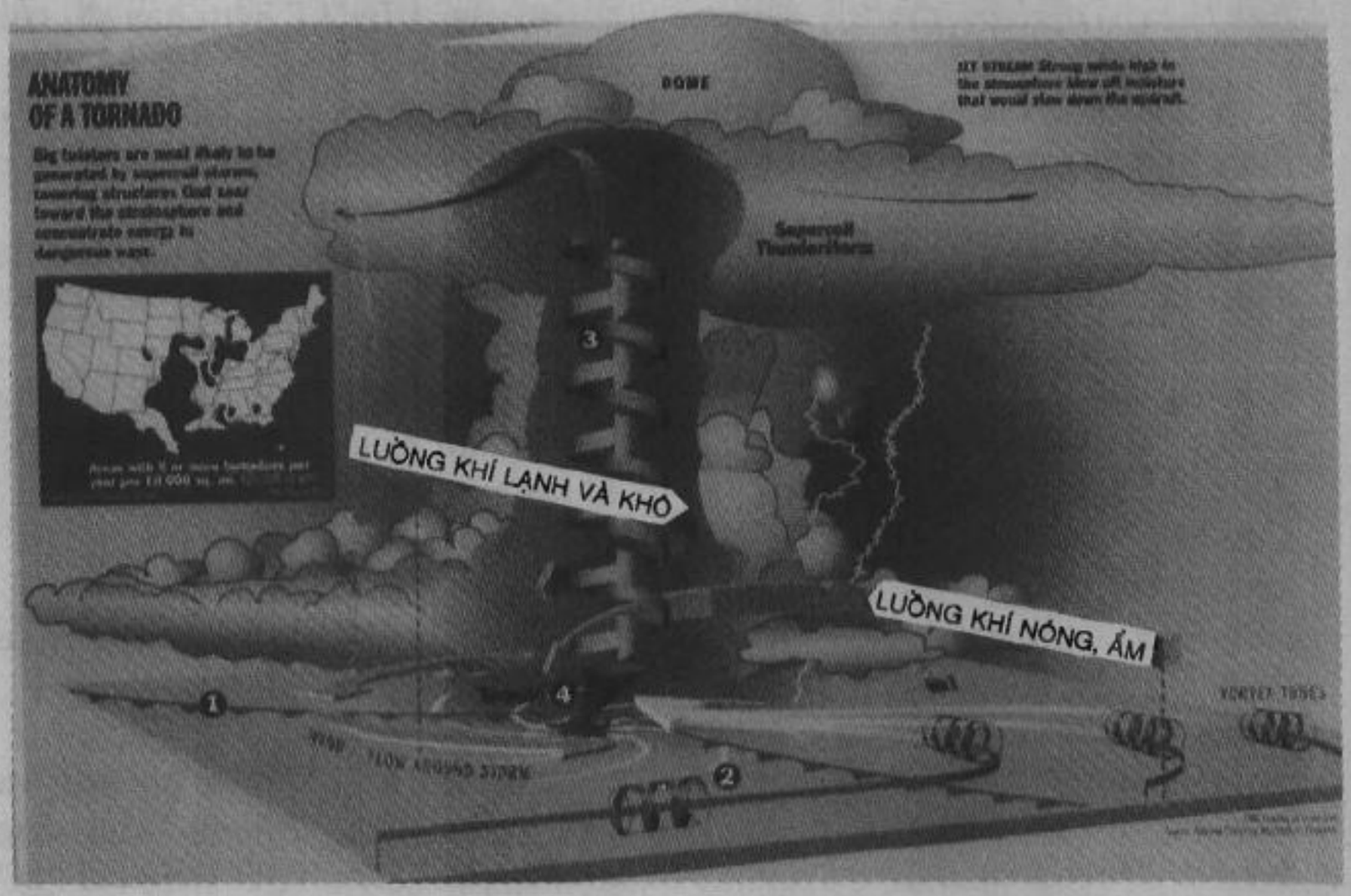

Phân-tích cấu-trúc một vụ bão lốc
(hốc trái phía trên: những vùng bị bão lốc nhiều nhất tại Mỹ)

kính hơn 1 km, kéo một vệt dài tàn phá hơn 150 km, và vận tốc rung lắc nhiều khi lên đến 450 km/giờ.

Thoạt tiên, trốt xoáy giống như một vệt hình xoắn ốc ló dạng từ một đám mây, mỏng manh như một sợi chỉ và không có vẻ gì là đáng ngại cả. Đột nhiên sợi chỉ mỏng manh ấy dần dần phình ra, chung quanh nó là vài ba con trốt nữa dạng hình phễu xoắn tròn chung quanh con trốt mẹ, uốn éo, õng ẹo trong một vũ điệu ma quái mà không một cô vũ nữ Ba Tư hay Ấn Độ nào có thể múa bụng tài tình hơn thế được. Đó là hình ảnh thật được diễn tả trung thực qua công trình nghiên cứu của nhà khí tượng học lỗi lạc Robert Davies Jones tùng sự tại Phòng Thí- nghiệm Quốc-gia về những Dông-bão Nghiêm-trọng NSSL (The National Severe Storms Laboratory) tại thành phố Norman, tiểu bang Oklahoma.

Hơn hai thập niên qua, ông Jones cùng nhiều đồng nghiệp đã cách mạng hoá kỹ thuật khảo sát trốt xoáy, sáng chế ra các dụng cụ để theo dõi trốt xoáy ngay tại hiện trường. Người ta gọi những người nghiên cứu như Jones là những nhà đuổi bắt trốt xoáy. Jones và các cộng sự viên đã thu thập được rất nhiều dữ kiện và kinh nghiệm về hiện tượng trốt xoáy, một dạng phá hoại nghiêm trọng thường xảy ra vào mùa xuân. Họ chế tạo ra một thế hệ radar mới cực kỳ tinh vi, có thể "nhìn" xuyên thấu vào tận cùng các đám mây để khám phá những vùng có những chuyển động cuộn tròn trong vòng nửa tiếng đồng hồ trước khi con trốt xuất hiện. Chính nhờ những dụng cụ ấy mà các nhà khí tượng học có thể trình làng nước những khám phá mới nhất, chưa từng được biết từ nhiều năm qua về những bí ẩn của khuôn mặt ác thần trốt xoáy, nó là cái gì và cái gì tạo ra nó.

Một trong những thu thập đầu tiên giúp soi sáng nguồn cội trốt xoáy là khối dữ kiện có tên VORTEX, chữ viết tắt của công tác thực nghiệm dài ngoằn ngoèo: *Verification of the Origins of Rotation in Tornadoes Experiments*, tạm dịch: Những thực nghiệm xác minh các chuyển động quay trong những con trốt xoáy.

VORTEX là cái... giống gì mà nghe ghê gớm quá vậy? Trước khi nghe các đấng trí tuệ giải thích, chúng ta hãy quay lại cái giá mà những nhà săn đuổi trốt xoáy phải trả để "nặn" ra được VORTEX. Trên thực tế, những nhà săn đuổi dù có uống mật gấu cũng không bao giờ dám đến gần tâm bão vì hết sức nguy hiểm, có thể bị sét đánh và đường sá rất trơn trượt. Trước khi phim *Twister* ra đời - bộ phim kể về một nhóm nhà khí tượng học cố gắng đến gần trốt xoáy để tìm hiểu nó - thì ở Mỹ đã nhen nhúm phong trào săn lùng gió xoáy của những người ưa thích chuyện giật gân, mạo hiểm. Trước đó một dạo, người Mỹ rùng rùng khăn gói đi săn bắt UFO tức dĩa bay. Nay coi bộ phong trào dĩa bay xẹp xuống thì thời may cuốn phim *Twister* hâm nóng trở lại óc phiêu lưu của người Mỹ. Chỉ với một máy camera cầm tay, một chiếc xe cứng cáp, là đã có thể đi đây đi đó, vừa "giải trí" lành mạnh, vừa có thể bán phim lại cho những đài truyền hình với một giá phải chăng! Phần đầu của phim *Twister* cho thấy các nhà săn bắt trốt xoáy tuy phải đương đầu với nguy hiểm nhưng rất hấp dẫn, thú vị. Tuy nhiên, theo một nhà săn đuổi chuyên nghiệp khác, ông Joshua Wurman thuộc Đại học Oklahoma, thì công việc săn lùng trốt xoáy để nghiên cứu chẳng phải như vậy đâu mà hết sức vất vả. Thường thường họ phải lái xe liền tù tì mỗi ngày chừng 15 tiếng đồng hồ, ăn uống thất thường, có khi chẳng được ngủ nghê gì cả. Đôi khi nguy hiểm không đến từ trời cao mà ngay dưới mặt đất khi xe lọt vào một cái hố bên đường chẳng hạn. Những nhà khí tượng học cũng đồng ý rằng, đôi khi các máy móc thiết kế thí nghiệm tại hiện trường xuất phát từ những ý tưởng vụn vặt, không trí tuệ gì mấy nhưng hiệu quả. Một trong những máy móc thực nghiệm tương đối thành công phải kể đến chiếc Toto do ông Howard Bluest của Đại học Oklahoma thiết kế với nhiệm vụ nghênh đón con trốt. Máy Toto nặng độ 180 ký - mang tên Dorothy trong phim *Twister* - mang nhiều khối truyền sóng nhỏ bằng cỡ trái banh đánh golf, bắn lên khối không khí chuyển động và gửi ngược tín hiệu về cho những dàn computer cực mạnh dưới đất để phân tích dữ kiện. Máy Toto chưa tiến đến được trình độ giả tưởng như trong phim, nhưng các nhà khoa học vẫn không ngừng cho phép họ hy vọng một ngày rất gần, họ sẽ chế tạo được những hoả tiễn phóng thẳng vào trung tâm con trốt hoặc gửi những máy bay nhỏ điều khiển bằng vô tuyến bay vào vùng bão.

Để trình bày nguyên nhân cấu thành trốt xoáy, các nhà khí tượng học sau thời gian vài thập niên nghiên cứu, đã đưa ra lời giải thích ngoằn ngoèo và rối rắm như chính bản thân trốt xoáy, tuy nhiên chúng ta có thể "nắm" đại khái như sau:

Giống như mọi sự trên đời, cái gì cũng có cái nhân của nó. Ở đây các nhà khoa học cho rằng, cái tiên khởi làm manh nha cơn dông là một siêu mầm bão (supercell storm) giăng kéo những đám mây dông ở thượng tầng không khí với cao độ 20 km trong đó cô đọng nhiều năng lượng nguy hiểm. Mầm bão thường được tạo thành khi mùa xuân đến; khí hậu ẩm ướt, ấm áp, mang nhiều hơi nước và luồng khí ấm thổi lên hướng bắc xuất phát từ vịnh Mexico, trong khi luồng hơi giá lạnh từ Bắc cực vẫn tiếp tục tràn xuống phía nam. Hai luồng khí nóng ẩm và lạnh khô gặp nhau trên không phận những tiểu bang Trung và Nam Mỹ như Kansas, Oklahoma, Texas, Florida.v.v... xoắn vào nhau và không chịu rời nhau ra để tạo nên một luồng không khí mát, ẩm. Luồng khí nóng bị xoắn lên cao, là nguyên nhân của bão tố sau này. Trong khi ấy, luồng khí lạnh bị vặn vẹo xuống, sẽ là mầm mống của trốt xoáy. Siêu mầm bão chính là luồng khí đang dần dần mát lạnh và từ từ chìm xuống, tạo ra những cơn mưa. Trong tiến trình mưa gió ấy, nó tiếp tục phóng thích nhiệt khiến bầu không khí chung quanh được hâm nóng và dâng lên cao.

Cùng với mưa thường có sấm sét đi kèm do sự va chạm giữa hai luồng không khí nóng và lạnh. Nhớ lại *Quốc văn giáo khoa thư* có dạy rằng: Hai đám mây có cùng diện tích đang trôi bồng bềnh như đám lục bình trên sông, tiến đến gần đụng nhau sẽ tạo ra sấm sét. Các cụ còn bảo, tìm đến nơi sét đánh, đào sâu xuống ba thước ba tấc, đấng nào may mắn sẽ lượm được một cái lưỡi tầm sét mà nếu đem về dùng... chẻ củi thì hết chỗ chê! Luồng khí lạnh bị vặn vẹo chìm xuống nếu có một thêm vài yếu tố phụ vào thì sẽ thành trốt xoáy. Yếu tố phụ đó chính là khối VORTEX.

Qua những dữ kiện thực nghiệm thâu thập được, VORTEX là những luồng không khí có dạng hình ống vì trong khi chuyển động, nó tự cuộn tròn quanh trục của nó. VORTEX được cấu thành do một luồng không khí có vận tốc nhanh quyện tròn với một luồng không khí có vận tốc chậm, cùng đề huề tiến vào khu vực siêu mầm bão theo một mặt phẳng nằm ngang. Nhiều ống VORTEX như vậy va chạm với hai luồng không khí nóng và lạnh nói trên có khuynh hướng đi lên cao, làm cho luồng khí lạnh đang chìm xuống bị vặn vẹo giống như khi ta cố hết sức vắt quần áo cho thật xoắn kiệt hết nước trước khi phơi. Trong lúc bị vặn vẹo như vậy, những VORTEX với vận tốc tiến vào độ 10 km/giờ sẽ tạo nên đầu tiên một dạng gió xoáy hiền gọi là mesocyclone. Càng nhiều luồng khí ấm và càng nhiều ống VORTEX cuốn tới sẽ tăng cường độ gió xoáy và cuối cùng cơn trốt xuất hiện với vận tốc rất lớn, từ 55 km/g cho đến vài trăm km/g, đi đến đâu là gây chết chóc và đổ nát đến đó. Một con trốt xoáy như vậy thường được dọn đường bởi hai tên "nha trảo" là sấm sét và mưa đá. Có thể tóm tắt hình ảnh trốt xoáy như một con vụ, cây roi quất lấy quất để con vụ chính là luồng VORTEX, càng quất mạnh thì con vụ càng xoay tít và chuyển động càng nhanh.

Dù sao thì những thực nghiệm để đoan xác giả thuyết trên vẫn chưa chứng tỏ sự đúng đắn của lý thuyết. Nhà khí tượng học Erik Rasmussen cho rằng: "Những nhà quan sát trốt xoáy thường trông thấy thoạt tiên một đám mây đen lớn, rồi tiếp theo đó xuất hiện một đường xoắn ốc chạm thẳng xuống mặt đất. Vấn đề rắc rối ở chỗ luồng không khí trong một cơn lốc xoáy lớn vô cùng phức tạp, đến nỗi mắt thường không thể nào phân tích được". Rasmussen và những cộng sự viên đã nghiên cứu khối dữ kiện VORTEX, nhưng càng nghiên cứu thì trên thực nghiệm càng nảy sinh thêm nhiều câu hỏi hơn là tìm được câu trả lời. Cuối tháng 4.96 vừa qua, một toán thực nghiệm nữa do Rasmussen cầm đầu đã lại khăn gói lên đường đi trực diện với ác thần để tìm kiếm thêm dữ kiện cho lý thuyết của họ.

Louis Wicker, nhà khí tượng học người Texas, cho rằng sự cấu thành trốt xoáy ngày càng phức tạp rối rắm hơn bao giờ hết. Trên thực tế, càng đưa vào máy vi tính những dữ kiện về VORTEX thì càng nảy sinh ra nhiều bằng cớ cho thấy có nhiều phương cách để nảy sinh một con trốt. Wicker lắc đầu cười: "Trong khảo sát thực nghiệm, thiên nhiên có nhiều diễn biến bất ngờ mà chúng ta không thể nào hình dung nổi, y như thượng đế... chơi xỏ chúng ta vậy!" Theo ông, cung cách hoạt động của trốt xoáy nhiều lúc không dựa vào một qui tắc nhất định nào. Ông Donald Burgess, nhà khí tượng làm việc cho Sở Khí tượng Quốc gia, kể lại kinh nghiệm của ông: "Nhiều khi con trốt trông không có vẻ gì hung tợn cả, ấy thế mà nó có thể hất ngã những toa xe lửa khỏi đường rầy cũng như xé tét vỉa hè đường phố một cách dễ dàng. Tôi đã từng thấy một chiếc máy hát bị ném tung lên không, gió cuốn đụng vào chiếc cột điện thoại mà máy vẫn y nguyên không mẻ miếng nào. Một chiếc tủ lạnh nặng nề bị thần gió bốc lấy ném đi xa mấy trăm thước một cách dễ dàng, trong khi đó chiếc ly đặt trên mặt bàn kế bên vẫn ung dung yên vị, chẳng di chuyển một ly ông cụ nào". Tháng 4 vừa qua, cụ bà Betty Lou Pearce, người North Carolina, trốn trốt xoáy trong chiếc bồn tắm, giây lát sau thấy mình đang trượt trên những ngọn cây rừng cùng với cái bồn tắm chỉ bị xây xát chút đỉnh và riêng bà hoàn toàn bình an.

Để giảm thiểu phần nào tác hại của trốt xoáy, Sở Khí tượng Quốc gia Hoa kỳ đã thiết kế một thế hệ radar cực kỳ tinh vi, mang tên là NEXRAD (Next Generation Radar), trang bị rộng rãi cho những nha, sở khí tượng các tiểu bang trên toàn quốc. Nhiệm vụ chính của Nexrad là cố gắng tiên báo khả năng xuất hiện của trốt xoáy ít nhất là từ 3 đến 8 phút, càng sớm càng tốt. Nhưng không phải bất cứ sự tiên báo trốt xoáy nào cũng chính xác. Như trường hợp thị trấn Little Rock, Arkansas được thông báo trước đó 35 phút, làm thiên hạ rùng rùng dắt nhau chui xuống hầm trốn, hồi hộp đợi mãi chẳng thấy mặt mũi ông thần ác đâu cả. Độ chính xác của Nexrad chỉ vào khoảng 30 đến 50%. Các nhà khí tượng tính toán, thấy

Các khoa-học-gia và chuyên-viên Hoa-kỳ với một bộ máy dò hoạt-động của bão-lốc. Quí độc-giả đã xem phim Twister, đã trông thấy một loại máy cùng mục-đích tương-tự như chiếc máy này.

rằng mỗi năm có khoảng hơn 5 con trốt xoáy xuất hiện trên mỗi 25.000 cây số vuông.

Các khoa học gia cũng nghiên cứu tỉ mỉ sự phân bố các hình thức tác hại và tàn phá của gió trên toàn thế giới để đưa ra một biểu đồ, cho thấy cứ mỗi một khu vực đều có một "đại diện" thường trú của ác thần không trung, với những vũ điệu ma quái khác nhau.

Trốt xoáy (tornado): Dẫn đầu kỷ lục xuất hiện là Hoa kỳ với trung bình 1000 vụ mỗi năm. Trốt xoáy đầu tiên được chính thức ghi nhận trong sử liệu xảy ra tại Ý năm 1410 và một con khác tàn phá Rome năm 1794. Thành phố Denver, tiểu bang Colorado, đoạt giải quán quân về sự thăm viếng thường xuyên của trốt xoáy. Sức tàn phá của chúng khủng khiếp đến nỗi có thể xô ngã những toà building cứng cổ nhất và xé tét nóc một cách dễ dàng.

Bão nhiệt đới (hurricane): thường xuất hiện ở vùng nhiệt đới vào cuối hè, đầu thu phía tây châu Phi, Nam Mỹ, vùng biển Caribbean, bờ Đại Tây dương của Hoa kỳ, bờ Thái Bình dương của Mễ tây cơ và vùng Đông Nam Á. Vận tốc của bão hết sức lớn, tới hơn 300 km/g, chỉ những chiếc xe đua cực mạnh mới có hy vọng chạy thoát sự săn đuổi của nó. Ở tâm bão, một vùng có dạng hình ống, đường kính chừng 10 km lại hoàn toàn yên lặng, trong khi bên ngoài chuyển động ầm ầm ác liệt.

Bão xoáy (typhoon) xuất hiện ở vùng biển Thái Bình dương, đặc biệt ở Úc, Đông Nam Á, Đông Á như Nhật, Cao ly, Trung cộng. Dạng bão này hơi khác với bão nhiệt đới ở chỗ chúng có thể xuất hiện bất cứ lúc nào trong năm và tàn hại đến hàng trăm ngàn nhân mạng. Bão xoáy đôi lúc gây tổn thất ở vùng này nhưng lại mang lợi ích cho vùng khác. Chẳng hạn tàn dư của trận bão vừa đổ bộ Hoa Lục có thể mang lại mưa đầm ẩm ướt cho vùng đồng bằng miền Bắc VN, giúp đồng lúa hồi phục sau cơn hạn hán.

Sóng thần (tidal waves): cũng giống bão xoáy và bão nhiệt đới, thường xuất hiện tàn phá ở những vùng bờ biển thấp như vùng biển Đại Lãnh, miền Trung Việt Nam, vùng biển Ấn Độ dương gần bờ Bangladesh. Nguyên nhân là do áp suất cực lớn của một cơn bão đè xuống mặt biển làm nước biển bị nén lại rồi gió mạnh cuốn nước biển lên cao tạo ra trạng thái tạm thời dâng cao mực nước, đôi khi lên đến 6 mét. Sóng thần bị gió mạnh xô vào bờ ầm ầm rồi rút ra, cuốn theo tất cả những gì nằm trên đường đi của sóng. Loại sóng thần của Nhật (Tsunamis) thường là do động đất dưới đáy biển tạo thành hơn là do gió xoáy.

Bụi quỉ (dust devils): tạo thành do nhiệt độ cực cao ở sa mạc tình cờ gặp khối không khí cuộn tròn làm cát bụi bốc lên mờ mịt như bão nhưng không có chút xíu nước nào. Bụi quỉ còn gọi là bão cát, vì chỉ xảy ra ở sa mạc vắng người nên không gây thiệt hại gì đáng kể.

Vùng bờ biển phía đông châu Phi an toàn nhờ đảo Madagascar như tấm khiên che, lãnh đủ các điệu vũ của ác thần không trung, từ bão tố đến sóng thần. Dọc bờ biển Thái Bình dương, vùng Nam Mỹ cũng tránh khỏi thiên tai vì quanh năm lạnh lẽo, không có sự va chạm giữa hai khối nóng ẩm và lạnh khô như vùng Bắc Mỹ. Vùng châu Âu thì tấm lá chắn Anh quốc giống như Madagascar, lãnh đủ những trận vòi rồng (waterspouts), một dạng trốt xoáy nhỏ xảy ra trên mặt biển, di chuyển dọc theo duyên hải và chỉ đủ sức phá hoại những công trình nhỏ như tàu bè, hải cảng. Vùng biển Việt Nam ta vẫn thường có các vụ trốt xoáy trên biển này nhưng ở dạng nhỏ hơn nhiều mà ông bà ta vẫn gọi là "Long vương đi lấy nước". Tiểu bang Florida chiếm kỷ lục với hiện tượng này. Vào mùa hè, trung bình mỗi tháng Ngao Quảng trồi đầu đi lấy nước độ 100 lần, đường kính vòi rồng gần 50 mét và di chuyển với vận tốc "hiền lành" hơn người bạn trốt xoáy: khoảng 80 km/g giờ.

Hiện nay, điều dân Mỹ quan tâm hơn cả là làm sao biết được trước khi nào thì trốt xoáy đến thăm để kịp thời đi trốn, đồng thời trốn ở đâu thì an toàn nhất. Các khoa học gia cho biết, sự nguy hiểm nhiều khi không chỉ do cơn trốt mà do bụi đất và những khối vật chất con trốt cuốn theo nó như bàn ghế, mái tôn, nhà cửa, cây cối.v.v.. cộng thêm với sấm sét dữ tợn và mưa đá, cục nào cục nấy bằng quả trứng gà... Do đó, dân chúng được khuyên hễ mỗi lần thấy báo động có "B.52 trốt xoáy" đến thì cứ chui tuột xuống hầm nhà nhanh chừng nào tốt chừng nấy, đừng có chui xuống gầm giường mà khốn. Những ai sống trong nhà lưu động (mobile home) nên tìm hàng xóm có hầm gần đó để xin trốn ké. Những ai còn đang thơ thẩn ngoài đường hoặc trên đường về nhà không nơi ẩn trú thì cứ kiếm một cái cột chỉ dấu nào đó bên lề đường, càng nhỏ càng tốt, nằm xuống ôm lấy và... cầu Chúa. Đừng bao giờ ham ôm mấy cái cột to vì càng lớn thì cột càng dễ bị gió thổi tróc gốc. Người nào đang lái xe thì phải tắt ngay máy xe, tức khắc nhảy xuống đường tìm chỗ trú chứ đừng nghĩ xe mình là con chiến mã, nhấn ga chạy đua với thần gió mà kết cục là không chết mất xác thì cũng được xe ăm-bà-lăn chở vô nhà thương nằm đếm lịch. Còn nếu đang dung dăng dung dẻ hay lái xe trên những khu vực không có hầm mà cũng chẳng có cột, chỉ có toàn cỏ là cỏ thì nên tìm một cái rãnh bên đường, một cái hố nhỏ, một cái gầm cầu, nhớ đừng bao giờ chui xuống gầm xe vì gió trốt sẽ cuốn cả người lẫn xe chu du vài chục cây số là thường.

*

* *

Dân Mít ta đa số tập trung ở vùng California, mấy năm gần đây sau những vụ động đất kinh hồn táng đởm, vẫn thường thấp thỏm lo âu, tìm cách chạy; thì nay với nạn trốt xoáy trên 48 tiểu bang nước Mỹ, thôi cứ đành ai ở đâu ở đó, có bon chen chạy tới chạy lui cũng chẳng ai cái giải gì, cái chết nào dù là do động đất, bão tố hay trốt xoáy cũng đều... oanh liệt như nhau. ●

Văn Minh Olmec

Nguyễn Nhạn Sơn

Vang Bóng

Trước khi giống người Maya đến định cư ở Trung Mỹ khoảng 1.500 năm, và trước khi giống người Aztec đến ở những cánh đồng cỏ thuộc Mễ Tây Cơ khoảng 2.500 năm, thì tại những nơi này đã có một nền văn minh mà các nhà nhân chủng và khảo cổ mệnh danh là nền văn minh Olmec.

Cứ theo tài liệu khảo cổ, từ 1.200 năm trước CN, giống người Olmec đến ở những khu rừng rậm ven bờ vịnh Mễ Tây Cơ. Họ dựng nên một nền văn minh, về sau ảnh hưởng lan rộng đến các vùng Trung Mỹ ngày nay thuộc các xứ Guatemala, Honduras, Belize, Costa Rica và El Salvador. Họ định cư thành nhiều khu, thiết lập những con đường buôn bán với nhau, thể hiện tín ngưỡng riêng bằng hành lễ và tạc tượng thờ. Những lễ tục trích máu, chơi banh, và tế thần bằng trẻ con, về sau được các giống người vùng Trung Mỹ noi theo.

Thế rồi, khoảng 300 năm trước CN, nền văn minh của họ biến mất. Không ai biết tại sao. Nhưng họ đã để lại những vật do họ tác tạo, ngày nay được coi là những "nghệ thuật phẩm" đẹp hơn hết trong những vật của Mỹ Châu cổ thời.

Người ta đã gom được khá nhiều những nghệ thuật phẩm này, để trưng bày cho thiên hạ coi. Cuộc triển lãm bắt đầu vào giữa tháng 7.1996, tại phòng triển lãm mỹ thuật thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Từ trước đến giờ, đây là lần trưng bày nghệ thuật Olmec đầy đủ nhất. Đủ cả, không thiếu thứ gì. Từ những vật chạm bằng ngọc to bằng bàn tay, cho đến một khối đá tạc thành đầu người nặng đến 9 tấn. Cuộc triển lãm sẽ kéo dài trong 4 tháng, để du khách gần xa được dịp thấy tận mắt những vật thuộc về một nền văn minh cổ và hiếm, cho đến nay mới được phép ra khỏi xứ Mễ Tây Cơ.

Peter David Joralemon, một quản trị viên của cuộc triển lãm, nói: "Tuyệt lắm, thưa quí vị. Đủ cả một nền văn minh Olmec. Ở đây, chỉ thiếu những vật không chịu nổi sự di chuyển mà thôi. Chúng tôi đành phải để chúng lại xứ Mễ".

Nhưng theo các sử gia, mỹ thuật phẩm chỉ là một phần của nền văn minh. Người ta không biết người Olmec có chữ viết hay không, vì cho tới nay, các nhà khảo cổ chưa thu thập được một di tích nào. Người ta cũng không còn tìm được một di hài nào của người Olmec. Có lẽ chỉ vì họ đã được chôn ở những khu rừng thường có mưa và cực kỳ ẩm ướt.

Thật ra, những gì mà các nhà bác học biết về giống người Olmec, chỉ là căn cứ vào những di tích của những nơi họ đã sống, vào những di vật được đem trưng bày kia. Vì thế, tuy các chuyên gia có đưa ra những thuyết về nguồn gốc, tôn giáo, cùng cơ cấu xã hội của người Olmec, nhưng chưa cái nào được mọi người chấp nhận.

Tuy nhiên, các học giả cũng đã đồng ý với nhau một điểm: Tổ tiên của người Olmec, cũng như tổ tiên của những thổ dân khác của châu Mỹ, nguyên là những người châu Á mà sinh hoạt đang ở trong thời kỳ "săn bắn-hái lượm", đã vượt biển sang đây, ít ra cũng phải 12 ngàn năm về trước. Lúc bấy giờ, giữa hai lục địa còn những dải băng cứng để cho họ dùng làm đường thiên cư.

Có những vật do con người vứt bỏ, và những di tích của những ngôi nhà xây bằng đất bùn, cho phép các nhà khảo cổ đoán rằng hậu duệ của số người châu Á thiên cư kia đã có ở tại 2 vùng Veracruz và Tabasco, thuộc Mễ Tây Cơ ngày nay. Họ đến khoảng 2.000 năm trước CN, lập thành những làng nhỏ ven sông ngòi, để đánh cá.

Những nơi có di-tích văn-minh Olmec

Richard Diehl, giáo sư đại học Alabama-Tuscaloosa, chuyên về văn minh Olmec, nhận định: "Có lẽ họ đã thích nghi được với hoàn cảnh mới. Để có đủ thức ăn, họ đã biết trồng bắp và đậu, thêm vào thịt thú và trái rừng. Và chúng ta có thể đoán là họ càng ngày càng lệ thuộc vào nông nghiệp, bởi vì dân số tăng lên".

Nhưng các nhà khảo cổ không có chứng liệu cụ thể để mô tả cơ cấu xã hội Olmec. Những mối tương quan giữa những người cai trị với thường dân, giữa những ông chủ với người lao động, giữa những giáo sĩ và thợ thuyền, đã như thế nào? Riêng Diehl đoán: Dân số tăng, tạo áp lực trên những cộng đồng Olmec, xã hội của họ tự nhiên phân cấp. Tầng lớp ưu tú đứng ra lãnh đạo, cai trị dân chúng và điều hành hệ thống trao đổi. Những cái ấy khiến xã hội tiến hóa tới chỗ phức tạp. Lối sống và nghệ thuật Olmec phát sinh từ hình thái tiến hóa đó.

Sự suy luận của Diehl có thể đúng, nhưng không rõ ràng. Người ta chỉ biết một điều là vào khoảng 1.200 năm trước CN, tại vùng mà ngày nay là San Lorenzo, nằm trên bờ sông Chiquito, xã hội Olmec đã phát triển đến mức cao nhất. Nơi đây là một bình nguyên màu mỡ.

Nhưng cũng như những vùng Olmec khác, San Lorenzo không gây ấn tượng mạnh cho du khách bằng những thị trấn của người Maya, được phát hiện rải rác trên bán đảo Yucatán về phía đông. Lý do là nó nhỏ, dân số chỉ vài ngàn, trong khi những nơi kia trù mật hơn thập bội, có nơi chứa trên 100 ngàn người. Những tòa nhà Olmec lại chỉ được xây bằng đất, không có cái nào bằng gạch đá. Những địa điểm họp chợ chỉ là những gò, trên đó là nghững ngôi nhà lợp rạ.

Qui mô của các di tích cũng rất khiêm tốn: Cái gọi là kim tự tháp "La Venta" được xây khoảng 800 năm trước CN, cũng chỉ cao 30 thước, bằng một nửa cái kim tự tháp cao nhất của người Maya tại Chichén Itza. Nhưng khu cư trú nào của người Olmec cũng được bố trí theo một đồ án định sẵn, điều này cho thấy họ vừa có tín ngưỡng vững vàng, vừa có kiến thức về xây dựng và địa lý. Một bằng chứng: Tất cả những mô đất họ đắp tại La Venta đều lệch về phía tây 8 độ, so với hướng chính bắc.

Theo Ann Cyphers, nữ học giả chuyên về văn minh Olmec tại đại học *National Autonomous* của Mễ Tây Cơ, thì trong xã hội Olmec, giới thượng lưu, giới trung lưu, và những người nghèo khổ, ở trong những ngôi nhà khác nhau. Bà cũng cho thấy người Olmec có xưởng chế ra đồ đạc, có những hệ thống dẫn thủy nhập điền và khai úng. Bà kết luận: "Xã hội của họ đã khá phức tạp".

Nhưng các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng người Olmec chưa tiến tới trình độ lập thành một quốc gia. Học giả Diehl không tin người Olmec có một ngôn ngữ chung và đã qui tụ thành một thực thể chính trị. Ông nghĩ rằng họ thuộc về những chủng tộc khác nhau, quần cư thành từng khu, khi thịnh khi suy, và có sự lãnh đạo riêng. Thậm chí, cũng không có bằng chứng rõ ràng để quả quyết rằng những thị trấn lớn của họ, như San Lorenzo, La Venta và Tres Zapotes, hồi ấy có giao thương với nhau, hay là sống độc lập.

Hiện Vật

Nhưng các sử gia và các nhà khảo cổ đồng ý với nhau rằng người Olmec đã có một nền mỹ nghệ tinh tế nhất ở Trung Mỹ, mà về sau hai giống người Maya và Aztec phải mô phỏng.

Quản trị viên triển lãm Joralemon cho biết những đồ mỹ nghệ do người Olmec làm ra 900 năm trước CN, đều là những đồ bằng đất nung, trong khi những đồ họ tạo ra sau đó, đều bằng ngọc hoặc chất serpentine. Đây là một thứ đá mỏ hiếm và khó chạm. Hầu hết những đồ mỹ nghệ của người Olmec là những đồ chạm, những pho tượng nhỏ, những cây cột có hình trang trí, những chiếc rìu dùng trong lễ cúng tế, những bàn thờ. Thứ nào cũng được mài bóng như gương.

Những hình người có niên đại xa mặc y phục rất sơ sài, có khi chỉ giống như đồ lót. Nhưng những cái được

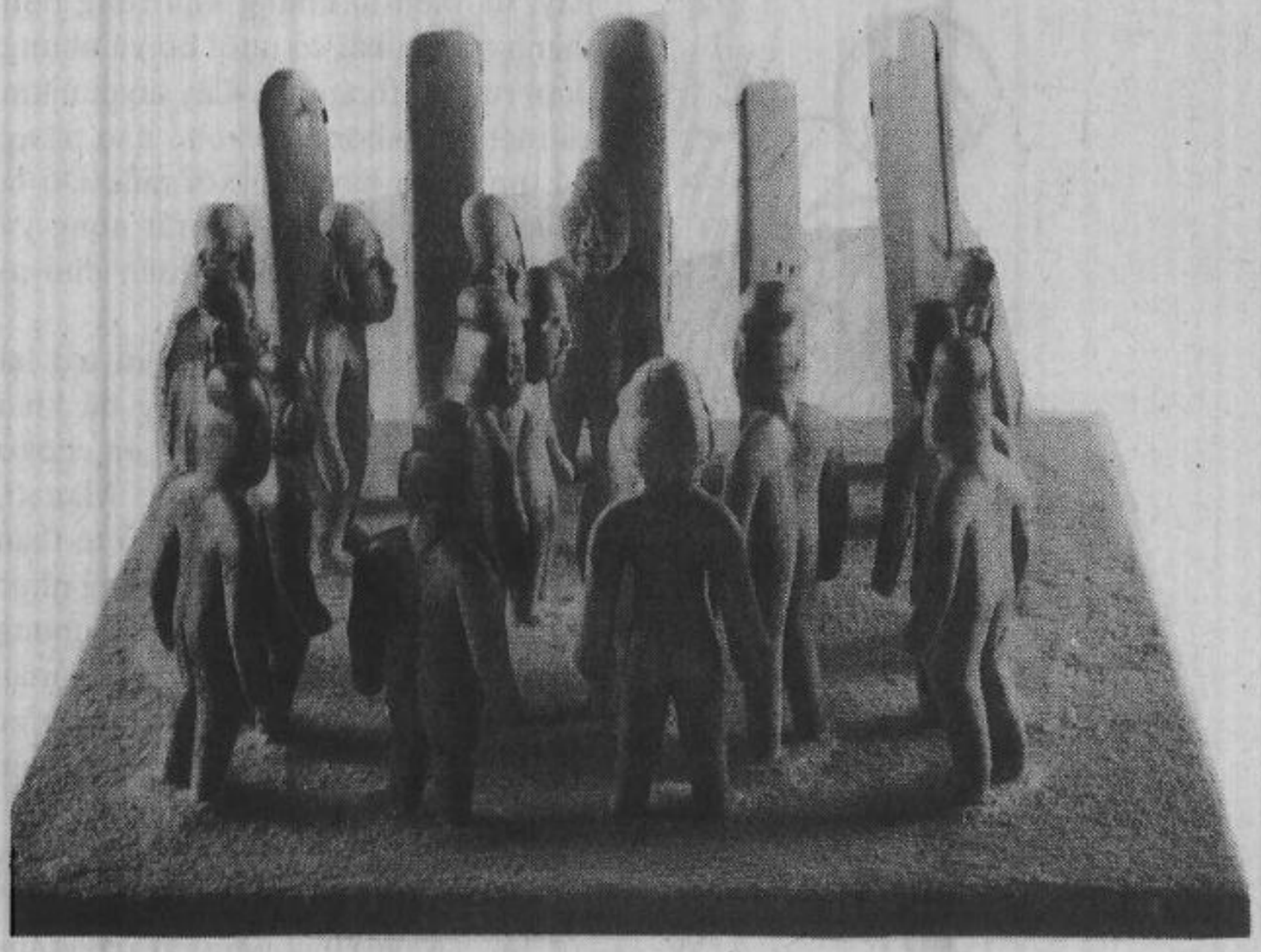

Tượng đá xếp đứng trong một nghi-lễ

làm sau, mặc y phục đẹp đẽ hơn nhiều. Những đồ bằng gốm là những vật dụng thường, nhưng những món bằng ngọc có thể là dành cho các thủ lãnh đeo để trang sức. Joralemon giải thích: "Xã hội Olmec đã tiến đến chỗ chia thành giai cấp trên dưới. Những đồ vật tầm thường hay quí báu này là dấu hiệu của sự nghèo giàu, của địa vị và uy tín thấp cao trong cộng đồng".

Những hình tượng thường thấy trong số đồ mỹ nghệ Olmec là con rồng, con chim, người lùn, người gù. Nhưng quan trọng hơn hết vẫn là hình tượng "nửa người nửa báo". Điều này cho biết người Olmec tin vào quyền lực siêu nhiên, và có tín ngưỡng "người và thần quỉ tương thông" của các giống dân miền Bắc Á, thời cổ.

Hình người kiểu Olmec có gương mặt gần như vuông, môi thật dày, mũi tẹt, xương hàm dưới nhô tới, mắt xếch. Những đặc điểm này gợi cho chúng ta nhớ lại những người châu Phi và những người Tàu thời xưa.

Những nhà khảo cổ cũng có tìm được những thứ đồ gia dụng, nhưng hễ động đến thì chúng bể nát hết cả. Do đó, rất khó tìm hiểu về cuộc sống bình dân của người Olmec.

Tựu trung, nổi tiếng hơn cả là 17 cái đầu người bằng đá, tạc khoảng giữa năm 1.200 và năm 900 trước CN, bằng phún thạch basalte nguyên khối. Cái to nhất cao 3 thước, nặng 18 tấn. Các nhà nghiên cứu cho đây là những "tượng đầu" của các lãnh chúa. Nhưng người ta chưa biết ngày xưa, người Olmec đã làm thế nào để chuyển được những khối đá khổng lồ ấy từ nơi lấy đá đến chỗ đặt tượng, có khi cách xa đến trên 100 cây số. Riêng cái đầu tại San Lorenzo được đặt trên một cái nền cao 46 thước. Trong khi đó, họ không có một thứ xe cộ, hoặc thú vật chuyển tải nào hết cả. Cũng không ai biết họ đã dùng đường thủy hay đường bộ.

Nhưng cho đến giờ, thì người ta vẫn còn hi vọng một ngày nào đó các nhà khảo cổ sẽ tìm được câu trả lời cho vấn đề vừa nói, cũng như cho cả tá vấn nạn khác liên hệ đến giống người Olmec. Hi vọng thì vẫn hi vọng, nhưng ai cũng biết là rất khó. Hầu hết các địa điểm chỉ mới được khai quật. Sự đào xới chưa được coi là hoàn tất, trong khi đó thì trở ngại cứ liên tiếp xảy ra: Năm nào, những cơn lụt lớn cũng đem hàng đống phù sa phủ lên những chỗ cần đào. Thứ đất bùn này khô quánh lại thành những lớp cứng, rất khó xuyên qua. Thêm nữa, trên vùng đất miền nam Mễ Tây Cơ mà ngày xưa người Olmec đã ở, trong vòng vài chục năm nay, đã biến từ những khu rừng rậm thành những bãi cỏ nuôi bò và những đám ruộng trồng mía. Cây cỏ phủ kín cả mặt đất, không còn chỗ nào trống để tìm kiếm hay đào xới nữa. Đó là chưa kể cái thứ khí hậu rất nóng và rất ẩm của vùng này, khiến cho ai cũng phải nản.

Tuy nhiên, trong 10 năm trở lại đây, các nhà khảo cổ cũng đã khai quật được nhiều địa điểm then chốt ở các khu Guerrero và El Manatí, những nơi có đền thờ và chỗ tế thần bằng trẻ con. Công việc có nặng nhọc và khí hậu có khắc nghiệt thật, nhưng trước triển vọng có thể vén tấm màn của một nền văn minh từ lâu vẫn được coi là bí ẩn, các nhà khoa học vẫn gắng công.

Còn hiện tại, những thứ trưng bày tại cuộc triển lãm "Văn Minh Olmec" ở Hoa Thịnh Đốn cũng rất đáng cho thiên hạ tới xem. ●

---

tháng tám qua làng hành quân cũ

Hôm nay trở lại chốn xưa
Cũng trời tháng tám, cũng mưa lầy đường
Cũng tràm thoang thoảng mùi hương
Cũng ta, gã lính phong sương thuở nào
Khác chăng: tan tác chiến bào!
Súng gươm gãy nắt ngày đao binh tàn
Khác chăng: ta, lính tan hàng
Bước chân phát vãng qua làng quê em.
Giòng sông con nước chảy êm
Mưa rơi bóng vỡ, nát tim người tù
Gió đùa giạt ngọn mù u
Con chim lẻ bạn u sầu trốn mưa.

Hôm nay trở lại chốn xưa
Vẫn con đường cũ lầy mưa năm nào
Vẫn em tấm áo bạc màu
Khác chăng:
tuổi ngọc nặng sầu tháng năm
Khác chăng:
nước mắt đoanh tròng
Khóc ta còn biết có không ngày về?
Mưa rơi rớt giọt lê thê
Nhìn nhau cũng đủ vỗ về thương đau.
Mắt em đỏ một trời ngâu
Ta đau bật máu nỗi sầu bại binh!

phan trường ân

chém đá

Sắc Không

Mở lời như chém đá
Lễ Kinh

Cả nước đeo còng số 8

1.

Trong phiên họp tiền Đại Hội 8, nhóm ngày 17 tháng 6 năm 1996 tại Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, gồm 185 đồng chí ủy viên Trung ương, bàn cãi nẩy lửa về việc nên hay không lưu nhiệm đồng chí Đỗ Mười kính mến, năm nay 79 tuổi, vào chức vụ Tổng Bí Thư Đảng.

Bực mình vì chuyện bầu bán chưa ngã ngũ và muốn chứng tỏ là mình còn gân, đồng chí Đỗ Mười bèn đi Đồ Sơn, tắm biển mùa hè, cho... khoẻ. Ngay ngày hôm sau, đồng chí vội quay về Hà Nội, Sắc Không lấy làm lạ, bèn hỏi:

- Tôi đồ chừng ngài không ưa Đồ... sơn, liệu có hồ đồ không?

Đồng chí chả nói năng gì sốt cả, cứ lắc đầu quầy quậy, rồi chìa ra bài thơ đồng chí mới làm:

ĐỒ...
Chửa đi thì ngỡi Đồ... Sơn
Đi rồi mới thấy chả hơn Đồ... nhà
Đồ... Nhà... Nước mốc váng cà
Nhưng là Đồ... thật, chả là Đồ... sơn

Tái bút:
Đồ... Nhà... Nước ngọt lại trơn
Đồ... sơn mặn quá, rít hơn Đồ... nhà
Tím hoa khế, đỏ mồng gà
Đồ...sơn rộng quá, Đồ...nhà chật hơn!

2.

Hôm nay, ngày 1 tháng 7 năm 1996, phòng kiên giam khu ED khám Chí Hòa mới có thêm hai tù nhân nữa, theo nội quy, cho đủ tiêu chuẩn "tổ tam tam chế". Một trong hai người mới vào, nguyên là phóng viên của tờ *Sài Gòn Giải Phóng*, liền hỏi người kia:

- Anh bị tóm vì tội gì?

- Tháng trước, trên tờ *Tuổi Trẻ*, tôi viết bài đả kích tên Nguyễn Hà Phan, tay cực kỳ phản động thân Bắc Kinh, chui sâu, leo cao trong Đảng ta! Còn anh?

- Tuần rồi, trên tờ *SGGP*, tôi viết một bài ca tụng đồng chí Nguyễn Hà Phan, người giương cao một cách sâu sắc ngọn cờ cách mạng của Đảng ta!

Xong, cả hai cùng quay sang hỏi người thứ ba, đang bó gối ngồi ủ rũ trên thềm xi-măng:

- Còn anh! Sao? Sao?

- Tôi ấy à? Tôi là... Nguyễn Hà Phan!

3.

Shintaro Isihara, chính khách kiêm nhà văn Nhật Bản, tác giả cuốn sách nổi tiếng *The Japan That Can Say No*, tạm dịch là Nhật Bản Dám Nói Không! Nói "Không!" với "đế quốc Mỹ", kẻ chiến thắng và là chiếc "ô dù" của họ. Có nghĩa là dân Nhật giờ đây mạnh mẽ cả tinh thần lẫn vật chất, dám nói "Không!" trước bất kỳ sự áp đặt nào có hại cho nước Nhật. Mạnh ở đây là giỏi và giàu! Trong khi chúng ta, Việt Nam, phần lớn dân nghèo và dốt, như Sắc Không chẳng hạn, kể từ năm 1945 lại đây chỉ biết nói "Vâng" với Pháp, Nhật, Tàu, Nga và Mỹ... Cách nào chúng ta có thể nói "Không", với thiên hạ, cho khỏi nhục nước, hại dân? Chỉ cần lo chống dốt và xóa nghèo thôi ư? Dân nước Ả Rập Saudi, ngồi trên các kho vàng đen, tiền bạc ngập mặt, nhiều người giỏi vì ai cũng có thể được học bổng hoặc đi du học. Sao Ả Rập Saudi vẫn phải nói "Vâng"»? Học thì phải hỏi, song nhà văn Shintaro Isihara không dám nói thật vì sợ mất lòng một Việt Nam có năm ngàn năm Văn Hiến, lại là con Rồng, cháu Tiên. Ông còn bảo: "*Chúng tôi từng thua đế quốc Mỹ, còn các ông thì ngược lại, kẻ thù nào cũng đánh thắng, Mỹ còn phải thảm bại. Đừng hỏi chơi nữa!*".

Cuối cùng, Shintaro Isihara chỉ đưa cho Sắc Không một bài Haiku, ba giòng, mười bảy âm tiết, dặn "về nhà nhớ đọc kỹ":

MACKENO
Đầu xóm kêu: Cháy nhà!
Cháy nhà! Cuối xóm vẫn đàn ca...
Sau cùng, cả xóm cháy!

Đọc tới ngàn lần vẫn chưa hiểu ý Shintaro Isihara muốn nói gì. Nhưng Sắc Không vốn tin "chẳng có chi bí mật dưới ánh sáng mặt trời".

Nghĩ tới mặt trời nên nhớ đến chuyện bánh dầy bánh chưng. Liền nảy ra sáng kiến cầu nguyện đức Quốc Tổ Hùng Vương. Trong giấc mơ, Quốc Tổ phái một thần nhân về giải mộng, cho biết:

1/ Mackeno, không phải tiếng Nhật, có nghĩa là Mặc Kệ Nó!

2/ Bài thơ ba giòng nhưng chứa nhiều ý nghĩa: Trước hết, điều cần thiết không phải là "Cộng Đồng" mà là "Mối Quan Hệ Cộng Đồng".

3/ Người Nhật gọi đó là "Nindzyo", mối quan tâm, lòng thương xót và cuối cùng, rất quan trọng, là tình đồng bào, đồng hương, tình hàng xóm... Như dân Na Uy, một tiểu cường quốc tại Bắc Âu, gọi cả

những người ngoại quốc là "Nye Naboer", những Người Hàng Xóm Mới. Ngoài ra, cái mà người Nhật kêu là "Giri", tức "Nhu Cầu Thực Hiện Nghĩa Vụ Đối Với Nhau".

Thần nhân còn phán: *"Từ ngàn xưa, Quốc Tổ đã từng dạy các con cái tinh thần láng giềng tắt lửa tối đèn có nhau!* Giri *đấy! Cũng như mối quan tâm, lòng thương xót là 'bầu ơi thương lấy bí cùng' hoặc 'người trong một nước phải thương nhau cùng',* Nindzyo *đấy! 'Thương lấy cùng' và 'thương nhau cùng' chính là 'Mối Quan Hệ Cộng Đồng'!*

Mất Nindzyo, *thiếu* Giri, *giờ đây các con, gần như, chỉ còn* Mackeno! *Bởi thế, giang sơn gấm vóc mà Quốc Tổ kiêm-ái giao cho các con ngày càng tan nát... Na nhau đi tận mười phương hay đành phải ở lại trong nước, phần lớn các con vẫn sống nhục, bị thiên hạ khinh thường, bắt nạt, hiếp đáp, cũng do các con..."*

Sắc Không đang say sưa nghe, bỗng giật mình tỉnh dậy, đâu như bên nhà hàng xóm, có tiếng ai ru con:

Chết sống mặc xác chúng bay
bà về dạn mặt hai tay đỏ vàng
Mackeno chất khăn tang
ông về cúi mặt đầu hàng mà... vui
Ra khơi hồn những giật lùi
cá ươn không tự biết mùi lợm tanh...

4.

Xếp xòng Liên bang Hoa kiều Tương tế hội tại Chợ Lớn, ông Woòng Tuúng Coỏng, đến Sở Ngoại Vụ Công An Thành Phố xin cho cả nhà được hồi hương, diện "khẩn trương". Giám đốc Sở Ngoại Vụ vồn vã gạ chuyện:

- Sau Đại Hội 8, chúng tôi mới xét hồ sơ. Nhưng ông có thể cho biết trước vì sao ông lại bỏ cả nhà cửa, bạn bè để trở về Đài Loan gấp thế?

- Dạ, thưa có hai lý do. Thứ nhất tôi sợ Đảng ta kỳ này đi đoong mất... Lúc ấy, lại đổ tội cho Hoa Kiều chúng tôi...

- Bố láo! Mặt trời có thể tắt... Chớ Đảng Trung Quốc còn, Đảng ta còn!

- Dạ thưa, đó là lý do thứ hai!

5.

Cảm ơn nhà thơ Trần Vấn Lệ đã gửi cho Sắc Không bài báo *Cửa Thiền Dậy Sóng*. Xin ông đừng buồn và nghĩ thời này là thời "mạt pháp". Pháp, theo thiển ý, chẳng bao giờ "mạt" cả! Nếu có, chỉ là thời "mạt sư":

Thời nào cũng vậy, "mạt sư" do ba ngả:

1/ Thứ nhất, nếu là bậc chân tu, thường *khôn chuyện đạo, khạo chuyện đời* nên một số vị, ở mọi tôn giáo, nghe thấy *con người là vốn quý trong cuộc cách mạng dân tộc*, rất nhân nghĩa, dính liền!

2/ Thứ hai, một số do *thích trốn lính, dính tiền chùa* rất *rành chuyện đời, rời chuyện đạo*, Vẹm liền bám sát, dùng cả mỹ nhân kế, kẹt ngay!

3/ Thứ ba, khó đột nhập như chiến khu Phát Diệm mà người của Vẹm còn nằm vùng được, rồi cũng di cư vào tới tận Dinh Độc Lập, xá chi việc chui dzô một ngôi chùa nào đó, dễ ợt! Nếu cần, Vẹm còn xây chùa mới, bề thế, cho "mạt sư". Không lỗ! Chỉ có lời: kinh tài, tình báo, tuyên truyền, chính trị...

Các chứng nan y trên đã thành mãn tính, kinh niên! Có thuốc chữa không? Bệnh quỷ có thuốc tiên! Nhưng chữa cho ai và ai chữa? Chẳng lẽ *"chủ nghĩa hữu thần sẽ là tấm bình phong cho chủ nghĩa vô thần"* mãi mãi như lời như Lê Nin nói trong *Toàn Tập*, nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội ấn hành? Vụ nhà sư Pháp Châu, chùa Phật giáo Việt Nam ở Orange County, thậm thụt với nhà sư Minh Nghị, "cán bộ tôn giáo", người *"từng cộng tác với Cộng Sản trong suốt nhiều năm sau 30.4.75"*, mới qua Mỹ, khó hiểu thật sao?

Theo nhà sư Pháp Châu: Chỉ là tình "bạn đạo"! Biết đâu ngài chẳng bị dây với hủi, thấy mà đành phải im. "Hủi" cố ý xáp lại để vô hiệu hóa việc *"cuộc biểu tình chống Cộng nào cũng có thầy Pháp Châu tham dự"*, điều mà nhà thơ Trần Vấn Lệ đã ghi nhận. Cũng rất có thể, như bài thơ của "mạt sư" Fáp Trâu, đừng lộn với nhà sư Pháp Châu, thế này:

NHÂN QUẢ
Xa quê hương gặp người bạn cũ
Lệ mừng rơi vội rủ về chùa
Mở bình rượu cúng mới mua
Vui tình đồng chí bông đùa sáng đêm.
Lẽ thường chuyển vách tường cũng chuyển
Vòng luân hồi dâu biển đổi thay
Búa liềm lỡ tuột khỏi tay

lần sang tràng hạt ngồi ngay ngắn liền.
Tình đồng chí đổi ra bạn đạo
Đâu chỉ vì cơm gạo qua ngày
Giữ gìn mạng lưới ngoài này
Trong kia vươn mạnh cánh tay nối dài.
Việc giờ hỏng nằm ngoài ý muốn
Nói hay không cảnh huống cũng rồi
Nâu sồng áo chẳng bùn hôi
trước sau tu thật mới ngồi tòa sen...

6.

Bà vợ ỏn ẻn cùng chồng:

- Hè này các cháu ở Mỹ tính mời chúng mình sang chơi. Tàu đi, tàu về, ăn ở không lo... Chúng lại xin phép được biếu thêm chúng mình ít tiền dằn túi. Sao ông nó lại nỡ từ chối, phụ lòng các cháu, chúng nó buồn?

Tổng Giám đốc Công ty Nghĩa trang Mai Dịch Hà Nội vội xua tay, nạt vợ:

- Đi cái-con-củ-kịch! Lú lấp ruột gan hay sao mà không nhớ? Trước và trong mỗi kỳ Đảng họp Đại Hội, không đi đâu được! Bận lắm!

- Hay nhỉ? Ai làm gì mà nhà ông gắt lên như mắm tôm thế? Cứ công với tác cho lắm vào. Rồi ốm xác... Lại giở khắm, giở thối ra với vợ con! Đồ đểu!

- Thế đấy! Đào, lấp không kịp!

7.

Bạn chí cốt của nhà báo Dương Thượng Ngã (nghĩa là Dê Trên Tôi) là ký giả Mõ Lờ Vờ, một cây bút liều mạng ở hải ngoại hiện nay, tính ngang như cua: *«Chẳng ngán ai, chỉ sợ mình. Một ngày nào đó làm tình yếu đi!»*, vừa khoe mới tóm được một bài thơ tuyệt hảo của nhà văn Đặng Văn Nhâm, có bút hiệu là TTV, người mà Sắc Không rất trân quý. Thích quá, Sắc Không liền xin một bản sao:

Âu châu rực lửa tiến công
Đại hội bầu bán chửa xong đánh liền
Tháng Năm mồi lửa tháng Tư
Đào viên kết nghĩa, tình từ quán ăn
Bút nào tả nổi nên văn
dù Văn Bút mấy khó khăn cũng thành
Nơi toàn các đấng tài danh
chim to về đậu đất lành tõe hoa
Những nhà văn, thơ chúng ta
sách chưa một cuốn in ra đón mừng
Văn Bút Âu Châu tưng bừng
dẹp quân nổi loạn Sơn Tùng, Tuệ Nga...
(Chính thống Viên Linh nhà ta
được PEN Quốc Tế nhận là hội viên)
Chúng nó đi vào lãng quên
âm thầm một bọn sách in quá nhiều
Còn ta dẫu chẳng bao nhiêu
thuộc phe chính thống là điều đáng khen
Cứ mời thật đông người quen
đến nghe đánh trống thổi kèn xuất quân
Tung tin khắp báo xa gần
mười phần cơ bắp lên gân cả mười
Đứa nào ngứa miệng chê cười
mặc kệ chúng nó hở mười cái răng
Ngày nào đinh đóng vào săng
nhìn vào mới biết là thằng hay ông
Ra công tô lục chuốt hồng
đánh cho thật bóng nồi đồng, chảo nhôm
Chà sao cho sáng cho xôm
cho cá phải lặn cho tôm phải chìm
Trong cuộc tranh cãi, đứa im
là đứa thua trận, tìm đường rút lui
Ta, Đặng Văn Nhâm cóc lùi
không chuyển một tấc, chẳng rời một ly
Con đường chính thống là lì
bước lên nhất định phải đi tới cùng
Sao cho tỏ mặt anh hùng
bấy giờ ta mới ung dung cả cười
Bỗng đâu sét đánh ngang trời
đánh giặc không đánh, đánh người đến coi
Thơ văn hết đấm lại thoi
nhà báo sặc gạch muốn lòi cơm ra
Từ Ngọc Lê lại chơi ta
có bao sự thật nói ra, hết rồi
Than ôi! Than ôi! Than ôi!
Là nhà văn chỉ nên ngồi viết... văn!

8.

Hai ông điên "thời cuộc" đứng ở bờ hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội, nhìn lên bầu trời vườn hoa Ba Đình. Thấy luồng ánh sáng từ dưới đó hiện lên cong vút, một ông bảo bạn:

- Mày xem kìa! Ánh sáng nghị quyết của Đại Hội 8 đấy. Bọn "tỉnh" bảo chúng ta "điên". Tiên nhân chúng nó! Chỉ quen đứng "dưới ánh sáng của nghị quyết". Chúng ta khác, liệu mày có thể leo lên, đứng trên cái cầu vồng ánh sáng ấy được không?

- Sao không? Nhưng tao chỉ sợ nửa chừng mà nó tắt một cái thì bỏ... mẹ!

9.

Đức Thành Thái, một trong những ông vua nhà Nguyễn, lên ngôi năm mười tuổi, sau bị Pháp đày sang đảo Réunion bốn mươi năm. Nhà vua còn là một nhà thơ vì yêu nước, thương dân mà vất vả suốt đời:

Vũ vũ văn văn ý cẩm bào
Trẩm vi thiên tử độc gian lao
Tam bôi hoàng tửu quần lê huyết
Sổ trảm thanh trà bách tính cao
Thiên lệ lạc thời dân lệ lạc
Ca thanh ca xứ khấp than cao
Can qua thử hội hưu đàm luận
Lân tuất thương sinh phó nhĩ tào.

Có người đã dịch:

Quan văn võ thỏa áo bào
Riêng ta bệ ngọc gian lao một mình
Ly rượu tiến, máu dân lành
Mồ hôi trăm họ, quánh xanh chén trà
Lệ ta hòa lệ dân ta
Tiếng dân than khóc vượt xa tiếng đàn
Gươm đao thuở ấy thôi bàn
Cứu dân thoát ách cơ hàn nào ai?

Lời bàn của nhà văn Nguyễn Thị Vinh: *"Nhà vua mà còn phải nói lên sự thật về chính cái triều đình của mình. Cả hai, một minh quân và một nhà thơ tài hoa, trong ông, kết lại thành một Kẻ Sĩ Nhân Hậu. Ai là nạn nhân của thứ triều chính như thế, càng không thể im lặng được!"*

Nhà văn Nguyên Nghĩa, tính nóng như lửa đốt, thẳng thắn góp ý: *Chỉ trừ những quân mà bản chất "chống Cộng", chạy gần chết, xin tị nạn với lý do "chống Cộng". Nay lại lòi ra cái bản mặt hiện tượng: Tình ruột thịt nghĩa đồng bào! Hợp tác để phát triển. Tiếp xúc nhằm cảm hóa! Chớ thù dai với triều đình... Đỏ! Nghệ thuật vị nghệ thuật! Rõ là kiểu "Gươm đao thuở ấy thôi bàn!". Lờ tít đi cái chuyện - Cứu dân thoát ách cơ hàn, nào ai? - Toàn nhân nghĩa hão!*

Sóng sao mặc sóng

1.

Tại quảng trường "Mang tên Bác", trong khi đám đông nhân dân đang lắng nghe loa báo kết quả Đại Hội Đảng, bỗng một tên đầu bù, tóc rối, nắm tay vung lia lịa lên trời, hô vang:

- Đả đảo bọn chó điên! Cấu xé nhau triền miên! Đả đảo bọn chó điên! Tranh nhau ghế vì tiền! Đả đảo bọn chó điên! Tới ngày dân vùng lên! Đả đảo bọn chó điên! Chúng mày sẽ chết liền!

Tức khắc, Công an xúm vào. Đè hắn xuống. Bẻ quặt hai tay ra sau lưng. Còng lại. Dẫn ngay về đồn. Trưởng Công an đập bàn, quát:

- Này, thằng khốn kia! Mày chửi ai? Khôn hồn khai ra!

- Ô hay nhỉ! Định làm gì nhau đây? Dễ thường các anh là bọn "diễn biến hòa bình" đấy hả? Chắc thế, mới động lòng!

- Thế thì được... Thôi! Cởi trói! Thả! Cảm phiền! Chúng tôi chỉ làm nhiệm vụ...

Ra tới cửa, tên cầu bơ cầu bất vội quay lại. Đứng nghiêm. Rồi nhỏ nhẻ hỏi vọng vào:

- Thế quí anh tưởng em đây tính nói ai?

2.

Đồng chí Lê Mai, Thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội, mới bị chứng "heart attack" ngất tim và ngừng đập tại Hà Nội ngày 26 tháng 6. Dân trong nước kháo nhau đây là một vụ nội bộ Đảng đấu đá nhau tàn khốc, giành ghế, trước Đại Hội 8. Biết ông Said Khalil Al Masri, Đại sứ Palestine tại Mỹ, là bạn thân của đồng chí Lê Mai, Sắc Không bèn *fax* cho ông, hỏi:

- Người mới chết, thường hiện hồn về hoặc báo mộng cho thân nhân, bạn bè. Ông có thấy điềm gì không?

- Lạy Thánh Ahla! Có! Bị chích 3 phân khối không khí vào mạch máu. Sống sao nổi? Chỉ 1 phân khối cũng đủ toi! Thiêng lắm! Về mà còn đọc được bài thơ trong mộng, bảo tôi phải cố nhớ:

TỤT QUẦN
Lê Mai vừa xuống tuyền đài
gặp ngay Lê Duẩn đứng ngoài cửa canh
Dặn dò: Chín nhịn, mười lành!
Lê Nin đang ở lầu xanh vui đùa
Lê Thị Hồng Gấm te tua!
Ông đây còn phải chào thua nữa mày!
Lê Đức Thọ mới cho hay
Lê Văn Bàng nó thịt mày chứ ai
Lê Đức Anh quả là tài
mượn đàn em, dứt Lê Mai, trả thù
Bọn thân Mỹ thật rõ ngu
Không nhìn ra đám Tàu phù đứng sau
Thằng Lê Lựu giờ ở đâu
Khôn hồn, chớ bắc nhà cầu văn chương
"Diễn Biến Hòa Bình" khôn lường
Lưới Internet trăm đường bủa vây
Mừng mày sớm như ông đây
chỉ ở dưới này mới được yên thân!
Chào Lê Long Đĩnh? Rất cần!
Gặp Tổ Sư Phụ, nhớ: quần tụt ra!
Lê Hoan coi như người nhà
chỉ cần biếu ảnh liền bà rạng chân
Lê Chiêu Thống, đã hóa thân
Thành Hồ Chủ Tịch, khỏi cần vấn an!
Bác giờ việc nước thư nhàn
Mỗi ngày quạt một lò than nướng...
người!

3.

Đoàn xiệc "Tung Cánh Chim Quay", từ Sài Gòn ra Hà Nội, biểu diễn nhiều màn đu dây ác liệt, cho ban tổ chức Đại Hội Đảng 8 coi trước. Các đồng chí có trách nhiệm xem thử đều nổi da gà và phục sát đất. Ai nấy thảy đều suýt soa:

- Thánh thật! Song công tác này nguy hiểm quá! Chết dễ như bỡn! Sẽ đề nghị trên cho tăng lương...

Giám đốc đoàn xiệc hồ hởi, phấn khởi thưa:

- Cảm ơn các đồng chí đã chiếu cố, quan tâm tới việc nâng cao mức sống của anh chị em trong đoàn! Nhưng so ra, nghề nghiệp của chúng tôi chưa nguy hiểm bằng...

- ...

- ... đám nhà văn!

4.

Ngày Ký Giả Toàn Quốc, khai mạc trước Đại Hội 8, dưới quyền chủ tọa của Lê Xuân Tùng, Thành ủy Hà Nội. Đồng chí Lê Xuân Tùng (Tùng Lê) hô hào: *"Không những chỉ trong thời chiến tranh mà cả trong thời bình, người cầm bút phải có can đảm viết lên sự thật hoàn toàn và đầy đủ, vì lợi ích của nhân dân và tổ quốc!"*. Kết quả, ngay ngày sau, các tờ báo lớn của Đảng đều viết *"những bài lập trường khuyến cáo người cầm bút phải trung thành với đường lối của Đảng"*. Sắc Không hoang mang quá, liền tới nhà riêng của đồng chí Đào Duy Tùng (Tùng Đào), người vừa "bị" đánh văng ra khỏi Bộ Chính Trị và Thường Trực Ban Bí Thư Trung Ương Đảng, để:

- Xin đồng chí cho biết ý kiến về vụ trên...

- Ý kiến ý cò gì? Kịch cả đấy! Đảng vờ chơi Lê Mai để vừa lòng Bắc Kinh. Chơi tôi với Nguyễn Hà Phan để đẹp lòng Hoa Thịnh Đốn! Lê Mai tưởng thật. Uất quá. Phản đối. Liền bị chích. Chết oan. Do không "nắm quy luật, bật lò so", bình tĩnh, chờ vở diễn khác. Tình hình sẽ ngược lại! Xuống thằng lên ông là chuyện thường trong Đảng... Báo chí ư? Nó thế này:

KÝ GIẢ... VỜ
Tùng lớn ra, Tùng nhỏ vào
Lê Xuân bứng gốc, rễ nhào Đào Duy?
Báo chí vẫn chẳng khác gì
truyền đơn lớn, nhỏ viết chi cũng buồn!
Tùng Lê kêu gọi hùng hồn,
so ra vẫn rập theo khuôn Tùng Đào:
"Trung thành với Đảng, nâng cao đường lối cách mạng, phong trào tiến lên!"
Lệch thì lạc, sẽ thấy liền
thằng nào hó hé là điên cái đầu!
Chúng mày có báo riêng đâu
mà lấy Sự Thật làm câu nằm lòng?
Sự Thật trong tay chúng ông:
"Muốn ăn lương phải lập công rõ nhiều!"
Viết gì cũng chỉ bấy nhiêu
Đảng là kinh điển Giáo điều Mác-Lê
Con nào được lệnh, vờ chê
theo yêu cầu Đảng, khi về được khen
Thằng nào tự phát, mon men
ra điều phản kháng, chết liền một khi!

Nguyễn Văn Linh từng nói chi?
"Cứ viết Sự Thật bề gì cũng cam!"
Tùng Lê nay cũng hất hàm:
"Phải viết Sự Thật, đừng làm khác hơn!"
Văn nô méo mặt, cám ơn
y như miệng cá thờn bơn hụt mồi
Đứa nào có máu làm bồi
sướng đời cầm bút chỗ ngồi vươn cao
Đứa nào thích sống hàng rào,
cầm... cụ cho chó đái (thì) vào Đảng Ta!

5.

Theo truyền thống của Đại Hội Đảng, các cháu thiếu nhi trong đội "Cháu Ngoan Bác Hồ" sẽ dâng hoa biếu các đồng chí lãnh đạo Đảng. Nhân lúc các cháu nghỉ giải lao giữa hai lần tập ráo riết, tại sân vận động Hàng Đẫy, Sắc Không bèn hỏi một cháu bé, chừng bảy tuổi, không biết con cái nhà ai mà xinh quá, quàng khăn đỏ nom rất dễ thương:

- Bố cháu là ai?
- Đảng!
- Mẹ cháu là ai?
- Đoàn!

Ngạc nhiên hết sức, Sắc Không lại hỏi:

- Cháu có ước mơ gì không?
- Có!
- Gì?
- Mồ côi!

6.

Hội Các Nhà Thơ Vàng, thuộc Hiệp Hội Thi ca Quốc Tế, vừa công bố Giải Thưởng Lưỡng Niên, hai năm một lần, giành cho bài thơ Hận Sông Đà của một thi sĩ Việt Nam. Lễ trao giải thưởng đã được tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển ngày 19 tháng 6 năm 1996. Nhà thơ mang vinh dự về cho nền Thi Ca Thế Giới Mới là một bác sĩ, hiện sống tại Mỹ, ký bút hiệu Bui Tâm, người từng gọi nhà văn Bùi Tín, tác giả cuốn Hoa Xuyên Tuyết, là *"tên ma cô văn nghệ"*:

HẬN SÔNG ĐÀ
Đêm nay trở lại Sông Đà
buồn như cắt thịt, xẻo da chẳng bằng
Thuyền về sóng đẩy băng băng
ào ào thác lũ dưới trăng gọi người
Thu Hương ơi! Thu Hương ơi!
đầu sông chiếc bóng cuối trời nhớ nhau
"Kim đâm vào thịt thì đau
thịt đâm vào thịt nhớ nhau suốt đời"
Anh thề có đất có trời
dập đầu lạy tạ một thời dại ngu
Giao cuốn băng cho kẻ thù
chúng đem chiếu lại chiến khu chúng mình:
Cả nước xem cuộc làm tình
rụng rời tưởng quỷ thành tinh hiện về
Em thời... lộn ngược hang mê
bắt chuồn chuồn ngón tay tê rần rần
Anh thời... mắt đảo, trời vần
trợn ngay lòng trắng, lạc dần lòng đen
Sông Đà đêm thức chong đèn
bóng như lạ với người quen trở về
"Văn chương chữ nghĩa bề bề
thần ...ồn ám ảnh cũng mê mẩn người"
Anh thề có đất có trời
dập đầu lạy tạ một thời dại ngu!

7.

Bài thơ trên đã được nhạc sĩ Trần Tiến phổ thành ca khúc, đượm chất dân gian, đồng nội. Trần Tiến, nhạc sĩ thời danh được giới tuổi trẻ trong và ngoài nước ưa thích. Nhạc pháp giản dị mà sâu sắc. Lạnh lùng mà thân tình. Bản mới nhất, bài *Tự Hỏi*, có câu: *"Còn viết nữa hay thôi bạn đời ơi! Đàn đã đứt dây rồi tiếng lòng tôi. Chợ đời vẫn đông vui dù một quán không người. Thôi! Trả gánh, tôi gánh hàng tôi về trời!"*

Gánh hàng? Thứ nhẹ mà nặng, như ca khúc *Sống Thật* sau đây mà nhạc sĩ Trần Tiến vừa gửi cho Sắc Không:

SỐNG THẬT
Tôi quyết định bỏ tiếng đàn
Cùng bạn bè đến với xã hội
Do khoảng thời gian hơi sớm
Nên đã bị gay cấn
Bị khổ sở một thời gian
Nhưng mà tôi vẫn thích viết
Dù biết mình sẽ phải vất vả
Bởi vì tôi thấy
mình cần phải nói lên sự thật
Đời người sau này
khi nghĩ lại thời còn trẻ
Thấy mình sống không dũng cảm
Không biết đứng lên nói sự thật
Thì buồn lắm
Hèn yếu lắm
So với điều mình nói
với ý chí của mình
đâu bằng lớp đàn anh đi trước
với "Gươm kề tận cổ, súng kề tai"
như người ta thường nói
Theo quan niệm riêng của tôi
Người nghệ sĩ bao giờ cũng Sống Thật
với những bức xúc
trong sáng tác của mình
Nếu sống giả để mà lấy tiếng tăm, tiền bạc
Thì đấy gọi là một «con điếm cao cấp"

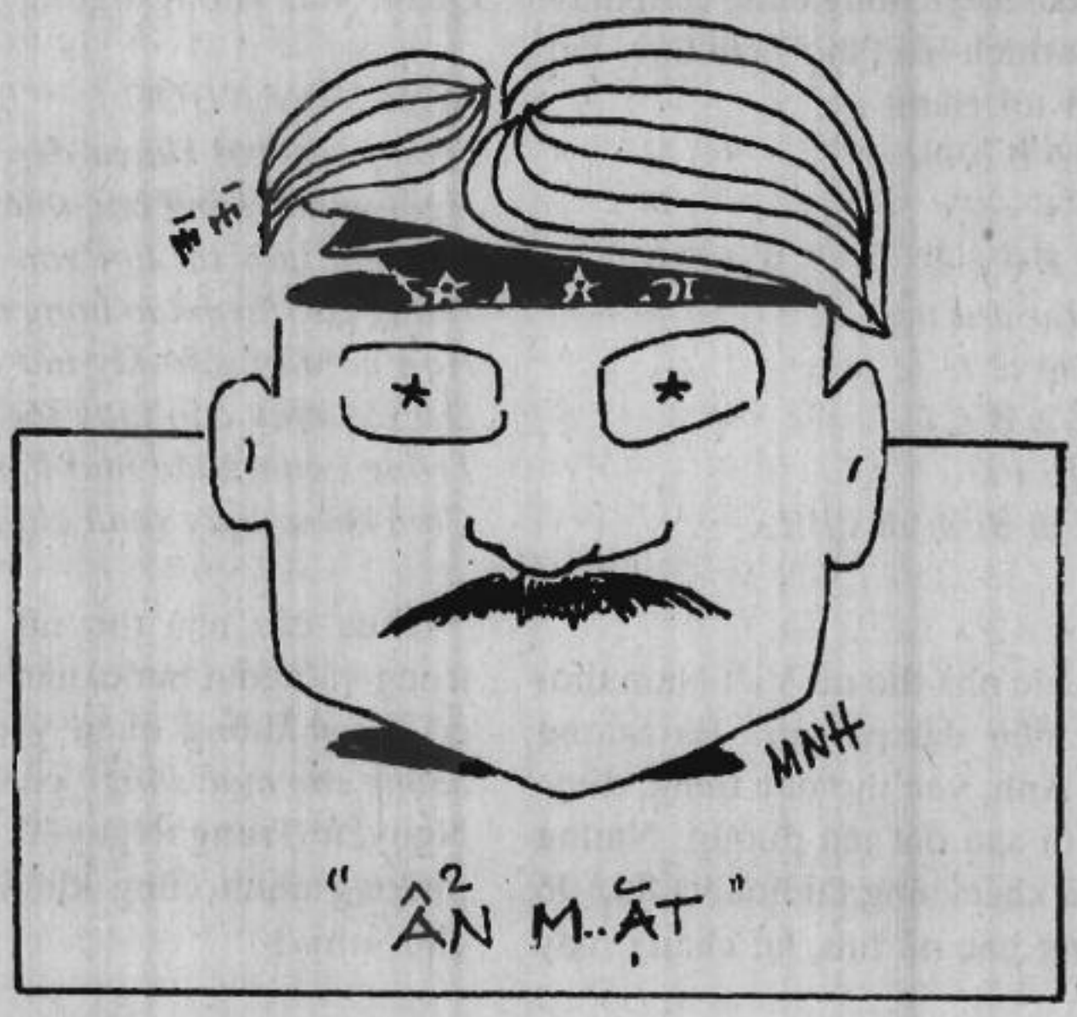

Không hơn không kém!
Trần Tiến
Sài Gòn 1996

Cảm ơn ông Trần Tiến, người không chỉ cân nhắc từng chữ, từng nốt của lời và nhạc trong mỗi tình khúc được viết ra, đầy ắp niềm tin yêu, mà ông còn sống hết mình, Sống Thật, tràn ngập tình thương Con người giữa một quán đời cho dù nhiều lúc "không một bóng người". Cái quán ấy, guồng máy lạnh lùng và nghiệt ngã của chủ nghĩa phi nhân bản, nhạc tồi gào rú và vé vào cửa trả bằng máu, chỉ là lò sát sinh, không phải cuộc đời đông vui!

8.

Lại nói về Tình Yêu: cô Tôn Nữ Thủy Sắc, một độc giả ở Paris 13, vừa viết thư than phiền Sắc Không: "Có khuynh hướng chống thơ Việt Nam thời hiện đại, nhất là thơ tình!". Xin trả lời: Thưa cô Thủy Sắc, chúng tôi chỉ chống cái gọi là thơ mà thôi! Còn thì thơ gì cũng thích! Nhất là thơ tình của Tawara Machi. Chắc cô cũng đọc rồi: Cách nay chín năm, nhà thơ nữ Nhật Bản Tawara Machi, hăm bốn tuổi, đã trở thành hiện tượng tân thi ca, cả ở ngoài nước Nhật, được dịch sang nhiều thứ tiếng. Trong vòng nửa năm, 2.500.000 ấn bản (hai triệu rưỡi cuốn) đã bán hết vèo! Hầu hết các nhà thơ khác, ở Nhật, chỉ dám in 700 cuốn (bảy trăm) mỗi lần xuất bản là cùng. Tập thơ mang tên Sarada Kinenbi, "*Ngày Kỷ Niệm Xà Lách*". Một số bài trong tập thơ đã được Nhật Chiêu dịch sang tiếng Việt, ý tứ khá bám sát. Dĩ nhiên đọc nguyên tác, âm tiếng Nhật, vẫn thấy thơ có nhạc tính hơn. Sau đây là bài thơ nổi tiếng nhất của Tawara Machi:

«Chà, ngon quá!» Hôm ấy
Món xa-lách anh khen
Mồng Sáu tháng Bảy
Thành kỷ niệm trong em
Một ngày xa-lách»

Tawara Machi, trong tập Sarada Kinenbi, hơn 400 bài Tanka, một thể thơ rất xưa của Nhật, có từ thế kỷ thứ 5, một bài cũng 5 giòng. Dưới tay Tawara Machi, Tanka đã trở nên mới:

«Khi tôi nhìn
Cơn mưa đi quanh
Bỗng nhiên tôi thấy
Khát thèm môi anh»

Chính hình ảnh và nhạc điệu đã tạo nên chất thơ. Ý thơ "chìm" hay "nổi" tùy tác giả, ý tại ngôn... ngoại hay nội cũng do người làm thơ. Đôi khi "vô ý" mà lại "rất thơ". Thật khó nói! Như:

«Vào một đêm
Thế giới lãng quên
Có tôi trên đời
Điện thoại nhà bên cạnh
Liên hồi rung reng»

Do đâu mà mà mọi lứa tuổi, ở khắp mọi nơi, đều yêu Thơ Tawara Machi? Chỉ vì:

«Và trong đêm
Tôi muốn
Anh với tôi
Như những mô hình cơ thể
Đơn sơ: Mang hiệu Con Người!»

Thưa cô Thủy Sắc, cô nghĩ gì về loại "thơ Việt Nam hiện đại", kiểu:
«Bàn tay năm ngón ngón năm
Nắm ngon ngon lắm ngón nằm Lò Côn!»

Nhờ cô, Sắc Không cũng cảm thấy hơi thinh thích bài "thơ" sau đây, xin được gửi tới riêng cô:

«ò ò ò ò ò ò ò
y y y y y y y
ê ê ê ê ê ê ê
u u u u u u u...
tê tê tê tê tê tê tê
ô ô ô ô ô ô ô
i i i i i i i
đi đi đi đi đi đi đi!!!»

9.

Còn các nhà thơ nữ Việt Nam thời cận và hiện đại ra sao? Bà Sương Nguyệt Anh, văn thơ nức tiếng, được người đời sau đặt tên đường. Nhưng nhiều bà khác cũng tài hoa và đức độ ngời sáng bậc nữ lưu, lại chẳng may sớm bị chìm vào quên lãng. Như bà Bảo Lương Nguyễn Trung Nguyệt, sinh ngày rằm tháng Giêng năm Kỷ Dậu, 1909, tại làng Bình Đại tỉnh Mỹ Tho. Năm mười hai tuổi, bà đã làm thơ xướng họa cùng thân phụ. Từ mười bốn tới mười sáu tuổi, nổi tiếng văn hay chữ tốt, thi ca lấy lừng khắp Mỹ Tho và trên báo chí ở Sài Gòn Gia Định. Bà hoạt động chống Pháp tại Quảng Châu, năm 1927, năm bà mười tám tuổi. Thơ của một thiếu nữ đôi chín mà khẳng khái, đường hoàng như thế này:

CHỈ THẾ THÔI
Bể rộng, ngàn rong gắng sức trôi
Sóng sao mặc sóng, dễ đâu rời
Nông sâu quyết vẹn tình yêu nước
Theo nước, đời rong chỉ thế thôi!

Cuộc đời và sự nghiệp văn chương của bà đáng để chúng ta lập đền thờ, theo truyền thống văn hóa Việt, nhớ ơn Người và Thơ, cả hai cùng thắm thiết một lòng vì nghĩa cả. Chớ đâu như phường bán nước, xưa dựng miếu thờ Sầm Nghi Đống, nay ngất ngưởng tượng Lê Nin, nghễu nghện lăng mộ quân tay sai nghịch tặc!

Ngồi tù chín năm trong nhà ngục thực dân Pháp, 1928-1937, vì "*quyết vẹn tình yêu nước*", nhà thơ lớn Bảo Lương Nguyễn Trung Nguyệt, tài tình ngang ngửa Bà Huyện Thanh Quan, vẫn không ngừng làm thơ:

HỒN NON NƯỚC
Trong vắt trời khuya đẹp tự nhiên
Ngân giang sáng bạc thực hay huyền
Gió qua lưới sắt hơi vờn vợn
Trăng gác thềm lao bóng ngả nghiêng
Hoa nở đầy sân đầy uất hận
Đá xây mấy cấp mấy ưu phiền
Trống canh nhắc nhở hồn non nước
Cầm khóa ngày xanh chí chửa tuyền!

Thưa các nhà thơ nữ "hôm nay" trong và ngoài nước, hẳn quý bà, quý cô cũng không quên ý thơ mới mẻ "*Sóng sao mặc sóng*" của Bảo Lương Nguyễn Trung Nguyệt? Mới cả tới phương danh cũng không cần dùng chữ «thị»! ●

nhận được, giới-thiệu

Còn có em, nụ cười

Tuyển tập ca-khúc của Phạm Quang Ngọc, bìa, tranh và thơ của Nguyễn Hữu Nhật, cơ-sở Anh Em xuất-bản tại Na-uy năm 1996.

Tất cả gồm 40 bài tình-ca, nhạc-ngữ phong-phú, trình-bày sáng. Phạm Quang Ngọc (Văn Bút TT Sydney, Úc) là một khuôn mặt đấu-tranh trong hàng ngũ nghệ-sĩ Hưng Ca. Tuy nhiên, *Còn có em nụ cười* là một tập nhạc tình, rất tình, rất người.

Sách dày 78 trang khổ lớn, giá 20 úc-kim. Liên-lạc: Phạm Quang Ngọc, 16/5 Maggiotto P1, Mont Prichard, NSW 2170, Australia.

Mây sóng

Tuyển-tập ca-khúc và thơ phổ nhạc của Linh Phương, bìa Đinh Cường, Trần Quang Hải, Lê Tâm, Hà Bỉnh Trung cảm-đề và giới-thiệu, Làng Văn xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1996.

Tất cả gồm 30 bài hát, gồm ca-khúc Linh Phương; cùng các bài nhạc phổ từ thơ Hà Huyền Chi, Cung Vũ, Trần Quốc Bảo, Mai Đẳng, Vũ Hối, Hà Bỉnh Trung, Thanh Hiền, Hồng Lan, Lê Bá Năng.

Linh Phương (Văn Bút TT Nam Hoa-kỳ) là giáo sư dương cầm tại các trường trung-học ở Florida, Hoa-kỳ, rất được những người trong giới quí trọng. Nhạc của Linh Phương phần lớn là buồn, nhưng trong sáng, khuôn phép, không phá-phách vô lối.

Tập nhạc dày 72 trang khổ lớn, giá 8 mỹ-kim (12 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Một lần đi, anh yêu

Tuyển-tập thơ nhạc Nguyễn Tấn Hưng, một số bài kèm phụ-soạn dương-cầm của Linh Phương, H&L Productions xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Sách dày 86 trang khổ lớn, giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: H&L Productions, P.O. Box 430165 Houston, TX 77243-0165, USA.

Chợ Trăng

Tập ca-khúc thứ nhì của Nghiêu Minh (Văn Bút TT Miền Đông Hoa-kỳ) tranh bìa của Nguyễn Quốc Tuấn, Ngô Khánh Duy trình-bày, phụ-bản Lê Quang Xuân, tác-giả xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Nhạc Nghiêu Minh có nhiều nét lạ trong cách kết-cấu và chuyển cung, lời nhạc bình dị.

Sách dày 36 trang khổ lớn không đề giá. Liên-lạc: Nghiêu Minh, 8001 Bradley Blvd., Bethesda, MD 20817, USA.

Đường vào tình sử

Tập nhạc Nguyễn Đức An, tranh bìa của Hiếu Đệ, Phạm Duy và Từ Công Phụng đề tựa, Sông Hồng xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Tất cả gồm 10 ca-khúc, phổ từ thơ Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, TTKH, Viên Linh, Mùi Quí Bồng và Nguyễn Đức An. Bài sáng nhất trong tập là bài *Đường vào tình sử*, giữ được không khí thơ.

Sách dày 50 trang khổ lớn, giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Sông Hồng, P.O. Box 1219 Newberry, Florida 32669, USA.

Nhà văn già và cô bé gù

Tập truyện của Thế Uyên, Xuân Thu xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tất cả gồm 8 truyện ngắn, lấy bối cảnh xã-hội nhiều nơi, và một trung-tâm-điểm, là tác-giả. Gọi là truyện, nhưng nhiều màu sắc tự truyện. Trên nhiều trang sách, đã thấy dấu vết của một sự vùng-vẫy. Tác-giả vẫn luôn luôn tìm cách thoát khỏi sự ám-ảnh của chính mình để tạo một hướng nhìn mới, từ ngoài vào.

Sách dày 208 trang, giá 11 mỹ-kim. Liên-lạc: Xuân Thu.

Chàng

Tập thơ thứ hai của Bích Xuân (Văn Bút TT Âu-châu), tác-giả xuất-bản tại Pháp năm 1996.

Thơ Bích Xuân hồn nhiên, hơi làm dáng, nói chung, rất "nàng."

Tập thơ dày 114 trang, không đề giá. Liên-lạc: Bích Xuân, 1 Allée Camélinat, 94800, Villejuif, France.

Lỡ

Tập thơ Bạch Tùng Linh, nhiều bài được Dạ Uyên Hoàng Tưởng dịch sang Anh văn, tác-giả xuất-bản tại Na-uy năm 1996.

Tác-giả đưa cuộc đời, với những suy-tưởng sâu thẳm về một cuộc chiến chưa tàn, vào toàn bộ tác-phẩm. Thơ, nhiều đoạn hùng hồn cứng cỏi như hịch.

Tập thơ dày 102 trang khổ lớn, không đề giá và địa-chỉ liên-lạc.

Dấu xưa

Thơ Nghiêu Minh, ảnh bìa của

Phạm Nhã Dự, phụ-bản Đinh Cường, Vũ Hối, Nguyễn Quốc Tuấn, Lê Triều Điển, Sông Thu xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Thơ Nghiêu Minh hồn hậu nhưng chải chuốt, phần lớn khá đều tay, ý tưởng mới, cách diễn-tả tinh xảo.

Tập thơ dày 130 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Nghiêu Minh, 8001 Bradley Blvd., Bethsda, MD 20817, USA.

Tư-tưởng Phật-giáo trong văn-học thời Lý

Khảo-luận của Nguyễn Vĩnh Thượng, Hiện Đại xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1996.

Tác-giả tốt-nghiệp cử-nhân Triết tại Đại-học Văn-khoa và Phật-học tại Đại-học Vạn Hạnh, Sài-gòn; nguyên giáo-sư Trung-học Pétrus Ký và Sư-phạm Sài-gòn.

Sách đề-cập tư-tưởng thiền-tông, mật tông và tình thiền trong văn-học đời Lý.

Sách dày 150 trang, giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Nguyễn Huệ Quang Trung

Biên-khảo của Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Hội Ái-hữu Quang Trung xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1989, nhân 200 năm chiến-thắng Đống Đa.

Tác-giả ghi lại bối cảnh lịch-sử Việt-nam thời Tây sơn khởi nghiệp, đánh thắng giặc Xiêm, giặc Thanh, tái-thiết quốc-gia, đặt kế-hoạch đòi lại lưỡng Quảng, v.v. Một tài-liệu lịch-sử khả dụng.

Sách dày 110 trang, giá 7 mỹ-kim. Liên-lạc: Hội Quang Trung, 2929 Bingle, Houston, Texas, Hoa-kỳ.

Nỗi lòng cô phụ

Tập thơ Hoàng Xuyên Anh (Văn Bút TT Bắc Cali), xuất-bản năm 1995 tại Hoa-kỳ.

Tác-giả, tên thật Ôn Quế Anh, xuất-thân giáo học tại Vĩnh-bình. Xúc cảm trước cái chết của ba đứa con, và bản thân bị tàn phá trong một tai nạn máy bay, và sau đó chồng mất về bạo bệnh, bà đã bắt đầu dùng thơ làm lẽ sống.

Hơi thơ Hoàng Xuyên Anh trong nhiều bài, rất mạnh. Vần gieo chỉnh và sắc.

Tập thơ dày 148 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Hoàng Xuyên Anh, 2609 E. Olivera Rd., Concord, CA 94519, USA.

Văn Bút Âu châu (tập 3)

Tuyển tập thơ văn nhạc, Trung tâm Âu châu, Văn Bút VNHN, Mạnh Bích và Hoài Việt biên-tập, Viên Giác xuất-bản tại Đức năm 1996.

Góp văn, có Hương giang Thái Văn Kiểm, Trần Phong Lưu, Nguyễn Vĩnh Tráng, Đan Hà, Nguyễn Quí Nhơn, Hồ Trường An, Nguyễn Mạnh Thường, Huy Giang, Huyền Châu, Đặng Mai Lan, Vũ Nam, Trương Hữu Lương, Hoài Việt, Trần Quang Hải, Phù Vân, Mạnh Bích, Lê Đình Thông, Bình Phương và Bùi Hạnh Nghi,

Góp thơ, có Hoài Khê, Huy Giang, Nguyên Hoàng Bảo Việt, Đan Hà, Bích Xuân, Hồ Trọng Khôi, Tùy Anh, Hồ Trường An, Huyền Thanh Lữ và Hoài Việt.

Góp nhạc, có Vũ Thái Hòa và Mạ.

Sách dày 408 trang, không đề giá.

Liên-lạc:

Trung Tâm Âu-châu, Văn Bút VNHN,

C/o Mr. Trần Văn Ngô

53 Rue de l'Al Mouchez

75013 Paris

France.

Gót chân huyền ảo

Thơ Lê Phụng Thiên (Văn Bút TT Ontario, Gia-nã-đại) và P.T. Ca Hát, bìa Hiếu Đệ, phụ-bản Nguyên Hạo, Song Ca tái bản lần thứ nhất tại Gia-nã-đại năm 1996.

Gót chân huyền ảo đã in vết trong vườn thơ Việt-nam lần thứ nhất năm 1968. Khi tái bản, tác giả cho in đúng bản chữ cũ, không sửa chữa. Lời thơ Lê Phụng Thiên rắn rỏi nhưng trữ tình.

Tập thơ dày 96 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Lê Phụng Thiên, 1343 Ambridge Way, Ottawa, ON K2C 3T3, Canada.

Tan rã

Truyện dài của Cao Xuân Lý, tác-giả xuất-bản tại Úc năm 1991.

Truyện lấy bối-cảnh xã-hội Việt nam đầu thập niên 70 cho tới khi cộng-sản Bắc Việt sắp tiến vào Sài-gòn. Bút pháp Cao Xuân Lý chừng mực và linh hoạt. *Tan rã* là một tác phẩm đáng đọc.

Sách dày 214 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Làng Văn.

Chén đắng

Tập thơ của Trần Ngân Tiêu, Nguyễn Hữu Nghĩa viết phần giới-thiệu, Văn Hiến xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Thơ và truyện Trần Ngân Tiêu đã được độc-giả đón-nhận ấm áp từ đầu thập-niên 90 đến nay. Những bài thơ thời thế của ông có lửa, phần lớn rất tích cực.

Tập thơ dày 100 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Trần Văn Quý, 9434 Brownwood Ct., Oviedo, FL 32765, USA.

Thuốc đắng

Tập biếm thi của Trần Ngân Tiêu, tranh bìa và khá nhiều biếm họa của Hiếu Đệ, Văn Hiến xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Thơ trào phúng của Trần Ngân Tiêu rất độc. Thơ đánh từ đại sứ VC ăn cắp sò, đến sao rỉ NCK tuyên bố ly khai quốc gia, qua vụ ếch sông Đà bắt cặp bị nhà nước quay phim lén, cho tới vụ Viên Linh xú chủ ngửa tay cầm hai trăm đô của thượng sư, rồi về cạo sửa điều lệ Văn Bút, v.v.

Tập thơ dày 100 trang, giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Trần Văn Quý, 9434 Brownwood Ct., Oviedo, FL 32765, USA.

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN
nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương (xem danh-sách địa-chỉ dưới đây).

GIÁ BÁO DÀI HẠN
(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:		
	đường hàng không:	75 gia-kim
	đường bộ:	55 gia-kim
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không:	75 mỹ-kim (105 GK)
	đường bộ:	55 mỹ-kim (77 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không:	85 mỹ-kim (120GK)
	đường thủy:	55 mỹ-kim (77 GK)

Ghi-chú:
- GK: gia-kim: CA$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US$ (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 38 bảng/ hàng-không 65 bảng.
Đan-mạch:	đường thủy 450 đan-kim/hàng không 600 đ-kim
Đức:	đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đ-mã.
Hòa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.
Na-uy:	đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 6500 yen/hàng-không 11000 yen
Pháp:	đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.
Úc:	đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 120 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quí độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quí vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	**Na-uy:**	**Hòa-lan:**	**Úc:**
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Lyster 77	P.O. Box 225
44041 Dortmund	1253 Oslo	1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177
(ĐT: 656-949)	(ĐT: 9288-8393)	(ĐT: 0229-231-666)	(ĐT: 02-9823-6129)

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quí vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,..).

Quí độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quí vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

.....

.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:
"LÀNG VĂN"
P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quí độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỞ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS hoặc VNU). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNU (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quí tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ *"riêng"* ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ *"không sửa"*.

5. Bài đã ghi vào cột *"sẽ đăng"*, muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quí đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: *(Làng Văn số...)* ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYÊN HƯƠNG phụ-trách

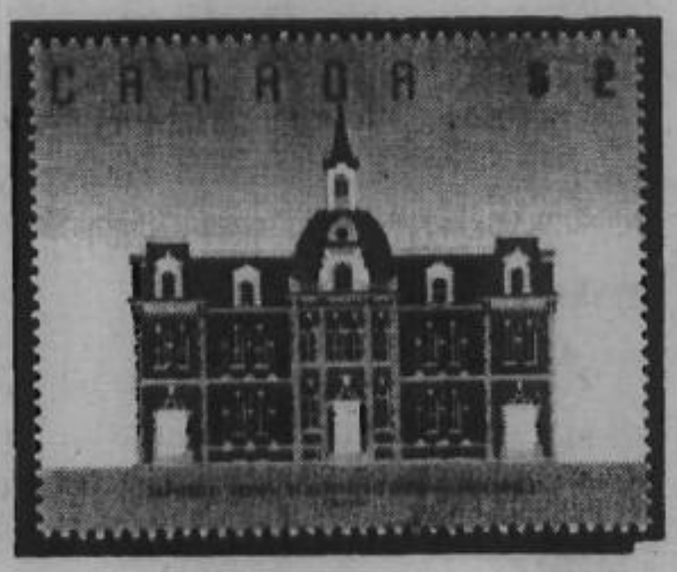

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quí độc giả có tên sau đây vui lòng cập-nhật địa chỉ mới. Tòa soạn không gửi lại những số báo bị trả về, ngoại-trừ có lời yêu cầu, kèm theo 4$ tem (2$ bồi hoàn tem phạt và 2$ tem gửi lần thứ hai):

Hoàng Trương Ngọc Thúy (Đức); Trọng Nghĩa (Cali); Huỳnh Kim Hoa (CA), Báo Thế-kỷ 21; Triệu Học Cương, Đức;

Công tử Hà Đông, VA: *Tại ngục vịnh Kiều* và 2 bộ *Kiều Giang* đã lai kinh. Mong công tử sớm nhận được. Kính.

Ông bà Nguyễn Nhạn Sơn, MB: *Chuyện lạ* biến thành loạt bài viết về di tích, kỳ quan, hữu ích hơn. Về bài giới thiệu *Xóm cũ*, xin tuân lời ông bà, Bếp sẽ ra tay.

Mừng ông có thêm việc. Đó cũng là loại công việc Bếp vẫn làm thêm ở đây để kiếm chút ngoại bổng. Kính.

Thi sĩ Sáo Bạc, Florida: *Thuốc đắng* ra mắt một lúc với *Chén đắng*, đắng đi với đắng thì thành... đăng đắng, nghĩa là bớt đắng đi! Chúc mọi chuyện thành công, vui vẻ. Thân.

Bạn LXH, Cali: Cảm ơn bạn đã có lòng quí mến và bảo vệ người làng. *Hai vợ chồng cái mụ nào đó viết sách chửi đổng hàng loạt văn-nghệ-sĩ* mà bạn kể trong thư, nay đã trở mặt chửi lẫn nhau rồi. Trước nay, NH thấy không cần phải phân giải gì với họ cả. Độc giả ngày nay tinh lắm, và thường khi họ có phản ứng mạnh hơn mình. Vả chăng, khi còn có kẻ xung chàng với mình, phải hiểu là cái đức của mình chưa đủ sáng, cái lực của mình chưa đủ mạnh, và công việc của mình chưa hoàn hảo. Chuyện trước mắt là tiếp tục theo chính đạo và làm tốt hơn nữa những việc phải làm.

Mong có dịp gặp bạn, nói chuyện nhiều. Thân.

Doãn Thanh Hùng, Thái Lan: Mừng em đã thoát hẳn cảnh tù đày và bắt đầu xây dựng cuộc đời mới, dù hết sức vất vả. Thay vì tìm cách sang Tân Gia Ba kinh doanh, em nên nỗ lực giúp những người bạn Miến tranh đấu cho đất nước họ. Giúp người, người giúp ta. Đó là một cách vừa đầu tư, vừa học hỏi kinh nghiệm, vừa nuôi chí, tu thân.

Biết em là người có chí lớn, NH mới khuyên chọn con đường gai góc mà đi. Làm giàu thì dễ hơn, nhưng chỉ e khi thành công rồi, DTH ngày mai không còn là DTH hôm nay nữa!

Đã gửi cho em một ít sách. Rán viết lại và giữ mối liên lạc. Thân.

Ông Nguyễn Hiền, Hòa Lan: NH không nói đến truyện *Một lần gặp lại* đã trả lời trên LV số 129, mà là *Người khách chiều hôm ấy* gửi trùng với *TK21* cơ. Về sau, xin ông để ý cho.

Anh Nguyễn Lê Hồng Hưng, Hòa Lan: Đã gửi sách sang Hòa Lan cho anh. Mười năm trước, anh hỏi có nên viết một loạt truyện về xứ người, nhân những ngày "trôi sông giạt chợ" của anh trên khắp các biển. Nay, nếu anh còn thấy thích, xin bắt đầu đi. Thân.

Nhà văn Việt Thao, San Jose: Chúc mừng ông đã hồi phục sau mấy tháng bị con tim hành hạ. Cảm ơn đã trả lời hộ hai câu hỏi liên quan đến bài vở. Kính.

Nhà văn Đông Nghi, Montréal: Đã nhận được *Này cô em con cháu Ghandi*, cảm ơn anh. Cô em nào mà da dẻ "mặn mà" hơn bánh mật vậy?

Tiện đây, nhắn Phạm Tâm Phố hộ anh: "liên lạc gấp với anh bạn đi ngông". Thân.

Thảo Nguyên, Hương Cảng: Cảm ơn anh về tài liệu về bài thơ cũ. Đúng thứ đang cần. Cố gắng "bám trụ" cho qua giai đoạn chót, có khi lại thành công dân của Nữ hoàng!

Những chuyện anh kể, NH biết lâu rồi nhưng không đề cập vì không muốn anh em bên trại phải hoang mang. Hơn nữa, nó chẳng dính dáng gì đến quyền lợi của người tị nạn mà chỉ chứng tỏ tư cách của những người ấy. Anh cứ yên tâm. Cảm ơn anh. Thân.

Thi sĩ Vạn Lam, Montreal: Cảm ơn ông đã hết lòng tin tưởng. Anh em LV không bao giờ *thay lòng* (tất nhiên không kể một vài người *đổi dạ*, không còn là anh em nữa). Kính.

Thi sĩ Trần Vấn Lệ, Los Angeles: Cảm ơn về lời vấn an ông cụ. Cụ chưa vẽ lại được, nhưng nguy hiểm đã qua, sức khoẻ bắt đầu hồi phục. Sẽ gửi bài Norway cho đọc. Thân.

Nhà hàng Hạ Long, Montréal: Đã đăng bù một kỳ quảng cáo trên số này. Mong quí vị nhận được.

Mỹ Phương, St. Paul: Cụ Sắc Không chỉ viết riêng cho LV. Vì nhu cầu phổ biến, tòa soạn có thể cho đăng lại một số bài của cụ trên một số báo bạn, khi thấy cần.

Trường hợp ông HTA, tòa soạn đã thôi nhờ làm công tác tổng thư ký đã lâu (Bếp Mập kiêm nhiệm), nhưng vẫn để tên ông An vì mối giao tình, vì ông An vẫn gửi bài đều đặn, và vì

cùng chung quan điểm chính trị. Cho đến khi ông An tham chức (phó III) của Viên Linh, tòa soạn mới chính thức bỏ tên ông ra khỏi công tác tổng thư ký LV.

Nay (145), khi biết chắc ông HTA đã thay đổi lập trường chính trị, trực tiếp tiếp tay Đặng Văn Nhâm phá hoại Văn Bút Âu Châu, tòa soạn mới chấm dứt hoàn toàn mọi liên lạc với ông ta.

Cảm ơn Mỹ Hương đã "nhắc nhở" tòa soạn làm một việc phải làm.

Bà A. Niên, Úc: Đã chỉnh mã số bưu chính cho bà. Bếp Mập gửi lời cảm ơn bà về sự quí mến. Kính.

Nhà văn Phạm Thăng, AB: Hoá ra tác giả *Tiền tệ Việt-nam* lẳng lặng đi mổ. Nay mọi sự đã "lành", cho NH gửi lời chúc mừng. Kính.

Bạn Tăng Sở Dương, Hương Cảng: Cảm ơn bạn về 3 tấm ảnh trại. Quả thật, Tai A Châu là trại ti nạn văn minh nhất trong các trại tù tị nạn ở Á châu.

Chờ địa chỉ mới của bạn ở Whitehead.

Nhà văn Nguyễn Hữu Nhật, Na Uy: Anh viết vỏn vẹn mấy chữ *"Anh N. sang Canada ra mắt sách"*. Vậy thôi? Thêm một chút chi tiết, để bên này còn kịp ...dàn chào (thứ thiệt) nữa chứ. Kính.

Ông Trần Quang Sang, Tân Tây Lan: Cảm ơn đã cho địa chỉ thư viện. Đã gửi sang một tờ báo, nhờ cổ động hộ. Mong có dịp bắt tay với "Hội bảo vệ trẻ em và gia đình Việt nam."

Phạm Hạo Tri, Áo: Tiếng Anh (ở Gia Nã Đại và Mỹ) không nối vần rõ và mạnh như tiếng Pháp và hay tiếng Anh chính gốc. Cháu chỉ cần đọc rõ các phụ âm cuối của từng chữ là đủ.

Nguyên Kha, Hương Cảng: Mừng em sắp ra tù. Ra tù rồi đi đâu? Lúc đó không còn trại tị nạn, chắc là về VN?

Đọc thư, thấy em đã vững chãi hơn trước nhiều. Rất mừng. Cố gắng thực hiện những điều đã viết trong thư. Mong có ngày gặp em trong hoàn cảnh tự do, quê người hay quê nhà. Thân.

Khuyên Dương, Hickory: Đã nhận được bài thứ hai của em. Tiếp tục viết đi. Nghĩ được gì, thấy có sức thôi thúc thì đặt bút viết ngay, đừng bao giờ chờ đợi...

Ngoài bài vở, em muốn viết thư cho NH hàng ngày cũng được, viết về bất cứ điều gì, bao nhiêu trang NH cũng đọc. Trước hết, hãy viết về Hickory của em: địa thế, phong cảnh, con người, tình cảm của em, về hoàn cảnh xui em đến Hickory, về gia đình người bảo trợ, về công ăn việc làm (hay đi học) của em.

Không có tuổi nào gọi là "già" cả, KD ạ. Không một ai "quá date" trên trái đất này, nếu tìm được cho mình một lý do để sống và giúp ích.

Rất mong một ngày nào đó, chiếc xe *van* viễn du của NH sẽ có dịp ngang qua Hickory, tạt ngang trao cho em một tờ báo mới, uống với nhau một tách trà, ngồi với nhau một lúc. Biết đâu!...

Nguyên Khanh, Na Uy: Đã nhận được bài cảm khái của bạn. Thôi, quên cái thùng rác đó đi, để tâm hồn thanh thản mà làm thơ. NH có ông bạn ở Cali, tay cầm cờ nghĩa. NH đi "kiện" hộ bạn, yêu cầu phết cho hắn dăm cán cờ, chờ xem nhé.

Đã gửi tặng bạn thêm hai số 106. Cứ gửi thử đĩa bài viết bằng MacIntosh, NH sẽ tìm cách đọc thử (hi vọng là đọc được). Thân.

Nguyệt Cầm, BC: Sẽ đọc kỹ "phần đời của Nguyệt Cầm trẻ." Có hứng cứ viết, và gửi. Dù không lên báo, cũng lời được một tác phẩm. Thân.

Trọng Nghĩa, Mộng Lan, CA: Đã nhận được tài liệu, cảm ơn hai em. Chúc mọi việc tốt đẹp. Thân.

Nhà văn Cao Thế Dung, VA: Cảm ơn tiên sinh đã vì người làng, hết lòng nâng đỡ 29 cây bút xuất phát từ LV, trong tập nhận định *"Hai mươi năm Việt Nam hải ngoại."* Mong có dịp gặp lại lâu lâu để trao đổi. Kính.

Thạch Quích, Bangkhen: Cảm ơn anh đã cho tin. NH đã làm tất cả

TIN VUI CHO ĐỘC-GIẢ Ở ÚC-ĐẠI-LỢI

Cơ hội tốt để tái hạn (hoặc bắt đầu mua dài hạn)
Làng Văn với giá thật đặc-biệt:

Một năm (12 kỳ báo, kể cả báo Xuân)
- gửi bằng đường thủy (3 tháng tới): 80 úc-kim (AU$)
- gửi bằng máy bay (7 ngày tới): 120 úc-kim (AU$)

(có thể mua tối-đa 5 năm)

Giá đặc biệt này có hiệu-lực từ nay đến ngày 31.12.1996

Trả bằng ngân-phiếu (money order) tiền Úc
gửi về tòa-soạn:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

những gì có thể làm được để giúp anh và 5 bạn đồng cảnh sớm được về trại. Kính.

Hoàng Chín, Hương Cảng: Cảm ơn bạn đã cho tin. Xin chúc lành.

Ông Lê Ngọc Diệp, IDC Thái Lan: Đã nhận được hồ sơ, đang nghiên cứu để tìm cách giúp ông. Kính.

Ông Lê Trung Lộc, Pháp: Cảm ơn ông đã cho xem và cho nghe hai bài hát mới. Rất "đẹp". Kính.

Nhà văn Nguyễn Tư, Úc: Đã gửi thêm sang anh 50 *Đời lá khô*, kèm phiếu chiết tính.

Ông Thúy Sơn, San Jose: Hàng tháng báo vẫn ra đều, riêng mùa hè NH bận... làm vườn nên phát hành trễ một chút. Xin chịu khó đợi.

Các bài ông gửi, NH đã nhận đủ, sẽ lần lượt trình làng. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Đào Văn Bình, Dương thị Vành Khuyên, Thái Văn Kiểm, Hương Cau, Nguyễn Lương Tuyền, Ngô Thanh Tâm, Mõ Sports, Hồ Đinh (2), Trần Gia Phụng, Tâm Thanh, Trần Ngọc Nguyên Vũ, Nguyệt Cầm, Hạo Chu, Nguyễn Đức Thanh, Trần Ngân Tiêu.

Thơ: Thảo Nguyên (3), Nguyễn Đức Thanh (2), Nguyễn Văn Cường (3), Đông Nghi, Vạn Giả, Nguyễn Thạch Hà, Trần Vấn Lệ (13) Ông Thế Hùng, Đỗ Đăng Bắc (2), Giang Châu, EP (2), Nguyệt Cầm, Nguyên Khanh, Phan Long Yên (5), Thúy Sơn (2), Vạn Lam, Nguyễn Hải Hà (2), Ngọc Lang (2), Ngô Minh Hằng (3), Sơn Hải (2), Ngọc Hân (2), Phan Xuân Sinh (2), Nam Chi Thượng Nhân (2).

Tranh: Minh

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Chuyện ba vua (TGP), Hạ chí (TT), Bình Thuận (HĐ), Vận động, thể dục và ung thư (NLT), Ngát trong tình ngộ (DTVK), Mùa football (MS), Mùa trăng vỡ (NC), Khối băng tâm (NTT).

Thơ: Bốn phép cho em (PLY), Mơ về trường xưa (NK), Nhớ, Hạ (EP), Chuyện buồn của cát (ĐĐB), Mưa trên núi, Tháng bảy mưa ngâu, Đò ngang Thới Sơn (TVL), Cơn mưa cần thiết (NVC), Vinh danh tình yêu (NTH), Dấu xuân thì (VG), Này cô em... (ĐN), Tưởng gần hoá xa, Mùa sang thu rồi (NĐT), Một nét thu (VL), Cố thu (TS), Khi gió núi đi ngang (NMH), Mơ về thăm Huế (NH), Mưa đổ xuống đời (PXS), Lại hoà hợp (NCTN).

Tranh: Minh.

---

nhắn tin tị-nạn

Giá biểu:

- Miễn phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.
- Đồng-bào tại các nơi khác: 10 mỹ-kim (15 gia-kim) một kỳ; 20 mỹ-kim (30 gia-kim) cho ba kỳ.

Tìm anh là **Nguyễn Cho,** quê-quán ở Quảng-ngãi, trung-úy khóa-sinh khóa 4 Cao-đẳng Kỹ-thuật Công-binh, Quân-đội VNCH, số quân 68/206982. Địa-chỉ của trại tù cải-tạo cuối-cùng được biết là Hòm thư 7590-L6/T4/K3. Theo thư trả lời của Phòng Điều-tra hình-sự Quân-khu 7 (CS) thì anh tôi trốn trại ngày 7.8.1977. Quý vị nào biết tin-tức, hoặc đồng cảnh-ngộ, v.v. xin vui lòng tin về: **Nguyễn Thương,** Stigerasen 39A, 3726 Skien, Norway. Điện-thoại: 35-535-048. Gia-đình chúng tôi xin chân-thành cảm-tạ.

Thạch Rong, trước 1975 ở Tiểu-đoàn 2 Trâu Điên, Thuỷ quân lục chiến VNCH, sang Mỹ ngày 30.4.1975, có vợ và 3 con, có lúc ở số 21222 Maryland Rd., Baltimore, MD (USA). Xin liên-lạc: **Thạch Quích**, PST#10400, House C-2 Sikiew Camp, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand.

Đại úy **Trương Truyện,** Đại-đội trưởng Đại-đội 402 Chiến-tranh Chính-trị VNCH, sau 1975 cải-tạo về ở Sóc-trăng, Hậu-giang, đi Mỹ trong chương-trình H.O. năm 1993. Xin liên-lạc: **Thạch Quích** (địa-chỉ trên).

Tìm bạn **Hoàng Bích Nguyệt,** trước ở trại Tuen Mun, Hongkong, nay định-cư tại Úc. Hãy liên-lạc với **Uyên,** 252 Queen St. East, #9, Brampton, Ontario L6V 1C1, Canada - điện thoại: (905) 457-0894 hoặc (905) 796-1270.

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Cụ TRẦN VĂN THÀNH

Nguyên Tổng Thanh-tra hãng Shell/VN

thân-phụ anh Trần Hữu Nhứt, giám-đốc nhà sách Việt-nam (Toronto), đã qua đời ngày 27.7.1996 tại California (Hoa-kỳ), hưởng thọ 67 tuổi.

Thành-kính phân ưu cùng anh chị Nhứt và quí tang quyến. Kính chúc hương linh cụ sớm về nơi an-lạc đời đời.

Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Cụ bà
TRỊNH CÔNG SÁNG
khuê danh
Maria Nguyễn Thị Hồng

nội tổ mẫu của LS Trịnh Quốc Toản, đã từ-trần ngày 5.8.1996 tại Montréal, Gia-nã-đại, hưởng thọ 102 tuổi.

Xin phân ưu cùng anh chị Toản và quí tang quyến. Cầu nguyện linh hồn cụ bà sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa
Nguyên Nghĩa & Đặng Nhung

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Cụ Antôn
NGUYỄN ĐỨC CHIỂU
nguyên Tỉnh trưởng Ninh-bình
nguyên thành-viên Thượng Hội-đồng
Quốc-gia Việt-Nam

nhạc-phụ nhà văn Trà Lũ Trần Trung Lương, đã từ-trần ngày 23.7.1996 tại Roma, Ý-đại-lợi.

Xin phân ưu cùng anh chị Trà Lũ và quí tang quyến. Cầu nguyện linh hồn cụ ông sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

Văn Bút VNHN, Trung-tâm Ontario
Gia-đình Trịnh Quốc Toản

Băng và đĩa nhạc mới về:

Hát cho những bà mẹ Việt Nam
Tiếng hát Chế Linh
Tape: US$5 - CA$7.50

Bóng hồng Việt Nam
Tiếng hát Sơn Ca
Tape: US$5.0 - CA$7.5

Chiều đồng quê
Tiếng hát Hương Lan
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Dân ca ba miền
Tiếng hát Thanh Lan
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Hoa lan giữa tóc thề
Tình khúc Mộng Lan
phổ thơ Nguyên Sa, Nhã Ca, Vũ Kiện, Cung Vũ, Trần Thiện Hiệp,...
Giọng ca: Quỳnh Hương, Trọng Nghĩa
Tape: US$9.0 - CA$13.5
CD: US$10.0 - CA$15.0

Kiếp cầm ca
Tiếng hát Phương Dung
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Qua ngõ nhà em
Giọng ca: Hương Lan, Phương Lam
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Quỳnh hương
Giọng ca: Thanh Hà, Ý Linh
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Sao em nỡ vội lấy chồng
Giọng ca: Chế Linh - Thanh Tuyền
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Yêu người khôn nguôi
Tiếng hát Thanh Lan
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Ta và vũ trụ
Thơ Phật giáo phổ nhạc
Giọng ca: Hà Thanh, Thanh Tuyền, Trọng Nghĩa
Tape: US$6.0 - CA$9.00
CD: US$10.0 - CA$15.0

Tình khúc hồi hương
tình ca, tiếng hát Phạm Anh Dũng
CD: US$6.00 - CA$9.00

Tình yêu trong mắt một người
Tình khúc Trúc Phương
Tiếng hát Chế Linh
Tape: US$5.0 - CA$7.50

Độc-giả dài hạn Làng Văn khi mua băng, đĩa, được bớt y như mua sách.

sách mới về ...

BỔ-TÚC THƯ-MỤC LÀNG VĂN 1996

20 năm văn học hải ngoại
Thơ, văn, tranh, ảnh... nhiều tác giả (bộ 2 cuốn, bìa cứng)
US$60.00 - CA$90.00

25 năm khói lửa
Hồi ký Lý Tòng Bá
US$15.00 - CA$22.50

1001 đêm
Truyện cổ tích (2 cuốn)
Nguyễn Quân
US$22.00 - CA$33.00

An lạc từng bước chân
Sách tâm linh, Nhất Hạnh
US$13.00 - CA$19.50

Ấn tục nói phét
Tạp văn Tám Sạc Ne
US$8.00 - CA$12.00

Ấn Độ huyền bí
sách dịch
US$14.00 - CA$21.00

Ba chị em nhà họ Tống
Truyện dài
Nguyễn Vạn Lý
US$14.00 - CA$21.00

Ba người con gái Lương phu nhân
Pearl Buck
US$13.00 - CA$19.50

Bài quyền Karate
Võ thuật, Hạ Quốc Huy
US$7.00 - CA$10.50

Bên kia cuộc cách mạng 1945: Đế quốc VN
Biên khảo
Vũ Ngự Chiêu
US$10.00 - CA$15.00

Bí ẩn giấc mơ
Bói toán
US$11.00 - CA$16.50

Bí quyết hạnh phúc của hôn nhân
Trần Mỹ Duyệt
US$7.00 - CA$10.50

Bí quyết thành công tại hải ngoại
Lê Bá Kông
US$13.00 - CA$19.50

Bóng đèn tà nguyệt
Truyện dài
Hồ Trường An
US$16.00 - CA$24.00

Bồ tát Huỳnh Phú Sổ & Phật giáo thời đại
Lê Hiếu Liêm
US$16.00 - CA$24.00

40 truyện Trạng Quỳnh
Nguyễn Đức Hiển
US$7.00 - CA$10.50

Bức tượng thanh nữ
Truyện ngắn
Hoàng Du Thụy
US$10.00 - CA$15.00

Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở VN
Tài liệu, Ng. Xuân Thọ
US$20.00 - CA$30.00

Bước qua ngưỡng cửa hy vọng
ĐGH Gioan Phaolô II, một số dịch giả
US$10.00 - CA$15.00

Chân trời lam ngọc II
Tạp văn Hồ Trường An
US$13.00 - CA$19.50

Chỉ hồng
Truyện dài
Hà Bình Trung
US$12.00 - CA$18.00

Chuyện cấm đàn bà
Truyện cười
Đặng Trần Huân
US$15.00 - CA$22.50

Chuyện cười nửa đêm
Truyện cười
Phan Quế Phương
US$7.00 - CA$10.50

Con cá bảy màu
Truyện thiếu nhi Anh-Việt, bìa cứng, màu
US$20.00 - CA$30.00

Cô Ba Trà
Truyện dài Xuân Vũ
US$16.00 - CA$24.00

Cổ học tinh hoa
Cổ văn (2 cuốn)
Nguyễn Văn Ngọc
US$13.00 - CA$19.50

Cổ Phật tâm đăng
Truyện kiếm hiệp
Kim Dung (bộ 4 cuốn)
US$45.00 - CA$67.50

Cơ sở Mật giáo Tây Tạng
Trần Ngọc Anh
US$16.00 - CA$24.00

Dấu khắc hoa mai
Truyện dài Quỳnh Dao, Ái Cầm dịch
US$10.00 - CA$15.00

Dấu vết văn hoá Việt
Phạm Quốc Bảo
Tập I: US$15- CA$22.5
Tập II: US$16 - CA$24

Dưa cà mắm muối
Truyện ngắn
Hà Thúc Sinh
US$6.00 - CA$9.00

Đạo Đức Kinh
Biên khảo Nghiêm Toản
US$16.00 - CA$24.00

Đạo Phật đi vào cuộc đời
Sách tâm linh Nhất Hạnh
US$11.00 - CA$16.50

Đi tìm sự thành công trong quản trị
Kiến thức phổ thông
Thomsa J. Peters
US$18.00 - CA$27.00

Địa lý biển Đông với Hoàng Sa, Trường Sa
Tài liệu Vũ Hữu San
US$15.00 - CA$22.50

Đong đưa cuộc tình
Truyện ngắn Song Thao
US$12.00 - CA$18.00

Em học chữ Việt
Bút Chì & Nguyễn Nhật Tân
US$12.00 - CA$18.00

Em phải sống
Truyện ngắn Duy Lam
US$12.00 - CA$18.00

Giang Thanh toàn truyện
Diệp Vĩnh Liệt,
Vũ Kim Thoa dịch
US$14.00 - CA$21.00

Hai nhăm năm ấy
Thơ, Hoàng Ngọc Thanh Dung
US$5.00 - CA$7.50

Hán Sở tranh hùng
Mộng Bình Sơn dịch
US$18.00 - CA$27.00

Hãy hiểu tình em
Truyện dài Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$12.00 - CA$18.00

Hậu Tây Du Ký (3 cuốn)
Cổ văn, Khổng Đức
US$30.00 - CA$45.00

Hoa địa ngục
Thơ, song ngữ Việt - Anh, Nguyễn Chí Thiện
US$25.00 - CA$37.50

Hoa thơm cỏ lạ
Tuyển tập truyện dịch
Ng. Thị Chân Quỳnh
US$12.00 - CA$18.00

Hoa trôi trên sóng nước
Thiền học,
Nguyên Phong
US$13.00 - CA$19.50

Hồ Chí Minh chính truyện
Truyện thơ
Lê Quang Khôi
US$10.00 - CA$15.00

Hồi ký ĐGH John Paul II
Duy Nguyên dịch
US$18.00 - CA$27.00

Hồi ký Nguyễn Xuân Chữ
US$18.00 - CA$27.00

Hương vị quê hương
Song ngữ Anh-Việt
Trần Văn Điền
US$5.00 - CA$7.50

Khám phá những bí ẩn của điềm chiêm bao
Michael Halbert
US$ 8.00 - CA$12.00

Khói lam cuộc tình
Truyện dài
Quỳnh Dao, Liêu Q.Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Kitô giáo dưới mắt một Phật tử
Nhận định tôn giáo
Đại sư Buddhadasa
US$12.00 - CA$18.00

Kiếp phù sinh
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Nga
US$13.00 - CA$19.50

Lịch sử thế giới
Biên khảo, Nguyễn Hiến Lê & Thiên Giang
US$25.00 - CA$37.50

Lòng tin Âu Mỹ đấy
Nhận định tôn giáo
Trần Quý
US$16.00 - CA$24.00

Luân hồi
Sách tâm linh
Chánh Trí Võ Văn Dật
US$12.00 - CA$18.00

Lý luận và phê bình (20 năm văn học ngoài nước)
Nhận định Bùi Vĩnh Phúc
US$27.00 0 CA$40.50

Ma đầu Hồ Chí Minh
Truyện dài
Hoàng Quốc Kỳ
US$12.00 - CA$18.00

Mật giáo thâm thâm nội nghĩa
Thần học Pram Nguyên
US$18.00 - CA$27.00

Món ăn bài thuốc II
Kiến thức phổ thông
DS Bùi Kim Tùng
US$8.00 - CA$12.00

Mưa xuống cuộc đời
Truyện dài, Ngọc Anh
US$16.00 - CA$24.00

Nam quốc sơn hà
Truyện dã sư (5 cuốn)
Trần Đại Sỹ
US$70.00 - CA$105.00

Nghệ thuật nấu ăn chay
Sách dạy nấu ăn
Nguyễn Thị Phụng
US$7.00 - CA$10.50

Ngõ thoát
Truyện dài Vĩnh Hảo
US$15.00 - CA$22.50

Ngọn cỏ ven sông
Truyện dài Quỳnh Dao
US$13.00 - CA$19.50

Nguyễn Trung Trực trên đất Kiên Giang
Tài liệu
Ly Châu Lý Minh Hào
US$12.00 - CA$18.00

Nho sĩ đô vật
Biên khảo phong tục
Toan Ánh
US$10.00 - CA$15.00

Những chuyện cần được kể lại
Hồi ký
Phan Nhật Nam
US$12.00 - CA$18.00

Những cuộc tình Hương Cảng
Truyện dài Nghiêm Thẩm, Miêu Khả Khanh
US$12.00 - CA$18.00

Niềm riêng
Truyện ngắn,
nhiều tác giả
US$14.00 - CA$21.00

Nỗi ám ảnh của quê hương
Tùy bút, Đỗ Thúc Vịnh
US$8.00 - CA$12.00

Nụ non trên nhành khô
Truyện ngắn
Trần Quán Niệm
US$12.00 - CA$18.00

Ở một nơi nào
Truyện ngắn nhiều tác giả
US$20.00 - CA$30.00

Phật pháp thực hành
Nhiều tác giả
US$12.00 - CA$18.00

Phong thủy về nhà ở và cơ sở buôn bán
Đoàn Văn Thông
US$12.00 - CA$18.00

Phương pháp tân dưỡng sinh
Kiến thức phổ thông
US$8.00 - CA$12.00

Qua cơn bão dữ
Hồi ký vượt biên
Kim Hà
US$18.00 - CA$27.00

Quê nhà 40 năm trở lại
Bút ký, Phan Lạc Tiếp
US$15.00 - CA$22.50

Ra biển gọi thầm
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US$12.00 - CA$18.00

Sàn gỗ màn nhung
(sân khấu cải lương)
Tạp văn Hồ Trường An
US$14.00 - CA$21.00

Secret Army, Secret War
Tài liệu về tình báo ở Bắc Việt, Anh ngữ
Sedgwick Tourison
US$20.00 - CA$30.00

Sóng trôi
Truyện ngắn, Ngự Thuyết
US$12.00 - CA$18.00

Sông nước Hậu Giang
Truyện dài Xuân Vũ
US$16.00 - CA$24.00

Tại ngục vịnh Kiều
Biếm văn
Hoàng Hải Thủy
US$12.00 - CA$18.00

Tam quốc ngoại truyện
Tiểu truyện về các nhân vật Tam Quốc
(2 cuốn)
US$20.00 - CA$30.00

Tan rã
Truyện dài Cao Xuân Lý
US$10.00 - CA$15.00

Tạng thư sống chết
Sách tâm linh, Sogyal Rinpoche, Trí Hải dịch
US$18.00 - CA$27.00

Táng xác trôi sông
Truyện dài Hồ Linh
US$10.00 - CA$15.00

Tên tử tù tự xử lý
Tài liệu về vụ án "Xét lại - chống Đảng" liên quan đến hàng chục đảng viên cao cấp thời thập niên 60.
US$15.00 - CA$22.50

Thái ất thần quẻ
Bói toán
US$7.00 - CA$10.50

Thơ Nguyễn Chí Thiện
US$8.00 - CA$12.00

Thơ v.v.. và v.v..
Luận về thơ
Nguyễn Hưng Quốc
US$14.00 - CA$21.00

Thuần phong mỹ tục VN
Biên khảo Sơn Nam
US$10.00 - CA$15.00

Thuật bói bài
Bói toán Linh Việt
US$8.00 - CA$12.00

Thuật thôi miên
Biên khảo Phạm Học Tân
US$7.50 - CA$11.00

Thuật thôi miên
Phạm Học Tân
US$7.50 - CA$11.00

Thuốc trị bệnh từ cây cỏ hoang dại
Sách thuốc Lê Quý Ngưu
US$13.00 - CA$19.50

Thư gửi bạn ta I, II
Tạp văn, Bùi Bảo Trúc
mỗi tập: US$16-CA$24

Thương yêu theo phương pháp Bụt dạy
Phật học, Nhất Hạnh
US$12.00 - CA$18.00

Thức ăn chữa bệnh của Trung Quốc
Đông y Trần Tồn Nhân
US$7.00 - CA$10.50

Thức ăn vị thuốc
Sách thuốc
Phan Kim Huê
US$8.00 - CA$12.00

Tiểu tà thần
Truyện kiếm hiệp, 7 cuốn, Kim Dung
US$63.00 - CA$94.50

Tìm hiểu con người qua tiếng nói, chữ ký, chữ viết
Đoàn Văn Thông
US$12.00 - CA$18.00

Trái tim hoá kiếp
Truyện dài
Hoàng Thị Đáo Tiệp
US$16.00 - CA$24.00

Trầm hương
Thơ thiền, Liễu Nhiên
US$10.00 - CA$15.00

Trăng ảo chim huyền
Truyện dài Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

Trần Lục
Tài liệu về vị linh mục, tác giả công trình xây cất nhà thờ Phát Diệm.
Nhiều tác giả
US$25.00 - CA$37.50

Trên sông Hồng cuồn cuộn
Truyện dài
Nguyễn Tường Bách
US$25.00 - CA$37.50

Trông vời quê cũ:
- ***Miền Bắc***
- ***Miền Trung***
- ***Miền Nam***

Tuyển truyện và bài viết về quê hương đất nước
Nhiều tác giả
Mỗi tập US$12 - CA$18

Truyện cổ dân gian Na Uy
Bạch Liên
US$12.00 - CA$18.00

Truyện cười dành cho các bà
US$6.00 - CA$9.00

Truyện cười hiện đại Trung quốc
US$7.00 - CA$10.50

Truyện cổ nước Nam
Nguyễn Văn Ngọc
US$11.00 - CA$16.50

Truyện mới chọn lọc
Truyện ngắn, Duy Lam
US$12.00 - CA$18.00

Trường sinh luận (Đông Phương)
Ý thuật, H. Ngọc Đính
US$10.00 - CA$15.00

Trường sinh luận (Tây phương)
Y thuật, H. Ngọc Đính
US$10.00 - CA$15.00

Tuyển tập Hà Sĩ Phu
US$12.00 - CA$18.00

Tuyển tập Phụ nữ Việt
Truyện ngắn
Nhiều tác giả
US$10.00 - CA$15.00

Tuyển tập Văn học miền Đông
*** Mùa Thu**
*** Mùa Xuân**
Tuyển tập thơ văn
Nhiều tác giả Văn Bút
Mỗi tập: US$8 - CA$12

Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài trước 45
Truyện ngắn, Tô Hoài
US$13.00 - CA$19.50

Tuyển truyện phiêu lưu mạo hiểm
Anh Việt, Hải Sư & Nguyễn Thị Mỹ Anh
US$7.00 - CA$10.50

Tuyết sơn phi hồ
Truyện võ hiệp
Kim Dung, Tiền Phong Từ Khánh Phụng
US$8.00 - CA$12.00

Tự truyện
Hồi ký Nguyễn Văn Ba
US$10.00 - CA$15.00

Vạn lý trường chinh
Truyện dịch
Nguyễn Vạn Lý
US$13.00 - CA$19.50

Vàng đen
Truyện dài
Nguyễn Dũng Tiến
US$25.00 - CA$37.50

Văn Bút VNHN, kỷ-yếu
Tài liệu về biến-cố Văn Bút VN Hải-ngoại
US$10.00 - CA$15.00

Văn sử y dược trong truyện Kim Dung
Biên khảo Trần Văn Tích
US$12.00 - CA$18.00

Vẻ vang dân Việt I, II, III
viết về những người Việt thành công ở nước ngoài
Mỗi tập US$32 - CA$48

Về ba ông thánh
Nhận định chính trị về Lenin, Mao Trạch Đông & Hồ Chí Minh.
Thành Tín
US$12.00 - CA$18.00

Về vùng chiến tuyến
Hồi ký Lê Xuân Nhuận
US$15.00 - CA$22.50

Vết xước đầu đời
Truyện ngắn
Trần Doãn Nho
US$12.00 - CA$18.00

Viết cho mẹ và quốc hội
Hồi ký Nguyễn Văn Trấn
US$20.00 - CA$30.00

Việt Nam: con người và hành động
Khảo luận Lê Kim Ngân
US$12.00 - CA$18.00

Việt Nam niên biểu 1939 - 1946
Tài liệu, Chính Đạo
US$22.00 - CA$33.00

Việt Nam văn học sử
Biên khảo, Đỗ Văn Gia
US$28.00 - CA$42.00

Việt Nam y học thực nghiệm
Sách thuốc, Đỗ P. Thuần
US$10.00 - CA$15.00

Vòng tay kỷ niệm
Truyện dài, Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$12.00 - CA$18.00

Vùng đá ngầm
Truyện ngắn Hà Kỳ Lam
US$10.00 - CA$15.00

Xem tướng coi tay
Bói toán, Minh Chánh
US$8.00 - CA$12.00

Xếp Al Capone (bộ 5 cuốn)
Trường Sơn Lê X. Nhị
US$91.00 - CA$136.50

Ý Na
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Nga
US$12.00 - CA$18.00

Zen và dưỡng sinh
Kiến thức phổ thông
US$8.00 - CA$12.00

Thư-từ, chi-phiếu đề:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Stn. "U"
Toronto, ON M8Z 5P1
Canada

THIỀN CA PARIS 96

Hãy đến với Thiền Ca Paris 96
để tìm thấy sự thoải-mái và yên-tịnh trong tâm-hồn

Thứ Bảy 21/09/96
từ 14 giờ đến 18 giờ
tại P.A.C.I.
25 Avenue Victor Cresson
92130 Issy-Les-Moulineaux
(MÉTRO MARIE D'ISSY)

- Phần I - **THUYẾT GIẢNG CHỦ-ĐỀ:**

Đời Đạo Song Tu

do Thiền-sư Lương Sĩ Hằng thuyết-giảng (15 phút) và giải-đáp thắc-mắc về Đời lẫn Đạo (1 giờ 45 phút)

Với ước mong trao đến quý đồng-hương một phương-pháp Thiền, Đời Đạo Song Tu để tự phát-triển Tâm-linh

- Phần II - **VĂN-NGHỆ:**

Những áng thơ do Thiền-sư Lương Sĩ Hằng sáng-tác, nội-dung sâu-sắc lý đời lẽ đạo, được các nhạc-sĩ hàng đầu Việt-nam phổ nhạc:

PHẠM DUY, TRẦM TỬ THIÊNG, DUY KHÁNH
và những nhạc-sĩ trẻ NGUYỆT ÁNH, CHÍ TÂM

Với sự hoà-hợp tuyệt-vời giữa thơ Thiền và Nhạc, được trình-diễn bởi các nghệ-sĩ tài-danh đến từ Mỹ-quốc và Âu-châu:

DUY QUANG . NGUYỆT ÁNH
CHÍ TÂM . NGUYỆT LAN
THANH HUYỀN . BẢO THIÊN
LINH TUẤN

Đặc-biệt với sự xuất-hiện của các nhạc-sĩ PHẠM DUY, Danh hài VĂN CHUNG, Nghệ-sĩ XUÂN PHÁT, hai nhà lão-thành trong Cổ-nhạc Việt-Nam: VIỆT HÙNG, HỮU PHƯỚC, hợp cùng Thiên tài đàn Bầu và các đàn dân-tộc: ĐỨC THÀNH

VÉ VÀO CỬA MIỄN PHÍ,
cho giới bạn, nhận vé tại cho từ 13 đến 14 giờ
Hội Ái hữu Võ-Vi Pháp-quốc
và ban Thiền-ca trân trọng kính mời

Association Vô-Vi France - 12 rue Salvadore Allende, 92000 Nanterre, France
VôViLED - P.O. Box 71071, Sunnyvale, CA 94086, USA

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-điển Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,.. Sách và băng học Anh-văn, Quảng-đông, Quan-thoại, Việt-ngữ,.. Sách Tóan, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,.. Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,.. Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,.. Tiểu-thuyết, truyện ngắn,.. Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,.. Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mây, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chưởng, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-điển, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI

HOMELIFE

Home Life / Realty Centre Corp
Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiển)

PHỤC-VỤ TẬN-TÂM, UY-TÍN, ĐỨNG-ĐẮN

MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG

- ❑ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ❑ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ❑ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ❑ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín

2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
Res: (905) 455-2716
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bươm-bướm quảng-cáo

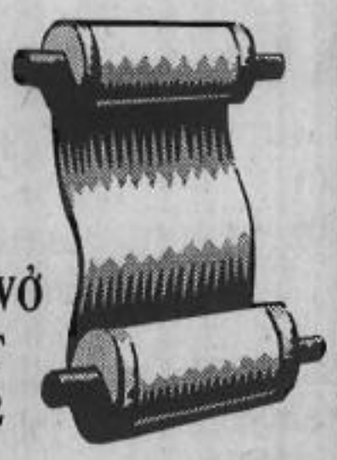

NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỞ BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT
Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442
(Chủ-nhật: (905) 625-9194

NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT

Báo Trào Phúng Tin Tức

và Thông tin

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí : Dương Thu Hương, tác giả « **Những Thiên đường Mù** », được nhóm Đoàn Kết-Diễn Dàn-RFI Việt ngữ hướng dẫn trong dịp viếng Paris. Nhóm này làm đủ cách để ngăn ngừa Dương Thu Hương gặp gỡ riêng Cộng đồng người Việt. Những buổi nói chuyện công cộng của tác giả « **Những Thiên đường Mù** », đều đặt dưới sự kiểm soát, điều hành, kiểm duyệt của Đặng Tiến (hình bên) và Phan Huy Đường. (Đọc Tin Tức 35)

Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn **Le Monde** và nhiều **báo chí Việt và Pháp** đã từng **trích Scoop của Tin Tức** : nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu. Mua dài hạn :
■ 30 US dollars/1 năm. ■ 200 Francs Pháp/2 năm 1/2

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone : 33 1 69 81 75 81 Fax : 33 1 69 53 03 41

Nha Sĩ

OSCAR DALMAO D.D.S. & **MARTHA J. ROMAN** D.D.S.

GUS SPILLAS D.D.S., M.S.D. (Chuyên Khoa Chỉnh Nha - Orthodontist)

(Văn Phòng Nha Khoa chúng tôi cũng đảm nhận Cấy Răng - Implant)

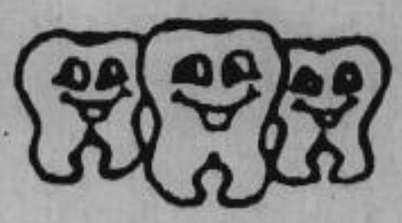

Kể từ ngày 20/8/96 có thêm sự cộng tác của:

Nha Sĩ BÙI THỊ THÚY VY D.D.S.

Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa Toronto

THÔNG BÁO DỜI ĐỊA ĐIỂM
VĂN PHÒNG NHA KHOA ĐƯỜNG BLOOR, TORONTO

Văn Phòng Nha Khoa của chúng tôi ở số 605 Bloor St. W., Toronto nay được dời về địa chỉ mới:

745 Bloor St. West, main floor, Toronto *(gần Christie St.)*

Số điện thoại không thay đổi: (416) 531-5796

Chúng tôi tin rằng quí vị đến chữa răng sẽ cảm thấy thoải mái tại địa điểm mới khang trang hơn.
Hân hạnh được phục vụ các bệnh nhân mới.

2100 Finch Ave. W. # 205, Downsview Tel: (416) 665-9283
2397 Finch Ave. W. # 9, Weston Tel: (416) 746-5811
745 Bloor St. W., main floor, Toronto Tel: (416) 531-5796

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Năm: 10 AM - 7 PM
Thứ Sáu: 8 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 8 AM - 5 PM
Chủ Nhật: 10 AM - 2 PM

Bạn hằng quan-tâm về trận tuyến văn-hóa Quốc-Cộng? Hãy tìm đọc

VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI

(KỶ-YẾU ĐẠI-HỘI KỲ V KHÓA 1 VÀ KỲ V KHÓA 2)

tài-liệu chính-thức, đầy-đủ và trung-thực nhất về "biến-cố" Việt-nam Hải-Ngoại 1995-1996

Xem tại các thư-viện công-cộng trong vùng,
hỏi mua tại các nhà sách gần nhất
hoặc gửi chi-phiếu về Làng Văn
Giá mỗi cuốn 10 mỹ-kim (15 gia-kim) kể cả cước phí

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 ô $120 trọn năm 12 kỳ (2 ô: $200)
bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 ô $120 trọn năm 12 kỳ (2 ô: $200)
bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 ô $60 một kỳ ($600 trọn năm)

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang:	1 kỳ: US$40	3 kỳ: US$30/kỳ	dài hạn: US$25/kỳ
1/4 trang:	1 kỳ: US$70	3 kỳ: US$50/kỳ	dài hạn: US$40/kỳ
1/2 trang:	1 kỳ: US$120	3 kỳ: US$85/kỳ	dài hạn: US$75/kỳ
1 trang:	1 kỳ: US$200	3 kỳ: US$150/kỳ	dài hạn: US$120/kỳ
2 trang:	1 kỳ: US$300	3 kỳ: US$210/kỳ	dài hạn: US$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THỂ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.
- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.
- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada
(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Periodical Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

TORONTO . TORONTO . TORONTO

BS NGUYỄN DUY SẢN
(chuyên-khoa tâm bệnh)
2238 Dundas St. W., #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

BS QUẢN ĐỨC MINH
(toàn-khoa)
28 Dundas St. E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nữ Bác-sĩ gia-đình *(toàn-khoa)*
TRẦN BÍCH CHÂU, MD, CCEP
2100 Finch Ave. W., #105, North York,
ON M3N 2Z9 - **ĐT: 650-6003**

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG
2784 Keele St., #2, North York / **ĐT: (416) 638-6303**
2100 FinchSt.W.,#109,North York/**ĐT: (416) 665-7264**
288 King St.W., Hamilton / **ĐT: (905) 521-0540**

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN
1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN
741 Broadview Ave., #201, Toronto
Ont. M4K 2P6 - *Subway Broadview* ***Phố Tàu Đông***
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG
3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, DDS
888 Dundas St.E., #B6-3, MISSISSAUGA
(Phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
ĐT: (905) 275-5510

Nhà Thuốc Tây
SAIGON PHARMACY
301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-1702

STAR INSURANCE BROKER INC.
1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe - Nhân thọ
TONY VŨ: (416) 650-1702

LUẬT-SƯ
TRỊNH QUỐC TOẢN
1577 Bloor St. W., Toronto
ĐT: (416) 533-8987
(Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

HOANG
BARRISTER & SOLICITOR
LawOffice
Luật-Sư
Nicole THANH-NGOC HOANG
554 Annette St.
Toronto, Ontario M6S 2C2
(Subway Runnymede)
Tel: (416) 767-0016
Fax: (416) 767-4619

GLOBAL
1 HOUR PHOTO LAB
2325 Hurontario St., Mississauga
Tel: (905) 272-9098
Đảm nhận mọi công việc về phim, ảnh

Tin vui cho quí bạn yêu nhạc Việt
MÂY SÓNG
Tuyển-tập ca-khúc mới nhất
của LINH PHƯƠNG
(từ thơ Trần Quốc Bảo, Mai Đảng, Cung Vũ, Vũ Hối, Thanh Hiền, Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung, Hồng Lan)
giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)
Liên-lạc: Làng Văn

Đã phát-hành khắp nơi
trọn bộ 3 tuyển-tập
"Truyện ngắn Xóm Cũ / Làng Văn"

TRÔNG VỜI QUÊ CŨ
. Miền Bắc
. Miền Trung
. Miền Nam

Giá mỗi tập: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)
có thể mua từng tập hoặc:
cả bộ 3 cuốn: 35 mỹ-kim (52,50 gia-kim)
Liên-lạc: Làng Văn

WINDSOR

Bác-sĩ Nhãn-khoa
NGUYỄN BÁ THU TRANG, OD, BSc
. C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
. 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
. 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

OTTAWA

NHA-SĨ
NGUYỄN PHÚ HÒA
267 O'Connor St., # 421
Ottawa, Ontario K2P 1V3
ĐT: (613) 232-6735
Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẫu,
chỉnh răng, rút tủy, răng giả,..

GIÁ BIỂU
đăng quảng-cáo
trên các trang bìa Làng Văn

. Bìa trong (trước hoặc sau), 1 màu:
- 1 ô: $120 một năm (12 kỳ)
- 2 ô: $200 một năm (12 kỳ)

. Bìa lưng (nhiều màu):
- 1 ô: $60 một kỳ
- 2 ô: $110 một kỳ
- 4 ô: $200 một kỳ

Liên-lạc:
các số điện-thoại cuối trang này

QUÍ VỊ PHỤHUYNH MUỐN CHO CON EM HỌC CHỮ VIỆT, TIẾNG VIỆT? XIN ĐÓN MUA

EM HỌC CHỮ VIỆT

(phát-hành:
tháng 10.1996)

theo phương-pháp mới nhất
dành cho trẻ Việt ở hải-ngoại
và người ngoại-quốc
Biên soạn: **Bút Chì**
Minh-họa: **Nguyễn Nhật Tân**
Giá: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Đăng trên tạp-chí Làng Văn,
mẫu quảng-cáo của quí vị sẽ lưu-hành khắp thế-giới

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô $120 TRỌN NĂM (12 KỲ); 2 Ô: $200 TRỌN NĂM (12 KỲ)
Muốn đăng, xin gọi: Nguyên Hương (905) 607-8010, Minh Trang (416) 539-0442 hoặc Nguyên Nghĩa (905) 848-6049

Quí vị đã đọc và cười thỏa-thích với

CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỠ KHỔ
CƯỜI TOE

Không thể không tiếp-tục cười với

CƯỜI TỦM
CƯỜI ĐỎ
của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada

NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.
1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439

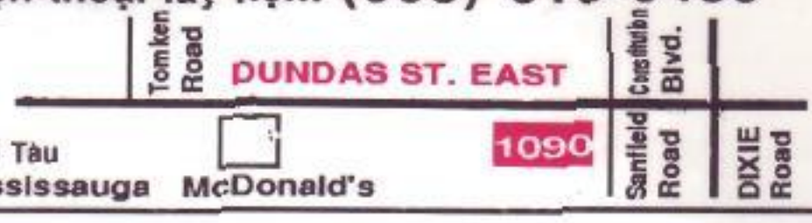

VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC
TRẦN ÁNH TUYẾT
806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256
Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp lên sở thuế qua đường dây điện-tử

Nhận in và phát-hành
các tác-phẩm mới
Xin liên-lạc Làng Văn
để hỏi thể-lệ

GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THẾ LẠC
FRCS (C), CSPQ
TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA
Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn
984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4
Điện-thoại: (519) 753-6477
Làm việc theo hẹn
Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn